

TẠP CHÍ VĂN HỌC CỔ THƠM

NĂM THỨ 27 - SỐ 99 - THÁNG 3, 2023

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:

PHAN ANH DŨNG

dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:

PHAN KHÂM

phanvyle@yahoo.com

TỔNG THƯ KÝ:

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

myhanhdotrang@gmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

<https://cothommagazine.com/wp>

TÒA SOẠN

105 WINDY KNOLL DR

ROCKVILLE, MARYLAND 20850 USA

ĐT: (804) - 387 - 8773

dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. NGUYỄN VĂN BÁ.

ĐỖ BÌNH. ĐIỂM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. TRƯỜNG ĐÌNH.

NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.

PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN.

PHẠM TRỌNG LỆ.

NGUYỄN PHÚ LONG. TUỆ NGA.

PHẠM THỊ NHUNG. Ỡ NGUYỄN.

NGUYỄN VĂN THÀNH23.

VŨ VĂN TÂM.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THỤY.

TRẦN C. TRÍ.

PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

DIỂM CHÂU: California USA

TIỂU THU: Canada

VŨ VĂN TÂM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



TẠP CHÍ CỎ THƠM – NĂM THỨ 28 - SỐ 99 – THÁNG 3, 2023

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO

- 46 – TÀN MẠN CHUYỆN VỢ CHỒNG – LS
NGÔ TĂNG GIAO
- 52 – ĐƯỜNG CỔ NGŨ HAY ĐƯỜNG CỔ
NGŨA? - NGUYỄN PHÚ LONG
- 142 – TÁC PHẨM “VĂN YÊN TĨNH TRÊN MẶT
TRẬN MIỀN TÂY” - PHẠM VĂN TUẤN
- 181 – CHỢ ĐŨI 2 - NGUYỄN PHƯỚC MỸ
THANH France

VĂN

- 4 - VÀI LỜI CHÂN TÌNH - PHAN ANH DŨNG
- 7 – NHỚ SÀI GÒN - VŨU VĂN TÂM Germany
- 11 – VÀI MẪU CHUYỆN TÀN MẠN VỀ GS
NGUYỄN NGỌC BÍCH - TRƯƠNG ANH THỤY
- 21 – ANH ƠI, MÙA XUÂN VỀ – NGUYỄN THỊ
THANH DƯƠNG
- 28 – LỜI NGUYỄN – NGUYỄN LÂN
- 32 – NỖI LÒNG DƯỚI MƯA - DIỄM CHÂU
CÁT ĐƠN SA
- 41 – TÌNH MUỘN – NGỌC ÁNH
- 58 – HAI ĐƯỜNG NGÔI RẼ - NGUYỄN VĂN
SÂM
- 69 – QUA SÔNG MÊ - TRẦN C. TRÍ
- 78 – LỆ HUYỀN – TIỂU THU Canada
- 87 – ĐÁU RỜI CẢNH CŨ NGƯỜI XƯA? -
HỒNG THỦY
- 89 – CHUYỆN LÚC SÁU GIỜ SÁNG - PHẠM
THÀNH CHÂU
- 90 – VIỆT KIỀU VỀ NƯỚC - VÕ PHÚ

- 95 – NƯỚC MẮT CỦA THUYỀN – NHẤT
PHƯƠNG
- 102 – TRỌN NGHĨA PHU THÊ - NGUYỄN MÂY
THU France
- 108 – VẮNG VẮNG BÊN TRỜI TIẾNG HẠC
QUA – NGUYỄN MINH NỮU
- 117 – NỬA ĐỜI CÔ ĐƠN – TRÀM CÀ MAU
- 127 – MÙA XUÂN NĂM ẤY - Ỡ NGUYỄN
- 131 – THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH - NGUYỄN
THỊ NGỌC DUNG
- 139 – TIẾNG CHIM HÓT SAU VƯỜN – PHẠM
XUÂN THÁI
- 151 – HAI GIA ĐÌNH TRONG XÓM NHỎ - TT
THÁI AN
- 158 – BẾN THANH BÔI ĐÊM XUÂN DIỄN
TUÔNG - NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM
- 164 – TÔI ĐI DẠY TRƯỜNG MỸ – THU LÊ
- 173 – TÔI ĐÃ LẠC EM – PHẦN 1 – LÊ MINH
THIỆP
- 188 – QUÊ HƯƠNG ƠI ... – ĐOÀN QUỐC BẢO

THƠ

- 5- XUÂN CẢM / HẸN NHAU LÊN PHỐ MÂY
HỒNG - TUỆ NGÀ
- 6 – NỢ VỚI GIAI NHÂN / DEBT OWED A
BEAUTY – PHAN KHÂM / VƯƠNG THANH
- 10 - THƠ XƯỞNG HỌA – NGUYỄN THỊ NGỌC
DUNG/PHAN KHÂM/HY HOÀNG/QUANG HÀ
- 20– DƯỞNG NHƯ MÌNH TRẺ HẸN – TRƯỜNG
ĐÌNH United Kingdom

20 – CHÚC MỪNG VALENTINE – NGỌC HẠNH
26 – NGÀY TÌNH YÊU – HOA VẪN
27 – XUÂN YÊU THƯƠNG – THÁI HƯNG/ PGH
31 – CẢNH XUÂN NGÀY CUỐI TUẦN ... – KHA OANH
31 – MAI HOA – VƯƠNG THANH
39 – LỜI CHÚC ĐÊM CUỐI NĂM / TÌNH THƠ LẠC XỨ – NGUYỄN VÔ CÙNG
39 – CHIỀU CUỐI NĂM / PHÁP LUÂN – ĐĂNG NGUYỄN
40 – MÂY XƯA – TRẦN QUỐC BẢO *Virginia*
44 – NHỮNG NỤ HỒNG CHO EM – HOÀNG TRUNG DƯƠNG
45 – TƯỜNG NIỆM HAI BÀ TRƯNG – QUANG HÀ
51 – THE HORSEMAN / NGƯỜI CƯỠI NGỰA – WALTER DE LA MARE / TÂM MINH
67 – HAI PHƯƠNG – HOÀNG SONG LIÊM
68 – TÂM SỰ GIỮA ĐỜI - HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT
77- TRĂNG TÀ – ĐỖ THỊ MINH GIANG
94 – TẾT THA HƯƠNG – GITHÉA HOÀNG HY
94 – NÀNG XUÂN / ĐÓN TẾT – MINH THÚY THÀNH NỘI/ GITHÉA HOÀNG HY
101 – TUYẾT TRẮNG CHIỀU ĐÔNG / HẠNH PHÚC – ĐỖ BÌNH *France*
116 – BÈO GIẠT / MÂY TRÔI - Ý ANH
124 - BÁNH BÈO YÊU – Y THY VÕ PHÚ
128 – THƯ CỦA BÀ MẸ GÒI CÔ CON GÁI - MÙI QUÝ BÔNG

138 – ĐỜI CHAN HÒA NHỮNG TIN YÊU/ LIFE IS BATHE IN TRUST AND LOVE – LỆ MAI / THANH THANH
149 - HÂN HOAN – BÙI MỸ HOA
149/150 – DUYÊN THƠ / POETIC PREDESTINED ORIGINATION – HOA VẪN / HƯƠNG CAU CAO TÂN
156 – HÀNH TRÌNH - LÝ HIẾU
157 – ĐỔ VÀO HƯ KHÔNG/ TIẾNG HẠC BAY – TUỆ TRUNG
163 – BUỔI ĐÔNG SANG - LÝ HIẾU

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH

BÌA TRƯỚC & SAU: Tranh THANH TRÍ

68 – THƯƠNG TIẾC – Thơ: HẠ THÁI TQP/

Thư pháp: QUANG HÀ

172 – TRĂNG TRẮNG – Thơ: VŨ HỒI / Thư

pháp: VŨ NHƯỢNG

GIỚI THIỆU SÁCH

201-203 – VIỆT NAM VÀ CÔNG CUỘC DUY-

TÂN - Biên khảo của NGÔ THỊ QUỲ LINH

TƯỜNG NIỆM

192 - PHÂN ƯU GIẢNG SƯ NGUYỄN ĐẠİ DZƯƠNG (1935-2023) – Phu quân của GS/BKG PHẠM THỊ NHUNG

193 -> 200 - HỌA SĨ THANH TRÍ (1939-2023) – Phân Ưu, Tiểu sử, Hình ảnh ...
Bài của Phan Anh Dũng, Tuệ Nga

VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,

Khi tạp chí số 99 này đến tay quý vị thì Cỏ Thơm hân hoan bước vào năm hoạt động thứ 28 tràn đầy hy vọng và niềm tin: chúng tôi vẫn tiếp tục ấn hành tạp chí mỗi 3 tháng cho năm 2023 và vẫn phát triển website Cỏ Thơm <https://cothommagazine.com/wp>

Sở dĩ chúng tôi vui mừng vì quý vị vẫn thân tình ủng hộ tài chính cho năm 2023 theo như lời yêu cầu chân tình trong số trước. Bài vở gửi cho tạp chí kỳ này vẫn phong phú với mọi đề tài về: Xuân, Tết, Lễ Tình Yêu Valentine... và không thể thiếu là về nỗi nhớ quê hương và đau buồn không thể quên ngày 30 Tháng Tư 1975 và những năm sau đó - điển hình qua bức tranh ở bìa sau có tên “Linh Hồn Cửa Biển” của họa sĩ Thanh Trí, thơ và thư pháp “Thương Tiếc” của Hạ Thái TQP và Quang Hà (trang 68), truyện ngắn “Nước Mắt Của Thuyền” của Nhất Phương (trang 95) và “Hai Gia Đình Trong Xóm Nhỏ” của TT-Thái An (trang 151) ... Trang 11 là bài viết của nữ sĩ Trương Anh Thụy để kỷ niệm giỗ năm thứ 7 của Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích (1937-2016), một nhân tài của Việt Nam Cộng Hòa, kiến thức uyên bác, một nhà hoạt động dân chủ đáng kính và rất thân tình với Cỏ Thơm.

Cỏ Thơm hân hạnh có sự góp mặt lần đầu tiên của nhà thơ Tuệ Trung ở Richmond Virginia, nhà văn Nguyễn Đình Từ Lam ở Baltimore, Maryland và Vũ Nhượng, trường nam của cố thư họa gia Vũ Hối - thư pháp của Vũ Nhượng (trang 172) cũng có nét đặc biệt phóng khoáng như thân phụ.

Cỏ Thơm nhận được tin: 1/ Cựu Giảng Sư Đại Học Dược Khoa Sài Gòn và Paris là Ông Nguyễn Đại Dươong đã tạ thế ngày 22 tháng 1 năm 2023 ở Paris, Pháp Quốc. Ông là phu quân của Bà Phạm Thị Nhung, cựu Giáo sư Gia Long và là nhà biên khảo kỳ cựu trong Ban Biên Tập của Cỏ Thơm; 2/ Họa Sĩ Thanh Trí qua đời ngày 29 tháng 1, 2023 ở Sacramento, California. Bà và cố họa sĩ Đình Cường là sinh viên đầu tiên của Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, thuộc Viện Đại Học Huế. Bà đã góp thơ và tranh cho nhiều số báo Cỏ Thơm (xem thêm chi tiết từ trang 193). Cothom Foundation xin thành kính chia buồn với gia đình người quá cố và toàn tang quyến.

Thân chúc quý vị được nhiều sức khỏe, an vui và may mắn trong năm 2023. Hẹn gặp lại vào số báo **100**, dự định ấn hành vào tháng 6.

PHAN ANH DŨNG (Rockville, Maryland USA – 21 tháng 2, 2023)

XUÂN CẢM

Hé nụ Mai Cười, Nắng gọi Xuân
Tờ hoa ai thảo mực say vẫn
Nghe chiều Quán Tường, đường Mây nổi
Lắng khúc Tri Âm tiếng Nguyệt trầm
Vàng vạc Non cao Trăng Cổ Độ
Êm đềm Suối tịnh Mộng Tao Nhân
Trầm dâng bát ngát nguồn Xuân Cảm
Son thắm! Thơ đề sáng Chữ Tâm!

HẸN NHAU LÊN PHỐ MÂY HỒNG

Trầm Hương! bát ngát Trầm Hương
Cho Thơ thấp cánh về nguồn bay cao
Chập chùng ý gió xôn xao
Mùa Xuân, một thuở Hoa Đào băng khuâng...

Hương xa chợt thoảng như gần
Thơm vẫn Lục Bát! Trắng ngần Liên Hoa!
Bỗng dưng hạt Bụi bay qua
Bụi nhân gian, Bụi la đà dưới chân,

Thực, Hư một cõi hồng trần
Gọi mùa Xuân Mới, Gieo vẫn Tương Lai...
Tiếng Cười Vui! Tiếng Hòa Hài!
Cho Người Nhân Ái! Cho Đòi Thơm Hương!

Đất Trời! Thơ Ngát Muôn Phương,
Mùa Xuân Vào Hội Giai Chương Đẹp Lòng...
Hẹn Nhau Lên Phố Mây Hồng,
Có Trắng Bát Nhã! Tươi Dòng Hoa Nghiêm!

Trả nhân gian hết não phiền
Thanh Thanh! Gió Sớm Một Miền Tĩnh Không...
Hoa Mây Tươi Sắc Cầu Vòng!
Hồi Chuông Huyền Diệu! Mệnh Mông Biển Trời...

Tuệ Nga

Miền Tây Bắc - Oregon, Mùa Xuân 2023



NỢ VỚI GIAI NHÂN

Có còn Xuân trên những cón lau sậy
Theo tháng ngày bạc thếp giữa bờ vơ
Có còn Xuân nụ hôn nào thức giấc
Gợi cho đời Xuân êm ả giấc mơ

Nắng mờ ngõ để hồn mê lỏng lộng
Chuôi Xuân tình xin dâng trọn nàng thơ
Bướm và hoa như mê man còn mộng
Tóc em dài óng ả vẫn vương tơ

Mùi lịch mới nhà hương thơm mời mọc
Mở trang đầu
hồng phôi phôi trinh nguyên
Vòng tay nổi tình Xuân trong ngà ngọc
Cối giao thừa ân sủng một bình yên

Đất trời Xuân và em có còn Xuân?
Xin dòng đời
dừng trôi chảy băng khuâng
Xuân về đó, còn Xuân ta còn nợ
Đến bao giờ trả hết Nợ Giai Nhân?

Phan Khâm

Hồ Bảng phổ nhạc với tựa đề BIẾT ĐẾN BAO GIỜ
<https://www.youtube.com/watch?v=t5BvRsaeNEM>

DEBT OWED A BEAUTY

Liberally translated by **Vuong Thanh**



Is there still vibrant spring in the grass reeds?
With the passing of lonely months and days, they'd turned silver white.
Is there still vibrant spring in the waking-up kiss?
To share with the world a wonderful dream of spring's delights.

Sparkling sunshine opens the door to my enchanted soul.
Verses of love, I will devote to my Miss Poetry Inspiration.
Like a butterfly, I'm engrossed with the beautiful flower.
Your long silky hair – in its love threads, my heart's entangled.

Celebrating the New Year with the exotic fragrance of Poetry and Love,
I opened the first page with excitement and rapturous energy.
Hands holding hands, communing the language of the heart.
New Year's Eve, an enchanted night of love and tranquility.

Spring's here but do you feel spring in your heart?
Please let the flow of time stop just for a little while.
Spring has come, and with Spring's arrival, I still owe a debt.
A debt of Love owed a beauty, and I sometimes wonder:
When would I ever be able to fully repay her.

NHỚ SÀI GÒN

** Vưu Văn Tâm (Germany) **

1. Nhớ một chiều xuân

Chiều nay, gió đông trở lạnh nhiều. Mấy cụm bông tuyết nõn nà, trắng xóa theo những cơn gió xoáy rớt rơi và bỏ lại trên cây những cành khô khăng khiu, trụi lá. Bông tuyết nhẹ bay hờ hững và dẹt trắng một khung trời. Đã bao lần hôn hoàng xuống muộn, ta ngồi lặng lẽ nơi đây và nhớ em vô vàn. Gió đông hiu hắt gọi trong ta bao niềm xao xuyến. Ngày cuối cùng của năm cũ cứ ngập ngừng như muốn tỏ thể đôi lời từ biệt. Không khí buốt giá phủ xuống nhân gian một màu xám lạnh. Ở đây, hoa không nở và mùa cũng chưa sang.

Cách xa nhau gần nửa vòng quay trái đất, hình như em sắp sửa vào xuân. Nắng xuân có làm xanh thêm những chồi non lộc biếc, hoa xuân có thắm nồng khi bầy chim én ríu rít gọi bầy, xây tổ. Sắc xuân có điểm tô thêm màu thương nhớ khi em và ta đã biệt biệt trời xa ..

*Người nơi xa xăm phương trời ấy,
Người còn buồn còn thương còn nhớ
Nắng phai rồi em ơi (*)*

Ta vẫn nhớ về em nơi chốn cũ với một tình thương khó phai phôi. Phương đó giờ lạ xa sau bao năm dài cách biệt.

Ngày vẫn lên, đêm vẫn xuống, người còn đợi người khi ngày tháng đã quạnh hiu. Ta ngỡ ngác tìm em giữa phố xá đông người, nhưng không tìm thấy được nhau mà chỉ thấy bàn tay này nắm lấy bàn tay kia nghe sao lạnh giá. Ta đang lơ lửng giữa một khoảng không gian quạnh quẽ, không cùng ngôn ngữ, khác màu da, gió mùa chỉ làm ta thêm héo hắt và nghe lòng mình bất chợt đã hư hao.

Sài-Gòn ơi, ta xa em từ dạo đó. Những quán hàng quen thuộc, những con đường ngựa xe một thuở còn vẫn vương trong ký ức dù thời gian đã mang đi tuổi thanh xuân và cả niềm hy vọng. Mùa xuân trong ta không về nữa và lặng lẽ khuất bóng sau những hàng cây xa. Sài-Gòn ơi, ta nhớ em nhiều lắm ..

*Chiều nay có một loài hoa vỡ bên trời
Đợi mùa xuân sang tô màu nhớ
Dừng chân trông hoa xuân hồng thắm
Buồn tìm về tình ai đắm thắm
Giờ vun vút trời mây (*)*

2. Khi xa Sài-Gòn

Sài-Gòn trong chiến tranh với những cuộc biểu tình, xuống đường của tăng ni, nhà báo, sinh viên học sinh và nhiều giới khác trong xã hội. Dân chúng bó gối trong nhà để tránh né cảnh tên rơi, đạn

lạc và lựu đạn cay. Lệnh Thiết Quân Luật được ban hành, Sài-Gòn bị giới nghiêm để giảm bớt họa xâm lăng, nhằm bảo vệ cho người dân một cuộc sống an lành. Sài-Gòn trước ngày chiến cuộc chấm dứt, người ta ngậm ngùi ra đi, bỏ lại sau lưng nhà cửa, cửa tiền và những tình thân. Đường phố trống vắng, đồ đạc và mọi thứ bị vứt lại ngổn ngang trên vỉa hè. Sài-Gòn lâm lụy, Sài-Gòn đau thương ..

*Sài-Gòn khói bay, Sài-Gòn nắng đổ
Sài-Gòn đã buồn như trời sớm mai (**)*

Sài-Gòn bị thay tên, người người ngỡ ngác, những con phố cũng đổi tên và âm thầm chịu đựng giông bão. Sài-Gòn âm u vì nạn cúp điện triền miên. Đường Phan Đình Phùng, đường Hồng Thập Tự tối đen như mực như để sót chia nỗi u hoài cùng bóng đêm tĩnh mịch. Xe cộ thưa thớt, chỉ thấy toàn xe đạp và đèn đường được thay thế bởi những bóng đèn hột vịt hắt ra yếu ớt từ những tủ bán thuốc lá nhỏ xíu bên vệ đường. Sau bao năm "hòa bình và thống nhất", bằng cách này hay bằng cách khác người ta vẫn âm thầm bỏ xứ ra đi ..

*Sài-Gòn còn ai khóc kể lên đường
Sài-Gòn xe chiều rạc rời vó ngựa
Sài-Gòn âm thầm, đèn đỏ đèn xanh
Sài-Gòn mưa bay, thôi thế cũng đành
(**)*

Từ bao đời, Sài-Gòn vẫn bao dung, rộng mở. Người Sài-Gòn dang tay đón đồng

bào khắp mọi miền về đây lập nghiệp. Đất lành chim đậu, cuộc sống mưu sinh dù cực nhọc đến mấy nhưng vẫn kiếm được cái để ăn, để sống qua ngày và mong mỗi tìm kiếm một tương lai sáng sủa hơn. Ngày đất trời nổi cơn gió bụi, có lẽ còn khủng khiếp hơn cả thời chinh chiến, Sài-Gòn bị giới nghiêm ban ngày lẫn ban đêm. Dân tình lâm vào cảnh bần hàn, bế tắc, cuộc sống bị "ngăn sông cấm chợ" không khác chi cảnh tội tù ..

*Sài-Gòn bây giờ ai khóc thương ai
Sài-Gòn giới nghiêm che kín đêm dài
Sài-Gòn khói bay, Sài-Gòn nắng đổ
Sài-Gòn có còn bước chiều bơ vơ (**)*

Sài-Gòn không còn là miền đất hứa, dân tứ xứ lũ thú trở về nguyên quán để có thể sống sót giữa mùa dịch vật tràn lan. Sau mấy mươi năm lắng im tiếng súng, Sài-Gòn có được mấy ngày vui. Đêm Sài-Gòn bây giờ là những đêm dài giá lạnh, phố vắng người thưa. Ôi, Sài-Gòn ngựa xe một thuở đã thật xa ..

*Sài-Gòn bước ai gõ xuống đêm sầu
Sài-Gòn bóng nghiêng,
Sài-Gòn đứng đợi
Sài-Gòn bây giờ cúi mặt xa nhau (**)*

3. Đêm nhớ về Sài-Gòn

Những ngày mùa hè ở mấy xứ ôn đới thường rất ngắn nên mọi người đều tranh thủ lấy ngày nghỉ phép, đi đó đây để tạm quên cái rét buốt của mùa đông lê thê hay những cơn mưa thu nồm nề.

Ba tháng hè tuy ngắn ngủi nhưng được nhẹ nhàng tâm trí khi ngắm thấy mấy bông hoa đua nở thắm tươi trước hàng hiên hay những chòm lá xanh mượt trên cành cao mà nghe lòng dạt dào, ấm áp. Trái ngược với hai mùa thu và đông, ngày mùa hè thường dài hơn đêm nên những sinh hoạt muộn màng về đêm cũng rôm rả và rộn vang tiếng nói cười. Bên cạnh những niềm vui thăm nhau hay gặp gỡ, đám bạn bè của Tám vẫn hay nhắc về Sài-Gòn và những ngày còn đi học.

Đất trời không thuận lòng nhau gây ra cảnh xẻ đàn tan ghé, tuổi trẻ mất tương lai và lần lượt xa xứ trong những cảnh đời nghiệt ngã. Bốn phương, tám hướng biết đi về đâu giữa chợ đời xuôi ngược. Mấy chục năm sau được hội ngộ nơi xứ xa, biết bao chuyện cũ, chuyện mới cứ được khơi gợi và chảy tuôn như mạch nước ngầm âm ỉ lâu ngày để rồi bù lại nhớ lại một thuở hoa niên nơi Sài-Gòn đồ hội phần hoa.

Vùng Little Saigon là thủ phủ của người tị nạn Việt-Nam trên thế giới với đồng đảo đồng hương, vô số các khu thương xá, cửa tiệm buôn bán “tả-pín-lù” của người Việt nằm san sát nhau và không thiếu thốn một thứ gì. Sống nơi đó giống như mình đang sinh sống ở bên nhà chứ không phải sống nhờ hay ly hương, xa xứ. Đêm về sáng choang ánh điện với những con đường như nhẵn nhụi, những góc phố như gọi mời. Đẹp làm sao những cảnh cộ mượt xanh vươn cao

giữa bầu trời biêng biếc, bao la. Nhưng tất cả vẫn không giúp Tám nguôi ngoai niềm nhớ thương cái Sài-Gòn đã mờ xa trong cõi nhớ, hóng chi là thay thế cái Sài-Gòn đã mất từ lâu. Tám không tìm thấy được con đường Duy Tân cây dài bóng mát hay đoạn đường Cộng Hòa rợp lá me bay nên nỗi buồn cứ đếm hoài trên tay, nỗi nhớ cứ đọng đầy trong trí não.

Lững thững trên con phố lạ, gió đêm mang lại một cảm giác dễ chịu sau một ngày tất bật. Tám nghe lòng mình sao ray rứt, nhớ thương Sài-Gòn như bị cắt đứt ruột gan cho dù đó là những tháng năm của tuổi mới lớn, thiếu áo đói cơm và mất mát tự do. Đêm nay, sau hơn bốn thập kỷ xa nhà, Tám lại băng khuông nhớ Sài-Gòn quen thuộc, thấy phố phường buồn xưa chưa vui, những con đường thêm đôi chân vui dù đã trải qua bao năm chờ, tháng đợi.

Vưu Văn Tâm (Germany)

(*) “*Nhớ một chiều xuân*”, nhạc & lời:

Nguyễn Văn Đông

https://www.youtube.com/watch?v=IJs08Eq_sRBU

(**) “*Khi xa Sài-Gòn*”, thơ: Kim Tuấn
(một nguồn tin khác cho biết đồng tác giả bài thơ là Nguyễn Phước Vĩnh Khuê), phổ nhạc: Lê Uyên Phương

<https://www.youtube.com/watch?v=B-eM5CND2BY>

QUÝ MÃO TỰ TRÀO

Xươngng

Quý Mão xuân nay cảm thấy già
Từ trên mái tóc đến làn da
Chân không đi vũng giầy cao gót
Mắt chẳng đọc nhanh sách chạt nhà
Phòng kiêng, nâng niu vài chậu cảnh
Kệ cây, chăm chút mấy chùm hoa
Cuối đời nhàn hạ niềm vui thú
Gió bụi ngoài kia cũng thoảng qua.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Quý Mão 2023

QUÝ MÃO TÂM TƯ

Họa (1)

Quý Mão tâm tư chuyện trẻ già
Giấc mơ đời đổi thịt thay da
Nghinh tân Mèo tới nhìn vui cửa
Tống cựu Hổ đi thấy rộn nhà
Mọi nẻo cháu con Xuân cảnh sắc
Mùi hương Tiên Tổ Tết hương hoa
Chúc an khang mọi điều như ý
Trôi nổi gặp ghềnh đã bước qua

PHAN KHÂM

QUÝ MÃO NGOẠI XỨ

Họa (2)

Chín mươi ngoại xứ tuổi thêm già,
Bụi thể chất chồng trên lớp da.
Mứt ngọt, bánh ngon, còn nhớ xứ,
Đào tươi, mai thắm, chẳng quên nhà.
Giao Thừa mãi thức vui niềm cũ,
Trừ Tịch lặng buồn thẹn cánh hoa.
Rừng núi mịt mờ ngăn ánh mắt,
Ngàn trùng sao thấy được xuyên qua!

GITHÉA HOÀNG HY

Quý Mão sơ Xuân

BẢY MƯƠI TỰ TẠI

Họa (3)

Cưỡng lại làm sao được thưở già
Đến thời tóc bạc với nhăn da
Linh chi dầu có gom đầy tủ
Thảo dược dù cho trữ kín nhà
Biết sống an nhiên từng hiện hữu
Ắt đời tươi đẹp vạn tràng hoa
Bảy mươi rồi nhỉ? Mừng thêm tuổi
Nào bạn làm chi ngọn gió qua.

QUANG HÀ



Vài Mẫu Chuyện Tản Mạn Trong Cuộc Đời Nguyễn Ngọc Bích Mà Tôi Biết

**** Trương Anh Thụy ****

LTS: GS Nguyễn Ngọc Bích qua đời ngày 3 tháng 3, 2016 trên máy bay đến Phi Luật Tân tham dự Hội Nghị Việt-Phi về vấn đề Biển Đông Nam Á. Trên máy bay có mặt phu nhân Đào Thị Hợi và ông Đoàn Viết Hoạt- một nhà hoạt động dân chủ. Để kỷ niệm giỗ năm thứ 7 của GS Bích, mời quý vị xem bài viết dưới đây của bà Trương Anh Thụy, người bạn rất thân với gia đình 2 GS Bích-Hội.

Tôi gặp anh Bích lần đầu tiên tại New York vào một ngày chớm thu, năm 1961, khi tôi từ Việt Nam qua Mỹ du học. Máy bay ghé New York. Tôi gặp anh Bích tại nhà anh, nơi mà nhiều sinh viên du học thời bấy giờ gọi là “Quán Giang Đầu” vì có rất nhiều người ghé đây tá túc, lúc lờ độ đường hay chẳng cả lờ độ đường! Anh Nguyễn Huy Long, vị hôn phu của tôi đưa tôi đến gặp anh trước khi đưa tôi vào trường ở Pennsylvania. Sau đó tôi chỉ còn biết về anh qua các bài viết trên tờ báo Chuông Việt của Hội Sinh Viên Công Giáo Việt Nam tại Bắc Mỹ, có một thời anh còn làm chủ bút của tờ báo này. Bẵng đi từ đó cho mãi đến sáu năm sau tôi mới thực sự có những liên lạc với anh khi đến định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Gặp lại anh lần thứ hai là khi có cuộc triển lãm tranh của cố họa sĩ Võ Đình tại Nữu Ước, năm 1967. Nhân có họa sĩ Phạm Tăng, một họa sĩ hàng đầu của VN cũng như họa sĩ Võ Đình, từ Ý ghé thăm, anh rủ tôi đi NY cùng cho vui. Chúng tôi đi xe lửa. Trên xe, ngồi giữa hai thức giả tôi cứ như người nhà quê ra tỉnh! Họ nói toàn những chuyện văn chương, hội họa, mỹ thuật... thứ chuyện mà từ ngày rời Việt Nam xa gia đình tôi

chưa được nghe lại lần nào. Chuyện đi đó tôi học được rất nhiều, nhất là từ anh Bích. Mừng thầm trong bụng tôi đã chọn đúng chỗ để “lạc nghiệp”. Cùng ý nghĩ đó tôi hỏi anh tại sao anh bỏ Nữu Ước để về Washington làm việc? Anh bảo “Ở Tòa Đại Sứ người ta có nhiều sáng kiến cho mình làm...” Tôi ngạc nhiên nghĩ: “Tại sao ở đời lại có người mê ‘làm’ đến thế!”

Không phải đợi lâu tôi hiểu ngay câu nói trên của anh. Ngoài việc anh phải thường xuyên đi diễn thuyết về văn hóa, đọc thơ Việt Nam anh dịch ra tiếng Anh ở các đại học hay tại các cuộc tổ chức văn hóa của Mỹ, anh luôn luôn được / bị Sứ Quán gửi đi “đổi đầu” với bọn phản chiến. Còn tôi thì được gửi đi (tình nguyện) thông ngôn cho một Hội người Mỹ, mang các em bé Việt Nam bị thương, bị phỏng nặng do bom Mỹ, đến Bệnh Viện Nhi Đồng tại Washington, DC để chữa chạy, và sau đó dùng vào mục đích phản chiến. Tôi hơi ngại nhưng anh Bích bảo cứ làm. Trước mắt là mình phải làm gì cho các em bé vô tội kia, còn bọn phản chiến thì hãy để đó, tính sau.

Tại Sứ Quán hồi đó hay có những sinh hoạt cuối tuần cho đồng bào đến dự. Một trong các sinh hoạt nổi bật là văn hóa Việt Nam, và bao giờ anh Bích cũng được giao trách nhiệm này. Một ngày Chủ Nhật anh mời vợ chồng tôi đến Sứ Quán nghe anh nói về thơ Cung Oán Ngâm Khúc. Đến nơi tôi ngạc nhiên thấy ngoài chúng tôi ra chỉ có một cặp nữa là chị Hoàng Tâm và anh Larry Hilton (chồng chị hồi đó--nói tiếng Việt rất giỏi.) Hỏi tại sao vắng thế này, anh bảo tại các cô thư ký quên không gửi giấy mời sớm, chỉ mới gửi ra hôm qua! Chúng tôi biết có buổi nói chuyện này là do ngẫu nhiên, trong tuần anh gặp chúng tôi ở đâu đó nên rủ! Chúng tôi đề nghị hủy bỏ chương trình, ngồi nói chuyện chơi cho vui thôi, nhưng anh không chịu, bảo: “Đã mời quý vị đến đây nghe thơ thì phải nói chuyện thơ chứ!” Thế là anh thuyết giảng hơn một tiếng đồng hồ. Anh nói say sưa, mắt lim rim thả hồn vào thơ... như thể trước mặt anh có hàng trăm khán giả đang lắng tai nghe vậy! Sau đó tôi hỏi thăm các cô thư ký Tòa Đại Sứ thì được biết ngày hôm sau không ai thấy anh trách cứ cô nào cả!

Cũng trong khoảng thập niên 70, các hội đoàn Mỹ hay nhờ Sứ Quán cử người tham gia vào chương trình văn hóa, ca nhạc của họ. Một lần anh mời thêm hai cô Việt Nam nữa làm cùng. Tới giờ trình diễn chẳng thấy các cô đâu, anh bèn làm công việc “one man show” một cách tự nhiên, ngon lành... Rồi sau đó cũng lại chẳng thấy anh khiển trách cô nào hết!

Anh Bích là người lạc quan. Nhiều người bảo anh hay “lạc quan tếu!” Bùi

Bảo Trúc gọi anh là người “lạc quan đến hết thuốc chữa!” Người ta cũng bảo anh hay cả nể. Anh Vũ Thư Hiền còn nói “Nếu Nguyễn Ngọc Bích là đàn bà thì chắc chữa hoang đến mấy chục lần rồi!” Tôi tán đồng nên hẳn có dịp là lại mang chuyện này ra kể. Anh Bích nghe chỉ cười mỉm, lắc đầu! Giờ ngồi đây tôi chợt nghĩ và ân hận, có thể cái lắc đầu nhẹ của anh cũng đủ là dấu hiệu “trách móc” rồi, sao tôi không tế nhị để mà thôi đi!

Tôi từng có cơ hội đi chung với anh Bích làm việc văn hóa, xã hội...vv... nhưng thú vị nhất là có một lần được sinh hoạt với anh ở ngay trên Quê Hương mình! Đó là vào tháng 6 năm 1974, một số bạn bè chúng tôi gồm Trần Văn Dương, Đỗ Hùng, Nguyễn An Thạch, Lệ Trâm, Chủ Ngọc Hoàng Anh và Trương Anh Thụy tổ chức chuyến Về Thăm Việt Nam Hè 74. Trong nước chúng tôi được Bộ Dân Vận tổ chức cho đi mấy nơi miền Trung để “thăm dân cho biết sự tình”. Trên một cái sân gạch rêu ở một ngôi trường cũ kỹ ở Nha Trang, anh Bích ngồi bệt xuống đất, say sưa vỗ tay hát chung với đám sinh viên quốc nội, quốc ngoại ngồi sát bên nhau... Ánh lửa trại bập bùng, đội bóng chúng tôi lung linh trên vách tường... Chẳng thấy ông Cục Trưởng nào cả, chỉ thấy giữa chúng tôi một người Bạn yêu đời, yêu người, yêu tuổi trẻ, yêu đất Mẹ đến xót xa...!

Chúng tôi di chuyển bằng máy bay, nhưng trên đường về, từ Nha Trang tôi nảy ra ý định lén tách khỏi phái đoàn đi về Sài Gòn bằng xe đò để có thể tận mắt quan sát dân tình. Nhờ có anh Nghiêm Phú Phát dẫn đường, tôi và một chị sinh viên quốc ngoại nữa đi cùng rất yên tâm. Nhưng... khi xe đò đến Phan Thiết

chúng tôi không được đi tiếp, chính quyền địa phương cho biết có Việt Cộng đang tấn công ở phía trước... Đêm đó chúng tôi ngủ lại ở Phan Thiết và bị một trận pháo kích... tưởng đến long óc luôn! Chị sinh viên quốc ngoại và tôi hối thúc anh Phát đi tìm nơi lánh nạn. Anh bảo: “Lánh đi đâu bây giờ? Chúng tôi sống như thế này quen quá rồi các chị ơi! Sống chết có số!” Báo hại anh Bích, hôm sau phải thu xếp máy bay bốc chúng tôi về Sài Gòn ngay. Máy bay đáp xuống phi trường tôi thấy anh Bích đã đứng chờ sẵn nơi chân cầu thang. Gặp tôi anh lắc đầu, nói gọn có một câu: “Ấu thật!” Lại một cái “lắc đầu” nhẹ mà sao... nghe nặng đến tận bây giờ!

Anh Bích là người rất tự hào về cái tên Nguyễn Ngọc Bích cha mẹ đặt cho. Anh rất bực bõ khi người Mỹ cứ viết tên anh ngược, khi thì Bích Ngọc Nguyễn, khi thì Ngọc Bích Nguyễn. Khi xưng hô giữa chỗ bạn bè anh hay xưng Nguyễn Ngọc Bích. Thân hơn nữa thì anh xưng NNB cho gọn, và gọi tôi bằng TAT, cũng... cho gọn!

Anh sống theo triết lý mà tôi đặt cho nó cái tên triết lý “được cái là...” vì anh luôn luôn tìm được khía cạnh tích cực của mọi sự việc hay tình huống xấu nhất. Có lần tôi đùa anh khi anh vừa cất lời: “Mấy cái thằng ‘Tàu khựa’ này khốn nạn quá...” Tôi tiếp luôn: “... ‘được cái là...’ con gái Tàu nhiều đứa đẹp đáo đẽ!” Anh cãi: “Không! Không! Lần này thì không ‘được cái là...’ gì hết!...” Rồi anh tiếp tục nói về “đường lười bò” nó áp đặt lên Biển Đông.

Anh có cách xả bức xúc rất hiệu quả

CT-SỐ 99

bằng cách bỏ việc đó quay ra dịch một vài bài thơ... Mỗi khi nhận được bài thơ dịch anh gửi qua email vào giờ khuya khoắt, là tôi hiểu anh đang... có chuyện! Biết lúc đó anh cần chia sẻ, tôi bàn hưu tán vượn về bài thơ và góp ý xây dựng với anh... đưa anh ra khỏi hiện tại. Sau đó anh thư giãn... lại lao đầu vào thực tế đang trực chờ!

Mỗi ngày tôi nhận được ít nhất dăm ba Email từ anh gửi qua, nhiều khi chỉ vồn vện có 1 chữ hay đôi ba chữ như: “*Khoe!*” Nhìn bên dưới là một bài thơ anh mới dịch một bài bình luận anh mới viết, hay một email của ai đó gửi cảm ơn hay khen anh cái gì.

Hoặc giao việc: “*TAT, Nho TAT mo xem co duoc cai nay khong? Neu duoc thi ngay mai NNB dem USB den chep lai. Thanks!*” (Sic)

Hoặc anh chuyển bài của người khác cho tôi với một câu dặn cụt ngắn: “*TAT phải xem!*”

Riết rồi tôi dậm ra ý lại, không cả buồn tìm bài trên “net” để đọc mà chờ anh đọc trước giùm!



Nguyễn Ngọc Bích và Trương Anh Thụy tại phòng họp Quốc Hội Warsaw, Ba Lan. Hội Nghị về Quyền Lao Động tại Việt Nam, 2006

Trong suốt chặng đường dài 49 năm (1967-2016) tôi có nhiều cơ hội dong duổi với anh trên các nẻo đường như ở Canada, Paris, Moscow, St. Petersburg, Hungary, Ba Lan...

Nơi nào có anh đồng hành là mọi người đều được vui, quên đi cái nhọc nhằn do mưa hay nắng. Có một chuyến đi mà tôi còn nhớ mãi: Chúng tôi trên một chiếc xe “van” gồm anh Viên Linh, Ngô Vương Toại, Hoàng Bắc, anh Bích và tôi. Chúng tôi đi Canada tham dự Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, 1991. Suốt đường trường không lúc nào chúng tôi buồn ngủ là vì có Ngô Vương Toại ồn ào đã đành, anh Bích lại hát liên tục. Có lần anh hát một lúc đến chục bài anh làm nhạc phổ thơ. Hoàng Bắc chú ý nghe và nhận xét: “Bài nào cũng có giai điệu vui tươi tích cực, dù là từ một bài thơ tình cảm...”

Anh Bích là một người có chiều sâu cho nên chơi với anh người ta không bao giờ hết khám phá các cái hay, cái lạ ở anh. Gặp anh người ta đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, một phần tại vì anh làm nhiều, nói ít. Nhiều người chỉ biết anh có một góc cho nên mới có tình trạng người thì nói anh là nhà văn hóa, người nói anh là nhà chính trị... Lại có người tệ hại đến nỗi chỉ biết anh nổi tiếng qua bài hát “Đèn Cù!”

Mấy năm gần đây anh để tâm vào chính trị hơi nhiều! Nào là sáng lập “Giải pháp VN Cộng Hòa”, nào là tổ chức “Hội Nghị Thế Giới về Biển Đông Nam Á”...vv... toàn là những việc “vá trời”! Việc nào cũng tốn hao công sức và không thể chần chừ, vậy mà người ta vẫn thấy anh làm chuyện văn học. Ngày 13 tháng 2 tức là chỉ hơn hai tuần trước

khi anh đi Manila, anh Bích sang Quận Cam ra mắt cuốn sách cuối cùng trong bộ Nhìn Lại Sử Việt của tiến sĩ sử gia Lê Mạnh Hùng, nhân có cả tác giả và phu nhân Lê Phan cũng từ Luân Đôn bay qua. Buổi ra mắt sách được tổ chức tại hội trường báo Người Việt đã thành công vượt bậc, khiến dư âm của nó vẫn còn vang vọng đến tận bây giờ. Mấy hôm nay tôi vẫn còn bận rộn gói sách gửi cho các độc giả ở nơi xa gọi về đặt mua.

Nhiều người có thiên kiến anh Bích là người “làm” chính trị, nhưng anh bảo tôi, ước mơ thực sự của anh là có một ngày có được thời giờ để chỉ ngồi nghiên cứu. Tôi hỏi anh thích nghiên cứu lãnh vực gì? Anh trả lời: Nhiều thứ lắm, lịch sử, văn chương, văn hóa, mỹ thuật...vv... Tôi nói nếu anh không sa lầy vào lãnh vực chính trị thì anh thừa thời giờ, thừa sức lực làm những chuyện này. Anh nói: “Đất nước mình đang trong cơn dầu sôi lửa bỏng như thế, ngồi im không đành, chứ NNB có thích làm chính trị đâu!” Tôi đã giúp anh “scan” được một “file” đầy hình các đồ gốm. Anh đang toan tính thực hiện một cuốn sách về đồ gốm Việt Nam. Nghĩ mà thấy ngậm ngùi! Một mộng ước trong tầm tay, anh có thể đạt được dễ dàng cho riêng mình mà cũng không thành!

Anh ra đi nhiều người tiếc nuối rằng anh để lại một số công việc dở dang. Nhưng tôi nghĩ với NNB thì lúc nào mà chẳng có việc làm dở dang? Song song với tất cả những gì anh đang làm mà người ta có thể nhìn thấy, tôi được anh chuyển qua email cho xem một cuốn Tự Truyện mới bắt đầu, một cuốn khác có cái tựa đề ngồ ngồ: “Những Bước Phiêu-Lưu Của Một Cuốn Sách,” (đã viết được hơn

70 trang.) Các thơ dịch thì nhiều vô kể, thơ Pháp, thơ Anh, thơ Nhật, thơ Ba Tư... Bị tôi hỏi thúc mãi anh mới chịu cho nhà xuất bản của chính anh in một cuốn thơ Ba Tư anh dịch, có tựa đề Omar Khayyam Rubaiyat – Thơ & Đời. Anh cũng đang sửa soạn một cuốn về Nhân Văn Giai Phẩm chung với bình luận gia Nguyễn Minh Cần. Bên cạnh, anh đang hình thành một cuốn sách vĩ đại về Nguyễn Trãi gồm hơn 100 bài thơ anh dịch từ chữ Hán của Cụ.

Một ngày rất gần chúng tôi sẽ tung ra một cuốn sách vô cùng độc đáo tựa đề “ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM- Qua Những Biến Động Trong Phong Trào CS Quốc Tế” của tác giả Nguyễn Minh Cần để đánh dấu ngày ra đi vĩnh viễn của “nửa hòn” Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, Nguyễn Ngọc Bích.

Một sức làm việc phi thường như thế, có tim làm bằng sắt, dạ làm bằng gang thì cũng phải mòn, nhưng cái tâm, cái ý chí của anh thì sẽ còn đây mãi mãi trong lòng chúng ta và trong lòng dân tộc.

Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ năm nay đã tròn 31 tuổi. Thoạt đầu nó chỉ là sáng kiến của gia đình tôi, có sách của thân mẫu và của tôi cần xuất bản nên lập ra một nhà xuất bản để in sách của mình, lấy tên Tủ Sách Cành Nam và hợp thức hóa dưới tên “Cành Nam Publishers.” Chỉ một năm sau anh Bích bảo tại sao không làm rộng ra ngoài phạm vi gia đình? Trong số đồng bào di tản có những tác giả cần có nơi xuất bản sách và phát hành sách cho họ, nếu có mình tiếp tay thì họ có thời giờ và phương tiện ngồi viết tiếp. Anh Bích lúc nào cũng có cái nhìn xa và luôn hướng về tập thể. Tôi thấy anh có lý bèn nhận

làm chung với anh. Anh đặt tên cho nhà xuất bản là Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ. Năm đầu chúng tôi còn có anh Đặng Đình Khiết cho đủ bộ ba: Cành Nam, Hội Văn Hóa VN tại Bắc Mỹ, Nhà sách Thế Hệ, nhưng chỉ một năm sau anh Khiết đã bỏ cuộc! Tuy nhiên nhà sách Thế Hệ của anh vẫn là cơ sở phát hành chính của Tổ Hợp cho đến ngày đóng cửa. Tất cả các diễn tiến này cắt nghĩa được là tại sao cuốn sách nào của Tổ Hợp cũng mang cái logo CN. Nhiều người vẫn không quen gọi cái tên dài lòng thòng THXBMDHK mà gọi là Tổ Hợp Cành Nam. Đã vài lần anh Bích “khieu nại” việc này trước cử tọa trong buổi Ra Mắt Sách của Tổ Hợp để mọi người cười cho vui, thực ra trong thâm tâm anh chẳng hề “lý” gì ba cái chuyện lật vật ấy, cho nên ngày nay các cuốn sách vẫn có cái logo CN chêm chệ ngay trang đầu!

Anh luôn luôn hãnh diện tuyên bố trước độc giả mỗi lần ra mắt sách: “Sở dĩ Tổ Hợp Xuất Bản chúng tôi tồn tại được đến bây giờ là vì chúng tôi chủ trương nếu in một cuốn sách bán chậm thì cũng phải chờ in được một cuốn bán chạy để đền bù rồi mới tiến tới nữa.” Thật vậy, chúng tôi không chủ trương làm giàu, nhưng cũng không để xập tiệm, còn công sức bỏ vào đấy thì... không cách gì cân đo được! Đó là cái giá phải trả của một người làm văn hóa thôi!

Tôi biết Tổ Hợp XBMĐHK là một trong những “con cưng” của anh Bích. Mấy năm gần đây hoàn cảnh tôi thay đổi, trong gia đình có ông xã bị Alzheimer nên tôi cũng lúng túng. Thấy chị Hợi sau khi về hưu cũng vui vẻ tiếp tay chúng tôi đi ra mắt sách hay đứng bán sách tại Hội chợ Tết, tôi bèn đề nghị với anh Bích

cho tôi “nghĩ” để anh làm với chị Hợi cho tiện một nhà, cả anh và tôi khỏi chạy qua chạy lại nhà nhau như con thoi. Mấy năm trôi qua không thấy kết quả gì, một hôm gặp hai anh chị một lúc tôi lại đưa ra đề nghị trên. Chị Hợi giẫy nảy “Thôi bà làm đi chứ tôi đâu biết gì chuyện in ấn mà làm...” Anh Bích lặng im không nói, nhưng sau đó anh gồng mình làm thêm cả phần việc của tôi, kể cả đi ra mắt sách một mình, nếu làm ở các tiểu bang xa. Không ngờ bây giờ lại chính anh phải “nghĩ,” nhưng tôi biết anh không bỏ cuộc, và tôi cũng sẽ không làm anh “broken heart” thêm một lần nữa!

Anh Bích luôn hãnh diện là mình làm việc được với tất cả mọi người. Theo tôi, đó là một ưu điểm, nhưng lại cũng có người không bằng lòng! Có người bảo tôi: Một cô gái có đẹp đến mấy đi nữa mà cứ “cười” với hết mọi người thì ai dám chơi! Thành ra đôi khi anh cô đơn! Anh lại cũng không ưa nói xấu ai nên anh không có phe phái. Nhưng tôi biết, trong trái tim anh có rất nhiều ngăn kéo. Mỗi người, mỗi chuyện, mỗi hoạt động... anh để trong một ngăn kéo riêng. Cho nên tôi đổ ai tìm thấy Nguyễn Ngọc Bích tiết lộ bí mật của những người làm việc chung với anh bao giờ?

Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ... nói theo thứ tự người xưa đã đặt ra... Nếu ai tò mò muốn biết anh Bích “tề gia” như thế nào thì xin nghe tôi kể một câu chuyện rất điển hình: Một hôm có một cuộc họp bạn nho nhỏ ở nhà tôi gồm những “Việt kiều cũ” thâm giao từ trước 75, trong đó có anh Bích--chị Bích hôm đó vắng mặt. Cơm nước xong mọi người quanh chén trà thì nhau nói

chuyện riếu. Hết riếu rồi các ông, bà quay ra “tổ” nhau, chồng tổ vợ, vợ tổ chồng um xùm, náo loạn... (Ở đây xin mở một dấu ngoặc—Chuyện “tổ khổ” này chỉ là giữa các bạn thân. Chúng tôi thân nhau đến độ biết hết “tật” của nhau, không nói ra cũng biết cả rồi, vì thế nói chỉ để xả ‘xú bắp’ và mua lấy trận cười mà thôi.) Một ông nói: “Ồi giời! Các anh chị không biết chứ, bà xã nhà tôi có một cái “Honey Do list” (Cưng ơi! Làm cho em cái này...!) dài thòng. Mình cứ ăn “mật” của bà ấy riết rồi tới cuối ngày là mình chết giắc!” Một bà khác tổ chồng: “Đâu bằng ông xã nhà tôi. Ông ấy thích trả lời điện thoại lắm, nhưng hễ lỡ gặp hội thiện nguyện xin tiền hay người quảng cáo chào hàng là ông bảo: “À cái đó tôi không biết. Đây ông/ bà nói chuyện với nhà tôi đây này.” Rồi ông ấy ấn ngay cái điện thoại vào tay mình và chuồn mất! Mình chẳng kịp nói dối là đi vắng!” Câu chuyện cứ thế tiếp diễn cả giờ, bỗng một anh nhận thấy anh Bích từ nãy nghe chuyện có vẻ khoái chí lắm, cười thả ga... bèn hỏi: “Kìa anh Bích, sao anh có vẻ thích thú chuyện chúng tôi thế mà anh không cho nghe chuyện chị Bích đi?” Anh Bích còn chưa kịp trả lời thì chị Trịnh Đức Thông- anh Thông làm việc kỳ cựu ở đài VOA- bèn nhanh nhẩu nhảy vào “cứu bò”: “Thế tại sao chúng ta không có thể nghĩ chị Bích là người hoàn hảo, không có tật thì ‘tổ’ làm sao được?” Mọi người, kể cả anh Bích cười vang, tán đồng!

Giai thoại là sản phẩm đặc thù của những nhân vật nổi tiếng. Anh Bích lại càng có nhiều giai thoại vì anh làm nhiều, tiếp xúc nhiều, đi nhiều... nhưng tôi chỉ xin kể vài ba chuyện thoáng về

trong trí nhớ:

Hồi còn là sinh viên anh Bích gầy gò, nhỏ con lắm, vậy mà có lần anh đi Metro ở Nữu Ước, trong toa có một thằng say rượu to con. Hấn đi hai dãy ghế chia “cái thô bỉ” của hắn ra trước mặt các phụ nữ. Cả toa tàu ai cũng quay mặt đi, chẳng dám làm gì... Tới một lúc không chịu nổi nữa, anh Bích đứng dậy, lấy hết sức bình sinh cho nó một quả đấm thối sỡn vào ngực - chắc anh cũng chỉ đứng đến ngực nó! Nó ngã lắn ra sàn, một lúc lồm cồm bò dậy, trở về chỗ ngồi, im lặng. Cả toa tàu cảm ơn anh. Chắc chắn trong lòng họ phải khâm phục một anh chàng Á Đông nhỏ thó mà to gan!

Cùng ở Nữu Ước với anh Bích có một chị bạn thân chung của chúng tôi, chị Phương Dung, nay đã không còn. Chị kể: “Mọi người cứ thấy lúc nào anh Bích cũng có các cô xúm quanh, nhưng tôi biết anh ấy chẳng mê ai cả, anh chỉ mê cuốn sách! Tôi còn biết cái thời sinh viên nghèo anh đã nhiều lần nhịn bữa ăn tối, dùng tiền ấy để mua một cuốn sách.”

Ở Việt Nam, vào khoảng năm 73-74, tại Văn Phòng Thông Tin Quốc Ngoại, anh Bích có lần rất bức dọc về chuyện cái nhà vệ sinh cho khách ngoại quốc ra vào, dơ bẩn đến độ anh thấy xấu hổ. Anh cảnh cáo các cô có trách nhiệm nhiều lần nhưng đâu lại hoàn đấy. Một hôm anh xắn tay áo cọ rửa bồn cầu đến sạch boong! Thấy “xếp” làm như vậy, các cô sợ quá, từ đó mới chịu làm kỹ hơn. Tôi biết anh Bích thích ảnh hưởng mọi người. Nhưng trong thực tế tôi thấy, nhiều lúc anh bó tay... chịu thua!

Một hôm anh Linh, anh của anh Bích nói với ông xã nhà tôi: “Tức chết đi được với cái thằng Bích! Nó chỉ cần bỏ ra một tuần là nó viết xong cái luận án tiến sĩ

mà nó không chịu làm!” Chị Ngân, chị anh Bích thì nói: “Chú Bích đã hai lần đóng tiền ghi tên làm luận án tiến sĩ mà cả hai lần chú ấy để quá hạn, mất tiền toi. Lần nào chú cũng nói là viết rồi nhưng thấy nó không hoàn hảo thì không nộp!” Với tôi anh bảo anh muốn chứng minh với thiên hạ rằng chẳng cần có bằng cấp cao người ta vẫn có thể giỏi được...

Tinh thần trách nhiệm của anh Bích được nhắc đến nhiều trong đám tang anh. Ông cựu TT Hoàng Đức Nhã kể chuyện “anh Bích từ Hoa Kỳ trở về Việt Nam vào ngày 26 tháng 4 làm mọi người sững sốt...” Tôi xin kể phần anh Bích ở Mỹ, trước khi lên chiếc máy bay lịch sử Air Việt Nam về nước trong những ngày cuối cùng ấy: Hôm 19-4-1975 bỗng bà con Hoa Thịnh Đốn hết sức ngạc nhiên thấy anh Nguyễn Ngọc Bích, Cục trưởng Cục Thông Tin Quốc Ngoại xuất hiện! Người thì bảo anh đã nhanh chân chạy trước, người thì đoán anh là sứ giả của ông Thiệu mang sang một tin mừng gì đó để trấn an kiều bào. Các bạn anh thì biết ngay là anh, với bản tính lạc quan cố hữu lại toan tính một chuyện kỳ quái gì đây, chứ chắc chắn không đời nào anh lại chuồn sớm như thế. Ngay ngày hôm sau Trung tâm Thông Tin Quốc Ngoại ở Hoa Thịnh Đốn, trực thuộc Cục Thông Tin Quốc Ngoại trong nước cho mời sinh viên và kiều bào tới dự một cuộc họp khẩn cấp để nghe ông Cục Trưởng Nguyễn Ngọc Bích cập nhật tình hình trong nước. Tin của anh mang sang hiển nhiên là đã quá lạc hậu so với nhưng biến chuyển nhanh như chớp ở bên nhà!

Ngày 23 tháng Tư TT Thiệu từ chức. Ngày 26 tháng Tư anh Bích lấy máy bay trở về Việt Nam (Ở đây tôi phải mở một dấu ngoặc, tôi nhớ anh về VN ngày 26 tháng 4 mà ông HDN lại cũng bảo ngày 26 nhận được điện thoại của anh Bích gọi ở VN? – Thời thì đành để lịch sử sau này sửa cho tôi vậy!) Người ta hỏi ông Thiệu xuống rồi thì anh về làm việc với ai? Anh trả lời: “Tôi làm việc cho nước Việt Nam chứ đâu có làm việc cho một người nào?” Anh về đã cứu được vợ, được Mẹ, gia đình anh, em và cả bạn nữa... Sau này tôi gặp chị Nghiêm Thị Lan, vợ anh Ngô Vương Toại, nghe chị kể: “Anh Bích về đến Sài Gòn còn kẹp vào văn phòng Cục Thông Tin Quốc Ngoại triệu tập các nhân viên đến, cấp giấy cho phép họ rời nhiệm sở để có thể tự do đi tìm... đường sống”.

Cuộc đời NNB được ghi nhận bằng hàng trăm việc làm công ích, vị tha...

hắn anh không thể tránh đôi khi lầm lỗi như một “con người” với đúng nghĩa “con người”. Tôi đổ ai trong chúng ta dám nhìn vào gương mà nói “tôi không lầm lỗi bao giờ?” Nhưng “lỗi” không luôn luôn đồng nghĩa với “tội.” Cố học giả Hoàng Văn Chí, một người thầy, người anh cả khả kính của anh Bích “máng yếu” Nguyễn Ngọc Bích có cái “tội to lắm” đối với bà con hải ngoại, là đem theo toàn thể tủ sách khổng lồ của anh về Việt Nam hồi 1972. Nay anh Bích mang luôn cả bộ Enclocyclopedia đi theo Cụ thì chắc là Cụ tha “tội” cho anh rồi!

Anh Bích rất hiếm khi trách ai, đặc biệt không thấy anh ngồi than vãn trước thất bại bao giờ. Anh bảo thất bại thì làm lại chứ mà ngồi than vãn có ích gì! Nhưng

cuối cùng rồi chính anh cũng phải công nhận trong tử vi của anh, cái cung “nô” thật quá tệ! Nhưng Trời Phật cũng đền bù cho anh được cái cung “quý nhân phù trợ.” Những “quý nhân” này lại không nhất thiết là những người từng chen vai sát cánh với anh mà là một “số đông thầm lặng” chưa hẳn đã có dịp tiếp xúc cá nhân với anh trong quá khứ. Họ biết anh qua bài viết, qua buổi nói chuyện trước công chúng, qua truyền thanh, truyền hình hay gặp nơi chùa chiền... Bên cạnh đó là giới trẻ nhiệt tình, vô tư, công bằng... Họ thấy anh “cần” thì họ nhảy vào cứu giúp, không đòi điều kiện, không đợi mời mọc, không chờ năn nỉ... Mấy hôm đám tang anh Bích tôi được gặp một số Phật tử đi đón chị Bích từ Phi Luật Tân về, một số tại nhà quàn, và sau này tại nhà riêng trong việc tụng niệm cho anh 49 ngày, đó là các anh chị mà tôi được nghe anh Bích kể nhiều về tấm lòng của họ đối với anh vào những ngày cuối đời. Tôi nhìn họ với lòng ái mộ và nhìn đời bằng con mắt... tin tưởng trở lại!

Ai cũng có thể thấy anh Bích là một người yêu nước, nhưng phải nghe anh nói câu này mới hiểu hết tấm lòng của anh: “Chẳng ai lợi dụng được tôi cả, trừ Tổ Quốc tôi!” Trong khi nhà biên khảo Nguyễn Gia Kiểng bắt Tổ Quốc phải Ăn Năn, thì anh Bích lại cho Tổ Quốc thả cửa “lợi dụng” mình! Anh đã vô tình bật đèn xanh cho bất cứ ai làm bất cứ cái gì cho Tổ Quốc được lợi dụng anh, để rồi chính những người ấy lại chê trách anh là “ôm đồm”, “bao biện!” Thật là oái oăm! Thật là trớ trêu! “Ờ sao cho vừa lòng người!”

Nhân phải trả lời nhà văn Hồ Trường An

phồng vắn tôi với câu hỏi: “Sau khi chị ra đi chị muốn người ta nhớ về chị như thế nào?” Tôi cũng hỏi anh Bích câu ấy chơi, chỉ để cho biết: “Sau khi anh ra khỏi cõi đời này anh muốn người đời nhớ về anh như thế nào?” Anh nói ngay: “**Là một người yêu nước!**” Rồi anh tiếp: “Vi yêu nước nên yêu đất, yêu con người, yêu lịch sử, yêu văn hóa, văn thơ văn vân...”

Trong bài viết của nhà văn Uyên Thao có một câu: “Nguyễn Ngọc Bích như luôn bị một lực huyền bí nào đó thúc đẩy lao vào bất kỳ việc gì anh thấy cần phải làm và có sức để làm...” Anh Uyên Thao ơi! “Lực huyền bí” mà anh nói đó chính là “Tổ Quốc Việt Nam” đấy!

Với anh Bích, mỗi ngày là một lên đường. Đôi khi tôi cảm thấy như mình bị lôi cuốn vào cái “bánh xe” anh đi. Tôi vẫn tự coi mình là cái “xe bò” và anh là “người đẩy xe bò”! Tôi lười lắm, thú thực với các bạn, nhưng anh Bích không cho tôi ngừng nghĩ. Tôi làm gì anh cũng tiếp tay vô điều kiện, đôi khi còn làm nhiều hơn cả người khởi xướng!

XEM THÊM CHI TIẾT VỀ GS NGUYỄN NGỌC BÍCH Ở WEBSITE CỜ THƠM:

<https://cothommagazine.com/wp/tuong-niem-giao-su-nguyen-ngoc-bich1937-2016/>

Một lần tôi trách anh: “Tại sao ai anh cũng ‘phò’ vậy?” Anh không giận, cũng chẳng có mặc cảm gì với cái chữ “phò” hơi nặng tôi dùng, anh bảo: “Ai làm được gì cho đất nước thì NNB cũng ‘phò’ hết! Nếu TAT chịu đứng dậy làm cái gì cho quê hương, cho dân tộc thì NNB cũng ‘phò’ chứ sao!” Biết nói gì nữa! Tôi đành phải “dậy mà đi...”* thôi!

Viết về kỷ niệm với một người thường thường có một luật bất thành văn là chỉ nên nói về đối tượng mà tránh nói về mình. Tôi đã cố gắng tránh nói đến cái “tôi” trong suốt bài nhưng cuối cùng rồi cũng chẳng đặng đừng đành phải nhắc đến cái “tôi xe bò” này, coi như một lời đơn sơ nói lên tự đáy lòng, để đền ơn đáp nghĩa NNB một lần!

Trương Anh Thụy

Chú thích:

* Tên ca khúc “Dậy mà đi”. Nguyệt Ánh, Việt Dzũng hát:

<https://www.youtube.com/watch?v=JYbZ17iP5W0>



CHÚC MỪNG VALENTINE

*Chúc Anh Chị mười bốn tháng hai,
Ngày lễ Tình Yêu Valentine
Ấm áp vui tươi, nhiều Hạnh Phúc
Rượu nồng hoa thắm, tay trong tay...*

*Đồng tâm, đồng ý quanh ngày tháng,
Tri kỷ tri âm như trúc mai
Tình đẹp như mơ dù tóc bạc
Tháng rộng năm dài chẳng nhạt phai!*

Valentine 2023
Ngọc Hạnh Virginia



HÌNH NHƯ MÌNH TRỂ HẸN

xin em ơi đừng xóa bài thơ nhỏ
mà miệt mài anh viết giữa đêm dài
chút lẻ loi, giấc sầu trên ngọn cỏ
gửi thu mờ đã úa lá vàng bay

bước đường xưa
chiều nay thương nhớ lạ
tóc em ngoan mà tóc anh đổi màu
sợ mùa đông ai thả bờ hoa lá
để đêm về, nhìn ngày tháng xanh xao

giữa trời xuân, cành mai chưa nở đóa
anh muộn màng mong nhớ nỗi đón đưa
đành cõi bỏ con chữ trên nền gió
nên hôm qua chỉ là hạt nước mưa

em ở lại chăm nom vườn hoa cải
đóa môi xinh ai nữ trách muộn phiền
nắng sạm da, ngoảnh nhìn bàn tay trái
đã trể rồi làm gì có kiếp duyên

anh bước tới, chào em trên bước vội
mưa hạ vàng, giọt nước mắt chiêm bao
trời xuân ấm có bụi trần vẽ lối
bụi ngùi thương
những phận kiếp phai màu

nẻo đất hoang, con đé mèn rong ruổi
tìm cuối đời, mở cánh cửa hư tàn
em có thương bữa cơm chiều, gió thổi
giấc mơ hồ, bờ vai mỏng lang thang

Trương Đình
UK, sương mù già 2023

ANH ƠI, MÙA XUÂN VỀ

**** Nguyễn Thị Thanh Dương ****

Sau một giấc ngủ đầy đủ, thoải mái, chị Bông thức dậy thấy khỏe khoắn cả người. Sáng nay lại là thứ bảy, càng làm lòng chị lâng lâng yêu đời, chị tung chăn bước xuống giường và kéo màn cửa sổ lên, trời đẹp thế kia, hình như bao nhiêu vẻ êm đẹp đều đến vào ngày hôm nay, đến với một người mà những ngày trong tuần luôn cảm thấy mình ít ngủ, bận rộn vì đi làm, về đến nhà lại quần quật dọn dẹp, nấu nướng, chuẩn bị cho ngày hôm sau đi làm tiếp.

Chỉ có hai ngày cuối tuần là của chị, được ngủ trễ, dậy trễ, được ăn uống tùy tiện, được đi chơi, hay nằm nhà lơ mơ những chuyện đời.

Thời tiết đã vào Xuân từ mấy ngày nay, bằng những cơn mưa đủ thấm đất, làm xanh non lại thảm cỏ, làm hé mầm những nụ hoa. Có đêm chị tỉnh giấc vì tiếng mưa rơi lộp bộp đập vào cửa kính, trong mơ màng chị xót xa sợ dập nát những nụ hoa Hồng chưa kịp nở, và xót xa cho cả những con sóc buổi chiều còn nhí nhảnh chạy trên bờ rào hay trèo lên cây lê làm rơi rụng những cánh hoa bé bằng màu trắng, không biết mưa gió thế này chúng trú ngụ nơi đâu? Có ấm áp như chị đang cuộn mình trong chăn êm gối ấm không?

Sau vài cơn mưa chuyển mùa ấy, mùa Xuân lại đồng đánh bắt đầu với những ngày trời nổi gió, dự báo thời tiết nói gió mạnh cả ngày, chị lái xe trên đường, hé cửa xe một chút mà nghe gió vù vù bên tai, hay khi chị đi bộ trên con đường

quanh nhà, để mặc gió làm quen trên mái tóc, tóc bay hối hả, quần quýt vào mặt chị. Giây phút ấy chị đã trôi đi với gió, hòa mình lãng mạn với mùa Xuân.

Hôm nay trời không mưa, không gió, mùa Xuân mơn mớn với nắng nhẹ, da trời xanh mênh mông, gờn gợn vài đám mây trắng mờ khiêm nhường như muốn lẩn khuất vào màu trời xanh êm ái ấy.

Chị bước ra phòng ngoài, anh Bông đang thông thả nhâm nhi trước ly cà phê nóng, anh cũng đang tận hưởng niềm vui cuối tuần như chị.

Chị Bông tươi vui đến bên chồng:

- Anh ơi, chúng mình sẽ có một nơi chốn để đến đây.

Anh đáp rất "chảnh":

- Nơi đâu cũng không bằng nhà mình, ngồi gác chân lên ghế uống ly cà phê mà không cần hối hả. Những lúc thế này anh mới biết cà phê ngon chừng nào.

Rồi anh thẳng thốt giật cả mình:

- Lại đám mời sinh nhật, đầy tháng hay đám giỗ gì hả em?

- Không có ai mời anh đâu, mà chỉ có em thôi, vì em mới chợt nghĩ ra. Em muốn đến nursery để mua mấy cây hoa về trồng.

- Nhưng hoa sẽ trồng ở đâu? Sân trước, vườn sau có hoa cả rồi.

- Cứ theo em, nếu như không chọn được cây hoa nào vừa ý thì coi như mình đi ngắm cảnh, không vui thú sao? Đi dạo vườn hoa xong mình đi ăn tiệm luôn anh ạ. Khỏe re.

Anh Bông từ chối:

- Hay là em đi một mình, anh và thằng cu Tí ở nhà thà ăn mì gói hay mấy cái bánh sandwich thừa trong tủ lạnh cũng còn hơn là đi lang thang với em suốt cả buổi sáng.

Chị hờn mát:

- Anh không thích đi với em thì thôi, coi nhà hàng xóm kia kia, chồng cắt cỏ dọn dẹp luống đất cho vợ trồng hoa, mà có phải nhà của họ đâu, nhà ở thuê mà cũng chăm sóc nâng niu thế đấy. Trong khi nhà là nhà của mình...

- Trả góp 15 năm. Anh nhanh nhẩu nói thêm vào.

Chị cãi:

- Nhưng trước sau gì cũng là nhà của mình.

Căn nhà hàng xóm ngay bên cạnh treo bảng cho thuê từ mấy tháng nay, ông chủ là người Mỹ trắng, thỉnh thoảng ông đến cắt cỏ, mỗi lần thấy chị Bông ông đều chào hỏi vui vẻ, chắc cũng có ngụ ý lấy cảm tình, mong chị để mắt giúp căn nhà bỏ trống cho ông, có lần ông còn nhờ chị giới thiệu người Việt Nam đến thuê nhà, ông khen người Việt Nam đang hàoang tử tế đáng tin cậy làm chị Bông hãnh diện nở mày nở mặt. Nhưng ông Mỹ đâu hiểu rằng người Việt Nam mấy khi đi thuê nhà, lại là căn nhà to đẹp như của ông. Bởi nếu cần họ chỉ thuê căn nhà nhỏ vừa để ở cho khỏi hoang

phí, sau đó họ ổn định tài chính thì sẽ mua nhà to nhà đẹp ngay.

Cuối cùng ông cũng đã tìm được người thuê nhà vừa ý sau khi đã khó tính loại bỏ bao nhiêu người vì những lý do nào đó.

Tuần trước họ đã dọn đến, là một chiếc xe tải to và dài với bao nhiêu là thùng đồ mà nhân viên dọn nhà lần lượt khuôn xuống từ xe trên một chiếc ván dài bắc xuống đất làm cầu. Chẳng biết họ từ đâu tới, hai vợ chồng, hai đứa con và hai con chó to, chắc phải cả tuần sau thì mọi thứ đồ đạc trong nhà mới được sắp xếp đúng vị trí.

Xong phần trong họ lo tới bên ngoài, cắt lại cỏ và trồng trọt đầy hoa phía sân trước, nên ngôi nhà vốn im lìm lặng lẽ vì để không, nay sinh động và ấm cúng hẳn lên vì có tiếng người cười nói, tiếng hai con chó lạ nhà sủa inh ỏi suốt mấy đêm đầu tiên và nhất là khi màn đêm xuống ánh đèn vàng sáng đầy những ô cửa sổ.

Bên này chị cũng vui lây, chị yêu những ô cửa sổ hàng xóm vàng ánh đèn vì chúng không làm chị... sợ ma như những ngày chưa có chủ.

Sợ vợ giận, anh Bông đành phải nói:

- Thôi được, trong khi anh thanh toán nốt ly cà phê em lo sửa soạn cho thằng cu Tí đi. Anh biết mỗi lần muốn đi đâu em đều thích mang cả gia đình cho chật đường chật phố.

Thằng cu Tí thì không có quyền được cãi, mà cãi như bố nó cũng không xong, nên cả nhà cùng lên xe đến một nursery gần nhà.

Mùa Xuân là mùa người ta đi mua hoa và cây, vườn rộng, người đông, mấy bà Mỹ gia đang lum khum, loay hoay chọn những giỏ hoa treo hay những chậu hoa nho nhỏ, đủ màu sắc, loại để ở cửa sổ hay treo trước sân. Mấy bà gia này biết điều, vì có thể bà sống đơn độc, hay dù có ông chồng gia sống chung, đang ngồi thù lù ở nhà, thì ông cũng chẳng còn sức đâu mà đào đất, bới đất cho bà trồng cây.

Chị Bông đi từ ngoài vào trong, rẽ ngang rẽ dọc, ngắm những chậu hoa nhỏ xíu đến những cây hoa Hồng, hoa Tulip, rồi đến cây chanh, cây chuối, cây palm. Thăng cu Tí 7 tuổi ban đầu thấy hoa lá lạ mắt cũng vui thích, nhưng được một lúc thì chán, leo đèo đi sau mẹ, mặt nó nhăn nhó:

- Mẹ ơi, con mỗi chân quía, con muốn đi ăn kem.

Chị trách con:

- Mẹ biết ngay mà, con vào mấy tiệm kem và bánh ngọt thì không bao giờ mỗi chân cả.

Thằng bé ngây thơ công nhận:

- Vì con thích ăn bánh ăn kem hơn là xem hoa của mẹ.

Rồi nó nhăn nhó tiếp:

- Mẹ ơi, con cũng đói bụng nữa!

- Hừ! ở nhà chơi game đến trưa, mẹ gọi ăn cơm con còn nói chưa thấy đói cơ mà?

Cu Tí lại ngây thơ cãi:

- Nhưng bây giờ đâu phải là chơi game.

Anh Bông phải dỗ dành con:

- Nhưng mẹ đang chơi “game” đó con, hai bố con mình đợi mẹ một chút nữa thôi.

Anh Bông nhìn một cặp vợ chồng khác, cũng chị vợ hăng hái đẩy xe đi trước giữa hai bên những luống hoa, anh chồng và thằng con uể oải bước theo sau như cái đuôi bất đắc dĩ, anh thông cảm lắm vì cùng một “hoàn cảnh” như anh. Những người chồng “khốn khổ” đó theo vợ đi mua cây về trồng, tiêu phí hàng giờ đồng hồ trong tiệm đã đành, mà lát nữa về nhà còn phải cuốc đất, đào lỗ để cho vợ yêu chỉ việc đặt cây xuống đất, chưa biết chừng nó còn bắt anh chồng mỗi ngày mấy lượt ra tưới nước cho cây mau lớn, mau đơm hoa kết trái? Ai chứ chị Bông thì anh Bông chẳng lạ gì, kỹ tính lắm, lỗ đào phải đúng nơi đúng chỗ, đạt tiêu chuẩn chiều sâu và chiều rộng, không thì... đào lại cái khác, dù nãy giờ có mệt, có mỗi rưng rờ cả hai tay.

Có lần anh điên tiết quẳng cả cuốc cả dao không thèm đào nữa, nhưng cơn giận nguôi đi, chính anh lại là người biết điều dừng dậy lấy đồ nghề ra đào tiếp để hoàn thành công việc, còn hơn là nhìn thấy bản mặt vợ ủ ê và xưng xỉa.

Nhân dịp thằng cu Tí nhăn nhó, anh Bông cói mở tấm lòng hòa theo:

- Em mua gì thì mua nhanh lên, con nó đói rồi.

Chị gắt gỏng:

- Chưa đến 11 giờ mà đói cái gì? Anh làm em mất hứng vì đang suy nghĩ nên chọn một màu hay nhiều màu cho những cây Tulip?

- Em định trồng cây Tulip? Trong khi những cây hoa Hồng nhà mình đang ra hoa tươi thắm và đẹp biết bao?

- Ngắm hoa Hồng mấy năm nay chán rồi, em sẽ đổi thành hoa Tulip trước sân nhà.

Anh Bông hỏi hột lo âu:

- Nghĩa là ... sẽ đào bứng cây hoa Hồng bỏ đi, và đào lỗ mới cho những cây Tulip?

Chị reo lên, hài lòng:

- Anh nói đúng như em nghĩ, chốc về nhà anh đào đất ngay cho em nhé?

Anh thất vọng hỏi tiếp:

- Nhưng trước kia em từng yêu hoa Hồng lắm mà?

- Bây giờ em vẫn còn yêu đấy chứ, nhưng em mới coi trên net nói về hoa Tulip và ... nhất là em muốn để bà hàng xóm mới dọn đến biết em từng trải về hoa như thế nào. Mấy cây hoa bà ấy trồng trước cửa chẳng ra hồn.

- Thì ra em ... ganh đua với người ta, em còn tham sân si đấy. Hèn gì có lần nghe tin một người quen đi tu, em đã "tội nghiệp" cho người ta, em nói cuộc sống bao nhiêu thứ mà cả một đời người còn chưa hưởng hết, lại bỏ đi tu, uống quá. Nhưng em biết đâu là họ sung sướng vì đã đạt được ước nguyện xa rời cõi tục.

- Đang chuyện trồng hoa mà anh nói tới chuyện đi tu là thế nào? Nếu anh không thích trồng hoa Tulip thì em sẽ không mua nữa, nhé?

Anh chưa kịp mừng, thì chị tiếp:

- Nhưng em sẽ mua cây lê về trồng ở vườn sau, vừa thêm bóng mát vừa ngắm hoa nở trắng xóa khi mùa Xuân về trước khi hoa thành quả đầy cành cũng đẹp mắt lắm đấy.

Anh Bông ngậm ngùi:

- Vậy em cứ mua hoa Tulip đi, còn hơn anh phải đào lỗ cho em trồng cây lê, vì phải đào lỗ rộng và sâu hơn, chết anh!

Chị Bông quyết định mua hoa Tulip màu đỏ, sẽ làm nổi bật mặt tiền căn nhà, và sẽ "đập" vào mắt bà hàng xóm mới dọn đến cũng như những người qua đường.



Đến tiệm ăn lúc 12 giờ trưa, mỗi chân, mỗi mắt, nên gia đình chị Bông ăn món gì cũng thấy ngon miệng.

Về đến nhà, anh chị Bông lo việc đào lỗ trồng cây suốt mấy tiếng đồng hồ mới xong, anh là người đào đất, chị chỉ huy và làm vài việc vặt. Luống hoa Tulip bé nhỏ, dịu dàng đã thay thế cho những cây hoa Hồng gia cũ, cành vươn lên sát tường với những đóa hoa nở to gần bằng bàn tay xòe ra.

Chị Bông sung sướng ngắm vườn hoa mới, trong khi anh Bông đã cất dọn dao, cuốc và đi tắm rửa, xong nằm ngủ một giấc cho lại sức. Thế là mất toi một ngày nghỉ của anh.

Khi chị Bông vào tìm chồng thì anh đang ngủ say sưa, đàn ông sao mà vô tư thế, dễ ngủ thế, ban ngày cũng ngủ ngon lành, trong khi có nhiều đêm thâu chị còn trần trọc đổ giắc.

Thôi, để anh ngủ cho ngon, chị sửa soạn đi chợ một mình, lại tận hưởng không gian vui thú cuối tuần trong những ngày vào Xuân theo ý riêng của chị.

Khi đến khu chợ Mễ, bãi đậu xe đông kín, đã nghe tiếng nhạc Mễ âm ỉ, lòng chị cũng vui lây theo tiếng nhạc dù chị chẳng hiểu lời bằng tiếng Spanish.

Những phụ nữ Mễ, những anh Mễ to con kéo nhau vào chợ, trong chợ có gian hàng ăn uống, họ xà vào ăn uống trước khi mua sắm hay chồng và con ngồi ăn, mặc cho chị vợ lè mề chọn lựa món đồ hết quầy nọ đến dãy kia.

Mỗi chợ có một mùi đặc trưng riêng của dân tộc họ, chợ Mễ mùi vị khác với chợ Việt Nam, lại càng khác với chợ Mỹ, vào chợ Kroger thấy mát lạnh và thơm tho hơn hẳn hai chợ kia...

Vậy mà có một chợ Mỹ đã bị “chê” thậm tệ, một người cháu gái của chị Bông mới được chồng Việt kiều cưới qua Mỹ, lần đầu tiên đi chợ Walmart, cô ta đã bị hớ hồn, đê mê vì ngôi chợ to lớn đầy hàng hóa, món gì đối với cô cũng đẹp, cũng sang.

Chỉ một năm sau cô đã chê ỏng eo là mỗi lần vào chợ Walmart cô chóng cả mặt, nhức cả đầu, vì mùi chợ, mùi hàng hóa rẻ tiền.

Chị Bông thích vào chợ Mễ vì rau, trái luôn tươi và rẻ hẳn so với các chợ khác, thương trường là cạnh tranh, nơi nào hàng hóa rẻ thì nơi ấy đông khách, chợ

Walmart cũng được khách tiêu dùng tín nhiệm là thế. Nhưng hiện nay đang mất dần uy tín vì bán hàng hóa Trung Quốc không đủ chất lượng

Xong chợ Mễ, chị mới đi chợ Việt Nam và chợ Mỹ, nơi nào cũng có món cần mua.

Về đến nhà đã thấy anh Bông đang ngồi uống bia với mấy miếng cheese đầu bò, nét mặt thoải mái. Chị tiếc rẻ nói với anh:

- Lúc nãy em định rủ anh đi chợ nhưng thấy anh ngủ say quá, thế là anh mất một buổi chiều ngắm nhìn mùa Xuân nơi phố, chợ.

- Theo em đi chợ để đẩy xe cho em như một quân hầu cận và nhìn em khó tính khó nết lựa chọn từng bó rau con cá đến sốt cả ruột và ngứa cả mắt, đôi khi em còn sai vặt, bắt anh ra quầy lấy gói bún, bịch tôm khô phải đúng nhãn hiệu. Cám ơn em nhé, anh đã gặp mùa Xuân trong giấc ngủ mơ rồi.

- Niềm vui cuộc đời là thế mà anh, cần gì phải cao xa, mãi tận đâu đâu...

- Thì đây cũng là niềm vui cuộc đời của anh, ngủ một giấc trưa trong căn nhà êm vắng, tỉnh dậy thấy đói bụng lấy mấy miếng cheese hay vài khoanh dồi xông khói và uống một lon bia. Hết sức đời thường mà em.

Chị hào hứng kêu lên:

- Vậy thì anh ơi...

Anh vội ngắt lời:

- Đừng có nói là có một nơi nào để đến nữa nhé? còn một buổi chiều hãy để anh yên thân.

- Anh ơi, uống bia xong anh ra mà ngắm mấy cây hoa Tulip ngoài sân, lộng lẫy lắm, nãy em đi chợ về, từ xa em đã thấy màu hoa đỏ cả một góc sân.

Anh nhìn chị mỉm cười âu yếm:

- Thế thì được.

Chị cũng mỉm cười âu yếm với anh:

- Cảm ơn anh đã giúp em trồng cây, em hứa với anh là vườn hoa Tulip này sẽ ở lâu dài với chúng ta, em sẽ không thay hoa vì bà hàng xóm này nữa, trừ khi...

Anh Bông hết hồn ngắt lời:

- Trừ khi bà hàng xóm này dọn đi và có ...bà hàng xóm khác hả?

- Không... trừ khi những cây hoa Tulip chết mà thôi.

- Vậy thì anh sẽ cầu trời khấn Phật cho những cây hoa Tulip nhà mình sống mãi, thành cây hoa bất tử, để mỗi khi mùa Xuân về em chỉ việc ngắm hoa mà không bao giờ muốn trồng hoa khác.

Nguyễn thị Thanh Dương



NGÀY TÌNH YÊU **Valentine Day**

*Lòng như cuối buổi sương đầy núi
Thơ cũng vẹn tròn chuyện nắng mưa
Tình nghĩa trọn tình trang giấy mới
Đường chiều
êm ấm bước chân khuya*

*Ngày của Tình Yêu mùa của tình
Hình như Xuân đến gió loang quanh
Ngày Đông đã tạt qua bờ sóng
Tình vẫn lung linh nghĩa mãi xanh*

*Áo bạc lòng son chẳng bạc lòng
Bốn mùa hoa thắm giữa mênh mông
Tình yêu đẹp mãi muôn ngàn thuở
Trăng nước vẫn đầy trăng nước trong*

*Có được tình em đời tuyệt vời
Nhìn trời bàng bạc áng mây trôi
Viết bao nhiêu cũng chưa đầy giấy
Mùa của tình yêu thêm nỗi vui*

*Thơ tặng người thương cả bốn mùa
Chung đường chung lối bước sau xưa
Ngày Tình Yêu đến dài vô tận
Bát ngát hương đời đẹp cõi thơ.*

Hoa Văn - 14/02/2023

XUÂN YÊU THƯƠNG

Nhớ thương ta đến thăm nhau
Bạn thân trường cũ trước sau cùng già
Bên nhau kỷ niệm chan hòa
Tuổi bầy tám chục may mà chưa quên!

Mùa Xuân Quý Mão kè bên
Nhâm Dần tổng tiến ơn Trên an bình
Còn duyên đưa đón ân tình
Tuổi vàng hạnh phúc khi mình có nhau.

Quên đi ngày tháng thương đau
Ưu phiền rũ sạch mai sau xa vời
Hãy vui hiện tại tức thời
Tâm an sức khỏe cuối đời ước chi?

Đón Xuân nắng ấm Ca-li
Hiện giờ bão lũ lụt qua đi ơn Trời!
Riêng miền Đông Bắc toi bời
Xuân này tuyết đổ lạnh thời dưới Âm!

Đầu ngón tay buốt kim đâm
Miệng thở ra khói lâm bâm nói gì?
Tháng năm Đại dịch mong chi?
Du Xuân mừng Tết ta đi gặp người!

Cùng nhau nâng chén vui cười
Chúc mừng hạnh phúc bên người thân thương
Nhớ ngày xưa Tết vẫn vương
Giao thừa pháo nổ khói hương mịt mờ!

Sống nơi đất mới tới giờ
Qua nửa thế kỷ đôi bờ Đại dương
Xuân Quý Mão Tết yêu thương
Tâm thành cầu nguyện quê hương rạng ngời.



Thái Hưng /PGH

*Mến tặng quý bạn thân hữu và các em CHSNBH, TNHLX
và các trường tại Saigon trước 1972*

LỜI NGUYỄN

** NGUYỄN LÂN **

Nghĩa trang hoang phế trong một chiều thu tại ngoại ô thành phố Vienna, tiểu bang Virginia-nơi hò hẹn lý tưởng của những người đang đắm say trong biển tình ít ai biết đến. Huân ngừng xe trước cổng. Chàng lững thững đi vào. Lá vàng rục rở trên những thân cây ôm ấp những tia nắng cuối cùng đang lịm dần trong không gian vắng lặng... có những lá đỏ úa như những giọt máu khô. Những bia mộ xám chìm dần trong chiều tím ..hiu hắt. Đẹp và buồn!

Huân tìm đến ngôi mộ mẹ. Bà mất đã gần 40 năm. Chàng đã không làm vừa lòng mẹ vì bà muốn nắm xương tàn được vùi trong lòng đất quê hương. Huân không muốn mang tro cốt về đất nước vì đa số dân Việt đang sống lầm than dưới sự cai trị của Cộng Sản. Để mẹ ở đây mình vẫn gần gũi mẹ như thuở xưa. Huân quì xuống bên mộ. Chàng bỗng nghe thấy tiếng động nhẹ sau lưng. Giọng ai rót vào tai hư gió thoảng:

-Trời chiều thu trong nghĩa trang đẹp và buồn quá, thưa ông!

Huân quay phắt lại. Một khuôn mặt đặc biệt trước mắt chàng. Nói là người đẹp theo quy ước thì không. Nhưng nàng trông thật bắt mắt với cặp mắt to, thật to, sáng thật sáng... hơi xéch...long lanh chiếu thẳng vào mắt chàng, nụ cười mở rộng tươi tắn với hàm răng trắng đều đặn dưới cặp môi mọng chín quýt rữ làm sao. Nhưng sống mũi cao của nàng hơi gồ lên đã phá tương người đàn bà!

- Cô đi thăm mộ?

- Mộ chồng em.

Huân giật mình. Nàng trông còn trẻ. Tội nghiệp!

Hình như nàng hiểu người đàn ông đang bối rối.

-Mộ chồng em ngay trước mặt ông. Anh ấy mất đã mười lăm năm. Em không ngờ chồng em nằm kế bên người thân của ông. Thưa, có phải cụ thân sinh?

Trên bia mộ chồng nàng, hai chữ Mã Tử làm chàng giật mình, thẳng thốt:

-Mã Tử! Thằng bạn thân hồi còn Trung Học của tôi mất rồi sao?!

-Ô! Em không ngờ! Ông...anh có phải tên Huân?

Huân gật nhẹ. Thì ra nàng là vợ của người bạn cố tri, người bạn thân thương nhất của Huân. Hai đứa tâm đầu ý hợp, cùng chung nhiều sở thích, cùng dễ say mê gái đẹp. Hồi còn ở Việt Nam, cả 30 năm trước Mã Tử đã có lần khoe mới cưới vợ khi gặp bạn. Hắn có cho Huân xem ảnh cưới của hai người. Thảo nào Huân cứ thấy ngờ ngợ nụ cười mỹ miều của người đàn bà trước mặt.

Nàng như thầm hiểu chàng không nhớ tên mình, nhỏ nhẹ:

-Em là Hồ Cẩm. Từ đây trở đi anh đừng quên tên em nhé. Em biết anh và chồng em hồi trẻ như hình với bóng và còn chung ước nguyện lấy hai cô vợ giống nhau như đôi song sinh? Mà cũng lạ lùng thật! Chị Nguyệt Hồ ra trước em

gần cả hai mươi phút nếu còn chắc chồng em sẽ đi kiếm anh làm mối.

-Có nghĩa là Nguyệt Hồ đã mất?

-Dạ! Nguyệt Hồ đã về nước Chúa cả hơn 20 năm nay! Mã Tử cưới em trước ngày 30 tháng 4. Ngày ấy Nguyệt Hồ làm phù dâu. Cũng là lần đầu tiên Mã Tử gặp chị ấy vì hai đứa em bị tách chia từ buổi sơ sinh. Dì em không có con nên xin một trong hai đứa làm con nuôi. Dì em đã chọn Nguyệt Hồ. Bố mẹ em ở Sài Gòn dì dựng em làm việc tại Huế. Thế là chị em đôi đường ngán cách.

Nhìn Hồ Cầm cô đơn trước mộ chồng trong bóng chiều tà rơi rớt, lòng Huân nao nao niềm thương cảm. Từ ngày có vợ, Huân tránh nhìn những bóng hồng vì chàng biết lòng đam mê, tính đeo đuổi của bản thân với những cái đẹp. Mã Tử và chàng hợp nhau ở điểm này – say mê gái đẹp! Huân đã có gia đình, Hồ Cầm là vợ goá của người bạn cố tri. Phải tránh cảm dỗ đó! Chàng lễ độ:

-Trời sắp tối. Hồ Cầm đã muốn về chưa?

-Em muốn có người tâm sự nỗi đau phiền muộn của một quá khứ... buồn! Anh là bạn thân của chồng em. Anh biết Mã Tử. Em muốn kể cho anh nghe. Em muốn có lời khuyên chí tình, lời giải đáp. Anh cho em, nhé anh!

Hai người sóng bước dưới ánh hoàng hôn nhạt nhòa trong nghĩa trang cô tịch, lạnh lẽo với những nấm mộ im lìm. Nàng chậm rãi:

Em gặp Mã Tử gặp trong một dạ tiệc mừng xuân. Hai đứa “bắt” nhau ngay từ đêm đó. Em thích Mã Tử vì vẻ lịch lãm. Mã Tử nhậy giỏi, nói chuyện có duyên, có cặp mắt đắm đuối thu hồn người đối

diện. Em ngê ngả bởi tia nhìn đắm đuối quyến rũ, bởi vẻ hào hoa phong nhã của chàng. Em không thể phân định rõ là em yêu hay mê chàng. Nhưng em không thể rời xa chàng giây phút nào. Chúng em cần nhau. Chỉ ba tháng sau buổi gặp gỡ, chàng xin cưới. Đó là điều em mơ ước. Đó là hạnh phúc, là thành công trong cuộc đời. Điều đáng buồn là trong ngày cưới em, Nguyệt Hồ cũng bị thu hút bởi phong cách của Mã Tử. Hai chị em song sinh nên giống nhau như hai giọt nước, chỉ khác em có nuốt ruồi son dưới vành tai, Nguyệt Hồ thì không. Em lo Mã Tử cũng ngã lòng vì vẻ bên ngoài và dễ nhầm lẫn hai người. Em tỏ ý với chồng, chàng cười xòa: “Ồ! Người ta thường nói “Xót tình máu mủ, thay lời nước non”. Tại sao không?” Mã Tử nói vậy, em càng lo. Em thương Nguyệt Hồ. Nhưng chồng em là của riêng em. Anh ạ “Lòng riêng, riêng những mền yêu” mà “chồng chung chưa để ai chiều cho ai”. Phải không anh?

Những ngày tháng sau là cạm bẫy và thủ đoạn giữa ba người. Em có quá ghen tuông không? Mã Tử là người đa tình. Nguyệt Hồ mê chàng đắm đuối. Nàng không nói nhưng làm sao qua được mắt của người vợ thương chồng.

Ánh mắt Hồ Cầm long lanh và vẫn lên những tia đỏ giận dữ, khắc khoải, đờn đau. Nàng như đã chuyển biến thành một con người khác... Tự nhiên Huân thấy lạnh mình... Bóng chiều tà như nặng dần... màn đêm sắp rơi... Hồ Cầm nắm lấy tay Huân. Bàn tay nàng lạnh ngắt... không phải bàn tay nồng ấm của một mỹ nhân... Tiếng nàng rít lên:

Em đã thấy hai người quấn chặt lấy nhau như một cặp rắn đang lột da trong

lúc ái ân vào ngày em nói với Mã Tử phải đi thăm người bạn ốm nặng. Nguyệt Hồ đã thế chỗ em trong gia trang vợ chồng em. Nhìn cảnh ấy, em bỏ đi mà lòng tan nát. Chồng và chị thông dâm. Làm sao đây? Em phải loại trừ người chị khốn nạn để bảo toàn hạnh phúc gia đình hay giết cả đôi gian phu dâm phụ rồi tự vẫn? Em đau đớn khổ sở như điên loạn.

Bàn tay Hồ Cầm chuyển dần sang nóng bỏng như áp vào cục than hồng.

Em sắp đặt một cuộc trả thù.

Em nhắn tin cho chồng biết em phải lo cho cô bạn sắp lìa trần một cách chu đáo nên phải xa chàng thêm mười hôm nữa. Nhưng em bất thành linh trở lại nhà ngay trong đêm ấy. Ngoài vườn tối đen, Mã Tử không bật đèn sáng như thường lệ, như khi em có nhà. Em nhẹ bước tới sát cửa sổ phòng ngủ, cúi mình dưới khung cửa... Em nghe tiếng thì thào, hỏn hển, tiếng rên trong khoái lạc của người đàn bà cùng âm thanh gầm gừ thỏa mãn của người đàn ông. Em vùng lên, dùng đèn bấm đập vỡ kính cửa sổ, nhảy vào trong, sấn tới giường... con dao nhọn sẵn trong tay... cứ nhắm hai thân hình đang quấn quật dâm xuống... một người thoát khỏi tay em... em bị đá văng ra xa, đầu đập xuống sàn đá hoa... bất tỉnh... em còn cảm thấy như có ai dẫm đạp trên mình, nắm cổ em bóp chặt...

Huân đã hiểu. Người giết Hồ Cầm là Mã Tử. Anh ta chỉ tự vệ, nào biết người ấy là vợ mình.

Huân rút tay ra khỏi bàn tay rực lửa nóng bỏng của Hồ Cầm. Nàng cười: “Anh sợ ư? Em không hại anh đâu. Em chỉ muốn xin anh giúp em thoát khỏi kiếp hồ ly. CT-SỐ 99

Anh chỉ cần cho em một nụ hôn nồng ấm là đủ. Đó là lời nguyện. Nàng ghé sát gần chàng. Hơi thở thoang thoang mùi hoa hồng quện trên má chàng. Huân gần như mê đi... trong màn đêm quái dị tối đen bóng một thanh niên trong bộ đồ xám sẫm xuất hiện, Mã Tử. Tiếng Mã Tử vang vang “Tĩnh lại, Huân. Chúng là những hồ ly tinh biến chuyển thành người hại ta đấy” Bàn tay Mã Tử vung lên... bóng tối nhạt nhòa... Tà áo trắng của Hồ Cầm không thấy nữa... Trước mắt Huân chỉ có hai con chồn với bộ lông trắng thật đẹp. Một con có sợi lông như tuyết điểm một chấm đỏ óng ánh. Xa xa... một con cáo to hơn với bộ lông xám sẫm đang đăm đăm nhìn chàng...

Vang vang tiếng Mã Tử “Ra khỏi nơi này ngay, Huân!”

Bàng hoàng trong ảo mộng vừa tỉnh, Huân rảo bước gần như chạy thoát khỏi nghĩa trang... Màn đêm vẫn âm u vẫn bao phủ... Những nắm mộ hình như muốn chuyển mình...



Viết xong ngày 8 tháng 1 năm 2023
NGUYỄN LÂN

Cảnh Xuân Ngày Cuối Tuần Tại Công Viên Mc. Pherson

Xuân sang cây, cỏ, tốt tươi,
Lá xanh, hoa nở, cùng cười đón Xuân
Ong ong, bướm bướm, quây quần
Chung quanh hoa đẹp, hút dần nhụy hoa
Trên cây, chim ríu rít ca
Mặt hồ, những vịt rả rả kiếm ăn
Trong ao đàn cá lặn xăng
Ngoi lên lặn xuống như thắm con người
Xích đu, cầu tuột, sân chơi
Sân banh, sân gôn (golf) không lời chổ nào
Nhà chòi cũng chẳng mấy cao
Đang mừng sinh nhật người nào vui ghê
Trên nền cỏ, phía bên kia
Nhóm người trái bặt, bên bìa suối reo
Gió Xuân thỉnh thoảng lướt vào
Khiến người chạy bộ vui theo, vừa lòng
Mấy chàng khuyến chạy long nhong
Theo cùng các chủ, lòng thông sợi dây
Cảnh Xuân đích thực mê say
Tình Xuân hồng thắm tràn đầy công viên.



Kha Oanh (Oanh Nguyễn)

MAI HOA

*Mai hoa như hóa thành người
Hả là ngọc nữ tỏa ngời sắc hương
Cho lòng ta mãi nhớ thương
Nụ cười rực rỡ thời không nhạt nhòa.*

*Non bồng nước nhược, ngàn xa
Duyên nào đưa bước nàng qua nơi này
Áo mây tha thướt, trang đài*

*Hương thơm còn đọng
dấu hài người tiên...*

*Trời xanh, mây trắng êm đềm
Lung linh vạt nắng tươi thắm xuân mơ
Vài nhành dương liễu đong đưa
Cùng ai soi bóng bên bờ Hương giang.*

*Xa xa, sương khói non ngàn
Thanh âm dịu vợi theo làn nước, mây
Gió chiều nhẹ thổi hây hây
Hương hoa ngào ngạt dâng đầy con tim.*

vương thanh 12.02.23

NỖI LÒNG DƯỚI MƯA

**** Diễm Châu Cát Đơn Sa ****

Mấy hôm nay trời Cali u ám, mây mù giăng khắp nẻo. Dù trời chưa mưa và theo tin tức trên đài truyền hình nói, thì sẽ có mưa bão trong những ngày sắp tới, nhưng bà Trâm vẫn cầu mong sao cho trời mưa xuống thật mau.

Ngày xưa ở quê hương bà, mỗi lần có mưa là dân trong làng mừng rỡ, trẻ con từ nhà này qua nhà khác gọi nhau ơi ời, để cùng chạy nhong nhong ngoài trời tắm mưa, trong lúc người lớn lo rình hết các thứ thau chậu trong nhà, đem ra ngoài hàng hiên kê một dọc hứng nước.

Những bể chứa trong các gia đình reo vui, khi nước mưa theo bệ chuối hay những tấm tôn chảy vào, âm thanh của nước vang lên rộn rã... Những bể nước “trời cho” này khi đầy được che đậy cẩn thận, cốt không cho bụi bặm hay lá cây, hoặc bất cứ thứ gì có thể bay vào, để cả nhà có những ngụm nước trong veo và mát rượi trôi vào cuống họng khi khát, để ông bà cha mẹ yên trí khi nhà có nguồn nước dành tiêu dùng trong những ngày lễ lộc hay đầu năm tết đến, bởi vùng đất đó hay bị hạn hán.

*“lạy trời mưa xuống - lấy nước tôi uống -
lấy ruộng tôi cày - lấy đầy bát cơm - lấy
rom đun bếp”*

Câu ca dao trên người dân trong nước đều thuộc nằm lòng. Nước mưa dùng để nấu trà thì ngon hơn nước máy. Bà Trâm ngày xưa thường gặt gù đặc ý nói như vậy, mỗi khi ông cụ ngồi trước ấm trà bốc khói. Nước mưa thì “ngọt” hơn

nước phong ten! Ai cũng công nhận điều đó, có lẽ vì loại nước này lấy được từ trên trời rơi xuống!

Giờ ở đây, bà Trâm muốn trời làm mưa vì lâu rồi không có mưa, trời lúc nào cũng nắng và nóng. Những quả núi đồi chung quanh nơi bà đang sinh sống đã khô héo, toàn là một màu nâu khô khốc! Không thấy chút màu xanh nào nữa! Cũng vì hạn hán quá lâu khiến đất đai tại California khô khan để cháy, cho nên cuối năm rồi, đã xảy ra vụ hỏa hoạn lớn khủng khiếp, kéo dài từ thành phố Los Angeles cho đến tận miền San Diego, sát biên giới Mỹ, khiến cho cả mấy trăm ngàn gia đình phải di tản, và trận bão lửa này đốt cháy tiêu mấy ngàn căn nhà!

Gia đình bà Trâm cũng phải chạy di tản. Trong nhà gồm có bà, thằng con trai út mới ra trường, đứa cháu mười bảy tuổi tên Trình, coi như con nuôi vì bà nhận nuôi giùm người bạn từ khi nó còn bé, bây giờ bạn thân bà về Việt Nam định cư, nên gửi thằng con ở nhà bà để tiện việc học hành. Trước khi di tản, bà Trâm nhìn lên bức hình cô con gái xinh đẹp của bà mà vừa giận vừa lo, chẳng biết bây giờ nó sống ra sao? Có hạnh phúc không?

Ba thế hệ tay xách nách mang, chất đồ lên hai chiếc xe nhỏ, chỉ mang được theo một ít bộ đồ thay đổi và lương thực, nước uống, riêng mấy thùng nước đã chiếm một góc đáng kể rồi! Đi đâu cũng phải nhớ mang nước uống! Theo lời kêu

gọi của chính phủ, gia đình bà lái xe ra chỗ sân “đấu banh” trụ trì trong vài ngày. Nhờ có chiếc lều nhỏ, mà bà còn có chỗ riêng tư, nằm nhắm mắt một chút không bị ai dòm ngó!

Hai ngày sau hết lửa lại chờ nhau về. Dù nhà không bị hư hại chút nào, nhưng cũng làm cho ai nấy một phe lên ruột, nhất là khi lửa cháy đến gần nhà, cả một vùng trời đỏ lửa, nghe tiếng nổ tanh tách của ngọn lửa rõ ràng bên tai, cháy lan dần đến gần sát bên hàng rào mà kinh hãi! Mới về nhà được hơn một tháng, thì dự báo thời tiết cho biết sắp có mưa bão. Tình cờ, trên đài TV cũng chiếu một phim có tựa đề “Lũ Lụt 2007”. Coi phim này xong, bà Trâm cũng có lo sợ một chút, nhưng khi nhìn cái hồ gần nhà nước rút tận ra ngoài xa, bà lại nghĩ:

-Cứ mưa xuống đi, mưa to hai ba ngày rồi ngưng cũng được, nước trong hồ dâng lên đẹp biết bao nhiêu!

Bà Trâm bây giờ có thêm chút máu “thi sĩ” trong người, phần vì buồn chuyện con gái bà hờn hào chối bỏ mẹ, bỏ nhà đi theo thằng con trai thuộc loại “con nhà giàu - đẹp trai - học dở - bê tha - lại có máu dê!”, nên từ dạo xảy ra chuyện không vui, bà thường hay đứng lặng nhìn những cảnh vật, để hai hàng nước mắt lăn dài mà lòng thổn thức.

Từ từ, thời gian cũng làm bà nguôi ngoai, thói quen nhìn ngắm cảnh vật khiến bà không thể bỏ, kèm theo tính thơ mộng có sẵn trong người của bà. Đã có lần, bà ngồi ngóng cho nước trong mặt hồ cao lên, chỉ cần đứng bên cửa sổ nhìn đàn ngỗng trắng bay đùa, là bà cảm thấy trong người khoan khoái, tan hết những khó chịu, nhớ nhung trong

lòng, những khi bà nhớ lại chuyện đã xảy ra.

Bà ngồi ngóng mưa, bỗng dừng lại nhớ đến ngày hôm đó, Linh lẳng lặng bỏ nhà cuốn gói đi theo Thịnh. Đó là thời gian coi như u tối nhất đời của bà! Bà phải đối phó với bao nhiêu là phiền toái và khó khăn, tưởng chừng như có lúc ngã quỵ! Nhất là lúc viên cảnh sát thẩm vấn bà vài câu, có ý nghĩ như bà đã giết con gái của mình? Vì hàng xóm khai đêm hôm trước, nghe có tiếng quát tháo của người mẹ! Gia đình bà thuộc nho giáo, nên có lúc bà cảm thấy lỗi này do chính bà gây ra, bởi bà là mẹ của đứa con gái hư đốn này! Có vài lần bà định tự tử chết cho rồi để khỏi xấu hổ với người thân và bạn bè... Nhưng suy đi nghĩ lại, bà còn tiếc cái gia sản nhà xe, mấy chục lượng vàng lá, cùng vài trăm ngàn đô la của mình đang cất kỹ trong băng. Vì vậy mà bà đã bỏ ý định chết chóc đi! Rồi bà phải ngẩng mặt lên với nỗi đau như xát muối, khi thiên hạ xì xào:

-Con gái bà Trâm bỏ nhà đi theo trai!

-Nghe nói cái bụng con bé đã thè lè ra rồi!

Bao nhiêu lời hoa mỹ trước đây người ta thường khen gia đình bà họ đã quên tuốt luốt! Chỉ trong khoảnh khắc, con gái bà hát đỏ xuống sông xuống biển không thương tiếc, chẳng thềm nhớ gì đến những hãnh diện mà thiên hạ dành cho trước đó khi nói về gia đình bà, phải khó khăn lắm bà mới có được.

Bà Trâm chỉ có hai người con, một gái lớn là Linh và trai út. Thằng út đã học xong đại học, đang đi làm, con chị nó, những năm trước khá ngoan ngoãn, dùng một cái, cặp kè với một thằng

không ra hồn, được cái mã đẹp trai! Dù bà ngăn cản, khuyên nhủ hết lời:

-Dì Tám nói thẳng này nghiện xì ke!

-Cô Ngọc bảo coi chừng, nó thay bồ như thay áo!

-Chú Tình làm tài xế cho nhà nó nói cha mẹ thẳng này đối xử với kẻ ăn người ở tệ bạc, ác lắm!

Nói cái gì con Linh cũng không nghe, nó lại còn vùng lên mà chửi lại cả mẹ! Hai mẹ con gấu ó nhau, ghét bỏ nhau như mặt trời với mặt trăng! Nhiều lần bà Trâm than thảm tại sao bà lại có một đứa con gái ngu đần, lú lẫn mê trai đến thế! Thà nó chết lúc nhỏ mà đỡ tức! Bà nghĩ mình từng là một nhà giáo, dạy dỗ cả mấy trăm đứa học trò, mà ngay chính con gái bà thì lại đầu hàng, không dạy nổi!

Cho đến lúc Linh trốn bỏ nhà đi, thì bà hốt hoảng đi tìm con ròng rã cả mấy tháng trời, cho đến khi ngồi nhà bỏ cuộc, thì mới biết là con gái bà đang ở trong nhà của thằng con trai kia! Càng nghĩ càng tức! vì nhà bà với nhà thằng kia chỉ cách nhau có hai con đường! Cùng ở gần trường học. Linh vào ở trong nhà Thịnh như một cách “mọi sự đã rồi!”, hy vọng vì lẽ đó mà mẹ cô sẽ nương bộ, suy nghĩ lại, đồng ý chuyện tình của hai đứa.

Bà Trâm mượn người theo dõi, biết Linh ở nhà Thịnh trốn tránh như một con chuột nhắt! Chẳng những thế, khi bà nhờ người lén lút điều đình và năn nỉ Linh trở về với mẹ, thì Linh đã nói những lời xúc phạm và thách thức cả mẹ của mình! Nghe người làm trình lại chuyện này với sự ngập ngừng, Bà Trâm đau

đớn lắm, sự đau đớn không thể so sánh với bất cứ gì được! Bà muốn biến mất khỏi thế gian này!

Đã thế, cho dù giận nhưng vì nhớ con, bà thường vào phòng con tìm tờ thứ này thứ kia cho đỡ nhớ, lại vô tình đọc được những câu danh ngôn về tình yêu mà Linh đã đọc được rồi ghi chép lại, vớt trong học bàn, khiến cho bà thêm thú cả ruột gan! Nhất là câu: “Tình yêu càng thêm mãnh liệt là do những cản trở từ chung quanh mà vô hiệu, không khắc phục được”. Khi viết những câu này, Linh có hiểu thế nào là nỗi lo lắng và đau khổ của một người mẹ thương con? Linh đã cầm dao giết chết niềm kiêu hãnh và tự tôn của bà. Lâu nay, bà Trâm thường tự hào vì con gái bà đẹp, nét na! Ra đường bà luôn luôn ngược mặt lên để kiêu ngạo với đời.

Nhiều khi bà chán quá, con gái thương yêu của bà nó “nốc ao” bà, nên bà không muốn nghĩ ngợi thêm gì nữa, không muốn níu kéo gì được nữa! Có lẽ tại ba nó chết sớm quá chăng?

Nhiều lần bà dạy con rằng:

-Các con nhớ rằng sống ở đây, đôi khi mình làm nô lệ cho đồng tiền, nhưng mất tiền thì còn có thể kiếm lại được, còn tình cảm con người, khi đã đánh mất thì không dễ gì có thể lấy lại được. “Chén nước đã đổ xuống đất thì khó lòng hốt lên được!”

Bây giờ có bán cả tài sản của bà, thì bà cũng không thể nào có lại được những tâm tình đã ra khỏi tầm tay!

Bà nhớ lại rất nhiều lần, bà dẹp bỏ tự ái, đến trước cổng nhà Thịnh, lớn giọng van xin Linh hãy thương mẹ, trở về với bà.

Dù bà nói, năn nỉ, khóc lóc ỉ ôi đến khan cả tiếng, Linh vẫn tỏ ra cứng rắn, gương đôi mắt chiến thắng và khuôn mặt khinh khỉnh nhìn mẹ, trong lòng sung sướng cho rằng đáng kiếp bà già! mình hành xử đúng, mình đã tìm được tình yêu trong mộng của mình.

Dĩ nhiên là Linh có Thịnh hỗ trợ một bên để chống đối với mẹ cho đến cùng! Hề mẹ Linh mà cất lời, thì Thịnh lại ngọt ngào đường mật hứa hẹn bên tai Linh, kèm theo những mơn trớn vuốt ve của đôi bàn tay, làm cho Linh say mê chất ngất!

Sau những lần tới nhà Thịnh để năn nỉ Linh trở lại với mẹ không thành, thì mối bất hòa giữa hai gia đình càng lớn. Bà Trâm thề độc là không bao giờ nhìn mặt nhau! Lòng yêu thương của bà Trâm với con gái đã biến thành lòng thù hận, nói đúng ra là không phải thù hận, mà là căm hờn!

Trời đã có mưa rơi lác đác những hạt lớn! Chiếc xe Bus ngừng ở một trạm bên đường, người đàn bà trẻ nhếch nhác, nhìn có vẻ luộm thuộm nghèo nàn một tay ôm đứa con mới sanh, tay kia xách theo cái túi vải khá lớn bước xuống. Nhìn kỹ thì chính là Linh, con bà Trâm. Ở thành phố này, cứ khi màn đêm buông xuống là ngoài đường vắng hẵn người. Xe cộ cũng ít qua lại. Ai nấy đều ở trong nhà, những căn nhà có ánh đèn vàng ấm cúng hắt ra ngoài song cửa.

Trời đêm tối thui, Linh quán lại đứa con đỏ hồng trong tay bằng cái mền mỏng đã dơ... cánh tay của cô rã rời. Những cơn gió tuy chưa mạnh mẽ gì như đài TV loan báo sẽ có mưa gió lớn trong đêm CT-SỐ 99

nay mà cô đã coi trong trạm chờ xe Bus. Nhưng đó là nửa đêm, bây giờ chỉ mới có khoảng chín giờ thôi! Linh ghì con vào lòng, những gì ám nhất trong người cô đã dành cho đứa bé. Bóng hai mẹ con in rõ trên mặt đường, cái lạnh như cắt da bởi Linh đang đói! Linh đói không phải hôm nay, mà là cả tuần lễ lây lất, thiếu ăn rồi!

Cổ lên, cổ lên... Linh nhủ thầm trong lòng. Trường học ngày xưa đây, chỉ còn hai con đường nữa là đến nhà mẹ! Linh gắng sức với ý nghĩ hồ hởi chân bước nhanh hơn, tới ngôi nhà lớn thấp thoáng phía trước. Mưa mạnh hơn, quất vào người từng hạt, từng hạt. Linh ôm con thật chặt, cố gắng không nghĩ ngợi tiến bước! Hai chân cô vướng vào nhau, xuýt té mấy lần! Linh cố trấn tĩnh, phải tới cho được ngôi nhà trước mặt, chỉ cần đến được nơi đó, là mẹ con cô sẽ được miếng ăn, giấc ngủ, ấm áp cả vật chất lẫn tinh thần.

Đứng trước cánh cổng rào, Linh phải tựa vào gốc cây mà thở, đứa bé lại cất tiếng khóc oe oe. Linh xoa lưng bé nhẹ, vỗ về:

-Con ngoan, đừng khóc, tới nhà bà ngoại rồi.

Nói xong, Linh đưa tay run run bấm chuông, đôi môi khô nứt nẻ hé mở đầy hy vọng. Ánh đèn phía trước sáng lên, rồi thằng Trinh xuất hiện chạy ra mở cổng. Nhìn nó mặc bộ đồ võ dày hai ba lớp, chân mang đôi giày ngủ bằng lông cừu thật là ấm, Linh thấy nó đã cao hơn hồi đó nhiều! Trinh nhìn Linh lấp ló trong bóng tối bên ngoài, nó nói:

-Bà cần gì ạ?

Một làn mưa mạnh hạt tạt xuống, nó thụt vội vào trong nhà, Linh vội vàng đi theo, thẳng bé quay lại, xoa tay:

- Đùng vô nhà, bà muốn gặp ai?

-Chị là Linh đây, Trinh không nhận ra chị sao?

Trinh trưng mắt tỏ vẻ ngạc nhiên.

-Cái gì... chị Linh hả, trời đất ơi... bất ngờ quá em nhận không ra, sao lúc này chị khác quá, không giống ngày xưa, khác quá xá!

Linh buồn bã:

-Chị khác lắm hả Trinh?

-Chị già và nhìn kỳ lắm, làm em tưởng bà nào!

Có tiếng bà Trâm bên phòng trong:

-Ai vậy Trinh?

Thằng bé chạy vào phòng trong, hớn hờ kè miệng vào tai má nuôi:

-Má ơi, chị Linh về, nhìn chỉ giống y như là bà nhà nghèo! Chị có đem em bé về nữa.

Nghe nó nói, bà Trâm tròn mắt, sừng sốt! Một lát, bà buột miệng:

-Con đui nó đi đi, đừng cho nó vào đây!

-Thôi má ơi, con không dám đâu, tội nghiệp chị Linh!

Bà Trâm nói như khóc, giọng to hơn:

- Đui nó đi cho tao, rồi khóa cửa kỹ lại.

Thằng bé ngần ngừ rồi quay ra phòng ngoài, nhìn Linh với ánh mắt tội nghiệp. Em bé lại ư ư cất tiếng khóc. Tiếng khóc của nó nhỏ như con mèo ướt!

-Má nói sao Trinh?

Nét mặt Trinh gượng gạo:

- Má biểu chị đi đi!

Linh lặng người, cô biết mẹ mình nhớ lại chuyện xưa giận lắm! Tiếng bà Trâm lại vang lên:

- Trinh đâu, khóa cửa lại chưa? Không trời lại phạt tao!

Trinh lúng túng:

- Em phải khóa cửa.

Linh biết câu “Trời lại phạt tao” là do chính miệng Linh đã từng nhiếc mẹ mình lúc trước, khi bà đến nhà Thịnh làm dữ đòi bắt Linh về! Bà giận nên lặp lại câu này! Linh chảy nước mắt, níu tay Trinh:

- Chị có lỗi với má! Má còn giận chị lắm phải không Trinh?

- Dạ. Ngày xưa chị đi, má nhớ chị, má buồn khóc hoài, cả năm má mới Ok.

Linh nghe Trinh nói, hối hận muốn chạy vào bên mẹ, quỳ dưới chân bà xin lỗi! Tính gạt Trinh qua một bên để chạy đại vào trong, nơi bà Trâm đang ngồi. Bất ngờ bà Trâm đi ra ngoài, vì nghe giọng đứa con nít khóc, bà cũng nao lòng, cũng muốn nhìn thấy cháu nhưng bắt buộc phải làm mặt cứng rắn! Bà thất vọng khi đứa bé ẩn trong tấm khăn bần, rồi với về mặt khinh bỉ, bà dúi vào tay Linh vài chục đờ, giọng lạnh lùng:

- Đây, cầm lấy tiền rồi mẹ con bé nhau đi ngay đi! Đùng có trở về đây nữa!

Nói xong, bà quay vào trong, đóng cửa phòng lại. Rõ ràng là câu nói này không phải do cửa miệng và trái tim bà muốn

thốt ra! Tại sao nó lại vang lên mạnh mẽ như thế!

Linh sững sốt nhìn mẹ, nhìn những đồng tiền trong tay. Cô khóc nức nở, những hạt nước mắt thi nhau tuôn xuống, lòng cô tràn đầy hối hận xen lẫn tủi thân! Ngày xưa mẹ cô từng khuyên nhủ, khi la mắng cô những điều về người con trai mà cô yêu thương thật là đúng. Nhưng lúc đó cô đang yêu, làm sao cô nhận ra sự việc và chấp nhận cho được! Những tờ bạc trong tay Linh rơi lả tả xuống tấm thảm đỏ dưới chân, và cô xoay người bế con đi ra, trong lúc mưa đang ào ạt tuôn xuống trong màn đêm dày đặc.

Mưa làm ướt đẫm cả hai mẹ con! Tôi nghiệp em bé lạnh run khóc thét lên, nhưng Linh còn biết gì đâu ngoài sự tuyệt vọng chán chường! Thế là hết, nơi cuối cùng mà cô tin tưởng sẽ là nơi nâng đỡ cho cô, khi tuyệt vọng nhất trong cuộc đời đã bị khước từ, đó chính là mẹ ruột của cô! Linh đã tin tình yêu Thịnh dành cho mình như chân lý. Ngày đó Linh tá túc ở gia đình Thịnh như nhà mình, đã hăng hái làm những công việc mà lúc ở với mẹ cô chưa từng bao giờ biết qua.

Mẹ của Thịnh cho Linh vào nhà cũng vì ghét mẹ Linh. Bà Trâm có nhan sắc hơn nhiều người đàn bà giàu khác, bà lại còn có con gái đẹp học thức! Đó là lý do bà Trâm bị ghét!

Gia đình Thịnh là một gia đình chuyên nghề mua bán, ai cũng phải làm việc tận hết khả năng. Vào nhà Thịnh, dù Linh có bằng cấp, nhưng mẹ Thịnh chỉ cho cô làm những việc của một thư ký tầm thường, nhiều nhất là sai vặt. Có khi Linh phải ở tiệm, phía đằng sau để nấu

cơm rửa chén, vì những hôm nhà quá bận, người làm phải ra tiếp buôn bán! Linh không được chường mặt ra ngoài vì sợ bà Trâm đến phá!

Linh như một hạt mưa đã sa xuống giếng! Ở với Thịnh, ngoài cái đẹp trai ra, Linh thấy Thịnh chẳng có gì hay cả. Dần dần, đúng như lời mẹ nói, Linh biết Thịnh hút xì ke, Thịnh có tính lẳng nhăng, gặp cô nào cũng cạ, cũng tán! Riêng cha mẹ của Thịnh ác độc thì lời đồn quả không sai. Ở gần nhau, tuy chưa chun dưới gầm giường của họ, nhưng Linh thấy ba mẹ Thịnh quả là người hung hiểm! Bởi chỉ duy nhất có một lần, mẹ Thịnh bắt gặp anh tài xế đang tỏ cử chỉ an ủi lần ve vãn Linh, vì Linh vừa bị Thịnh đánh một bạt tai ngồi khóc trong lúc gầy lộn.

Mẹ Thịnh lập tức đem chuyện này làm ồn lên, phải nói là la toáng lên, bởi bà thấy chán Linh rồi, muốn đuổi con bé đi mà chưa có dịp, nhất là con trai bà vừa được con gái của một nhà doanh nghiệp lớn để ý, muốn kết thân! Cả nhà tỏ thái độ khinh khi Linh ra mặt, Thịnh cũng về hứa với mẹ, và còn cho rằng biết đâu cái thai trong bụng cô là với thằng tài xế vừa bị đuổi! Chẳng những thế, lâu nay những người thấy Linh hỏi là ai? Thì Thịnh đã trả lời: “Con nhỏ này mê tui, theo không về đây!”

Từ lúc nghe câu đó, Linh mới nhận ra, sau lớp mặt đẹp trai của Thịnh, là một khuôn mặt ác quỷ, hôi hám đáng tởm của loài sói lang!

Dù cho chấp nhận thực tại, bà Trâm vẫn biết là gia đình Thịnh dọn về khu phố chính để công việc buôn bán tiện lợi hơn. Linh đi theo gia đình đó như một

người hầu lam lũ... Tức con, nhưng trong thâm tâm, thì bà lúc nào cũng mong có ngày Linh sẽ về lại nhà, nơi có mẹ và em đang thương yêu chờ đợi từng ngày.

Từ khi Linh gặp phải sự thật phũ phàng trong nhà Thịnh, đôi lúc Linh cũng muốn quay về nhà mình để tạ lỗi với mẹ, nhưng dù cho có nhớ mẹ nhớ em dường nào, Linh vẫn nán ná bởi vì cái bầu nay đã lớn... Phải đợi cho đến lúc sinh con ra sẽ tính! Hy vọng đứa con là gạch nối yêu thương trở lại giữa Linh và gia đình chồng.

Nhưng rồi chuyện tên tài xế lại xảy đến! Cho nên trong ngày Linh đau bụng thật là tủi hổ. Thịnh chờ Linh đến trước nhà thương, rồi thả Linh và một chị công nhân làm cho nhà Thịnh đi bộ vào, còn Thịnh thì phóng xe không đi mất, không thấy tăm hơi! Hỏi thì được trả lời là “Bận ngủ”! Cho nên sau ba ngày, khi ở nhà thương ra, Linh đã ôm con đi luôn, không muốn trở lại nhà Thịnh nữa. Gia đình Thịnh cũng chẳng để ý, họ còn thờ phào nhẹ nhõm như tổng đi được “của nợ”!

Bà Trâm ở trong phòng, tim đau đớn y như ngày bà đi đòi con gái ở nhà Thịnh! Dù chuyện cũ vẫn còn in hằn, dù con gái bà đại trai đã ăn nói vô lễ, xác xược với bà, nhưng... “Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình”! Trên thế gian này, có người mẹ nào lại nhẫn tâm không thương con mình đứt ruột đẻ ra? Lúc này bà thấy Linh, vừa mừng vừa giận! Bây giờ sự tức giận đã qua đi, có phải là hàng ngày, bà vẫn cầu mong cho con bà trở lại?

Bà Trâm bật dậy, con bà đâu rồi? Nó đang cần sự che chở của người mẹ khi hối hận quay về? Sao bà lại nhẫn tâm xua nó đi? Bà vội vã lấy cái áo ấm khoác vào người, rồi ba chân bốn cẳng chạy ra khỏi nhà, quên mất cây dù trên tay. Bà Trâm vừa chạy trong đêm, mắt nhìn khắp nơi trên đường, vừa gọi:

-Linh ơi, Linh, con ở đâu, trở lại đây với mẹ... mẹ thương nhớ con lắm, Linh ơi!

Trời vẫn mưa xối xả, gió thổi lạnh buốt, những giọt nước mắt sung sướng của bà Trâm tuôn xuống hòa lẫn với nước mưa, khi bà trông thấy cái bóng nhỏ nhoi yếu đuối của con bà đang quay đầu lại, nhìn về hướng tiếng gọi vừa phát ra.

Ôm lấy con và cháu trong tay, cả ba bà cháu cùng run rẩy vì lạnh, nhưng trong ánh mắt, trái tim họ, từ đây sẽ không còn hận thù nữa, mà là sự yêu thương vĩnh viễn.

Vừa trở vào nhà, thay quần áo ấm và khô, ngồi lên bàn ăn chén súp, Linh nhìn mẹ âu yếm, trong lúc đó, trên màn ảnh nhỏ, tiếng cô xướng ngôn viên thông báo khẩn:

-Đồng bào ở các khu vực... bắt buộc phải di tản ngay, vì cơn bão có thể bất ngờ chuyển hướng qua những nơi đây tối nay!

Mẹ con lại lục đục thu dọn đồ đạc, nhưng trong lòng bà Trâm lần này, bà vẫn thấy không lo lắng gì, mà còn vui vui. Đi đâu thì mẹ con bà cháu vẫn còn bên nhau.

Diễm Châu Cát Đơn Sa



CHIỀU CUỐI NĂM

*Ngồi quán cà phê nhớ bạn hiền
Nỗi buồn tang chế thật vô biên
Đen đen mấy giọt thêm sầu lắng
Đắng đắng vài ly bớt muộn phiền
Ông bạn mới quen chưa nặng nợ
Cô nàng vừa gặp đã nên duyên
Vài câu tâm sự đau thời thế
Một buổi chiều qua riêng thật riêng.*

LỜI CHÚC ĐÊM CUỐI NĂM

Chúc Xuân xin hãy cạn ly này
Chúc mỗi tình quê giữ trọn đây
Chúc nước mau qua thời khổ nạn
Chúc người sớm thoát cảnh lưu đày
Chúc già lấy nghĩa khuyên điều thiện
Chúc trẻ đem tài hóa vận may
Chúc lửa yêu thương tràn bóng tối
Chúc men hạnh ngộ lại dâng đầy

nguyễn vô cùng

TÌNH THƠ LẠC XỨ

Tình thơ lạc xứ sưởi hồn nhau
Vất vưởng bên trời tự bấy lâu
Tưởng đã hong khô từng sợi nhớ
Mà chưa tát cạn mấy khoang sầu
Đường cày đất lạ chân còn buốt
Vết tẩy quê nhà ruột thấm đau
Chén rượu chờ mai ngày hội ngộ
Tình thơ lạc xứ sưởi hồn nhau

nguyễn vô cùng

Đăng Nguyên

Eden Center, chiều cuối năm 2022

PHÁP LUÂN

*Buổi sáng tinh mơ ngộ Pháp Luân
Bình minh soi chiếu khắp châu thân
Năm bài diệu diệu xoay vần pháp
Mỗi bước thâm thâm chuyển thế trần
Thanh thảo tâm hồn Chân Thiện Nhẫn
Nhờn nhờ thân xác Đạp Thanh Tân
Du du tự tại tâm vô niệm
Thiền tịnh quên đời mặc thế nhân.*



Đăng Nguyên

MÂY XƯA

Chiều về lặng ngắm mây bay,
Phiêu du sao lạc phương này mây ơi!
Nhìn mây quen quá đi thôi
Phải chăng quê ở khung trời Việt Nam?

Mây bay từ Ải Nam Quan,
Qua Đồng Đăng xuống Lạng Sơn, Kỳ Lừa
Luyện lưu trên đỉnh Vọng Phu
Có nàng Tô Thị ngàn thu ngóng chồng.

Mây Hà Nội, mây Hà Đông,
Gió đưa mây tới Hải Phòng, Kiến An,
Hưng Yên, Phát Diệm, Nho Quan,
Đường mây vạn lý Trường Sơn chập chùng.

Trải dài sông núi miền Trung,
Sầm Sơn, Lệ Thủy, Cửa Tùng, Phú Vang,
Lệnh đên trời Huế mơ màng
Ải Vân bàng bạc giăng ngang lưng đèo.

Nha Trang rực rỡ ráng chiều,
Cam Ly ẩn hiện phiêu diêu mây ngàn.
Miền Nam nắng đẹp chứa chan,
Mây từ Hồng Ngự, Tân An bay về.

Saigon, Gia Định, Nhà Bè,
Bền bông trôi dạt Cầu Kè, Vĩnh Châu,
Hà Tiên, Rạch Giá, Cà Mau,
Ngàn mây điểm sắc tươi màu Quê Hương.

Chao ôi! Thiên địa phong sương,
Phù vân tản mạn viễn phương giang hồ,
Hợp tan như thực như mơ,
Cánh mây lưu lạc bao giờ hồi hương?

Trần Quốc Bảo - Virginia



TÌNH MUỘN

**** Ngọc Ánh ****

Tôi biết anh từ sau 1975 chừng vài tháng, khi mà mấy ông Thầy bị sàng lọc và đuổi ra khỏi trường mà không cần biết lý do, để đưa những tên cán bộ chính trị của đại học Pắc Pó từ miền Bắc vào giảng dạy. Cộng Sản là thảm họa của cả miền Nam kể từ dạo ấy và đối với riêng anh, việc bị đuổi ra khỏi trường Văn Khoa là một biến cố đau buồn nhất trong đời, nó thường xuyên ám ảnh đến cả giấc mơ đầy ác mộng của anh sau này. Anh là bạn thân của ông Thầy dạy tôi thời Trung học, hai người bạn thất nghiệp đi lang thang và ghé vào căn phòng trọ của cô học trò nhỏ, cả Thầy trò đều xác xơ đến tội nghiệp, tôi loay hoay nấu cơm bằng cái nồi nhỏ xíu với chút rau luộc và cái trứng vịt dầm nước mắm, buổi cơm đạm bạc nhưng chân tình. Tôi ám ức kể cho Thầy nghe những bực bội trong cuộc sống mới mà tôi phải chịu đựng, những bất mãn hậm hực trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa (XHCN) nói một đằng làm một nẻo này, tức mà không biết nói với ai. Tôi viết nhật ký và in roneo cả xấp, không biết để làm gì nữa nhưng chắc cũng đỡ buồn đôi chút. Thời buổi này biết tin ai bây giờ ngoài Thầy, tôi không có dịp học với anh dù

nửa chữ, nhưng tôi kính anh như thầy mình. Tôi đưa bản nháp cuốn nhật ký cho hai ông, coi như có người để chia sẻ tâm sự. Năm 1978 cuốn nhật ký được một người thân lên chuyển qua Mỹ, và được in làm nhiều kỳ trong bán nguyệt san Việt Nam Hải Ngoại (VNHN) tại San Diego.

Đầu năm 1979 tôi vào tù, tôi nghĩ chuyện tới đó là chấm hết.

Thời gian như cuồng phong phẫn nộ cuốn phăng mọi thứ, mất hút trong mưa giông là những dề lục bình tuổi thơ mơ mộng của bạn bè tôi, dạt dờ như rác rưởi trong chế độ mà “*đôi dép râu làm sầu tuổi trẻ, nón tai bèo dẫm nát mộng đời trai*”, gió đưa gió đẩy không về rẫy Kinh Tế Mới thì cũng ra khơi vượt biển tìm Tự Do. Thời điểm sôi bỏng lúc đó ai cũng muốn đi, dù biết chắc rủi ro phía trước.

Cuộc sống bức bách trong thời gian đầu khiến anh không thể chịu đựng nổi, anh dẫn vợ con ra khơi trên chiếc ghe chông chênh túm hùm phó thác tánh mạng cho Trời. Tôi chọn ở lại để cùng chồng mưu toan “bẻ gãy chống trời”, mọi việc không thành, cả nhà tôi bị bắt, chồng tôi bị tuyên án Tử Hình, tôi chôn tuổi trẻ của

mình hơn 10 năm trong lao tù Cộng Sản, thằng con trai mới hơn một tuổi cũng bị vạ lây, vướng vòng lao lý đến độ tật nguyền. Câu chuyện đau thương và trải dài biết bao khốn khổ bất hạnh trong suốt những năm tháng buồn hiu đó. Cuối cùng thì tôi cũng ra tù, con trai tôi được một tổ chức nhân đạo bên Thụy Sĩ mang ra khỏi trại giam trước đó vài năm, sự giải thoát chậm trễ đã khiến nó tàn tật suốt đời, chính điều này đã làm tôi đau đớn ân hận mãi không nguôi.

Phần anh, sau chuyến vượt biển thành công, chiếc ghe mong manh tấp vô một đảo nào đó bên Nam Dương chờ ngày qua Mỹ định cư, giống như định mệnh được báo trước, những ngày trong trại tị nạn, tạp chí VNHN tình cờ lọt vào tay anh và những đoạn nhật ký rời rạc trong đó khiến anh thảng thốt vì anh đã biết tác giả là ai, anh đã từng đọc nó bằng bản roneo nhòe mực, và anh đã đốt nó trước khi xuống tàu ra đi, anh chọn sự bỏ cuộc và cô học trò chọn sự ở lại để đối đầu với cả một chế độ! Tuổi trẻ của cô ta thật dũng cảm, anh nghĩ như vậy khi chính anh đã không làm được điều đó. Có cái gì như ân hận ray rứt khiến anh bồn chồn trong bụng.

Vài năm sau, khi cuộc sống tạm ổn định, anh gọi về Sài Gòn gặp người bạn cũ để hỏi thăm tin tức về con nhỏ năm xưa, Thầy tôi cũng nghe loáng thoáng trong CT-SỐ 99

đám học trò “.. hình như nó bị bắt và chết trong tù..” Anh thực sự đau buồn thương tiếc một người con gái trẻ sớm lìa đời... Những bầm dập trong tù đã không làm tôi gục ngã, tôi sống sót để trở về với bao tang thương mát mát không cách gì bù đắp nổi.

Ra trại, trở lại cuộc sống bình thường nhưng không yên ổn, cơn áo mưa sinh vất vả, thường xuyên đối mặt với những kỳ thị hoạnh hợ của chính quyền địa phương, với cái lý lịch tăm tối tù tội trong quá khứ khiến tôi thật sự mệt mỏi. Trong một lần đi họp trường xưa bạn cũ, tôi đến chào Thầy, ông ngỡ ngàng nhận ra “con nhỏ học trò” thuở nào và buột miệng “em còn sống hả Ánh? Em còn nhớ Thầy S không? nó cũng hay về thăm tôi, có lần nó hỏi thăm em, tôi nói em chết rồi, nó buồn xo...” Mấy chục năm qua rồi, gặp anh một lần như thoáng gió, có yêu thương hò hẹn gì đâu mà nhưng nhớ, tôi lúc đó hừng hực lửa hai mươi, còn anh có vợ 4 con bộn bề trăm nỗi. Cái buồn xo nếu có chắc cũng chỉ là tội nghiệp đưa học trò lặn đạn mà thôi!

Trong mùa hè nào đó, tôi nhận được cú phone lạ “Thầy S đây, con có nhớ thầy không?” Phản ứng rất tự nhiên tôi “dạ - không” gọn lỏn, bên kia đầu dây ngập ngừng một chút “Ờ hôm nào Thầy trò mình gặp nhau nhe”.

Cũng không có gì bất ngờ khi hai ông thầy lại đến thăm cô học trò đã già hơn xưa, sau hai mươi mấy năm không liên lạc lại có bữa cơm thân tình nhưng tươm tất hơn trước, lại những câu chuyện kể đứt khúc như cuốn phim buồn, thật tình tôi muốn quên đi quá khứ đau thương. Ra về, anh ghi vội cho tôi email để Thầy trò liên lạc nhau, và tôi vẫn kính cẩn “Thưa Thầy” mặc dù tới giờ Thầy vẫn chưa dạy tôi cách dùng email để viết ... thư tình.

Thời đó có computer trong nhà là một mơ ước của tôi, anh đâu biết mỗi lần trả lời email tôi phải chạy hàng mấy cây số mới tới chỗ dịch vụ Internet, loay hoay tự học mò cò từng chữ.

Rồi thư qua thư lại, lúc đầu chỉ là những chia sẻ trong cuộc sống ở hai bờ đại dương xa lắc, anh còn đi dạy, lũ học trò tiểu học dễ thương, các con lớn có cuộc sống riêng, vợ anh ly dị đã lâu, anh ở một mình trong căn nhà rộng vắng vào ra cô đơn lặng lẽ, cơm nước tự nấu bữa sáng bữa chín.

Còn tôi làm công nhân trong một xưởng gỗ tư nhân, mỗi ngày đạp xe hì hục trên xa lộ nắng cháy mà không biết tai nạn chết chóc xảy ra lúc nào, không có bằng Đại Học thì chỉ làm công nhân suốt đời, tôi nghĩ vậy mà cố gắng ghi tên học lại, rồi mấy năm đèn sách vất vả cũng qua đi. Khi anh gặp tôi thì mọi việc có vẻ như

ổn định, tôi tự đứng dậy được trên đôi chân của mình. Email qua lại cả hai năm trôi, anh gọi phone cho tôi thường xuyên hơn, thân thiết hơn và không biết từ chữ “Thầy” chuyển qua chữ “Anh” lúc nào mà tự nhiên chúng tôi không còn thấy khoảng cách hàng mười ngàn cây số giữa Mỹ và Sài Gòn xa xôi chút nữa, những lá thư tình chất đầy ngăn kéo đã kết nối đôi bờ.

Mùa hè 2004, Anh quyết định bay về nói chuyện kết hôn, Má tôi im lặng một hồi mới nói “Già rồi ở vậy cho rảnh” nhưng nói là nói vậy thôi, Má sợ tôi bước thêm bước nữa rồi khổ. Nhưng Má ơi, tử vi nói con hết cơn bỉ cực rồi. Tôi chột nhìn xuống chân “ông rể” tương lai của Má, ai đời buổi ra mắt nhà vợ đầu tiên mà anh mang vợ chiếc xanh chiếc xám bê bối thấy mà thương, mới biết anh chàng đã làm mềm lòng trái tim tưởng đã hóa thạch của tôi từ những điều nhỏ nhặt.

Vậy đó, tôi làm cô dâu ở tuổi 50, trong chiếc áo dài đơn sơ giản dị, bạn bè hai bên chừng vài bàn, buổi tiệc nhỏ đầy ấm cúng, ai cũng chúc mừng cho hạnh phúc muộn màng nhưng rạng rỡ của tôi, lối xóm bàn tán “cô ta hên ghê có chồng Việt kiều về cưới”. Anh nắm tay tôi ấm áp dễ dàng, tôi nghĩ mình thật hạnh phúc và bình yên khi có anh bên cạnh.

Sau ngày cưới, thấy không thể nán ná trong cái xã hội đầy rẫy sự bất an ngang

ngược từng ngày này, anh quyết định mang tôi đi xa hơn về miền đất hứa... Ngày tôi lên máy bay rời Sài Gòn cũng vào mùa hè, tháng 5 và những chùm phượng đỏ rưng rưng ướt đẫm trong cơn mưa đầu mùa, tôi biết mình đã mất Quê Hương từ cái ngày 30/4/1975 đáng nguyên rửa ấy, nhưng lần ra đi này mới thật sự thấy thấm nỗi chia ly. Biết bao người đã bỏ nước ra đi và chết tức tưởi trên biển cả, còn tôi đã may mắn hơn triệu triệu người khi vượt biển trên chuyến bay American Airlines, để đến một nơi mà mình biết chắc là có Tự Do Hạnh Phúc thật sự chứ không phải thứ tự do được rêu rao bịp bợm gian trá trong cái gọi là XHCN. Qua rồi những bão tố gian nan, những cay nghiệt khốn khổ trong cuộc sống tù đày của ba mươi

năm trước, tôi khép lại quá khứ nhọc nhằn, lau khô những giọt nước mắt bi thảm để nắm tay anh đứng dậy. Cuộc sống vốn ngắn ngủi cho những ai bi quan, tôi nghĩ mình đang hướng về phía mặt trời. Như cuốn tiểu thuyết có hậu ở trang cuối, tôi cảm ơn anh đã viết Tình Yêu bằng chữ hoa trân trọng cho những năm tháng còn lại của chúng tôi. Hạnh Phúc thật sự chỉ có trong trái tim rộng lượng, chân tình.

Cám ơn anh, cám ơn nước Mỹ đã dung chứa thêm một người tị nạn khốn khổ như tôi. Chào một ngày mới bắt đầu trên quê hương mà bao người mơ ước được đặt chân tới. "American Dream".

Ngọc Ánh

NHỮNG NỤ HỒNG CHO EM

*Trọn vẹn cho hiền thê Nguyễn Thị Thanh
Kỷ niệm 30 năm ngày cưới*

**Tặng em ba chục đoá hồng
Bao năm hương lửa
mặn nồng thiết tha
Tình hồng như những nụ hoa
Đẹp như nốt nhạc bài ca diễm tình
Ba mươi năm dạ trung trinh
Trái bao dâu biển hành trình gian nan**

**Dù cho nghịch cảnh cơ hàn
Nuôi đàn con dại không than nửa lời
Con thơ giờ đã nên người
Thương em lận đận một thời xuân xanh
Thời gian gió thoảng qua màn
Thù chung tròn giấc mộng lành phu thê**

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

Tượng Niệm Hai Bà Trưng

(Mùng 6 tháng 2 Âm lịch)



Ai đến bờ Hát giang gió lộng
Có nghe chẳng tiếng vọng thời gian
Nghìn năm mây trắng rõ ràng
Treo trên Lăng Bạc
nét vàng chẳng phai
Buổi nô lệ dưới thời Đông Hán
Đất Giao Châu tiếng oán lòa mây
Máu tuôn lên lóng lánh đêm ngày
Trắng xương núi thẳm,
vàng thây biển ngoài
Thế giặc mạnh như loài quỷ dữ
Lòng nữ nhi hai chữ Trưng Trinh
Quyết đem chí lớn đáp đền
Thù nhà, nợ nước vẹn tuyền cả hai
Chống bạo ngược, cờ bay phấp phới
Tuốt gươm thiêng sáng chói cầm tay
Lên voi chỉ hướng ải ngoài
Hai Bà ra trận, đông đoàn giặc tan
Trang sử mới huy hoàng vừa mờ
Dựng cơ đồ một thuở Mê Linh

Khăn tang chưa ráo lệ tình
Đã nghe vó ngựa ngoài Kinh dập dồn
Giặc lại đến rủa hồn trận trước
Ỗ thế đông như nước tràn bờ
Hai Bà lực yếu thế cô
Sông ngăn phía trước,
bụi mờ tuyền sau
Quyết không để sa vào tay giặc
Giòng nước sâu gieo ngọc vùi thân
Đang cơn khuyh quốc vong thành
Chết vinh quang, chỉ một lần ấy thôi
Gương tiết liệt muôn đời chiếu sáng
Chí quật cường tỏa rạng năm châu
Khí thiêng kết tụ nhiệm màu
Long lanh Lưỡng Ngọc
nằm sâu đáy hồ.

Quang Hà

TÀN MẠN CHUYỆN VỢ CHỒNG

** LS. NGÔ TÀNG GIAO **



Chồng tình nguyện rửa chân cho vợ để được... đi nhậu.

Một cô vợ ở Trung Quốc cho biết chồng mình không bao giờ làm việc nhà. Trong mắt anh, người đàn ông chỉ cần biết kiếm tiền là đủ. Nhưng cô vợ không phải người dễ thỏa hiệp. Cô bằng làm hết tất cả nhưng với điều kiện, anh phải đưa hết tiền lương cho vợ, đi đâu cũng phải báo cáo.

Anh chồng chấp nhận. Ban đầu anh không để tâm đến lời vợ nói. Anh ta cho rằng tiền mình kiếm ra thì mình thích làm gì tùy ý. Nhưng sau đó anh nhận ra, không ai chăm sóc con cái tốt hơn vợ mình. Nếu không có vợ lo việc nhà cửa, chăm con, anh sẽ không yên tâm công tác. Từ đó, tháng nào anh ta cũng giao hết lương cho vợ, việc lớn việc nhỏ trong nhà đều do vợ làm.

Tuy nhiên, sau khi đưa hết tiền cho vợ, anh cảm thấy rất bất lực. Mỗi lần đi đâu, tiệc tùng cùng bạn bè, anh lại phải ngửa tay xin tiền vợ. Lâu dần thành quen. Một ngày, anh chồng được hội bạn thân gọi đi nhậu. Trước khi đi, anh

đã giúp vợ làm hết mọi việc trong nhà. Anh thậm chí còn rửa chân cho vợ để được vợ đồng ý cho đi nhậu.

Thấy hành động của chồng, cô vợ đoán rằng anh sắp sửa xin đi nhậu. Cô đã quay lại video và đăng lên mạng "khoe" với chị em. Có người cho rằng, đàn ông như vậy là nhu nhược, thiếu bản lĩnh. Nhưng có người lại nhận định đó là "tình yêu chân thành, xuất phát từ trái tim".

Người đàn ông mời vợ cũ và chồng đến ở cùng nhà mình.

Tại Connecticut (Mỹ) chị Lindsay và anh chồng là Chris ly dị nhau năm 2016 nhưng vẫn giữ quan hệ tốt. Anh nhận nuôi hai con, còn chị Lindsay kết hôn với chồng mới là anh Mike và hiện có con chung 5 tháng tuổi.

Đột ngột bị chủ đòi lại nhà cho thuê, vợ chồng chị Lindsay và Mike đang loay hoay chưa biết chuyển đi đâu thì anh Chris mời cả hai về sống chung trong căn nhà 5 phòng ngủ của mình.

"Chris là một người có tư duy cởi mở, vì thế chuyện mời chúng tôi về ở chung chẳng có gì to tát với anh ấy. Về đó, tôi cũng có cơ hội được gặp các con mỗi ngày. Nhưng với Mike thì phải mất một thời gian anh ấy mới thoải mái với lối sống mới", chị Lindsay kể.

Chị cho biết, hai người đàn ông - cũ và mới - của chị nhanh chóng thành bạn và hỗ trợ nhau trong việc sơn, trang trí nhà. Mike còn đùa với anh Chris: "Tôi đã

lấy mất vợ của anh, ít nhất hãy để tôi sơn bếp cho anh".

Sự sắp xếp này sẽ không kéo dài mãi khi Lindsay và Mike hy vọng sẽ chuyển tới Hawaii ở trong tương lai.

Đi làm xa nhà sợ vợ buồn, chồng cưới thêm 3 vợ mới để vui bầu bạn.

Năm 2014, cô Mimi (31 tuổi) gặp gỡ và kết hôn với chú rể Wari (28 tuổi) sống tại Malaysia. Cuộc sống vợ chồng của cặp đôi khá hạnh phúc và êm ấm. Duy chỉ có 1 điều là anh này thường xuyên phải đi công tác xa nhà, ít gần gũi vợ con. Vì vậy cô vợ không ít lần cảm thấy buồn tủi và chán nản vì nhớ chồng. Chính cô là người yêu cầu chồng lấy thêm vợ mới để trong khoảng thời gian chồng đi xa, cô sẽ có người bầu bạn, hàn huyên tâm sự và chia sẻ việc gia đình. Và dĩ nhiên anh chồng vui vẻ đồng ý ngay lập tức.

Sau đó anh Wari kết hôn liên tiếp với 3 người phụ nữ khác là cô Lina 26 tuổi (vợ thứ 2), cô Anne 25 tuổi (vợ thứ 3) và cô Tiha 25 tuổi (vợ thứ 4). Đám cưới gần đây nhất được tổ chức vào cuối năm 2021. Điều gây sốc nhất là người vợ thứ 2 của chàng trai lại chính là bạn thân của cô Mimi. Cô Mimi chia sẻ: "Chính tôi là người thúc giục chồng lấy thêm vợ mới, hơn nữa còn có người là bạn thân của tôi trong số đó".

Cả 4 người đều chung sống hòa thuận với nhau dưới cùng 1 mái nhà chung. Mọi người đều đối xử với nhau rất tốt, coi nhau như chị em ruột trong nhà, nhã nhặn trong giao tiếp hằng ngày với mục tiêu cuối cùng là xây dựng 1 gia đình lớn hạnh phúc.

Sau khoảng 1 năm sinh sống thì họ bắt đầu dọn ra ở riêng mỗi người 1 nhà. Cả 4 người chỉ thỉnh thoảng tụ họp lại với nhau khi có chuyện gia đình cần giải quyết bởi vì mỗi người đều có công việc riêng. Nếu sống chung họ sẽ khó có thể tiếp tục sự nghiệp hiện tại của mình.

Không biết nên chúc mừng hay chia buồn cùng cô vợ đây. Quả là anh chồng thương vợ nhất quả đất đây rồi!!! Câu chuyện gia đình của anh Wari quả thật hiếm có đến khó tin!

Chia tay quá sớm, chồng đòi vợ hoàn tiền cưới

Một thanh niên Trung Quốc, anh Hou, 25 tuổi, cư dân tỉnh Hà Nam, gây chú ý trên mạng xã hội khi mở chiến dịch đòi vợ hoàn tiền cưới sau khi chỉ mới ở chung với nhau được hơn một tháng thì chia tay. Trước đó, anh ta phải vay rất nhiều tiền làm đám cưới rình rang, theo nhật báo South China Morning Post của Hồng Kông. Anh chồng đòi vợ là cô Li phải hoàn 140,000 nhân dân tệ trong số 510,000 tệ mà anh ta chi cho đám cưới.

Đôi này được người khác làm mai mối năm 2021 và chỉ ba ngày sau thì cưới nhau, rồi chỉ 33 ngày sau thì chia tay.

Một phần chi phí đám cưới được anh Hou mượn của họ hàng, và phần còn lại do anh và cha mẹ dành dụm từ tiền làm thêm xa nhà. "Chúng tôi chỉ muốn lấy lại số nữ trang chúng tôi sắm cho cô ấy, giá trên 40,000 tệ, và 100,000 tiền mặt," anh Hou cho biết.

Anh Hou mở chiến dịch đòi tiền bằng cách treo biểu ngữ lên xe hơi anh ta và dùng loa nói lớn phía trước nhà cô Li

đang sống chung với cha mẹ cũng ở tỉnh Hà Nam.

Anh Hou cho hay cô Li dọn ra khỏi nhà họ sau khi hai người cãi nhau do anh ngủ quên trong nhà khiến cô bị nhốt bên ngoài nửa đêm khi đi làm về, chỉ một tháng sau khi họ kết hôn.

Chi phí đám cưới của anh Hou với cô Li được đánh giá là quá xa xỉ so với tiêu chuẩn ở tỉnh Hà Nam.

Bực tức vì bị chê da ngăm, cô vợ Ấn Độ giết chồng, cắt ‘của quý’.

Cô Sangeeta Sonwani, 30 tuổi, bị bắt với cáo buộc giết chồng là ông Anant Sonwani, 40 tuổi, tại nhà ở làng Amleshwar tối Chủ Nhật. Vợ chồng ông Anant Sonwani từng nhiều lần cãi nhau vì nước da cô vợ.

Theo kết quả điều tra ban đầu, ông Sonwani suốt ngày chê vợ da ngăm và xấu xí, và hai vợ chồng từng nhiều lần cãi nhau vì chuyện này. Tối Chủ Nhật, họ lại cãi nhau, và trong lúc nóng giận, cô Sangeeta lấy rìu trong nhà chém chết chồng rồi còn cắt “của quý” ông ta.

Hôm sau, cô Sangeeta nói với dân làng rằng chồng cô ta bị người khác sát hại, nhưng sau đó, khi bị cảnh sát thẩm vấn, cô ta thú nhận giết chồng.

Ông Sonwani cưới cô Sangeeta sau khi người vợ đầu qua đời. Cũng như người dân nhiều nước Á Châu khác, người Ấn Độ rất thích nước da trắng. Những sản phẩm kem và kỹ thuật làm trắng da rất đắt khách ở nước này.

Chồng đòi ly hôn vì vợ quá giỏi chuyện chăn gối.

Gặp khó khăn trong quan hệ tình dục là nguyên nhân dẫn đến nhiều rắc rối trong hôn nhân, thậm chí có không ít cặp vợ chồng chia tay về điều này. Tuy nhiên, một cặp vợ chồng mới cưới ở Phúc Châu, Trung Quốc đã khiến người mọi người ngạc nhiên khi họ chia tay vì chuyện phòng the quá hợp, quá thăng hoa. Chồng cô Chu cho rằng, chuyện cô giỏi hơn đàn ông trong chuyện phòng the là một hiện tượng rất bất thường, vì vậy anh đòi ly hôn.

Cô Chu, hơn 30 tuổi, kết hôn với người chồng cùng tuổi mình vì cả hai đều cảm thấy đối phương là người phù hợp. Sau nhiều lần gặp gỡ, tìm hiểu, cả hai quyết định tiến tới hôn nhân. Chồng của cô Chu cũng đã đưa tiền mặt và trang sức, đồ đạc sinh lễ cho gia đình nhà gái theo phong tục địa phương.

Thế nhưng khi chồng cô Chu phát hiện vợ mình từng là tiếp viên trong quán bar, anh cảm thấy cô Chu là người phụ nữ ô uế, không sạch sẽ. Dù cô Chu có giải thích thế nào, chồng cô cũng cho rằng cô là người không đứng đắn. Thậm chí, chồng cô còn nói thẳng, chuyện cô "giỏi hơn đàn ông trong chuyện phòng the" là một hiện tượng rất bất thường, ngụ ý rằng cô Chu có kinh nghiệm dày dặn vì đã tiếp nhiều khách nam khi làm tiếp viên quán bar.

Hai người mâu thuẫn, cãi vã rất nhiều lần vì chuyện đó. Sau khi cưới chẳng bao lâu, cô Chu bị chồng đuổi về nhà bố mẹ đẻ. Thấy không thể duy trì mối quan hệ này nữa, cô Chu đồng ý ly hôn với chồng, thế nhưng đối phương lại muốn đòi lại tiền sinh lễ, hai người tiếp tục xảy ra tranh chấp.

Cô Chu cho biết, việc ly hôn đã ảnh hưởng không tốt cho danh tiếng của cô, trừ khi bên kia bồi thường cho cô “150.000 nhân dân tệ” nếu không thì cô sẽ không đồng ý trả lại một phần sính lễ. Về phía chồng cô Chu, anh cho rằng cô giấu diếm quá khư khư, khiến anh bị người ngoài cười nhạo. Anh không đòi tiền bồi thường tổn thất tinh thần, thanh danh là đã quá thiện chí, không ngờ còn bị cô Chu yêu cầu bồi thường. Mâu thuẫn tăng cao, xung đột tiếp tục xảy ra.

Chồng Việt Nam ghen tuông chém đứt lia 2 cánh tay vợ.

Một ông ở Đồng Nai (VN) đã dùng dao chém đứt lia hai cánh tay của bà vợ trong cơn cuồng ghen. Công An cho biết đã bắt giữ nghi can Thái Xuân Bình, 34 tuổi, về tội “có ý gây thương tích.” Nạn nhân là bà vợ bị chém lia cả hai cánh tay.

Bà vợ 27 tuổi, vợ nghi can Bình, chuyên bán hàng mỹ phẩm qua mạng nên thường giao tiếp với nhiều người. Nghi vợ ngoại tình, nên thời gian gần đây hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Một hôm trong lúc ở nhà nghi can Bình gặng hỏi vợ về mối quan hệ tình cảm với người khác, thì chị vợ đã thừa nhận. Tức giận, nghi can Bình xuống bếp lấy dao chém vợ liên tiếp. Nạn nhân hoảng hốt đưa hai tay lên chống đỡ nên bị dao chém đứt lia cả hai cánh tay.

Báo Công An Nhân Dân cho hay mạng xã hội lan truyền một đoạn video clip được cho là của vợ chồng nghi can Bình. Đoạn clip này ghi lại cảnh người

chồng vừa khóc nức nở, vừa chửi vợ bội bạc, vừa vung dao một cách dã man với vợ. Trong đoạn clip này, người chồng đã không kìm nén nổi cảm xúc, liên tục gặng hỏi vợ: “Tại sao mày lại làm thế với tao? Tao thương mày như thế sao mày làm như vậy?” Người vợ cũng gào lớn: “Tại vì anh không thương em.” Sau đó người chồng liên tục hét lên “Trời ơi!” rồi vung dao chém nhiều nhát vào tay của vợ.

Sau khi gây ra sự việc, nghi can Bình gọi điện thoại cho người thân đưa vợ đi cấp cứu rồi đến Công An đầu thú và khai báo sự việc.

Riêng chị vợ do bị thương quá nặng nên được đưa đi cấp cứu ở bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn. Nạn nhân nhập viện trong tình trạng nguy kịch, tay phải bị đứt lia hoàn toàn khỏi cơ thể, tay trái chỉ còn dính phần da và đã được các bác sĩ thực hiện giải phẫu nối lại. Tuy nhiên, theo nguồn tin của báo VTC News, mặc dù chị T. đã qua cơn nguy kịch, nhưng chỉ giữ lại được một cánh tay bên trái.

Vợ giết chồng vì tham tiền bảo hiểm.

Chuyện nước Mỹ: Jerry Michael Williams (sinh năm 1969) được cho là đã mất tích không tìm thấy xác từ ngày 16/12/2000 khi người thân nói rằng anh đã rời khỏi nhà từ Florida để đi săn vịt và không thấy quay trở lại. Nhà chức trách không thể tìm thấy bất kì một manh mối nào nên kết luận rằng ông đã chết đuối ở hồ Seminole. Thuyền săn vịt của Jerry được tìm thấy ở trên hồ. Sau nhiều ngày tìm kiếm thì thi thể của ông vẫn không được tìm thấy. Các điều tra viên kết luận rằng có thể thi thể của ông đã

bị cá sấu ăn thịt. Cuối cùng, tòa án địa phương đã phải kết luận rằng Jerry đã chết đuối và đó là một cái chết vô tình.

Vợ của Jerry, bà Denise sau đó đã nhận được 1,75 triệu đô từ bảo hiểm nhân thọ cho cái chết của chồng. Điều đáng chú ý rằng ngay sau đó không lâu, bà Denise đã kết hôn với Brian, một người bạn chung của cả hai, và người đó cũng chính là người tư vấn cho Jerry mua bảo hiểm nhân thọ trước khi ông mất tích khoảng 6 tháng.

Chỉ có duy nhất bà Cheryl, mẹ ruột của Jerry là không tin con trai mình bị cá sấu ăn thịt. Năm 2004, vụ án này được lật lại một lần nữa. Lúc đó, các nhà điều tra đã chứng minh rằng cá sấu không kiếm ăn vào mùa đông, vì lúc đó nước trong hồ quá lạnh để chúng có thể dạo quanh hồ và tìm mồi và Jerry chết có thể là bắt nguồn từ một âm mưu giết người.. Tháng 10 năm 2017, gần 2 thập kỉ sau vụ mất tích bí ẩn thi thể của một người đàn ông được tìm thấy ở gần khu vực Tallahassee và sau khi xét nghiệm DNA thì cảnh sát đã xác nhận đó là Jerry. Điều đó càng củng cố hơn cho giả thiết Jerry chính là nạn nhân của một vụ giết người. Denise ngay lập tức rơi vào diện tình nghi bởi rất nhiều lý do. Động cơ chính để Denise giết chồng mình vì bà ta đã có mối quan hệ bí mật với Brian từ 9 tháng trước khi ông Jerry mất tích.

Vào năm 2016, ông Brian, người chồng kế của bà Denise, đã bị cáo buộc về tội bắt cóc bà Denise sau khi cuộc hôn nhân của họ chấm dứt và bị kết án 20 năm tù giam.

Denise bị bắt giữ vào tháng 5 năm 2018, tuy nhiên sau nhiều ngày bà ta vẫn giữ im lặng và luật sư bào chữa của

bà liên tục khẳng định thân chủ của mình vô tội. Cảnh sát đã quay sang điều tra Brian và cuối cùng thì Brian đã thú nhận về tội ác của mình. Hắn khai rằng mình là người đã bắn Jerry nhưng ý tưởng này hoàn toàn là từ phía Denise. Với kế hoạch mưu sát Jerry, Denise và Brian bị truy tố với tội danh giết người cấp độ một, âm mưu giết người và ngụy tạo chứng cứ.

Theo dõi bạn trai bằng AirTag, rồi lấy xe ủi chết sau khi thấy bị ‘phản bội’.

Năm 2022 một cô gái ở Indiana (Mỹ) bị truy tố về tội sát nhân sau khi theo dõi bạn trai bằng AirTag của Apple, rồi sau đó lấy xe ủi chết người này. AirTag thường được dùng để tìm các vật dễ rơi rớt, bỏ lạc mất, như chùm chìa khóa và các món đồ cá nhân khác.

Hồ sơ truy tố tại tòa cho thấy cô Gaylyn Morris, 26 tuổi, bị bắt sau khi theo dõi anh Andre Smith, 26 tuổi, vào quán bar Tilly’s Pub ở thành phố Indianapolis bằng cách dùng AirTag và GPS.

Các điều tra viên báo cáo rằng cô Morris nói mình là bạn gái của anh Smith và bị anh này “phản bội”. Anh này đi với cô gái khác. Cô Morris cho biết cô vung chai rượu lên định đập cô gái tình địch của mình nhưng anh Smith can thiệp, đứng chen vào giữa hai người. Cả ba người sau đó được yêu cầu rời khỏi quán, nhưng cô gái kia ở lại để chờ lấy phần ăn đã đặt mua.

Khi cô Morris và anh Smith ra bên ngoài quán, cô này lấy xe phóng tới, ủi vào anh ta.

Theo lời khai của nhân chứng với cảnh sát, cô Morris sau đó “lùi xe lại, cán qua nạn nhân, rồi sau đó phóng tới lần nữa, cán nạn nhân lần thứ ba.” Cô Morris sau đó bước xuống xe, tìm cách vào bên trong quán bar để tìm tình địch. Nhưng lúc đó cảnh sát tới nơi, có hành động ngăn cản.

Theo kết quả giải phẫu tử thi của văn phòng pháp y, anh Smith chết vì bị cổ tình cán qua người. Cô Morris bị giam giữ với cáo buộc giết người nhưng biện lý Marion County chưa có quyết định chính xác.

Cô gái thuê xe của người yêu cũ, vượt đèn đỏ 49 lần để trả thù.

Cảnh sát thành phố Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, đã tạm giữ một người đàn ông, họ Zhu và một phụ

nữ, họ Lou vì tình nghi hai người này kích động gây rối, *Global Times* đưa tin. Cặp đôi này đã thuê xe Audi của bạn trai cũ người phụ nữ, sau đó vượt đèn đỏ 49 lần nhằm trả thù người này.

Cảnh sát địa phương bắt đầu chú ý khi nhận thấy chiếc xe này vi phạm luật giao thông 50 lần trong vòng 2 ngày, trong đó có 49 lần vì vượt đèn đỏ và một lần vì chạy quá tốc độ.

Tức giận vì bạn trai cũ bỏ rơi mình, người phụ nữ được cho đã bắt bạn trai mới phải tìm cách trả thù.

Khi cảnh sát tiếp cận Zhu, người này thú nhận lý do cho hành vi phi lý như vậy bởi anh đã theo đuổi cô nàng họ Lou trong một thời gian dài. Lou chỉ đồng ý hẹn hò với Zhu nếu anh tìm cách trả thù bạn trai cũ của cô theo cách này.

LS. NGÔ TÀNG GIAO



THE HORSE MAN

*I heard a horseman
Ride over the hill,
The moon shone clear,
The night was still;
His helm was silver,
And pale was he;
And the horse he rode
Was of ivory.*

WALTER DE LA MARE

(1873-1956)

CT-SỐ 99

NGƯỜI CƯỜI NGỰA

*Văng vẳng tôi nghe thấy tiếng người
Rộn ràng cưỡi ngựa phóng qua đồi
Trăng vàng ngời sáng soi muôn lối
Đêm vắng im lìm phủ khắp nơi
Cương ngựa long lanh phôi ánh bạc
Bóng người thấp thoáng ẩn sương trời
Ruổi rong chú ngựa trên đồi vắng
Thấp thoáng thân ngựa vạm dậm chơi.*

TÂM MINH (chuyển ngữ)

ĐƯỜNG CỔ-NGŨ hay là ĐƯỜNG CỔ-NGỰA?

**** Nguyễn-Phú-Long ****

Hồi còn nhỏ, vì ở gần, nên vào những dịp thuận tiện, nhàn rỗi, tôi vẫn thường cùng chúng bạn đạp xe rong chơi trên con đường Cổ-Ngũ, một con đường tương đối ngắn, nhưng rất đẹp nằm về phía bắc thành Hà-Nội.

Con đường khởi đầu từ đền Quan-Thánh, một bên là Hồ Tây, một bên là hồ Trúc-Bạch kéo dài ra mãi tận bờ sông, khoảng giữa có ngôi chùa Trấn Quốc, từ đó cuộc đất phình ra, rộng rãi, sạch sẽ như một vườn hoa, thường có mấy gánh hàng quà rong túc trực, đợi chờ...

Ở đây ngày cũng như tối, nào là bánh tôm chiên ròn cắt từng miếng nhỏ, bằng kéo, vàng tươi, để trên đĩa rau sống; nào là bò khô, ướp ngũ vị hương, ăn với đu đủ xanh bào nhỏ như sợi bún, tưới thêm chút dấm chua, tương ớt, vài lá húng quế... Ôi chao!!! Bây giờ hàm răng chiếc rụng chiếc lung lay, nghĩ tới vẫn bắt thèm... Chảy nước miếng!

Khách thăm khu đất này không phải chỉ toàn đám con nít chúng tôi và các món ăn chơi (thực ra là ăn thiệt!) vừa kể, mà còn có một nhà cho thuê thuyền với những cánh buồm đủ màu sắc rực rỡ dưới bến, có những cây bàng xò tán rộng, thảm cỏ xanh mướt như nhung... hấp dẫn những cặp trai thanh gái lịch hò

hẹn nhau ra cùng ngồi nhìn nước hồ, hứng gió, nói chuyện tương lai...

Mỗi lần rong chơi, nói cho ngay, bọn trẻ chúng tôi chỉ muốn giết thì giờ, có một khoảng thời gian cùng nhau thôi, chứ đã qua lại không biết bao nhiêu lần rồi, những cảnh, những tình ở đây đối với chúng tôi chẳng còn xa lạ gì.

Cho nên chương trình chỉ là phụ, hoặc nói đúng ra là không có, hầu hết lần nào cũng thế, trước là tụ tập nhau, ghé vào quán Trấn-Vũ, nơi có tượng thánh Trấn Vũ trong đền Quan-Thánh... vậy là tiện lắm vì đền Quan Thánh đang ngay trên đường đi, rồi mới tới chùa Trấn-Quốc xa xa bên phía Hồ Tây...



Đền Quan-Thánh tọa lạc ngay ngã tư góc phố, để giảm bớt sự ồn ào, tấp nập, cát bụi thị thành, đền đã được bao bọc bằng những bức tường gạch cao. Đó là một vị trí không mấy thích hợp, nhưng bù lại, hướng đền nhìn về phía Hồ Tây,

người ta gọi thế đất này là Minh Đường Thủy Tự, rất tốt! Đình chùa có thế đất này thì linh thiêng, nhà phố có thế đất này thì làm ăn thịnh vượng.

Bước chân vào khỏi cổng đền, là tới một sân rộng lát gạch, hai bên có những hàng cây cổ thụ, cành lá xum xuê, khiến cho bầu không khí phần nào yên tĩnh trở lại, khách vắng cảnh nghe tiếng chim ríu rít trên cành như tạm quên những hình ảnh phồn hoa vừa đập vào mắt ở bên ngoài.



Qua vương sân gạch, ngay bên trong, xừng xững một pho tượng thánh Trấn-Vũ bằng đồng đen thật lớn. Đây là một công trình mỹ thuật cổ truyền rất đáng kể ở Bắc Việt. “Tượng này tạc vị thần ngồi, tay trái giơ một ngón trở lên như đang làm phép, tay phải tỳ vào thanh kiếm, chung quanh có cuốn con rắn và dựa trên mai con rùa.” Tượng thánh Trấn-Vũ cao đến 9 thước ta, chu vi 8 thước 7 tấc, nặng 6 ngàn 6 trăm cân!

Có người nói là pho tượng này do vua Thiệu-Trị cho đúc rồi cúng vào đền, nhưng thiết nghĩ, sự thực không phải

như vậy. Pho tượng ấy có từ thời nhà Lê, khi Thăng-Long còn là kinh đô, tấm bia đá trong đền và các sách cổ như Long Thành Dật Sử đều ghi chép rõ ràng. Lại nữa, Hoàng-Lê Nhất-Thống Chí của Ngô Thời Chí cũng đề cập tới qua một đoạn ngắn như sau:

“Bây giờ tiền bạc trong nước phần nhiều thì bị các nhà giàu giấu cất, nhân dân rất khổ vì nạn khan tiền. Vật giá đắt lên vòn vọt. Chỉnh bèn xin với triều đình ra lệnh thu hết tượng đồng các chùa đem về kinh đô mở lò đúc tiền...Duy có pho tượng đồng đen ở Quán Trấn-Vũ phía bắc kinh thành chúng không dám lấy mà thôi!”

Vì sao bọn Nguyễn-Hữu-Chỉnh không dám lấy pho tượng thánh Trấn-Vũ nhỉ? Có thể là pho tượng quá nặng, không đủ phương tiện mang về kinh đô, cũng có thể vì sự linh thiêng chúng đã biết nên chẳng dám đụng tới.

Theo Tây Hồ Chí thì “Tích cũ truyền rằng, khi xưa, yêu, hồ, cùng lũ rắn, rùa làm hại nên đê sông Nhĩ thường vỡ. Nhà vua lập đàn cầu đảo... Huyền Thiên Trấn Vũ Chân Quân (còn gọi là Huyền Đế) giáng trần tại đó, rồi sấm xét, giống bão nổi dậy, yêu quái tuyệt tích, sông nước bình yên.

Thấy vậy, nhà vua ban sắc dựng đền thờ ngay nơi thần giáng hiển đạt đó là Trấn-Vũ-Quán. Quán xưa nằm ở trong hoàng thành, năm 1472 vua Lê Thánh Tôn vì cần mở rộng cung điện nên mới di đền ra vị trí hiện nay.”

Con sông được gọi là sông Nhĩ (không phải sông Nhi) vì nó đã uốn khúc vòng vòng như vành tai chung quanh Hà-Nội, và cũng vì thành phố Hà Nội nằm trong chu vi của một khúc sông Nhĩ nên đã được gọi là Hà-Nội (bên trong giòng sông.)

Sau khi thăm đền Quan-Thánh, ít ai không tới vãng cảnh chùa Trấn Quốc vì hai thắng tích này rất gần nhau. Cứ tiếp tục đi trên đường Cổ-Ngư về phía bờ sông chẳng bao xa, ở bên tay trái, bên Hồ Tây sẽ gặp chùa Trấn-Quốc.

Chùa Trấn Quốc có thờ pho tượng phật Thích Ca nhập Niết bàn (Phật nằm) rất độc đáo và hiếm có của nước Việt-Nam ta. Hồi đầu triều Lý chùa có tên là Khai-Quốc; Trước nữa lại gọi là chùa An-Quốc.

Nhưng dù mới hay cũ, tên gọi ngôi chùa thời nào cũng đều nói lên được sự quan trọng và lòng tôn kính của nhân dân đối với ngôi chùa biết là chùng nào!

Nguyên trước kia, chùa tọa lạc ở bên Yên Phụ, trên bờ sông Nhĩ phía ngoài đê. Về sau, năm 1615 sọ bờ sông bị lở đổ mất ngôi chùa danh tiếng nên bà con thành Thăng-Long giỡ chùa vào cát nơi vị trí hiện tại góp phần làm cho khu vực Hồ Tây trở thành một nơi thắng thưởng, giống như vườn Phủ- Dung của Đường Minh Hoàng...để những lúc bình minh, những buổi hoàng hôn, với tia nắng nghiêng nghiêng, sóng nước lãn tãn, xa xa ngọn núi Tản Viên mờ ảo...cảnh chùa thật thơ mộng, man mác!



Chùa Trấn-Quốc đã được Lý-Nhân Tông và Ý-Lan thái phi tới vãng cảnh nhiều lần, sau đó có thời ở vị trí hiện tại lại được dùng làm hành cung để mỗi tháng chúa Trịnh ra chơi chùng vài ba lần. Thơ của Bà Huyện Thanh Quan cũng có bài tả cảnh chùa, có câu “Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu.”. Hành cung được gọi là Trấn-Bắc vì nằm về phía bắc thành Hà-Nội.

Kể từ năm 547, ngôi chùa xây dựng bởi Lý-Nam-Đế, sau bao lần trùng tu, di chuyển, công trình kiến trúc này vẫn được coi như rất cổ, có lẽ chỉ thua chùa Dâu một khoảng thời gian chẳng bao xa...

Sau khi vãng cảnh chùa Trấn Quốc, khách nhàn du có thể tới đê Yên-Phụ, quẹo sang phía tay trái, về phía tây tới

Quảng-Bá, Nghi-Tàm, tắm sông hoặc là rẽ về phía tay mặt tới Yên Hoa, Yên-Thành, Yên-Quang nơi gần đấy trước kia có Mã-Đầu hồ, một cái hồ nhỏ chu vi trông giống cái đầu ngựa. Về sau hồ Đầu Ngựa cũng được lấp đầy và ngày nay không còn vết tích gì của hồ xưa nữa cả.

Còn nhớ từ lâu, đọc cuốn Lều Chõng của Ngô-Tát-Tố, đến đoạn kể mấy người học trò dự thi ở Hà Nội, trong khi chờ xem bảng yết danh, đã rủ nhau đi chơi Hồ Tây, có đoạn tả như sau:

“Rời đó ai nấy đội khăn, mặc áo kéo thẳng lên nẻo Cửa Bắc và rẽ sang đường Cổ-Ngựa, lúc ấy cây cối đã đương đổi lộc, quanh hồ như vẽ một cảnh tiêu sơ, sau khi thăm Quán Trấn-Vũ cả bọn dừng đình sang chùa Trấn-Quốc.”

Xem qua tôi tự nghĩ, đường Cổ-Ngựa là đường nào kia! Đường từ đền Quan-Thánh đến chùa Trấn-Quốc là đường Cổ-Ngư (đọc đạo). Mấy người học trò trong truyện Lều-Chõng đã rẽ sang đường Cổ-Ngựa để thăm Quán Trấn-Vũ và rời đình đình tới chùa Trấn Quốc... Vậy thì từ xưa, đường Cổ Ngựa đúng chính là đường Cổ-Ngựa lắm!

Vả lại, cổ ngựa có lý hơn chứ cổ ngư chẳng có nghĩa gì cả. Cổ ngư là cổ con cá, mà cá thì làm gì có cổ!!!

Nước Việt-Nam xưa không có nhiều thành phố lớn và hình như chưa có thói quen đặt tên các danh nhân, lịch sử cho

đường đi...nên thường thấy đã gọi tên tùy theo những tính chất đặc thù của con đường. Có thể chính vì vậy mà con đường cộng với phần đất phía bờ sông trông giống cái cổ ngựa thì mọi người quen gọi là đường Cổ-Ngựa. Con đường nằm dọc theo bờ tường gạch cao vút, kín mít của Hòa-Lò nơi có biệt danh là The Hanoi Hilton, thì có tên là đường Hòa-Lò. Con đường có nhiều lò rèn làm dao, kéo, cuốc, xẻng đó là phố hàng sắt, lúc nào cũng rộn rã tiếng đập trên búa dưới đe...inh tai.

Về sau vật đổi sao dời... như phố Hàng Lọng mà chẳng thấy có người thợ nào dùng những cuốn sách chữ nho cũ bằng giấy bản để bồi thành những cái tàn, cái lọng bày bán; Phố Hàng Bông Thợ Nhuộm bấy giờ (những năm 1954 về trước) lại thấy có tiệm thịt bò, nhà nhập cảng xe hơi Peugeot, nhà trồng răng Minh Sinh...

Vấn đề tên gọi con đường Cổ-Ngư tưởng nói như vậy là tạm ổn rồi! Vì từ Cổ Ngựa biến thành Cổ-Ngư thì cũng dễ giải thích như từ nhà Trắng hóa ra Nha-Trang; Phai Phố trở nên Fai Foo vân vân và vân vân.

Tuy nhiên về sau tôi lại được một vị cao niên cho ý kiến là Cổ-Ngư không phải xuất xứ từ Cổ-Ngựa mà từ Cổ-Ngự!

*Trên đê Cổ-Ngự, nhớ chữ đồng tâm
Hỡi cô đội nón ba tầm
Có về chợ chính hôm rằm lại sang
Phiên rằm chợ chính Yên Quang
Yêu hoa anh đội hoa nàng mới mua!*

Và câu chuyện lại có một ngã rẽ khác, như sau:

Trước thế kỷ 17 Hồ Tây và hồ Trúc Bạch là một hồ. Chưa có đường Cổ-Ngự. Khi chùa Trấn Quốc được rời vào vị trí hiện thời thì người ta cũng đắp một con đường nối đê Yên-Phụ, từ Yên-Hoa, với phường Khán-Xuân. Có một tấm bia đời nhà Lê niên hiệu Nguyên-Hòa đặt trong chùa Trấn-Quốc ghi rõ việc này và con đường được nói đến là một Cổ ngự yển! Cổ ngự là kiên cố ngăn giữ; Yển là con trạch, con đê nhỏ. Con đê này được đắp nên nhằm nhiều mục đích, thứ nhất ngăn giữ cho đê Yên Phụ thêm phần vững chắc, thứ nhì làm lối đi về cho khách vắng lai thăm viếng chùa Trấn-Quốc đồng thời cũng tiện lợi cho người dân qua lại hai bên bờ hồ.

Như thế, từ Cổ-Ngự Yển con đường dần dần được gọi là Cổ-Ngự và từ Cổ-Ngự, lại theo “luật” tam sao thất bản bây giờ nó đã trở thành đường Cổ-Ngự!

Vậy còn vấn đề “đường Cổ Ngự” trong cuốn Lều Chõng thì giải quyết làm sao? Không lẽ Ngô-Tất-Tố viết sai! Tôi chắc chán Ngô-Tất Tố chẳng thể nhầm lẫn! Đây có thể nhiều phần là lỗi sơ xuất của thợ sắp chữ, thầy cò. (Sự sơ xuất này có khi gây ra chuyện dở khóc dở cười, thật khổ tâm cho tác giả thí dụ một bài thơ nói về xứ Huế trên tờ nguyệt san thuở nào có nhan đề là Bên Bờ Nam Hải đã trở thành Bên Bờ Năm Hợi chẳng hạn...) Và nếu đúng vậy thì người viết hơi áy náy bởi đã làm mất chút thời giờ

của độc giả. Tuy nhiên, mặt khác, cũng mong mọi người niệm tình thông cảm cho...và phải công nhận là nhờ đó mới có bài tiểu luận này, bài tiểu luận đã gọi lại đôi ba hình bóng quê hương; Nhớ nhờ đến một vài sự tích có tính dân tộc sau năm mươi năm “tôi xa Hà-Nội”.

Tóm tắt, Cổ-Ngự phát nguyên từ Cổ-Ngựa hay từ Cổ-Ngự đều chẳng mấy quan trọng, nhưng, dù nhỏ hay lớn, cũng nên tìm hiểu cặn kẽ để xác định mình bạch nếu có thể được. “Cái gì của Caesars thì trả cho Caesars”.

Song cũng may, khách quan, phải công nhận, đây là vấn đề không quá phức tạp nhiều ẩn tình, như chuyện mờ ám chính trị thí dụ “Ai giết Tổng thống Ngô-Đình-Diệm?”. Hoặ sự thiếu sáng tỏ trong văn học sử mà bây giờ có người đang cố gắng gom các tài liệu, bài viết in thành sách: “TTKH nàng là ai?”, nên ta để cùng nhau chấp nhận kết quả sau khi nêu ra những dữ kiện xác thực.

Viết lan man, có vẻ sắp lạc đề, nay xin trở lại, đến đây tên con đường đã được truy nguyên, làm sáng tỏ rõ ràng. Có điều muốn kể, như đã nói sơ ở đoạn đầu là con đê Cổ-Ngự thật đẹp! Vì hai bên lè không có nhà cửa phố xá, chỉ toàn những gốc bàng xếp hàng cách quãng đều đặn, bờ cỏ xanh in bóng nước hồ...tất cả cảnh vật giản dị một cách thiên nhiên ấy đã xếp đặt tạo thành những nét cong cong rất mơ mộng, nên thơ...

Con đường lại nằm trong một khu vực với nhiều di tích lịch sử và huyền thoại như người Tàu đã giấu vàng trong tượng thánh Trấn-Vũ, tích lũy ở đó rồi thỉnh thoảng mới dùng bùa phép lấy ra chuyển về Trung-Hoa...

Sách Địa Cảo cũng kể rằng xưa kia có con trâu vàng trong núi Lạn-Kha, khi nghe tiếng chuông ở đền Quan-Thánh, nó tưởng là tiếng kêu của mẹ nó, nó vội vàng lòng tới, nhưng khi biết chẳng phải, bèn ẩn mình nằm trong Hồ Tây!

Gần Hồ-Tây có làng Tây Hồ được đời nhắc nhở mãi vì là nơi cư ngụ của người đẹp Nguyễn-Thị-Lộ, “Em ở Tây Hồ bán chiếu gon!”, em đã làm mê một Quan-Phục Hầu Nguyễn Trãi và cũng là nguyên nhân gây nên một vụ án thương tâm u uất trong lịch sử nước nhà! Hai người gặp nhau lần đầu ở đâu nhỉ? Hồi

đó chưa có đường Cổ-Ngự, có thể vào một buổi chiều ngày rằm ở Yên-Quang khi tan chợ em về...

Với giới hạn như tiêu đề, tôi xin dừng lại ở đây mặc dù nói về Hà-Nội thì còn nhiều di tích, thắng cảnh gắn liền với lịch sử rất đáng kể...nào là chùa Một Cột, gò Đống Đa...nào là phùng Quán Xuân với Cổ Nguyệt Đường của Hồ Xuân Hương...và dù trải qua biển dâu đến mấy, Hà-Nội vẫn là nơi ngàn năm vẫn vật. Hà-Nội nói chung và con đường Cổ-Ngự nói riêng đã khiến cho những người từng có một thời sống ở đó, bây giờ dù phiêu bạt nơi đâu, giữa những lần miệt mài với hiện tại thế nào cũng đôi lúc thấy lòng vương vấn, ray rứt, không thể nào quên được.

Nguyễn-Phú-Long



Chùa Trấn Quốc bây giờ, chụp từ trên cao. Phía bên trái là Đền Quan Thánh

HAI ĐƯỜNG NGÔI RỄ

** NGUYỄN VĂN SÂM **

*“Ta tiếc cho em trong cuộc đời làm người
Ta xót xa thay em là một cánh hoa rơi
Người đời vô tình giẫm nát thân em
Người đời vô tình giày xéo thân em
Người đời vô tình giết chết đời em...”* (Nhật Ngân - Tình Kỳ Nữ)

1. Trời ơi, sao đau mà không nói...’ Tôi sẽ nhớ câu nói đó của chị Thuận đến hết đời này, coi đó là cái vốn tình thương vô giá mà mình may mắn có được, không bao giờ mất và không phải ai ai cũng có.

2. Thăng Phương đỏ mặt lợm cái tràm tạt bao thuốc mà nãy giờ nó cảm thấy như tràm này xui xẻo lại không thuận tay khiến thua xất bát xang bang. Chiều, mặt trời từ từ lặn xuống khỏi đầu rặng mía bên kia sông. Gió đồng trống ba bên mát rượi mà nó thấy nóng vì đã mất nhiều vốn. Xấp tiền-bao-thuốc đủ kiểu được xếp vuốt thẳng thớm trước khi lâm trận giờ đã lượm lượm khiến nó đỏ mặt. Ngó lên con nhỏ bạn, đứa con gái duy nhút nhát coi trò chơi của bọn con trai chỉ để ủng hộ nó, nó khoát khoát tay, hát hàm nói không sao, chút xíu tao gỡ được thôi.

Một thằng nhóc trong nhóm châm chọc:

‘Ra ngô gặp gái không thôi đã xui tận mạng. Ghê mày đứng trù còn xúi quẩy hơn, thế nào rồi cũng sạch túi thôi con ơi. Gỡ ghê từ từ tới hết vốn là cái chắc!’

Thằng cu Tèo, con của cai cụ Phòng, ba nó trước làm cai sở cao su Dầu Tiếng nghe đâu đã ôm trộm nửa tháng tiền

lương của cu-li dưới quyền bỏ trốn về đây có số vốn khấm khá mua được chức Phó Hương Quán làng, nói mà không cười:

‘Góm, gỡ ghê bản bỏ bu, đau bất chết. Tớ chả bao giờ gỡ ghê cả. Tắm xà phòng tự khắc hết. Có gì phải gỡ?’

Cả bọn cười hô hô. Con nhỏ vừa giận dữ vừa mắc cỡ, nguyệt thăng này một cái dài sọc rồi vùng bật chạy đi. Thăng Phương tính phản đối gì đó mấy đứa bạn trời ơi đất hỡi của nó nhưng không biết nghĩ sao, làm thinh, lằm lũi đậu tiền chơi tiếp.

Trời tối từ từ, mấy chục đàn chim lần lượt bay ngang, mỗi đàn có một con tiền trạm, các con khác bay theo sau, thỉnh thoảng làm điệu lượn lượn là là thay đổi đội hình nhưng rồi lúc nào cũng lập thành một trận nhàn lạ mắt tiếp theo khiến người coi không chán.

Có thằng lớn nhút trong bọn ngừng chơi, chỉ chỗ:

‘Chim bay từng đàn ngộ quá, phải có lưới giăng thì bắt được nhiều ha! Gần tới rằm tháng Chạp rồi, đem lên chùa bán cho người ta phóng sanh cũng kiếm được nhăm mớ tiền thiệt còn hơn tiền-

bao-thuốc này, cả cộc mà không mua được cái bánh ú nhỏ! Mấy con chim trời đó, ba tao nói ăn thịt thì ngon hết ý, ba tao nói chim trời mà, thịt thơm hơn thịt gà vì chúng nó bay nhảy cả đời để kiếm mồi.'

'Có lưới ông nội mây cũng không thăng thiên lên đó để bắt được đâu. Cao thấy mẹ.' Tiếng một đứa nào đó câu mâu. Rồi thì mỗi đứa xọ vô vài ba câu không cần biết trúng trật. Nào là bắt chim bán cho người ta phóng sanh bà ngoại tao nói là ác độc chứ đâu phải làm phước. Nào là sư sãi tổ chức phóng sanh trong chùa thì làm sao bậy được, năm ngoái ba tao mua mấy chục con đủ loại đem vô chùa đưa cho sư ông phóng sanh má tao trúng đề hai ba lần... Cuộc chơi tạt bao thuốc ỏm tởm trở thành cái chợ chồm hồm họp cuối năm ở bên đò chợ.

Trong tiếng la ó ồn ào của lũ trẻ bỗng nhiên có tiếng kêu con vọng lại từ cách đó chừng hai sân đập lúa.

Rồi Dì Năm má thằng Phương hiện ra, một tay lùa con về, một tay quơ ra phía lũ trẻ:

'Gì mà la ó vậy bây? Chơi thì nhỏ nhẹ với nhau, la ó đâu tốt. Như đánh lộn không bằng. Bây chơi mà tao nghe bắt mệ! Bớt bớt cái miệng mỗi đứa một chút thì hay biết mấy!'

Thằng cu Tèo nói lấy lòng người lớn:

'Chúng cháu chơi vui với nhau thôi bác ạ, chẳng đánh nhau đâu, bác chớ ngại.'

Dì Năm ngó xuống thằng nhỏ:

'À Tèo con ông Cai cựa sỏ cao su đây à? Giỏi ha! Dân miền ngoài nên nói năng

khôn ngoan quá! Gì chớ con nít đánh lộn thì chẳng ai ưa, có khi còn mất lòng mất bề người lớn.' Bà lùa thằng con đi về phía nhà mình, nói thêm:

'Phương con về giúp má kiểm chị Thuận. Nó đi mất biệt sớm tới giờ.'

Thằng Phương gỡ tay má ra, quay lại chộp mớ tiền-bao-thuốc của nó thồm lẹ vô túi quần, trở lại mau, nắm tay má. Dì Năm tiếp: 'Tao sai nó ra chợ Vũng Liêm từ hồi sớm mà bây giờ tối trời rồi cũng chưa thấy về. Không biết có chuyện gì hông nữa!'

Cũng thằng Tèo, nhảy vô lẹ như chóp giựt một cộc tiền-bao-thuốc của thằng Phương rồi ù té chạy như giông. Giương ánh mắt tiếc rẻ ngó theo nhưng thằng Phương không có cử chỉ gì vì sợ vía của mẹ.

Má kêu đi kiểm chị Thuận...

Tôi biết chị Thuận đi rồi là không trở về nhà này nữa. Nguyên mấy ngày nay cho tới sáng nay tôi thấy ánh mắt chị khác thường cách dễ sợ. Sự lạnh lùng trong từng cử chỉ của chị cho biết những sôi sục âm ỉ trong lòng sau đêm kinh hoàng đó. Chị trở thành con diều hâu đứng trên mỏm đá ngó xuống đồng ruộng xa mấy chục cây số chớ không phải là con chim sẻ yếu ớt bình thường nhảy cò cò lững lững bằng đôi chveren yếu ớt của mình.

Chị dào dào, bớt miệng kiếm lời hơn bình thường nhưng không lộ gì là sẽ bỏ đi nên tôi cũng yên tâm. Chuyện là tối nào đó tuần trước, hôm má tôi đi Sài Gòn độ mười ngày lo công chuyện, ba của tôi, ông già ghề ưa nói chuyện luân lý chữ nghĩa đó, ưa đờn ca tài tử đó, đã

làm chuyện coi hồng được. Ông đập cửa buồng chị Thuận rầm rầm, kêu giựt ngược giựt xuôi bắt chị Thuận mở cửa buồng nói là không mở tao chết thì bây mang họa, tao đương trúng gió nặng. Tôi sợ quá, đương ngủ ngon mà bật ngồi dậy cái rột, mắt ráo quánh, tuột lệ xuống đất ngồi co ro kể bên cây chổi tàu cau như là lấy nó che tôi cho ông khỏi thấy. Muốn trốn mà không biết làm sao, tôi chỉ che ở hờ rồi khóc thút thít vậy thôi.

Dưới ánh đèn dầu, Thị Thuận mặt mày coi như không còn hột máu. Chị chần chờ quay tới quay lui cũng lâu ớn rồi mới chịu bận vô thêm hai ba cái áo bà ba, linh xình lảng xảng một hồi nữa mới cột lại mới tóc. Chị nói:

‘Phượng cứ ngồi đó nhe. Ông đuổi thì đừng đi. Ở đây với chị.’

Tôi hồng biết sao mà chị biểu tha thiết như vậy nhưng cũng co mình cho thiệt nhỏ. Nếu co bằng cỡ con kiến tôi cũng co. Tiếng đập cửa càng nhiều thì tôi càng co, hai chun xếp sao mà hai đầu gối tôi ép sát vô hai gò má. Tôi thấy nước mắt mình chảy ướt hai đầu gối.

Ông già ghê tôi hét lớn lên:

‘Bây không mở thì tao đập cửa vô, đừng nói tao mượn rượu làm nư nha. Tao đau bụng, nhức đầu quá, chỉ cần bây cạo gió cho tao chút thôi. Người trong nhà với nhau mà bây làm như tao muốn ăn thịt bây không bằng. Tao đâu phải là ông Ba Mười đâu. Tao là người mà!’

Rồi ông già tôi, ông già ghê giàu chữ nghĩa mà tôi không ưa đó, xách lỗ tai tôi cổ đẩy ra khỏi cửa phòng, trong khi chị Thuận nắm tay tôi kéo giựt ngược lại.

Tôi bị té cái quá mạng, đầu đụng vô cạnh chun giường chỉ dám khóc ò ò, mếu máo. Tiếng khóc càng lúc càng nhỏ lại dưới con mắt trợn trừng như ông kẻ trước mặt.

Ông đẩy tôi ra ngoài, đóng xập cửa buồng lại. Tôi ngồi thụp xuống chun ngựa bộ ván ở ngoài buồng nức nở, tay rờ chỗ đụng trên đầu hồi này, thấy ướt ướt, rít rít rồi ngủ quên trong tiếng khóc và tiếng động ầm ầm vùng vẫy của chị Thuận bên kia vách.

Tôi thức dậy khi cảm thấy lạnh lạnh do mấy giọt nước mắt của chị Thuận nhỏ lên má mình. Đảo mắt quanh nhà, chẳng thấy ông đâu. Má tôi còn vài bữa nữa mới về. Áo sớng chị Thuận xộc xệch. Chị ôm tôi nói nhỏ nhỏ:

‘Chị khổ quá em ơi. Ông dày xéo thân chị, giết chết đời chị, rồi chị làm sao sống hết đời mình đây. Chỉ nghĩ tới mang nỗi buồn năm này qua năm khác cũng thấy đời chị kể như kết thúc rồi. Hết rồi em biết không?’

Tôi không hiểu hết ý nghĩa những gì mình vừa mới nghe nhưng cách nói buồn buồn và như là có tiếng nấc chen giữa từng chữ khiến tôi tức giận nói mạnh dạn:

‘Em ghét ông, ông đã làm cho chị buồn. Lớn lên em đuổi ông ra khỏi nhà rồi em cưới chị làm vợ. Từ té với chị, cho chị ăn ngon! Em không thích thấy chị ăn cơm với chuối hay với dưa hấu hoài hoài.’

Chị Thuận tát nhẹ vô má tôi: ‘Đừng nói xàm mà. Em lớn thì chị già rồi cưới sao

mà cưới! Cưới con chị thì có! Con ăn kiểu đó là tại chị muốn thôi.'

'Không, chị lúc nào cũng đẹp như bây giờ! Chị lại Tây mà, đâu có già được. Mà chị không có con đâu, không có chồng sao có con được chứ!'

Chị chua chát: 'Vậy mà có đó em ơi.'

Nghe như vậy tôi nhớ tới người tình của chị.

'Mà em không cho Cậu Ba Vĩnh cưới chị đâu. Cậu ấy bỏ xóm đi buôn bán hoài, không sẵn sóc chị, để chị khóc.'

Tôi nhớ như sau câu nói của tôi, cái buồn của chị biến mất đâu chừng mấy phút rồi trở lại.

Chị nói:

'Em lo giữ con Kén mà cưới nó đi, đừng nói chuyện lãng què không tốt.'

Tôi giãy nảy:

'Con Kén hả? Đồi nào! Nó như con trai, tối ngày ngồi trên cây với lại cứ đi chơi với bọn con trai, cưới về chắc hai đứa quanh lộn quanh năm.' - Tôi bắt chước má tôi nói giọng điệu người lớn.

Chị Thuận lại cười, miệng méo xệch, véo má tôi: 'Đừng nói bá láp nà. Mới bằng trái ớt mà nói chuyện lấy vợ, chề đứa này đứa kia. Đừng nghĩ tới chuyện gái ghiếc cưới xin gì hết a. Gái là dao thép cắt xương, rượu là thuốc độc hại phương hại người đó em! Con nít lo học hành siêng năng đi mai sau nhờ tấm thân.'

'Em bảy tuổi rồi còn nhỏ nhít gì đâu! Tôi nói như con kết mẹ theo những chữ má tôi thường than thở về tôi.'

Bỗng nhiên tôi hỏi:

'Mới bằng trái ớt là sao chị?'

Chị Thuận đứng dậy:

'Thôi hỏi dần dần hoài mệt quá. Đi tắm rửa đi! Mặt mày quần quện như chúa Ôn đó.'

Chị Thuận đứng dậy, như là có chút xiềng niềng và đau trong mình, chị đưa tay chống trên đầu tôi để vững hơn.

Tôi cảm thấy mình ghét cay ghét đắng ông già ghẻ của mình, ghét còn hơn những lần ông đánh tôi oan ức hay là chửi mắng má tôi khiến bà vô buồn trong khóc thút thít bỏ cơm nước. Tôi nghe đau đau trên đầu, rờ thấy cục u to bằng trái ổi.

3. Cũng như mọi khi, cả đoàn Hương Chúc Hội Tề lần lượt kéo nhau về đây sau mỗi lần họp hành ở nhà việc. Người tới sớm thì hụ họ chỉ cách kê bàn kê ghế, người tới sau thì lẩn xăn chào hỏi kẻ trên người trước, đặc biệt không ai là không nở nụ cười thân thiện với bộ mặt tươi tắn nhứt đối với cô Thuận. Thuận thấy có gì kỳ kỳ khác mọi lần là các ông Hương Cả, Hương Thân, Hương Hào lại vắng mặt.

Đoàn ca nhạc tài tử được cho ngồi trên bộ ngựa gỗ, chỗ có thể nói là danh giá nhứt trong nhà ngoài bàn tròn của chức sắc làng. Cô Sáu Chiêu danh ca của đoàn chuyên môn hai bản Tây Thi và Tứ Đại Oán tình nguyện giúp Thuận phần nào lo việc bưng mời trà nước bánh trái nhưng đã bị chủ nhà cản đản

nói đầu sao Thuận nó cũng là kẻ ăn người làm, để nó làm nhiệm vụ...

Phải nói là mấy ông đờn ca xướng hát hò ú liu xang xê nghe cũng đáng phục nể, mấy ông lại là người học thức, nhớ dai, nói bàn nhiều câu chí lý, đáng học đáng nhớ.

Đâu giữa chừng bữa tiệc Hương Quán làng mặt đỏ bừng bừng, giơ cao ly rượu nói Nho: *Ly tiết chi trung, khởi vô hiền giả chi oan* rồi cất nghĩa không cần ai hỏi: Trong chốn ly tiết, để đâu không có người ngay mà mắc nạn. Phó Hương Quán cai cựa bắt bẻ rằng nói thế bố ai hiểu được, phải nói *ly tiết* là gì trước chứ... Ông chủ nhà giảng hòa nói rằng hỏi nhỏ thầy đồ dạy *luy tiết* là ở tù ở rạc, bị giam cầm. Luy tiết cũng như rạc ràng là tù bọng. Một ông nào đó trong ban nhạc tài tử bỗng đổi đề tài nói lúc này tin tức nhứt trình cho thấy người ta bỏ vô bưng, vô biên nhiều quá, rồi ông ngâm nga một câu ca dao không biết cũ hay mới nhưng tạo nên cái lầy mới: *Chiều chiều ra đứng bờ biển, Xa xuôi biệt dạng, lòng phiến nhớ em.*

Biên là gì. Cũng ông chủ nhà giải thích là ao hay hồ lớn mà có nhiều cây, tuy không cao lắm nhưng um tùm, rễ nhiều quấn quít nhau. Nước không sâu nhưng dưới đó là bùn lầy khi đặt sệt, lún vô đó khó thoát ra.

Phó Hương Quán cai cựa lớn tiếng:

‘Ồi giờ, thế thì là đầm chính thị rồi, như đầm Dạ Trạch ấy mà! Người Nam kỳ các ông thêm tiếng bưng tiếng biên chi cho khó hiểu. Tiếng nào đã có thì dùng, thêm tiếng mới chỉ khổ người mới nghe chẳng biết thế nào mà lần.’

CT-SỐ 99

Chắc là nghe tới tiếng đầm gợi ý, một ông trong nhóm ngâm nga: *Trong đầm gì đẹp bằng sen. Lá xanh bông trắng...*

Chưa kịp ngâm hết lời thì cũng Phó Hương Quán buông ra câu thiệt là lãng quẻ: ‘Phải ngâm thế này mới đúng bác ạ: *Trong nhà gì đẹp bằng sen...*’ và ông ngó Thuận với cặp mắt trai lơ kèm theo cái cười phô trương hai hàm răng cái mã đen cạnh do khói thuốc lào.

Mắc cỡ và bực mình Thuận bước ra sau nhà bếp rồi lén ra ngoài hè, đứng để ngược thờ vì bực mình, tức giận.

Ba bốn ngày rày nghe Cậu Vĩnh về làng chưa đi, ghe còn đậu ở bến mà cậu biệt hơi biệt dạng.

Tiếng Cậu nói vài tuần trước còn văng vẳng bên tai. Thuận nhớ lại hình như lúc đó lòng đã chùn xuống, đã cảm thấy đời mình như vừa bắt được khối hạnh phúc vô cùng to lớn mà trời ban tặng không báo trước như là bù đắp cho cuộc sống khó khăn mấy lâu nay. Không thể nhớ hết và thấu hiểu toàn văn, Thuận chỉ đoán ý rồi chăm chăm ngó vô bộ mặt thành khẩn của Cậu mà thấy mình bay bổng, sẽ hết nghèo khổ cui cức.

Rồi mình có một người chồng thân yêu, học thức, biết giao tiếp bán buôn, anh ta chắc chắn có một vị thế trong xã hội. Và mình sẽ từ bỏ đời vừa làm công vừa làm con nuôi như bao lâu nay. Không biết gì nhiều về Cậu Ba vì Cậu ít về làng xóm, nhưng gia đình tía cậu ở xã Mỹ Hòa này ai cũng biết là một nhà bao nhiêu đời lương thiện. Cậu lâu nay đi đi về về Sài Gòn vì biết chút đỉnh tiếng Tây và đương làm đại diện cho một chành lúa ở Bình Tây, Chợ Lớn...

62

Trời xui đất khiến sao mà bữa hôm cúng đình, Thuận được bà chủ ra lệnh dắt thằng Phương đi coi vì nó đòi quá chừng. Bà chủ nhấn mạnh là ông chủ cầm chầu thì nhà mình đi hết cho xóm. Cả làng đều khen ông cầm chầu tuyệt vời, biết đánh trống thưởng, biết đánh tang bắt tỉ đúng chỗ. Rồi không biết Cậu Vĩnh bắt mắt Thuận lúc nào mà sau đó tìm có tới nhà nhiều lần. Thấy cử chỉ của người trai văn minh Sài Gòn này tha thiết và coi bộ chơn thành Thuận cũng xiêu lòng mặc dầu lần nào ông chủ nhà cũng háy nguýt ghét bỏ ra mặt không cần che giấu. Thuận miên man. Trong nhà càng ồn ào thì Thuận càng nhớ người yêu, nhóng mắt ra xa hai ba thửa ruộng vẫn không thấy người tình.

Thằng Phương ở đâu chạy bổ vô đứng trước mặt Thuận kể huyền thiên:

‘Con Kén bữa nay thua quá cỡ, công tui mệt thiếu điều ứ hơi.’

Thuận nhẹ tay đẩy nó ra:

‘Sao? Kể nghe coi!’

‘Thì chơi thầy trò gần mức ăn cỗ. Đứa nào xa mức hơn thì thua, thua thì công đứa kia một khúc chừng mười thước Tây vạch sẵn... ‘Tui thua cỗ nó, nó nói lưng mày xương không ngồi đau đít mà tóc của mày hôi mồ hôi thấy bà cố nội. Con nhỏ có da có thịt thiệt tình, cỗ nó coi bộ nặng mà ôm hai bắp vé nó tròn ửng trơn lù như da lươn.’

‘Lại sanh nguy nữa!’ Thuận nói nhỏ.

‘Tui được nó cỗ chừng mười mấy lần. Nó cỗ coi bộ mệt, tôi thúc lên hoài mà cứ bị tuột xuống, tui phải trường trên nhiều lần, nó không chịu xúc mạnh, nói

là sợ gãy xương. Hai cẳng tui kẹp vô hông nó.... Hổng thôi té còn gì. Cái áo nó vải gì mà trơn chùi tui nói mày kéo áo lên cho tao ngồi khỏi trơn. Nó dầy nầy như cua gãy càng, nói mày lộn xộn đòi nầy đòi kia thì thôi tao hổng công nữa.’

‘Tui nghe mùi tóc của nó thơm thơm mà khác với mùi tóc của chị. ... rồi con nhỏ dùng dằng nói không công nữa, thiếu bao nhiêu mai mốt chơi nữa trừ. Rồi nó chạy về, nói, tao nghỉ chơi luôn bữa nay.’

‘Lại bắt đầu có ý tưởng nguy rồi.’ Thuận nói nhỏ vừa lấy tay xĩa vô trán thằng Phương vừa có ý tưởng sẽ không cho nó ngủ chung nữa.

Thuận vừa nghe thằng nhỏ tí lia kể chuyện vừa nhớ tới người tình. Mới hợp nhãn đâu chừng vài ba tháng, cả mấy ngày nay buồn chết được mà không thấy tăm dạng đâu.

Bỗng nhiên vài ba người ló xóm đi ngang góc vô nhà rồi góc Thuận bằng cặp mắt thương hại. Rồi một đoàn lính tráng ào ào như sôi bước vô sân, đi đầu là nhóm ba người Hương Cả, Hương Thân, Hương Hào. Kế đó là năm sáu người lục điền, kè sát Vĩnh, hai tay anh đã bị trói ra sau. Họ xô mạnh anh ngã lăn chiên vô thềm nhà. Một câu nói mơ hồ vang lên trong trí khi Thuận té xuống bất tỉnh: ‘Thằng có học thức mà giết người không gớm tay. Ghê thiệt!’ Cho mày tử hình đền tội cũng chưa đủ!’

4. Mười năm rồi tôi bị chuyển qua lại bao nhiêu là phe nhóm không nhớ hết. Ban đầu là bộ đội Hoàng Thọ, rồi bộ đội

Nguyễn Trung Trực, rồi quân của tướng Lâm Thành Nguyên, rồi thuộc binh sĩ của Quốc Gia Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp, cuối cùng là của bộ đội Bảy Viễn... Nghĩa là có lúc làm Thanh Niên Tiền Phong, lúc làm Công An Xung Phong... đã hành động theo lời của cấp chỉ huy, mấy ông biểu đi hành quân thì cụ bị chiếu nóp súng ống, lựu đạn, cơm nước theo đoàn.

Bây giờ thì tôi lạc đoàn, lang thang trên một con đường đê dài dẫn ra bờ sông sau khi lặn mò cả tuần lạnh quanh trong Rừng Sác, nhờ người dân ăn ong ở đây che chở để trốn tránh đoàn quân Nùng thiện chiến của ông Wòng A Sáng mà ra được tới Cần Giờ. May là lúc lộn xộn hỗn quan hỗn quân trước khi chạy cũng quơ được khá bọn trong kho tiền của mấy ông Tài, Sang, Viễn đương bị pháo kích tan bành, bạc văng tung tóe như giấy lộn...

Tôi lững thững như người nông dân trong vùng có chuyện đi ra tỉnh. Người ta nói đây là đò Bến Hạ, qua sông là thuộc tỉnh Bà Rịa yên ổn. Tàn quân của Bình Xuyên không qua tới. Địa bàn chiến dịch Hoàng Diệu của Đại Tá Dương Văn Minh cũng không bao gồm bên đó.

Một cậu thanh niên trong nhóm người đi chợ sớm loắc choắc tâm sự với bạn mà cũng khá lớn tiếng, chừng như có ý riêng: 'Không biết bữa nay bà Thuận Lai chèo đò hay là con nhỏ con bã. Tao mê nó lắm! Đẹp quá chừng! Như Tiên.'

Nghe hai tiếng Thuận Lai tôi rùng mình nổi gai ốc, thời gian kéo về hai chục năm trước, từ khi chị Thuận bỏ nhà tôi đi biệt.

Tôi bước những bước chạp không hồn do chuyện cũ bao trùm trong trí mà người ta nói là sương mù não do quá nhiều ký ức tranh nhau kéo về, chuyện này chổng chéo lên chuyện kia. Ông già ghê tôi nhập bọn đờn ca tài tử thường xuyên tới nổi bỏ bê nhà cửa nhiều khi cả tuần không về, ông say mê rồi cặp với cô đào trẻ Sáu Chiêu nên thường về đánh đập mẹ con tôi. Ông bị ông Cai Phòng dụ dỗ hốt me, đánh chấn sao đó khiến thiếu nợ ngập đầu phải bán nhà bán ruộng. Má con tôi bị đuổi, dọn ra ở cái chòi lá xập xệ cất dựa bờ sông, chỗ cái vườn mía Tây của chúng tôi trước đó. Má lao lực cực quá chết vài năm sau khi tôi vừa mới bẻ tiếng, nhỏ giò. Tôi gặt đầu theo tụi bạn xách áo theo bộ đội Hoàng Thọ, đu trên ngọn dừa bắn tàu Tây do chẳng có gì để luyện tiếc nơi chơn nhao cất rún. Cũng không biết sợ biết quý mạng mình. Còn gì nữa đâu? Đời có gì vui sướng đâu mà lo giữ mình giữ mạng?

Chừng độ chục người xuống bến, con đò được đẩy sào ra khỏi bãi. Cô gái chèo đò đứng chèo ở phía sau lái, tôi thấy mặt rõ ràng. Đó là khuôn mặt của chị Thuận ngày nào, như đúc cùng một khuôn. Tôi ngó sừng làm cho cô ta đỏ mặt, bậm môi, ngó lảng ta ngoài mênh mong trời nước trong khi vẫn kéo đẩy mái chèo. Gió sông thổi lạnh mình lạnh mẩy. Kéo áo che ngực, tôi sức nhớ là mình có tiền nhiều. Phải tìm cách cho cô ta chút đỉnh mà không lộ. Lộ thì nguy hiểm vô cùng. Không biết chị Thuận lúc này ra sao. Nhớ như in câu nói: 'Đừng nói xàm mà. Em lớn thì chị già rồi cưới sao mà cưới, cưới con chị là may!'. Tôi bật tiếng cười khan khiến hai ba người

ngồi kể bên góc cách ngạc nhiên. Tôi thấy mình nên tránh nhìn cặp đùi cứng đầy bắp thịt như đùi ếch của cô ta hẳn in theo lớp vải ú đen may quần rộng thùng thình của dân quê lam lũ.

Bắt chước mấy đứa con nít đưa tay xuống nước để cho đò kéo đi vẽ những lợn sổng lẫn tăn bắt tặn, tôi hưởng cái cảm giác lạnh lạnh pha nổi vui mừng thoát nạn, có tiền rủng rỉnh lại sắp gặp được người thân.

Người đàn bà tôi nghĩ là chị Thuận, cặp rổ rau tập tàng bên nách, cái khăn rằn vắt trễ tràng một bên vai như tôi thường thấy ở má tôi trước đây. Bỗng nhiên cảm giác âm ảm hai mươi năm trước tràn về khi tôi rúc vào lòng chị những khi khó ngủ. Người đàn bà già trước tuổi kia là chị Thuận thương mến của tôi sao? Tất cả đều đã đổi khác, còn lại chẳng là khóe mắt xưa và cử chỉ đi đứng nói chung không thể trùng với ai được.

Cô lái đò lui cui cột đò vô cây neo. Đường ngói rẽ trên đầu cô thẳng và trắng kỳ diệu giữa trùng trùng gốc tóc đen như đường ngói của chị Thuận mà tôi ưa ngắm khi chị lom khom kỳ cọ mấy ngón chụm tôi, mỗi khi chị thấy tôi tắm ầu xối nước ào ào cho có, để mấy ngón chụm đóng đầy hờm đất... Cô lái đò háy sắc lẽm mấy người thanh niên kia, kể luôn tôi rồi bước mau lên bờ mét má:

‘Chuyến này xui quá, đò ít người mà hai ba ông thần đèn mắc toi cứ lom lom dòm bằng ánh mắt kỳ lắm, nhót nhả thấy rõ. Ghê thấy bà! Cái ông lạ mặt kia thì...’

Chị Thuận đưa mắt ngắm về phía tôi, không tỏ chút gì ngạc nhiên. Chị chưa

nhận ra thằng nhỏ ngày xưa ước ao khi lớn lên cưới chị.

Tôi bước mau tới ngang mặt chị, nói nhỏ nhỏ chỉ chị đủ nghe: ‘Bằng trái ớt mà..’ Rồi không cho chị tỉnh hồn, tôi tiếp theo: ‘Trời ơi sao đau mà không nói.’ Câu xuýt xoa ngày xưa khi chị khám phá ra cái đầu u nần của tôi. Chị Thuận đương đi, đứng lại liền, ngắm tôi như ngắm người chết hiện về.

Cô lái đò Bến Hạ ngắm tôi rồi ngắm mẹ mình, bộ ngạc nhiên cùng cực. Chị Thuận lật đật cúi để cái rổ xuống, kéo tôi lại: ‘Chèn ơi, cậu đây sao? Cậu Phương à? Lâu ớn há! Chắc cũng đã hai chục năm rồi. Thành nhơn chi mỹ rồi!’

Chị nắm tay tôi kéo về phía cái chòi lá làm chỗ cho khách chờ đò giới thiệu với con gái mình bằng những từ ngữ thay đổi liên như trở bánh trắng nướng mà tôi không ngờ: ‘Chào anh Phương đi con. Anh Phương hỏi đó giúp mẹ nhiều chuyện lắm, không có anh Phương thì mẹ còn khổ hơn nhiều.’

Chị liếng thoảng trái với cử chỉ trầm tĩnh, chậm rãi của người hơi lớn tuổi hồi nãy:

‘Anh Phương mà mẹ nhắc với con hoài đó, đây là anh Phương bằng xương bằng thịt...’ Rồi chị rưng rưng nước mắt. Chị hai tay dắt hai người chúng tôi đi vô bàn nước, nói: ‘Vô đây! Vô đây! Hai đứa vô đây! Mà cháu Phương có gia đình chưa vậy? Đâu bây nói tao nghe coi!’

5. Vậy đó, ban đầu đổi lại, kêu chị Thuận bằng Dì, bằng Bác rồi bằng Má cũng hơi xốc lưởi chút đỉnh, nhưng riết rồi cũng quen. Chị Thuận thì kêu tôi bằng con

ngọt như đường phèn, nhẹ hơi như má tôi hồi nào hồi nào.

Chị tâm sự là sau đêm kinh hoàng đó chị coi như đời mình đã bỏ đi, nhưng gắng gượng sống, dự định về sau thú tội với Cậu Ba Vĩnh - nhưng sẽ không nói ai gây ra chuyện. Rồi thì Vĩnh bị gia đình Cai cụu Phòng giá họa tiếp theo khi thằng con lớn của ông ta giết một lượt hai cô thợ gặt mà ông ta lo tiền để Hương Quán làng phò phép sang tội qua người khác. Chị nói mình phải bỏ đi thôi. Mất chút lòng trinh bạch, mất người tình trăm năm, luôn luôn sống trong lưới rập thì con thử nghĩ coi... Chị hỏi trong khi những giọt nước mắt rớt nghe tí tách nhẹ trên bàn tay già nua gân xanh nổi hằn. Chị nhấn mạnh là mình sống khổ sở, bụng mang dạ chửa, chỉ một thân một mình tự lo, vài ba năm sau, cứng cáp, gái một con cô đơn trong loạn lạc rủi nhiều hơn may. Mười năm, mười năm từng ngày cố quên chuyện cũ thời con gái. Chị ngó mơ hồ ra ngoài sông rộng trời chiều. Rồi cũng như nhiều người già khác, chị tằm miếng trâu bỏ vô miếng nhai nhóc nhách, nói chữ: 'Mình là con chim sợ cung tên, né tránh những đề nghị yêu thương. Một con trâu ghè chóc trên lưng thấy quạ bay qua liền tung vó chạy.'

Ngừng nói, chị quay lại ngó ra bên đò, con đò nằm đó chờ vợ nửa thân sau trên bùn, chị gặt đầu chào mấy người quen đi qua rồi tiếp tục tâm sự. Chị nhấn mạnh là luôn luôn nhớ tới sự ngây thơ lúc đó của tôi và đã luôn cầu mong tôi không bị hư hỏng hay chết chóc khi sống trong một môi trường như vậy: đầy rẫy cạm bẫy và người xấu hèn.

Tết nay, vợ tôi Thảo, em bé chèo đò Bến Hạ, và tôi, đưa lãng tử lưu linh lưu địa lẫn lóc trong bom đạn súng ống mười năm mà không chết... chúc Tết Má Thuận.

Ánh mắt bà dịu hiền của người từ mẫu. Con chim ưng sẵn sàng vươn móng trả thù đời đã biến thành con nai mẹ ung dung ngó lên bầu trời xanh để thưởng thức mấy cụm mây trắng bay qua, chun ơ hờ đập nhẹ lên lá vàng khô, quên mọi biến động tàn nhẫn đau thương đã tàn phá đời mình.

Tôi đọc được trong ánh mắt và cử chỉ của Mẹ Thuận một sự buông bỏ, hỷ xả hoàn toàn. Quên hết chuyện trước.

'Hệ quả của thời Pháp thuộc đã tạo nên một giới chức dựa hơi chế độ, chỉ biết ăn ngon, làm giàu, lợi dụng chức vụ không cần biết tới nỗi khổ đau nhục nhã của người khác, đã đổ lên đầu Mẹ một oan khiên.' - bà nói và ngó tôi bằng cặp mắt hiền từ của một người có tuổi, thoát tục.

Không khí trở nên lạnh cóng. Mẹ Thuận nói thêm:

'Di sản thuộc địa cộng với chiến tranh tạo nên tang thương bầm nát ngửu đời mẹ. Mất cái trinh trắng con gái và mất người tình một đời. Nhưng cũng kỳ diệu khó nói là cũng chiến tranh đó đã đem đưa con cưng của Mẹ về đây để tạo hạnh phúc cho hai người đàn bà yếu đuối nơi chốn sơn cùng thủy tận này.'

Cho tới lúc đó Mẹ Thuận và em Thảo cũng chưa biết rằng trong gói quần áo của tôi chứa một số tiền có thể nói là lớn, lượm khi kho tiền của loạn tướng Bảy

Viễn tung tóe vì bom đạn. Tiền đó đã khiến biết bao nhiêu người phụ nữ nhẹ dạ nhảy cầu Bình Lợi sau khi say mê thủ thỉ vắn trong hai khu giải trí chết người Đại Thế Giới, Kim Chung.

Tôi hứa với lòng mình là sẽ dùng phần lớn tiền này làm từ thiện để vá lại phần nào những mảnh đời đã đổ vỡ.

Ngoài kia pháo nổ lớn và Đài Phát Thanh Quốc Gia phát ra những bản nhạc Xuân vui nhộn...

Mồng một Tết, mừng tuổi 'chị Thuận' xong, tôi nói một câu tấn ơn:

'Hồi đó khi chị Thuận đi rồi thì em mỗi ngày ra vô phòng chị lần nào cũng hy vọng chị về mà trăm lần như một, thất

vọng như người tình mong được thư tình mà chẳng thấy.' Sau câu nói tôi le lưỡi tỏ vẻ sợ vì cách xài chữ của mình.

Mẹ Thuận ký đầu tôi như hồi nhỏ, ngay chỗ cái thẹo hồi đó.

'Bởi vậy mới đền cho mi đây!' Bà nói và ngó Thảo. Em đỏ mặt, cúi đầu.

Tiếng pháo nổ ì ầm từ khu nhà giàu của xứ Bà Rịa yên bình đưa lại. Ngoài kia nắng vàng hực đường xá.

'Thanh bình quá!' Tiếng của Mẹ Thuận, của em Thảo hay tiếng của tôi? Mà có thể của cả ba không chừng!

NGUYỄN VĂN SÂM

HAI PHƯƠNG

*Từ thuở xa người cách cố hương
Môi quen rượu đắng
mưa đêm trường
Ta một phương và em một phương!*

*Ở đây thu đã vàng cây lá
Chờ gió đông về đợi tuyết bay
Tóc đã phai xanh đầu điểm bạc
Mộng hờ cũng trắng cả đôi tay.*

*Bao giờ trở lại quê nhà nhỉ?
Đất khách chân quen, lạ dấu giày*

*Phòng lạnh ta nghiêng đầu hỏi bóng
Quê người tâm sự với ai đây?*

*Hai đứa, hai phương trời cách biệt
Bên này, bên ấy nhớ thương nhau
Vàng trắng xưa vẫn lưng chừng núi
Hiu hắt trời sương, cánh nhạn gầy!*

*Đêm qua trầm lặng năm canh mộng
Rượu nhạt mềm môi uống chẳng say.*

HOÀNG SONG LIÊM

TÂM SỰ GIỮA ĐỜI

(tặng đôi bạn Hiếu Lan)

Dấu ấn ngày xuân bạn vẫn còn
ta thì biến biệt bước chân bon
từ khi nhạc lạc vào mây xám
là lúc gió xuyên dạt sóng còn!

Ta từ treo kiếm bên triền núi
ngựa quy cõn khuya gục bãi hoang
tấm thân ngang dọc đành thôi cũng
tím cả tâm can... lụy đoạn trường!

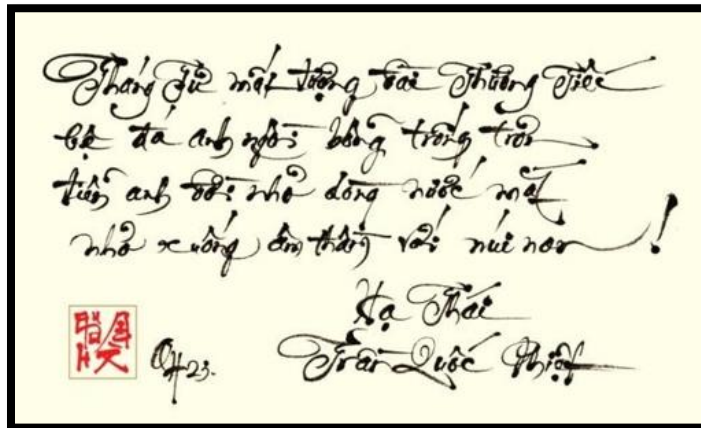
Ngồi đây hoài niệm ngày xưa đó
thấm thía lạnh vào từng nỗi đau
trắng hỡi đêm nao còn sáng tỏ
chừ mờ mờ mây khuất lịm hồn sâu

Cám ơn những tấm hình trân quý
năm chục năm non cỏ tích rồi
nét chữ bài thơ đêm viết vội
cuộn tròn kỷ niệm bạn và tôi ...

*

Ta trót nhiều phen say giữa chợ
tiếc đời nặng nợ phải gian nan
kể từ gãy súng tan hàng đố
đủ chuyện bể bàng... lăm oái ăm...
Nhân thế tình đời đã vốn vậy
thời gian không thể một phôi pha
cổ vui chuyện cũ mà không thể
chiếc bóng vô cùng chấp chới xa ...

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt



QUA SÔNG MÊ

TRẦN C. TRÍ



Tính ra, từ trước đến giờ, tôi đã chuyển ngữ được hàng chục truyện ngắn và kịch từ nhiều thứ tiếng, nhiều tác giả, nhiều thể loại, nhiều đề tài, và từ nhiều nước khác nhau, rải rác từ Bắc Mỹ, châu Mỹ La-tinh, qua đến

châu Âu, thậm chí cả châu Phi nữa. Tôi đã được chìm đắm vào thế giới ngôn ngữ và văn hoá muôn màu muôn vẻ của những miền đất xa lạ, vui buồn với cuộc đời của các nhân vật trong những tác phẩm đó, và nghiệm ra rằng, ở đâu đi nữa, ai cũng san sẻ với nhau thân phận con người. Thế nhưng, ngoài sự đồng cảm đó, tôi vẫn thấy thiếu thiếu một điều gì mà chưa định nghĩa rõ ràng được.

Mới đây, tôi tìm ra được một truyện ngắn của nhà văn Silvestri Beltrán, rất đổi tình cờ. Tôi quyết định dịch câu

chuyện này ở đây, vì nhiều lý do. Thứ nhất, sau khi tìm hiểu thêm về gốc gác của truyện ngắn này, tôi được biết đây là truyện ngắn đầu tiên và duy nhất được viết bằng tiếng Palenquero, thổ ngữ của người dân sống trong một ngôi làng nhỏ nằm về phía tây bắc của xứ Colombia ở Nam Mỹ. Chi tiết về ngôn ngữ này, tôi sẽ trình bày sau. Thứ đến, khác những câu chuyện mà đa số chúng ta đã từng đọc, thường nói về tình yêu của nhân vật chính, những mơ mộng về tình yêu của họ, hoặc những gì họ phải làm để nuôi dưỡng tình yêu, thì câu chuyện này như một tấm gương phản chiếu mặt trái của tất cả những điều ấy. Cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, thật lạ lùng, tôi cũng là một nhân vật trong câu chuyện đó.

Yếu tố đầu tiên cuốn hút tôi vào truyện này là tên tác giả của nó. Cái tên khá lạ, vì mới nhìn vào tôi đã ngỡ rằng đó là một cái tên Tây Ban Nha. Song nhìn kỹ hơn, và sau khi truy tầm từ nguyên, tôi mới khám phá ra tên Silvestri vốn được

dùng làm họ của người Ý; còn gốc gác của cái họ Beltrán lại còn ly kỳ hơn nữa. Thoạt kỳ thủy, Beltrán là một cái tên, không phải họ, có nguồn gốc Đức, dưới dạng Berhathraban. Có lẽ là qua những đợt di cư của một số người từ nước này qua nước nọ, cái tên gốc Đức này trở thành họ của một gia tộc ở vùng Bologna bên Ý Đại Lợi, được phát âm và viết là Beltran. Tiếp nối nhiều cuộc di cư khác, họ Beltran qua đến tận Tây Ban Nha, nơi nó mang thêm dấu sắc để chỉ trọng âm, theo chính tả của ngôn ngữ này, để trở thành Beltrán. Chưa hết, cuối cùng, cái họ “di cư” này tập trung phần lớn ở Cataluña, miền đất phía đông nam của Tây Ban Nha, nơi dân cư có riêng ngôn ngữ Català của họ (ngoài tiếng Castellano được dùng chính thức khắp nước Tây Ban Nha, nên thường được biết đến là tiếng Español hơn là tiếng Castellano). Ở vùng đó, cái họ tha hương này được viết là Beltrà.

Dịch truyện ngắn này, tuy vậy, không phải là chuyện dễ. Sau mấy phút háo hức đọc vài đoạn đầu, tôi chỉ nhận ra được lôm bôm một số chữ tiếng Tây Ban Nha mà mình đã quen thuộc, còn kỳ dư là toàn những chữ xa lạ tôi chưa từng thấy bao giờ. Trong số những chữ xa lạ ấy, tôi thấy nhiều chữ mang âm hưởng và hương vị của nhiều thứ tiếng Phi châu mà tôi đã đôi ba lần trích dẫn trong những bài giảng về cú pháp hay âm vị học của mình ở trường đại học. Tôi nhận thấy trong nhiều đoạn văn, chữ palenquero được lặp đi lặp lại. Tôi chợt nhớ lại một điều quan trọng. A! Chắc đây là tiếng Palenquero mà vị giáo sư đầu tiên về ngôn ngữ học của tôi đã dày công nghiên cứu. A! tìm hiểu tiếng Palenquero đều phải biết qua tên vị giáo sư của tôi, một trong những học giả hiếm hoi nghiên cứu về ngôn ngữ này. Thế là tôi vội vàng ngồi

xuống viết ngay cho ông một cái email, nói về truyện ngắn này.

Ông giáo sư vừa về hưu năm ngoái. Khi tôi trở về trường xưa để dạy, tôi đã gặp lại ông. Hai thầy trò tay bắt mặt mừng. Ông mời tôi đến nhà để thưởng thức rượu vang và làm cái chuyện mà người Mỹ gọi là “catching up”, sau năm năm tôi rời trường để đi học thêm. Sau đó, tôi có cùng ông giảng dạy vài lớp ngữ âm học mà ngày xưa tôi đã từng là học trò của ông, cũng dùng cuốn sách giáo khoa do ông soạn từ đó đến giờ, tất nhiên là qua ấn bản đã hiệu đính mới nhất.

Thư tôi được ông trả lời ngay, chỉ nội ngày hôm đó. Ông bảo tôi ghé qua nhà, đưa cho tôi nhiều tài liệu nghiên cứu về tiếng Palenquero của ông, cùng một cuốn văn phạm và một cuốn từ điển Palenquero-Español của hai tác giả khác. Tôi cảm ơn ông rồi rít và chạy vội về nhà, đọc thật nhanh qua những tài liệu ông đưa để tìm hiểu những chi tiết chính về thứ tiếng này. Ngày trước, khi còn là sinh viên trong lớp của ông giáo sư, tôi đã từng nghe ông nhắc đến tiếng Palenquero nhiều lần nhưng không nhập tâm. Có ngờ đâu hôm nay tôi có duyên gặp lại thứ tiếng này qua truyện ngắn tôi vừa tìm được.

Tiếng Palenquero là thứ tiếng creole duy nhất ở Nam Mỹ (một loại ngôn ngữ lai tạp giữa tiếng bản địa và tiếng của một cộng đồng di dân), dựa vào tiếng Tây Ban Nha, với cú pháp chịu ảnh hưởng của tiếng Kikongo, một thứ tiếng châu Phi nói ở Congo và Angola. Ngoài ngữ vựng gốc Phi châu và Tây Ban Nha, tiếng Palenquero còn có nhiều từ ngữ Bồ Đào Nha, vết tích của một thời thuộc địa đến từ bán đảo Iberia. Ngày nay, chỉ còn trên dưới 4.000 ngàn người còn dùng tiếng Palenquero như tiếng mẹ đẻ, tập trung ở ngôi làng mang tên San Basilio de Palenque. Dân cư vốn ít học và nghèo

khổ. Đó là lý do tại sao truyện ngắn viết bằng thứ tiếng này lại có ý nghĩa đáng kể về ngôn ngữ, văn hoá và văn chương như vậy.

Mấy tuần sau đó, tôi ngẫu nhiên đọc cuốn văn phạm tiếng Palenquero cùng các tài liệu nghiên cứu mà ông giáo sư đã đưa. Rồi một buổi chiều nọ, tôi ngồi xuống trước bàn làm việc có cái máy điện toán, cuốn từ điển, cuốn sách văn phạm và bao nhiêu tài liệu tôi đã tìm được thêm trên Internet, in ra và chắt chyu trên bàn, bắt tay vào việc chuyển ngữ truyện ngắn của nhà văn Silvestri Beltrán có tựa đề *Krusá loyo ri sueño*, mà tôi tạm dịch là “Qua Sông Mê”.

.....

Buổi trưa còn rực rỡ nắng trên dòng sông Caquetá. Tôi đứng bên bờ sông mà ngỡ như đang ở trong một giấc mơ. Hồi nhỏ, tôi có dịp thấy hình những dòng sông có cây cối mọc từ dưới nước lên, không hiểu sao hình ảnh đó trở thành một ám ảnh trong trí óc non nớt của tôi, cho mãi đến bây giờ. Vậy mà ngay lúc này, tôi đang tận mắt thấy hình ảnh sống động đó. Dòng sông rộng mênh mông, hai đầu hun hút dài, không thể tưởng tượng được nó bắt đầu từ đâu và sẽ chấm dứt ở đâu, tuy trước khi đến đây tôi đã tìm hiểu khá nhiều về con sông này và biết nó chảy về hướng đông rồi nhập vào dòng sông Amazon dài nhất thế giới. San sát ven bờ là vô số những cây cao mọc từ dưới dòng sông lên, giống hệt như hình ảnh tôi đã từng thấy lúc còn nhỏ. Tự dưng tôi thấy trong lòng ám áp lạ thường, cơ hồ có một đoạn đời nào đó, tôi đã từng sống ở đây; cảm giác thật thân quen, gần gũi.

Tiếng nước bị bơm chọt vang lên làm tôi giật mình quay qua bên phải của mình. Một con thuyền nhỏ đang lướt về phía tôi đang đứng. Trên thuyền là một người đàn ông da đen, như hầu hết những người dân sống trong vùng này, hiếm lắm mới thấy một người da trắng hay lai da trắng. Ông ghì nhẹ mái chèo, cho thuyền tấp vào bờ, lên tiếng chào:

“Boa tarde, senhor!”

“Boa tarde!”—tôi đáp ứng chào lại bằng tiếng Bồ Đào Nha, ít khi có dịp dùng thứ tiếng này.

Ông lái thuyền lập tức xí xa xí xô một tràng dài, lúc này chỉ còn xen lẫn một vài chữ Bồ Đào Nha mà tôi có thể hiểu. Tôi vội dùng tiếng Tây Ban Nha, kêu lên:

“Ồ, ông ơi! Ông nói được tiếng Tây Ban Nha chứ? Tôi không rành tiếng Bồ Đào Nha đâu!”

“Claro que sí, señor,”—ông lái thuyền chuyển sang nói tiếng Tây Ban Nha thật trơn tru—“tôi chào ông bằng tiếng Bồ Đào Nha vì tưởng ông cũng biết nói. Về sau là tôi nói bằng tiếng Tupí-Guaraní, thổ ngữ của vùng biên giới Colombia-Brasil này đó ông.”

“May là ông cũng nói tiếng Tây Ban Nha!”—tôi thở phào nhẹ nhõm—“Tôi đã dặn đi dặn lại anh nhân viên ở văn phòng du lịch là kiếm cho tôi người lái thuyền nào nói được tiếng Tây Ban Nha, chứ không thì...”

Tôi bỏ lửng câu nói, vì người lái thuyền đã ngắt lời:

“Trông ông rõ ra là người thành phố. Ông cần gì mà đến tận chốn xa xôi hẻo lánh này?”

“Tôi muốn đem vài món đồ đến cho một người ở làng Peña Roja,”—vừa nói tôi vừa chỉ cái va-li lớn để dưới chân.

“Vậy thì chúng ta phải đi về hướng bắc, theo nhánh phải của dòng sông này, khoảng hai tiếng đồng hồ mới đến.”

Hai tiếng đồng hồ! Tôi lo lắng liếc nhìn đồng hồ đeo tay của mình. Đã hơn hai giờ rồi. Như vậy, lúc tới nơi trời vẫn còn sáng. Người lái thuyền nhanh nhẹn nhảy xuống bờ, giúp tôi xách hành lý lên thuyền.

“Tôi là Silvestri,”—tôi tự giới thiệu— còn ông là...?

“Tôi tên Amaru, có nghĩa là ‘mưa’,”— người lái thuyền đáp, bắt đầu khua mái chèo dưới nước.

Thuyền lướt nhanh trên dòng sông tĩnh lặng. Mới đầu, tôi thấy hơi say sóng một chút, nhưng chỉ lát sau là tôi đã tỉnh táo trở lại, bắt đầu thưởng thức phong cảnh hai bên bờ. Những hàng cây mọc dưới nước vẫn tuần tự hiện ra, y như trong trí nhớ của tôi ngày xưa. Amaru yên lặng chèo thuyền, không có vẻ vồn vã như lúc ban đầu. Thấy vậy, tôi cũng ngồi im lặng ngắm cảnh. Chỉ nghe tiếng mái chèo kêu róc rách trong làn nước, lâu lâu chen vài tiếng chim kêu hay vượn hú vọng xuống từ hai bên bờ sông.

Một hồi sau, Amaru mới cất tiếng trở lại:

“Ông ở miền nào đến? Và làm sao lại biết được một người ở xa xôi như thế này?”

“À, chuyện là như thế này,”—tôi vui vẻ đáp—“số là tôi mới từ California ở Mỹ sang không lâu, hiện dạy ở trường Đại Học Mỹ Thuật và Khoa Học Bolívar ở Cartagena...”

... Ở trường tôi, có rất nhiều nhân viên chăm lo vệ sinh trong các toà nhà, lớp học, hay trồng tỉa cây cỏ trong khuôn viên. Trong số đó có một phụ nữ gốc Phi

châu khoảng ba mươi mấy tuổi, làm vệ sinh ở khoa tôi dạy. Sáng nào, khi gặp cô ở hành lang văn phòng, tôi cũng cất lời chào cô “Buenos días”, và cô cũng nhã nhặn chào lại tôi bằng tiếng Tây Ban Nha, tuy tôi nghe như có âm hưởng khang khác của một vùng nào đó. Mỗi quan hệ của tôi và cô ta mới đầu chỉ đến đó thôi, qua những câu chào hỏi ngày nào cũng giống ngày nào.

Cho đến một Giáng Sinh nọ, khi thấy cô vào văn phòng mình để đồ rác, tôi lấy trên bàn một món quà nhỏ đã gói sẵn để dành và đưa cho cô, kèm theo một nụ cười và lời chúc “Feliz Navidad”. Cô ta ngạc nhiên lắm, đưa tay đỡ lấy gói quà, lấp bắp mấy lời cảm ơn, giọng đầy xúc động. Lúc ấy, lần đầu tiên chúng tôi mới chính thức tự giới thiệu với nhau, và tôi được biết tên cô là Flo. Tôi hỏi tên cô là từ ngôn ngữ nào và có nghĩa là gì.

“Thưa giáo sư,”—cô lễ phép trả lời— tên em nghĩa là ‘đóa hoa’, từ tiếng Palenquero đó ạ.”

“Tiếng Palenquero?”—tôi hơi nhíu mày—“Hồi giờ tôi chỉ nghe nói đến thứ tiếng này, bây giờ mới gặp một người bản ngữ là cô. Cô có thể cho tôi biết thêm một ít chi tiết về ngôn ngữ này không?”

Bằng tiếng Tây Ban Nha, và với một âm hưởng “lạ” mà bây giờ tôi mới hiểu từ đâu mà có, Flo rụt rè nói:

“Dạ, thứ tiếng nửa Tây Ban Nha, nửa gốc Phi này người ta nói trong làng nơi em sinh ra, cách thành phố Cartagena này khoảng 50 cây số về phía đông nam. Đây là ngôi làng đầu tiên của người nô lệ gốc Phi được quyền tự trị, sau khi trốn chạy thực dân Tây Ban Nha vào thế kỷ thứ 17. Tên ‘Palenque’ có

nghĩa là ‘ngôi làng có tường thành bao bọc.’”

Méo mó nghề nghiệp, nghe Flo nói chỉ trong vòng mấy câu mà đã tóm tắt được những ý chính quan trọng, tôi thán cho cô điểm A, nếu cô ở trong lớp tôi! Nhưng đó là tất cả những gì tôi biết được về người đàn bà trẻ này, mà từ lúc đó trở đi khiến tôi chú ý đến nhiều hơn trước.

Một buổi sáng đi làm sớm, vừa bước lên tầng thứ nhì, từ xa xa tôi đã thấy Flo đứng ở đầu bên kia của tầng lầu, đang nói chuyện qua cái điện thoại cầm tay. Tôi ngó quanh quất thấy một cái ghế gần đó, nhẹ nhàng ngồi xuống, không muốn làm đứt quãng cuộc điện đàm nghe có vẻ đang khá sôi nổi của Flo với người nào đó. Giọng Flo rất lớn, có lẽ cô nghĩ bấy giờ hãy còn sớm nên không cần giữ kễ.

...Vài con cá búng mình tanh tách lên khỏi mặt nước rồi lại rơi tòm xuống sông, khiến tôi thích thú ngắm nhìn, bỏ dở câu chuyện đang kể.

“Lâu lắm rồi tôi mới được nghe một người kể chuyện,”—Amaru bình phẩm—“Lần cuối cùng tôi được nghe kể chuyện là lúc bà nội tôi còn sống. Bà thường kể về những ngày tháng cơ cực của mình, thêm thắt những chi tiết ly kỳ để lôi cuốn lũ con cháu, trong thời kỳ tranh tối tranh sáng, lúc Brasil mới giành lại độc lập từ tay người Bồ Đào Nha.”

Thấy tôi ngồi yên nghe và mắt mơ màng nhìn phong cảnh, Amaru sốt ruột nhắc:

“Nhưng kìa, câu chuyện của cô Flo sau đó đi đến đâu hở ông?”

Tôi giật mình, cười bẽn lễn, rồi cao giọng kể tiếp:

... Flo đang nói một thứ tiếng lạ, mà bây giờ tôi đã biết là tiếng Palenquero. Vì ngồi xa, tôi chỉ nghe tiếng được tiếng mất. Có chữ nghe na ná như chữ Tây Ban Nha, còn đa số là những chữ lạ tại, đúng là có âm hưởng Phi châu. Có vài chữ mà tôi nghe Flo lặp đi lặp lại trong suốt cuộc nói chuyện, chẳng hạn như “burú”, “ceddo” hay “posá”, mà tôi không đoán được nghĩa là gì.

Đợi đến khi Flo chấm dứt cuộc điện đàm, tôi mới đứng lên, lững thững đi vào văn phòng của mình. Flo đi ngang qua lúc tôi vừa mới bước vào trong, đang quay mặt ra, định đóng cửa lại. Giáp mặt tôi, cô lúng túng cúi chào, vừa kịp để tôi thấy hai mắt cô đỏ hoe như mới khóc xong. Tôi cũng vội chào lại để đáp lễ rồi quay vào trong, cho cô khỏi ngượng.

Vài hôm sau, Flo khẽ khàng gõ cửa văn phòng. Tưởng cô xin vào để dọn rác như mọi lần, tôi nhẹ gạt đầu đồng ý. Tuy nhiên, lần này cô lại lễ mễ mang một cái đĩa, không biết đựng món gì vì cô đã phủ lên trên một lớp lá chuối.

“Mời giáo sư,”—Flo e dè nói—“Đây là món bánh chuối làm từ plátano, một trong những đặc sản từ ngôi làng nghèo khổ của em. Mong giáo sư đừng chê.”

Tôi vốn không ăn ngọt, nhưng không muốn làm Flo buồn nên vui vẻ nhận lấy đĩa bánh và cảm ơn cô. Tôi loay hoay kiếm được một con dao nhựa trong ngăn kéo, cắt bánh ra, thử ngay một miếng cho cô vui, đồng thời cũng mời lại cô một miếng.

“Ồ, bánh có vị đặc biệt lắm!”—ném qua, tôi thích thật tình—“Không quá ngọt và dẻo một cách đặc biệt. Hồi ở làng cô thường làm bánh này à?”

“Dạ phải,”—Flo đáp, nhưng với vẻ buồn rầu—“nhưng em đã bỏ ngôi làng đó đi từ lâu rồi.”

Tôi chưa biết nói gì thì Flo đã nhìn lên bàn làm việc bề bộn giấy tờ của tôi và hỏi:

“Giáo sư có bận lắm không? Em muốn nói chuyện với ông một chút.”

Tôi còn hai xấp bài chưa chấm! Nhưng không muốn Flo cụt hứng, tôi kéo cái ghế trong phòng lại gần cô, mời cô ngồi xuống.

Flo bắt đầu kể lể:

“Em chỉ phiền ông một vài phút thôi, rồi em cũng phải tiếp tục làm việc. Mấy hôm trước, em biết là ông có thấy em nói điện thoại, và chắc là ông cũng biết em khóc nữa, nên em mới nói chuyện với ông hôm nay là vậy. Hồi em còn ở làng Palenque, em có thương một thanh niên trong đội đánh trống vào những dịp lumbalú, tức là lễ tống táng những người mới qua đời. Anh ấy tên là K’an. Lúc còn nhỏ, anh bị một cơn bệnh ngặt nghèo nên sau đó không tự đi đứng được, phải dùng nạng gỗ. Gia đình em cảm ơn chuyện của hai đứa, nên một hôm, được người giúp đỡ, hai đứa em bỏ làng trốn đi về phía biên giới Colombia-Brasil, đến một ngôi làng mang tên Peña Roja. K’an bệnh hoạn liên miên, mà tụi em thì vô cùng nghèo túng. Em được một người quen trên Cartagena này nhận cưu mang, sau giới thiệu em vào làm ở đây mới có chút tiền tháng tháng gửi về cho chồng em có tiền thuốc thang.”

“Thỉnh thoảng cô có về thăm anh ấy không?”—tôi ái ngại hỏi.

“Lâu lắm rồi em chưa về lại. Đường xa diệu vợ, giáo sư à. Hôm bữa em đang nói chuyện điện thoại là với một

người quen trong làng. Họ phải lên thành phố mới gọi cho em được để báo cho em biết là K’an đang bệnh khá nặng. Giáo sư có nghe em nói gì bữa đó không?”

“Tôi có nghe loáng thoáng vài ba tiếng mà mình có thể nhớ được như ‘burú’, ‘ceddo’ và ‘posá’ thì phải.”

“Ba chữ đó có nghĩa là ‘tiền’, ‘heo’ và ‘nhà’. Chắc em nói đi nói lại hoài mấy chữ đó nên ông nhớ được. Em nhắn người đó giúp bán giùm mấy con heo K’an nhờ hàng xóm nuôi; còn nếu không đủ chắc phải cầm luôn cái nhà ọ ọ của tụi em, rồi em liệu kiếm việc làm thêm ở đây để gởi về chuộc lại.”

“Tôi có thể giúp cô được gì không?”—tôi lại hỏi, ái ngại như lần đầu.

“Dạ, cảm ơn giáo sư. Em tâm sự với ông vì thấy ông tử tế, không coi thường những người làm các việc hèn mọn ở đây như một số người khác, chứ em không định xin ông điều gì cả.”

“Nếu cô có thể tặng K’an một món quà, nhân dịp Giáng Sinh chẳng hạn,”—tôi muốn tìm hiểu—“thì đó sẽ là món gì?”

“Quà cáp gì, giáo sư!”—Flo cười buồn—“Ở ngôi làng mới của em, Giáng Sinh là dịp để mọi người ca hát, nhảy múa, ăn uống để mừng ngày Chúa ra đời. Tặng quà nhau chỉ là một tập tục của người thành phố thôi.”

Chợt mắt cô trở nên mơ màng:

“Nhưng nếu có thể gọi là quà, thì thật ra em đang dành dụm tiền để mua cho K’an một cái andador cho anh ấy đi lại dễ dàng hơn, chứ chống gậy thì đi lụm lụm lắm. Bây giờ thì số tiền để dành đó em phải gởi về để anh ấy uống thuốc thôi.”

Nói đoạn Flo cảm ơn tôi đã lắng nghe cô và đi thật nhanh ra khỏi phòng. Tôi thần thờ ngồi xuống bàn, không có hứng để bắt đầu chám bài nữa...

Chiều đã xuống khá thấp. Amaru thong thả chèo theo nhịp của câu chuyện tôi kể. Tự nhiên tôi nghĩ, chắc ai cũng có nhiều câu chuyện về đời mình để kể cho người khác nghe, miễn là họ nghe với một tấm lòng, một trái tim rộng mở. Câu chuyện về Flo của tôi đã chiếm gần hết cuộc hải trình, mà Amaru cũng không có vẻ gì muốn trải lòng ra với một người da trắng xa lạ như tôi, nói tiếng Tây Ban Nha với giọng ngoại quốc, chữ nghĩa dùng lắm khi cũng còn cứng nhắc, nghe không như người bản xứ.

“Vậy cô Flo về đây khi nào mà hôm nay ông phải tìm đến?”—Amaru hỏi, tay vẫn đều đặn chèo.

“Mấy hôm sau đó, tôi không thấy Flo nữa. Hỏi ra thì mấy người trong nhóm làm ở toà nhà của khoa tôi dạy cho biết là cô ấy xin nghỉ phép để về thăm chồng đang bệnh nặng. Sẵn vừa đến kỳ nghỉ xuân, tôi quyết định về đây thăm vợ chồng cô ấy, sẵn dịp để biết cuộc sống quanh vùng sông Amazon ở đây ra sao.”

Từ lúc đó, hai chúng tôi cùng im lặng, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng. Khi chiếc thuyền tấp vào bờ, Amaru mới lên tiếng:

“Làng Peña Roja đây rồi. Chúc ông một chuyến thăm viếng vui vẻ! Ngày mai tôi sẽ quay lại đón ông ngay chỗ này nhé.”

Mặc dù đã thanh toán tiền chuyên chở cho Amaru trước qua công ty du lịch, tôi vẫn giúi vào tay ông ta hai tờ giấy bạc 50.000 peso. Ông ta cười rạng rỡ:

“Mil gracias, señor. Que Dios le bendiga.”

Tôi xách va-li xuống bờ, đi vào ngôi làng đều hiu, nằm lặng lẽ bên dòng sông, chừng như thế giới bên ngoài đã quên mất nơi chốn này từ bao đời nay. Lác đác trong làng là những ngôi nhà cũ kỹ, tồi tàn. Vài đứa bé nhếch nhác, ăn mặc rách rưới, đang chơi đùa trên con đường đất, mở to mắt nhìn người khách da trắng áo quần tươm tất như từ một hành tinh xa lạ nào đến. Ngôi làng này thuộc về Colombia, nhưng nằm gần biên giới với Brasil nên dân làng nói lẫn lộn nhiều thứ tiếng. Vài người tôi gặp đầu tiên nói một thứ thổ ngữ nghe như Bồ Đào Nha nhưng thật lạ tai, khiến tôi cứ phải nói đi nói lại:

“Desculpe, não falou português. Fala você espanhol?”

Cuối cùng, người thứ năm tôi hỏi thăm mới nói được tiếng Tây Ban Nha. Tôi mừng rỡ, hỏi người đó tới tấp:

“Chào bà, tôi đến tìm cô Flo, trước đây là người làng Palenque, có chồng tên là K’an.”

Người đàn bà nhìn tôi soi mói một hồi lâu rồi mới thủng thỉnh nói:

“Cô Flo? Có chồng là K’an? Tôi mới thấy cô ấy đây.”

Bà ta xoay người lại, chỉ về phía xa xa:

“Ông thấy chòm cây rậm rạp tận đằng kia không? Ông đi đến đó, rẽ phải thì sẽ gặp cô Flo.”

“Buena suerte,”—bà ta nói thêm, trước khi biến mất vào dãy nhà gần đó.

Tôi khấp khởi mừng thầm. Chiếc va-li tôi đang kéo theo bỗng nhẹ hẫng, như cũng san sẻ niềm vui với tôi. Trong va-li, ngoài hai bộ quần áo và vài đồ dùng

lặt vặt mang theo, tôi đã cẩn thận xếp vào đó cái *andador* bằng kim loại tốt, xếp lại được, để dành tặng cho K'an. Riêng với Flo thì tôi đã đặt mua một cái bánh phớ-mát, đặc sản của Mỹ Quốc, bán tại một tiệm bánh do người Mỹ làm chủ ở Cartagena, gọi là để đáp lễ lại với Flo. Tôi nâng niu cho cái bánh trong hộp giấy vào trong một cái hộp thiếc để nó khỏi bị dập vùi trong cuộc hành trình xa ngái. Chẳng bao lâu nữa, tôi sẽ mang lại một niềm vui nho nhỏ cho hai người, và tôi sẽ là người thứ ba chung vào niềm vui đó.

Đến chòm cây cao rậm rạp theo lời người đàn bà chỉ, tôi nhìn qua bên phải, và rụng rời tay chân khi thấy đó là một bãi tha ma, tiêu điều, xơ xác. Các ngôi mộ nằm không thẳng hàng, vôi vữa, nước sơn đều bạc phếch, như thể lâu rồi ít được ai chăm sóc. Những tia nắng yếu ớt của buổi chiều phủ lên các ngôi mộ càng làm tăng thêm vẻ thê lương của nơi chốn cô quạnh này. Từ chỗ đang đứng, tôi có thể thấy ở đây mộ xa xa cái lưng nhỏ nhắn của Flo, cô nhân viên vệ sinh trong trường của tôi. Flo đang quỳ trước một ngôi mộ, chắc là đang quên hết tất cả những gì đang diễn ra trên thế giới này, quên cả những căn phòng, những bậc thang, những hành lang, và cả những bao rác do các giáo sư, các nhân viên văn phòng thải ra hằng ngày, có khi làm oằn cả đôi vai yếu đuối của cô.

Thốt nhiên, tôi quay nhìn xuống cái va-li hiệu *Samsonite* của mình. Trong khung cảnh này, bỗng dưng trông nó hào nhoáng một cách lố lăng, kệch cỡm vô cùng. Bây giờ tôi phải làm gì đây? Bước vào nghĩa trang để phá tan giây

phút trầm mặc của Flo, hay quay trở ra bờ sông... mà để chờ ai mới được! Amaru sáng sớm ngày mai mới quay lại.

Thình lình, tôi quyết định thật nhanh. Tôi để yên cái va-li ngay chỗ nó đang đứng trên mặt đất, quay trở lại lối cũ, rảo bước về phía đầu làng. Cấm cú đi một đổi, khi ngẩng lên tôi mới thấy ra là hai bên lối đi bây giờ toàn là những chòm cây rậm rạp như trước khu nghĩa trang ban nãy. Tôi ngoảnh nhìn lại, phía sau cũng vậy, không thể nào nhận ra chỗ tôi vừa đứng lúc nhìn thấy cô Flo nữa. Hai bên đường bây giờ toàn là nghĩa trang, với các ngôi mộ thấp thoáng sau các lùm cây. Không còn thấy nhà cửa gì hai bên như lúc ban đầu. Tôi đi nhanh hơn, tâm thần bấn loạn.

Một lúc sau, tôi gặp lại người đàn bà chỉ đường cho tôi lúc mới đến. Mừng rỡ, tôi tiến tới gần bà, vừa thở hào hển vừa hỏi:

“Đi lối này ra lại bờ sông, phải không bà?”

“Sông nào? Làm gì có sông nào ở đây?”—người đàn bà thờ ơ đáp.

“Sông Caquetá ấy mà,”—tôi nghe mình như không thở nổi nữa.

“À, sông Caquetá,”—bà ta nhún nhả nhắc lại—“con sông này cách đây để phải đến ba, bốn mươi cây số!”

Tôi thấy lạnh cả xương sống, cổ vót vát:

“Bà nói làm sao ấy, ban nãy tôi mới vừa trên thuyền xuống cơ mà!”

Người đàn bà không buồn cãi lại, nhìn băng quơ lên trời.

“Thật vô lý!”—tôi tiếp tục nói, tuyệt vọng—“Làng mạc nào cũng phải ở gần sông nước mới có sự sống, mới sinh

hoạt được chứ. Cả ngôi làng Peña Roja này cũng vậy.”

“Ai bảo ông đây là làng Peña Roja?”—người đàn bà cao giọng, đầy vẻ thách thức—“Ông nhìn quanh đây xem. Sự sống nào? Sinh hoạt nào?”

Tôi đảo mắt nhìn theo lời bà ta nói. Lạy Chúa cao xa! Rõ ràng là mới lúc nãy bà ta còn đứng nói chuyện với tôi giữa hai dãy nhà tồi tàn, ọp ẹp, trên con đường đất còn có mấy đứa bé đang chơi đùa. Giờ đây, hai bên chỉ toàn là những mộ là mộ, chập chùng lên nhau, tưởng

như không bao giờ dứt. Không gian lặng lẽ đến rợn người, không còn tiếng cười, tiếng đùa giỡn của những đứa bé như trước.

Toàn thân tôi như hoá đá, chỉ còn có cái đầu là vẫn nhúc nhích được, giúp tôi ngoảnh lại, định hỏi người đàn bà thêm một câu, thì vừa thấy bà đang đi lẫn vào dãy mộ bên tay trái, rồi biến mất như lúc ban đầu.

TRẦN C. TRÍ

Trăng Tà

Sương giăng mờ lối đường mờ
Thương vàng trăng khuyết ngân ngơ bóng tà
Dòng đời trôi nổi lia xa
Tình xưa nay đã phôi pha mộng vàng
Từ em cất bước sang ngang
Cung đàn lỗi nhịp lỡ làng chìm sâu
Bây giờ em đã về đâu
Mây ngàn bay mãi bóng câu hững hờ
Bao nhiêu năm vẫn còn chờ
Phương trời diệu vợi lệ mờ đêm thâu
Mùa Xuân sao đổ giọt ngâu
Nhẹ rơi tí tách thêm sâu tâm tư
Nhớ em gửi mấy lá thư
Gió ối xin chuyển lời từ trái tim
Nghe chùng đã mỗi cánh chim
Tôi hoài trông đợi mơ tìm hương xưa

ĐT Minh Giang

LỆ HUYỀN

** Tiểu Thu – Canada **

Thư và Ái Châu trưa nay đạp xe ra phi trường đưa cô bạn thân cùng lớp đi Huế. Sau đó cả hai đồng ý ghé nhà Lệ Hồng chơi. Đường từ phi trường đến nhà Lệ Hồng ở Phương Nghĩa khá vắng. Lác đác vài căn nhà hai bên vệ đường, phía sau là vườn rộng trồng rau cải. Dân làng có nghề trồng rau, hàng ngày có mớ tới lầy. Vì khí hậu ngang giữa Đà Lạt nên rau cải cũng xanh non. Trên những khúc vắng, hai bên đường vàng màu hoa cúc dại. Sau này Thư biết loài cúc này còn có tên rất đẹp là Dã Quỳ. Thư yêu loài cúc dại này vô cùng, hơn cả những loại cúc trồng làm cảnh trong vườn hay trong chậu. Thân Dã Quỳ cao lạ thường. Chen chúc vươn lên giữa những loại cây dại mọc hai bên đường. Dù không được tưới tẩm gì cả, loài hoa hoang dã này vẫn nở quanh năm. Nhưng đặc biệt vào mùa thu, dưới bầu trời trong veo xanh như ngọc, hoa Dã Quỳ nở vàng, rực rỡ trong bầu không khí se se lạnh. Thư yêu màu hoa kiêu sa, mà yêu nhất cái vẻ ngạo nghễ của nó. Trong khi các anh chị em họ cùng gia đình Cúc như cúc vạn thọ, đại đoá, hồng cúc, bạch cúc... chỉ thấp lè tè từng cụm dưới đất thì Dã Quỳ vươn cao, thật cao có khi quá đầu người và không cần bàn tay ai chăm sóc vuốt ve, tưới bón... nó vẫn hiên cho đời những đoá hoa đẹp rực rỡ, kiêu kỳ, lung linh trong nắng thu.

Thư và Ái Châu đạp xe thông thả, lòng cảm thấy lâng lâng vui vẻ, yêu đời.

Nhà Lệ Hồng là một căn nhà gạch rộng rãi. Vườn sau trồng rất nhiều mít.

Lệ Hồng đang đứng tần ngần dưới cây mần quăn gần hàng rào, nên khi hai cô bạn vừa dắt xe đạp vào cổng là Hồng thấy liền. Nàng ra hiệu cho bạn đừng lên tiếng và dắt cả hai đi vòng qua hông nhà thẳng ra sau vườn. Nơi đây có mấy băng gỗ và chiếc võng treo tòn teng giữa hai cây mít đầy trái treo lủng lẳng. Trước cặp mắt tò mò của hai cô bạn thân, Lệ Hồng xuống giọng nói nhỏ:

- Ông già đang "bỏ" bà Huyền với ông Lâm trong phòng khách. Tao sợ quá lỉnh ra ngoài này. Tội nghiệp bà Huyền đang khóc sụt mướt ở trong đó. Chưa bao giờ tao thấy ông già dữ như bữa nay!

Thư lè lưỡi sợ hãi:

- Chuyện gì mà ghê thế?

Lệ Hồng thờ dãi đánh sụt một cái:

- Thì tụi bây biết bà Huyền với ông Lâm thương nhau cả hai năm rồi mà ba má tao nhứt định không gả. Tại ông Lâm không chịu theo đạo. Ông nói ổng là con trai trưởng, bố mẹ ổng không cho theo đạo vợ, mai mốt ai làm đám giỗ cho ông bà. Bữa nay ông Lâm đánh liều tới đây năn nỉ ba má tao lần nữa. Vậy là ba tao ra tối hậu thư, hoặc là anh Lâm theo đạo, hai bà Huyền không được gặp ông Lâm nữa.

Thư sứt bật cười khi nghĩ đến cái lệnh cấm hai kẻ làm chung sở không được

gặp nhau. Nhưng thấy vẻ mặt rầu rĩ của Lê Hồng thì con bé thẳng lại kịp. Làm ra vẻ ngạc nhiên:

- Tội nghiệp bà Huyền. Làm chung sở với ông Lâm mà bị cấm...

Tới đây Ái Châu và Lê Hồng cũng nhận ra cái vô lý của ông già nên bật cười. Ái Châu nói:

- Ủ, ông già cũng ngật thiệt. Hai người làm chung sở thì ngày nào chẳng gặp nhau. Mà Hồng nè, sao hai bác quan trọng chuyện đó quá vậy? Đạo nào cũng tốt mà.

- Tụi bây không biết đâu. Ba tao không muốn bà Huyền lấy ông Lâm là còn nguyên nhân khác nữa. Tụi bây nhớ anh Tân con ông Biện gần nhà thờ Phương Nghĩa không? Anh Tân đang học Y khoa dưới Sài Gòn. Anh cũng thương bà Huyền dữ lắm. Ông Biện với ba tao lại là bạn già lâu năm nên chỉ muốn gả bà Huyền cho anh Tân.

Hai cái miệng cùng kêu lên:

- Trời! Anh đó cù lần thấy mờ. Làm sao so sánh được với ông Lâm hào hoa phong nhã!

- Vậy mới nói! Anh Tân nhát như thỏ đế. Chỉ dám đứng xa xa nhìn bà Huyền. Còn anh Lâm đường đường là một ông Trưởng ty kinh tế. Ăn nói hoạt bát, rộng rãi với em út...

Ái Châu đưa tay xỉ vào trán Lê Hồng:

- A, té ra mi đã từng ăn hối lộ của ông Lâm nên mới bênh ông chằm chập như vậy!

Lê Hồng chưa kịp trả lời thì Lê Huyền từ trong nhà chạy ào ra vườn trước vẻ mặt kinh ngạc của ba cô gái. Nàng sà xuống gục đầu vào vai em gái khóc sướt mướt. Khóc thê thảm như chưa bao giờ được khóc. Hồng một tay ôm vai, một tay xoa xoa lưng chị, dỗ dành:

- Chị nín đi. Từ từ mình tính. Khóc sưng mắt rồi nè.

Thư công nhận chị Huyền đẹp thật. Tuy tên Huyền mà da chị trắng mịn. Cặp mắt hạt dẻ to trong vắt long lanh. Chiếc miệng vừa xinh với chiếc răng khểnh duyên dáng. Riêng mái tóc thì đúng với tên huyền của chị. Dáng chị thanh tú trong những chiếc áo dài màu nhã nhặn. Hằng ngày chạy chiếc xe solex đi làm ở Ty Thanh Niên, qua phố ai nhìn cũng phải trầm trồ. Vì thế chuyện ông Trưởng Ty yêu cô nhân viên xinh đẹp đằm đuối đâu có gì lạ.

Nhìn gương mặt đầm đìa nước mắt, đẹp một cách nào nùng, Thư cũng xót xa ôm chị an ủi:

- Chị bình tĩnh đi. Rồi từ từ nghĩ cách thuyết phục bác trai.

Lê Huyền nắc lên thăm thiết:

- Làm sao từ từ được. Chắc chị có bầu rồi! Ba biết thế nào cũng giết chị chết mất!

- Hà? Ba cái miệng đồng thanh kêu lên. Kinh hoàng như nghe một quả bom nổ sát bên tai.

Nghe tiếng kêu thất thanh của ba cô gái, Lê Huyền gạt mình trở về thực tại. Ngồi bật dậy, thấy Thư và Ái Châu, mặt cô bỗng tái xanh đầy hoảng hốt. Lúc này,

trong nỗi đau đớn tột cùng Huyền không còn biết ắt gặp gì nữa. Thư biết ý, vội nắm chặt tay Lê Huyền:

- Chị yên tâm. Tụi em không tiết lộ cho ai biết đâu. Em và Châu xem chị như chị của tụi em. Cần gì chị cứ nói, tụi em sẵn sàng giúp chị.

Hai hàng lệ lại chảy dài trên má Lê Huyền:

- Chị chết mất tụi em ơi. Bây giờ nghĩ lại chị hối hận quá. Sao lúc đó chị mềm yếu như bún thiêu. Làm thân con gái mà không biết giữ mình, bây giờ có hối hận cũng quá muộn rồi. Chị còn biết tính sao bây giờ?

Lê Hồng đứng bật dậy, giọng hằn học:

- Sao chị ngu quá vậy? Em tưởng anh Lâm là người tốt. Không ngờ ảnh cũng là thứ lưu manh. Em phải đi gặp ảnh bây giờ ...

Lê Huyền hoảng hốt nắm tay em kéo lại:

- Chị năn nỉ em. Đừng làm tùm lum ba má biết là chị chết sớm. Không phải hoàn toàn lỗi anh Lâm đâu!

- Chị kể cho tụi em nghe đầu đuôi câu chuyện ra sao đi. Hồng giục.

Lê Huyền thở dài sườn sượt. Mắt nhìn vào khoảng không xa xăm, bắt đầu kể:

...Cách đây gần ba tháng là ngày sinh nhật của anh ấy mà chị đâu có biết, vì xưa nay nhà mình có tổ chức sinh nhật cho ai bao giờ đâu. Anh ra quán Bạch Đằng đặt mấy món ăn. Đến tiệm bánh của chị Hân trên đường Lê Thánh Tôn đặt bánh sinh nhật. Anh Lâm mời chị

đến nhà, nói có một ngạc nhiên dành cho chị. Hôm đó đi lễ nhì xong là chị đi luôn đến nhà anh Lâm trên đường Nguyễn Huệ. Chị đã từng đến đó vài lần rồi. Không có chuyện gì xảy ra cả, thỉnh thoảng hai đứa cũng chỉ hôn nhau bình thường như những cặp tình nhân khác thôi, nên chị rất yên tâm. Trời ơi nhìn bàn ăn phủ khăn trắng, bày bát đĩa, thức ăn thật trang trọng, có cả ly uống rượu nữa, chị thật ngạc nhiên. Ăn xong anh đem cái bánh sinh nhật ra. Chị Hân làm một chiếc bánh kem màu trắng, trang trí tuyệt đẹp. Trên mặt bánh viết tên anh Lâm bằng kem chocolate bay bướm. Anh còn đem ra một chai rượu màu hồng nhạt, bảo rượu rosée gì đó. Anh nói ăn bánh kem, uống chút rượu rosée cho đỡ ngán. Chị từ chối không uống, nhưng anh bảo rượu nhẹ lắm, nhấp một tí thôi cũng được. Phần anh uống một mình gần nửa chai. Chị vừa ăn bánh vừa nhấp tí rượu. Thứ rượu này vừa ngọt ngào mùi thơm thơm rất dễ chịu. Vậy là chị cũng uống hết một ly. Bánh ngon quá nên chị ăn thêm miếng nữa. Không ngờ chỉ có một ly mà chị cũng thấy đầu óc chéch choáng. Anh Lâm rót thêm rượu vào ly cho chị, không biết lạng quạng làm sao mà chị làm đổ ly rượu lên áo. Anh ấy vội vàng lấy khăn ướt cho chị lau. Nhưng vết rượu vẫn ì ra không sạch. Anh bảo chị thay áo dài đem ra sau giặt. Hong một tí là khô ngay. Chị đành mặc tạm cái áo sơ mi rộng thùng thình của anh trong khi đợi áo khô. Chị cũng dọn dẹp chén bát đem ra nhà sau rửa. Đang rửa thì bỗng bị hai cánh tay ôm chặt từ phía sau lưng. Anh Lâm vừa hôn vào cổ vừa thì thầm vào tai chị "yêu em nhất trên đời. Không lấy được em

anh sẽ ở độc thân suốt đời. Em là tất cả của anh. Hứa với anh sẽ không lấy ai ngoài anh nhé". Lúc đó chị thấy mình như bay bổng lên chín tầng mây. Trái tim xao xuyến như muốn ngừng đập. Rồi sau đó...

Lệ Huyền bỗng ngừng kể. Sáu con mắt đang nhìn đăm đăm, sáu lỗ tai đang chăm chú nghe, người kể ngưng ngang như đàn bị đứt giây, khiến ba cái miệng nhao nhao:

- Rồi sau đó làm sao hả chị?

Mặt Lệ Huyền bỗng ửng đỏ, cô ngập ngừng:

- Thôi, tụi em còn nhỏ, nghe chuyện này không được đâu...

Lệ Hồng can ngăn:

- Chị kỳ thiệt. Thà chị đừng kể. Ờ, mà chị không kể làm sao tụi em rút kinh nghiệm để tránh.

Thư và Ái Châu cũng hòa theo:

- Đúng đó chị. Chị kể tụi em nghe mới biết đường mà tránh chứ, phải không? Bây giờ thì chưa. Biết đâu mai này tụi em cũng gặp trường hợp như vậy thì mới biết cách đối phó. Coi như một bài học quý giá cho tụi em.

Biết là không thể từ chối, Huyền tiếp tục: "...Hai tay chị ướt nên không đẩy anh ra được. Bất thần anh luồn tay vào áo... Thật quái lạ. Chị bỗng thấy như bị điện giật khi tay anh ấy chạm vào ...ngực. Hơi thở nóng bỏng mùi rượu của anh phả vào tai cũng khiến mình nhột nhạt rùng mình. Thật tình chị muốn chống cự không cho anh ấy tiến tới, nhưng có lẽ ảnh hưởng của rượu và bị hai bàn tay

anh cứ mơn man, ve vuốt... khiến chị mất hết sức lực, ý chí cũng bay đi mất luôn... Rồi chuyện gì đến phải đến. Chị đã mất cái quý giá nhất của mình. Khi nhìn thấy vết máu loang đỏ trên nền drap trắng, chị tỉnh hẳn và khóc toại bời. Khóc cho sự nhẹ dạ của mình. Anh ấy đã chiếm được chị rồi, biết có còn yêu chị nữa không? Chị càng nghĩ càng khóc tợn. Anh Lâm cũng hết hồn ôm chị năn nỉ. Anh thề thốt đủ điều. Nhất định hai đứa sẽ cưới nhau. Nhưng khi chị đề cập đến chuyện theo đạo thì anh lảng tránh. Chị biết là không bao giờ anh ấy chịu rửa tội nên bắt đầu từ đó chị cố tình tránh. Lâm có rủ, chị cũng cương quyết từ chối không bao giờ đặt chân tới nhà anh ấy lần nào nữa. Nhưng rồi tháng đó chị không thấy kinh. Qua tháng kế tiếp cũng bật luôn. Rồi chị thấy trong người cũng khang khác. Cái bầu ngực tăn tăn kỳ lắm... Rồi mỗi buổi sáng cứ nhợn nhạo muốn ói...

Nghe tới đây Lệ Hồng la lên:

- Hèn chi sáng nào em cũng thấy chị cắt gừng ngâm. Té ra... Rồi sao nữa? Chị cho anh Lâm hay chưa?

- Thì chị phải nói với anh Lâm chứ sao. Anh nghe xong cũng tái mặt. Cuối cùng anh quyết định đến đây nói chuyện với ba má. Dĩ nhiên là phải dấu chuyện chị ... Không ngờ lần này ba cương quyết chặt đứt luôn. Chị không biết tính sao nữa. Lệ Huyền ủ rũ như đóa hoa gặp bão táp phong ba.

Thư rụt rè đưa ý kiến:

- Hay chị thú thật là có bầu. Chắc thế nào bác trai cũng xiêu lòng.

- Không được đâu. Ba chị ghét nhất cái thói tiền dâm hậu thú. Ông mà biết được thế nào cũng giết chị chết!

Ái Châu cũng góp ý:

- Hùm dữ còn không ăn thịt con mà chị. Nhiều khi ông già nói mạnh miệng, chứ nếu ông giết chị thì cũng như giết chết hai mạng người. À, hay chị phá thai...

Lệ Hồng la:

- Bậy nà! Đạo Công giáo cấm ngặt phá thai. Phá thai là giết người đó biết chưa?

Bốn gương mặt lại chảy dài. Mỗi cái đầu đều tích cực làm việc để tìm ra giải pháp. Đột nhiên Thư à lên một tiếng khiến mọi người giật mình:

- Em nghĩ ra rồi. Hồi nãy ở ngoài phi trường tụi em gặp chị Tuyết chị con Lan cùng lớp tụi em. Chồng chị ấy đổi về Sài Gòn làm việc. Chị ấy có cho tụi em địa chỉ, rủ tụi em cuối tuần cứ ra nhà chị chơi. Chị ráng hai tuần nữa Ái Châu với em vô Sài Gòn. Tụi em sẽ tìm đến nhà chị Tuyết. Em tin chị ấy sẽ giúp chị được. Chị vào trong đó ở tạm rồi mình tính từ từ. Chị thử bàn với anh Lâm xem sao nhé. Nếu gia đình anh ấy chấp nhận chị thì mình giải quyết được một phần. Sau này ván đã đóng thuyền rồi hai bác cũng đành bó tay thôi.

Ái Châu và Lệ Hồng gật gù ra về tán thành. Lệ Huyền trầm ngâm một hồi rồi nói:

- Để chị bàn với anh Lâm. Chắc là phải làm theo kế này rồi. Hồi trước chị ở trong Ca đoàn nhà thờ với chị Tuyết. Tính chị

ấy rất dễ thương. Hy vọng chị ấy chịu giúp chị.

Bốn người bàn bạc một lúc rồi Thư và Ái Châu ra về. Bận đi vui vẻ bao nhiêu, lượt về hai cô im lặng đạp xe, mỗi người thả hồn theo tâm tư của mình. Thư công nhận mẹ có lý. Con gái chưa dám cưới mà có bầu là muôn ngàn rắc rối. May mắn chị Lệ Huyền không bị anh Lâm ruồng rẫy. Nếu không, hậu quả còn đến đâu? Thư nghĩ mà rùng mình! Nàng dặn lòng sẽ không dại dột như Lệ Huyền.

Đến nhà Thư viết vội một lá thư cho chị Tuyết, kể rõ tình cảnh éo le của Lệ Huyền và xin chị giúp cho Huyền ở tạm ít lâu. Thư hẹn hai tuần nữa khi xuống Sài Gòn sẽ đến nhà gặp chị. Hai hôm sau Lệ Hồng tới gặp Thư nói rằng anh Lâm thấy ý kiến của con bé cũng tạm ổn. Anh ấy sẽ bay về Sài Gòn ngay để trình câu chuyện với bố mẹ và xin bố mẹ chấp nhận cho anh cưới Lệ Huyền. Chỉ một buổi lễ giản dị trong gia đình, trước khi cái bầu quá lộ liễu. Sau đó, nếu ba má Huyền còn găng quá thì Huyền sẽ tiếp tục ở lại Sài Gòn cho đến khi sinh nở. Sau đó sẽ tính tiếp. Một điều cấp bách không kém là anh Lâm cũng sẽ làm đơn xin đổi về miền Nam. Anh nghĩ rằng anh chị sống xa gia đình chị Huyền sẽ dễ chịu cho đôi bên.

Thư nghĩ người lớn sao quá rắc rối. Chỉ vì khác đạo mà biết bao mối tình tan vỡ. Bao nhiêu nước mắt đã tuôn rơi. Nếu Chúa trên cao biết được chắc cũng phải chau mày. Theo nàng, tất cả những luật lệ gì cũng do loài người đặt ra để làm khổ nhau! Học trường Sơ nên Thư đã nghe đầy tai: Thiên Chúa từ bi. Ngài xuống trần gian vác thánh giá để chuộc

tội cho loài người... vậy sao ngài cảm không cho con chiêm lấy người ngoại đạo dù là người tốt? Cô bé chắc chắn Chúa không nhỏ mọn như người ta nghĩ. Đúng là bão hoàng hơn vua!

Chỉ một tuần sau là Thư nhận được hồi âm của chị Tuyết. Chị nói tưởng ai xa lạ chứ Lệ Huyền thì chị quen quá mà. Hơn nữa anh Lâm cũng hay nhậu nhẹt với chồng chị ở Tiểu Khu. Chị rất thông cảm và bảo Lệ Huyền cứ đến nhà chị tạm trú ít lâu.

Thế rồi anh Lâm vù ngay về Sài Gòn thưa chuyện với ba má. May sao ông bà cũng chấp thuận sau khi lên lớp thẳng con một trận nên thân. Mẹ Lâm ăn chay trường nên bà càng không muốn con mình tạo nghiệp xấu. Phần Lệ Huyền, mỗi ngày đi làm nàng đều mang một ít quần áo tới gửi sẵn nhà Thư. Cho đến ngày đi, sáng đó Huyền không đi xe Velo Solex như mọi ngày mà đi bộ thẳng ra phi trường ngồi chờ Thư và Ái Châu. Lệ Hồng lén đạp xe ra sau. Khi hai cô ra tới với hành lý của Lệ Huyền thì cả bốn người dẫn nhau qua tiệm Phở Phi Trường ăn. Lệ Huyền cẩn thận ngồi quay mặt vô tường để tránh gặp người quen. Chờ đến giờ lên máy bay mới xách hành lý ra xếp hàng. Máy bay cất cánh rồi mới thả phào nhẹ nhõm. Riêng Lệ Huyền từ khi chuyện vỡ lở ra, nàng luôn sống trong sự phập phồng, lo lắng nên mặt mày hốc hác, ánh mắt u sầu. May mà ba mẹ nàng chưa khám phá ra bí mật, nếu không chắc cũng trời long đất lở! Ông già khó có tiếng ai cũng sợ. Anh Lâm không ra đưa sợ thiên hạ để ý. Lệ Hồng thì không kèm được cứ để

nước mắt chảy dài, lo lắng cho tương lai của chị không biết sẽ đi về đâu...

Tới nhà ga Air Việt Nam, Ái Châu được ông anh họ rước về nhà bà dì ở cư xá Bắc Hải. Thư gọi taxi đưa Lệ Huyền đến nhà chị Tuyết. Chị tỏ ra rất niềm nở, thân mật nên Lệ Huyền cũng đỡ e ngại. Chị bảo Huyền cứ ở đây ít lâu, chờ tình hình biến chuyển ra sao rồi tính. Chị còn mời Thư ăn cơm chiều xong rồi hãy vào Régina Pacis. Thư đã ở nội trú năm ngoái tại đây, nên giờ chỉ xách valise vào thôi. Năm ngày sau đó Thư nhận được thư của Lệ Hồng. Nhờ nói tới chiều hôm đó không thấy chị Huyền đi làm về, ông già hỏi Lệ Hồng thì cô nhỏ bèn trưng bộ mặt ngờ ngạc xem rất vô tội và chối bay chối biến là không biết tại sao. Ông già đến nhà anh Lâm, anh cũng biểu diễn một bộ mặt vừa kinh ngạc, vừa lo lắng và thề sống thề chết là từ khi ông già không đồng ý cuộc hôn nhân này thì hai người cũng không dám nói chuyện với nhau nữa! Ông già đành hậm hực ra về, không quên ném lại những lời cảnh cáo sặc mùi đe dọa! Bây giờ thì không khí trong nhà rất ư là khó thở. Ông già suốt ngày mặt mày hầm hầm, cau có. Ông đổ hết tội lên đầu bà không biết dạy con. Bà chỉ biết khóc. Riêng Hồng thì rút vô buồng hay ra ngồi dưới gốc mít ngoài vườn, nhìn trời hiu quạnh mà lo cho chị Huyền.

Cứ vài ba ngày, sau giờ học là Thư chạy lại nhà chị Tuyết. Thấy Huyền khỏe Thư cũng mừng. Chị Tuyết đã dẫn Huyền đi khám bác sĩ phụ khoa. Tất cả đều ổn, không có gì phải lo. Anh Lâm cho hay ba tuần nữa anh về, sẽ đưa chị Huyền về nhà ra mắt ba mẹ và đồng thời sẽ tổ

chức đám cưới. Một bữa tiệc đơn sơ cốt để hợp thức hóa tình trạng hai người. Hôm tiệc cưới, ngoài ba mẹ anh Lâm còn có gia đình hai bà chị và cậu em trai út. Bên đằng gái chỉ có vợ chồng chị Tuyết đại diện, cộng thêm Thư và Á Châu. Chị Tuyết dẫn Huyền đi may một cái áo dài màu hồng. Huyền gầy, mảnh mai nên tuy hơn ba tháng mà vẫn chưa thấy bụng bầu. Nhìn Lệ Huyền và anh Lâm sóng đôi đứng trước bàn thờ gia tiên chừng bày rước rở, khói hương nghi ngút Thư thấy lòng dạt dào cảm xúc. Thương cho một người con gái xinh đẹp, dịu hiền như Lệ Huyền mà ngày lên xe hoa, ngày trọng đại nhất của người con gái, lại chịu cảnh âm thầm chẳng khác nào lén lút! Nhưng trái lại, mặt chị Huyền lại tràn đầy hạnh phúc. Cặp mắt chị nhìn anh Lâm thật long lanh. Trước đó chị tâm sự với hai cô nhỏ “thôi thì trót phóng lao phải theo lao. Chị phó mặc đời mình trong tay Chúa”. Sau đám cưới chị dọn về nhà ba mẹ anh Lâm. Ông bà thấy chị Huyền xinh đẹp, hiền lành nên rất thương và hứa sẽ chăm sóc con dâu thật tử tế. Khởi nói, anh Lâm hết lời cảm ơn vợ chồng chị Tuyết và hai cô Châu-Thư đã “liều mình” tương trợ chị Huyền. Thư nhận được thơ Lệ Hồng báo cáo “con bé thấy mẹ rầu rĩ khóc hoài, ruột cuộc chịu không thấu nên đã kể hết cho bà nghe. Nghe xong bà suýt té xỉu và sau đó càng buồn rầu, lo lắng hơn. Ông già, từ ngày chị Huyền ra đi không từ già thì cảm ngạt không ai được nhắc tới tên Huyền. Xem như đứa con gái ngỗ nghịch này đã chết!...”

Hai tháng sau anh Lâm được đổi về giữ chức Phó quận Hồng Ngự. Quận này giáp ranh xứ Chùa Tháp, cách quận Cao

Lãnh 64 km và cách Sài Gòn hơn 200 km. Chị Huyền vẫn ở Sài Gòn với ba mẹ chồng chờ ngày sinh nở. Anh Lâm xuống nhiệm sở một mình. Hồng Ngự là một quận nhỏ gần biên giới Cao Miên nên buồn hiu hắt. Bù lại tôm cá nhiều không kể xiết vì gần Biển Hồ. Rảnh là anh vù về Sài Gòn. Mỗi lần anh về là cả nhà vui như ngày hội. Nhất là chị Huyền. Chị mong mau mau tới ngày nở nhụy khai hoa để được xuống Hồng Ngự ở gần anh Lâm. Bề gì cũng là vợ chồng son. Ở xa anh chị cũng lo, vì ai còn lạ gì Đồng Tháp Mười là hang ổ của Việt Cộng. Những trận đụng độ lớn xảy ra như cơm bữa. Thư có người anh họ đã bỏ mình tại đây khi mới ra trường Bộ Binh Thủ Đức được vài tháng. Chính anh đã về báo mộng cho bác gái của Thư. Anh là con trai độc nhất nên sau đó bà bác đâm ra buồn phiền, sinh bệnh và qua đời lúc tuổi mới ngoài năm mươi.

Thằng cu Lân ra đời trong sự vui mừng rộn ràng của gia đình anh Lâm. Nó là thằng cháu đích tôn nên được cưng quý như cục vàng. Lần đầu được bế thằng con bé bông, anh Lâm cảm động rưng rưng. Anh hôn từ bàn tay, bàn chân thằng bé. Nó giống anh quá. Từ đôi mắt, chiếc mũi, cái cằm. Chỉ thừa hưởng từ “gia tài của mẹ” là cái núm đồng tiền bên má trái. Những khi nhìn thằng bé cười hay thút thít khóc trong giấc ngủ là trái tim hai người như tan chảy. Hạnh phúc quá lớn nên chị Huyền cũng tạm quên nỗi bất hạnh của mình. Thư viết thơ báo tin cho Lệ Hồng. Con nhỏ báo tin mừng này cho mẹ. Bà thờ phào, bao nhiêu lo âu tan biến hết. Tuy nhiên, nghĩ đến tình cảnh con gái sanh đẻ mà không có mẹ bên cạnh, bà cũng chạnh lòng rơi lệ! Hai

mẹ con bàn tính mãi vẫn không tìm ra được cái cơ để đi Sài Gòn thăm mẹ con Lệ Huyền. Trong khi chờ đợi, bà sai Lệ Hồng ra bưu điện gửi một món tiền kha khá cho Huyền qua địa chỉ của Thu.

Lại hội mà cu Lân đã được 8 tháng. Thấy Lân cứ phải đi đi về về cực quá, Lệ Huyền bàn với chồng thuê nhà dưới đó để mẹ con chị xuống ở. Mới đầu ba mẹ anh Lân phản đối, một là phải xa thằng cháu đích tôn, hai là ông bà sợ nơi đó thiếu tiện nghi thằng bé sinh bệnh. Nhưng anh Lân trấn an bảo Hồng Ngự tuy xa, nhưng phố chợ cũng khang trang, sạch sẽ. Hơn nữa vợ con sĩ quan và vợ con lính ở cũng đông. Họ sống được thì mình cũng sống được thôi. Ngoài ra bà vợ ông Quận Trưởng mới bốn mươi, nghe nói Lệ Huyền muốn xuống ở với chồng bà mừng lắm, hứa sẽ chăm sóc mẹ con Huyền tử tế. Anh Lân thuê một căn nhà rộng rãi sát bên chợ. Mướn một người đàn bà nấu ăn, giặt giũ và một con bé mười lăm tuổi trông thằng cu Lân... Hàng ngày ăn tôm cá tươi rói, ê hề. Lại chẳng làm lụng cực khổ gì nên càng ngày chị Huyền càng đẹp ra ai nhìn cũng phải trầm trồ. Đúng là gái một con trông mòn con mắt. Cu Lân cũng mạnh cùi cùi, lớn nhanh như thổi. Chưa đầy năm mà đã lẫm lẫm biết đi. Anh chị hạnh phúc tràn đầy, dù đôi khi chị cũng thẩn thờ nhớ mẹ, nhớ em. Chị định bụng chờ cu Lân lớn hơn chút nữa, chị sẽ cùng anh ẵm con về tạ tội với cha mẹ, cầu mong cha tha thứ cho hai người.

Nghe tin ba đau nhiều đang nằm nhà thương Grall, Lân quyết định đem vợ con về thăm ông bà. Lân mượn xe bên

Quận để lái về Sài Gòn. Nóng lòng quá nên anh quyết định khởi hành sớm nhất có thể. Không ngờ sáng hôm đó lại bị mưa nên mới hơn nửa đường Hồng Ngự- Đốc Vàng Thượng Lâm không để ý có chiếc xe lồi đang chạy phía trước. Để tránh không đụng chiếc xe lồi, Lâm lách qua bên trái. Vì bẻ tay lái quá gấp, lấy lại không kịp nên chiếc xe lọt xuống ruộng, lăn 1 vòng chổng bốn vó lên trời. Anh Lân ghi chặt tay lái nên không sao, cu Lân ngồi phía sau với con nhỏ giữ em cũng không sao nhờ chiếc gối nó đang ôm trước ngực, chỉ có Lệ Huyền ngồi phía trước xui xẻo gãy xương vai. Người lái xe lồi thấy tai nạn lật đặt ngừng lại, rồi cùng mấy người khách ào tới cứu. Chặt vật lăm họ mới đem được bốn người ra khỏi chiếc xe bị nạn. Thằng cu Lân khóc như ri. Khi chị Huyền định bế nó, nhưng không thể đưa tay lên được vì đau quá. Lúc ấy anh Lân mới biết chị Huyền có vấn đề. Anh nhờ người chạy xe ngược về Hồng Ngự báo tin cho ông Quận Trưởng. Ông này hết hồn gọi tài xế rồi vội vã cùng vợ chạy ngay đến nơi xảy ra tai nạn. Hai ông bà muốn đưa gia đình anh chị về lại Hồng Ngự, nhưng thấy chị Huyền quá đau với cái vai chắc bị gãy, anh Lân tỏ ý muốn tiếp tục lên Sài Gòn để chị Huyền vào nhà thương chữa trị gấp. Sau khi bàn bạc, ông Quận bảo tài xế lái xe chở gia đình chị Huyền tiếp tục đi Sài Gòn. Phần hai ông bà đón xe lồi trở về Hồng Ngự, sau đó sẽ nhờ bên công binh cầu chiếc xe bị nạn về sửa chữa. Tài xế đưa tới Sài Gòn thì quay về, vì lần này Lân sẽ ở lại lâu hơn.

Sau khi kiểm tra thật kỹ, quả thật chị Huyền bị gãy xương vai phải ở lại nhà

thương ít hôm để bác sĩ theo dõi. Trong cái rủi còn có cái may khiến ai cũng vui mừng là chị Huyền đã cần thai gần hai tháng. Lần này chẳng ói mửa gì nên chị cũng không để ý, cứ tưởng mình chậm kinh. May mà thai nhi không sao. Phần ba anh Lâm, được gặp thằng cháu nội đích tôn, ông hạnh phúc quá nên bình tình thuyên giảm rất nhiều. Anh Lâm vào nội trú tìm Thư và nhờ cô báo cho Lê Hồng hay tin chị Huyền bị tai nạn. Nghe tin này mẹ chị khóc quá chừng. Lần này bà quyết “vùng lên” chống lại sự độc tài của ông chồng hủ lậu. Bà đem hết tất cả sự thật kể cho ông nghe rồi kết luận: “Cũng tại ông hết. Nếu hồi đó ông đừng ngoan cố, khư khư cho là mình đúng thì bây giờ chúng nó vẫn còn ở đây. Tui cũng được bông ẵm, hun hít cháu ngoại. Nói đại, nếu vợ chồng nó bị thiệt mạng vì lật xe, bỏ con nó mồ côi mồ cút một mình thì ông có hối hận không hử? Tui biểu con Lê Hồng mua vé máy bay, hai mẹ con tui xuống Sài Gòn thăm con Huyền. Ông đừng có cản vô ích!” Nói rồi không đợi ông trả lời, bà ùng ùng gọi Lê Hồng, biểu đi mua 2 vé máy bay đi Sài Gòn sớm nhất. Sau đó Lê Hồng gửi điện tín báo cho Thư.

Lần đầu tiên thấy bà vợ nổi trận lôi đình, ông già hết cả hồn vía há hốc miệng nghe bà hài tội, mà không thể trả lời tiếng nào. Nói đúng ra, thời gian qua cơn giận của ông đối với Lê Huyền cũng đã lắng dịu. Nhưng tự ái của đàn ông không

cho phép ông nói ra miệng. Nay nghe bà vợ kể tội ông thấy rất thấm thía. Hối hận là mình đã quá khắt khe. Vì vậy, trước khi bà ra phi trường, ông đã lấy hết can đảm nói với bà: “Thôi, chuyện đã qua rồi, sau này tui cũng ân hận lắm. Bà gặp vợ chồng nó thì chuyển lời là tui hết giận rồi. Chừng nào thuận tiện vợ chồng con cái nó về thăm tui một lần cho tui biết mặt cháu ngoại ghen bà.”

Anh Lâm và Thư ra đón mẹ chị Huyền và Lê Hồng ở nhà ga Air Việt Nam đường Phạm Ngũ Lão đưa về nhà ba mẹ anh Lâm. Hai bên sui gia gặp nhau lúc đầu còn e ngại, nhưng sau đó thì thoải mái hơn vì hai phía đều là những người thật thà, chơn chất. Chị Huyền gặp lại mẹ và em thì cảm động quá khóc như mưa khiến Thư cũng khóc theo. Nhưng điều khiến cho mọi người vỡ òa hạnh phúc là khi mẹ chị Huyền chuyển lời của ông chồng đến cho vợ chồng chị Huyền. Anh Lâm long trọng tuyên bố “Thưa mẹ, chờ khi Huyền thật bình phục, con hứa sẽ đưa Huyền và cu Lâm lên thăm, tạ tội với ba. Chúng con chờ đợi ngày này rất lâu rồi.” Thư nháy mắt với Lê Hồng “Đúng là sau cơn ... giông trời lại sáng há nhỏ. Ngày mai ta và Ái Châu sẽ đưa nhỏ đi chợ Sài Gòn và đi ăn tất cả những nơi có hàng quà ngon nhất.” Cả hai bá vai nhau thăm thiết trước khi Thư từ giã trở về nội trú...

Tiểu Thu - Canada
Mùa Đông 02-2023

ĐÂU RỒI CẢNH CŨ NGƯỜI XƯA?

**** Hồng Thủy ****



Mấy tuần nay vùng Thủ Đô xôn xao vì tin tức có 3 người da màu vào cướp tiệm vàng Princess Diamond giữa ban ngày và mọi người được khuyến cáo đến khu Eden Center phải đề cao cảnh giác vì lúc nào cũng có kẻ gian rình đập. Nhiều người quên khóa xe đã bị mất đồ, vô ý để túi xách hoặc đồ trong xe đã bị đập kính. Hoặc sơ ý có thể bị giật bóp dễ dàng. Thật ra chuyện trộm cắp ở Eden Center, khu thương mại lớn nhất của người Việt ở vùng Thủ Đô Hoa Kỳ không phải lần đầu tôi mới được nghe. Nhưng những lần trước, chuyện đập kính các cửa tiệm để trộm đồ thường xảy ra vào ban đêm, khi khu thương mại đã đóng cửa. Lần này chuyện xảy ra giữa ban ngày, lúc mọi người đi mua sắm thì tôi quá sức ngỡ ngàng sợ hãi. Tôi thường lui tới, mua thức ăn ở khu Eden hàng tuần. Bây giờ ông xã tôi có cơ không cho tôi đi sang Eden thường xuyên như trước.

Tự nhiên tôi cảm thấy thật buồn. Nhớ lại khu Eden những ngày xa xưa với biết bao nhiêu hình ảnh đẹp. Tiệm phở Xe

Lửa của Luật sư Toàn mà bạn hữu thân thuộc quen gọi là ông Toàn Bò. Phở Xe Lửa nổi tiếng không chỉ vì phở rất ngon mà còn là nơi hẹn hò của giới Văn nghệ sĩ. Tiệm phở có cái bàn thật lớn ở phía trong, gần quầy tính tiền, là nơi họp mặt thường xuyên của những người nổi tiếng trong vùng. Giới văn nhân nghệ sĩ ở xa đến, muốn gặp đồng bạn bè cứ ra phở xe lửa. Những khuôn mặt quen thuộc như Ký mục gia Bùi bảo Trúc, Nhà báo Ngô Vương Toại, Nhà báo Nguyễn hữu Bình, Nhà văn Phạm thành Châu, Nhiếp ảnh gia Ngô Đình Châu, Họa Sĩ Đình Cường, GS Phạm Trọng Lệ, Ông Đỗ Hùng, BS Dương Quang Hớn, BS Văn Sơn Trường, BS Nguyễn Tường Giang, Ông Cò Ly, Nhà báo Trần Việt Tân, Nhà báo Nguyễn Hữu Điền, Ông Minh Ô Tô, GS Nguyễn Mạnh Hùng... Tỉnh thoảng có Luật Sư Đàm Quang Lâm ở Delaware về chơi và Thi Sĩ Du Tử Lê về từ Cali cũng luôn luôn có mặt. Những ngày Đại Hội Trưng Vương tổ chức ở vùng Thủ Đô, những tà áo xanh khắp các tiểu bang về dự hội, tươi thắm tung bay khắp hành lang thương xá Eden. Tóm lại Eden là nơi hẹn hò gặp mặt của tao nhân mặc khách. Những tiệm ăn ngon, lịch sự, những cửa hàng nữ trang, quần áo, mỹ viện, các bóng hồng ra vào tấp nập. Tiệm sách Thế Hệ nơi gặp gỡ của các sinh viên, học sinh mỗi cuối tuần. Cả khu Thương Xá,

không khí thật sầm uất an bình. Chưa bao giờ xảy ra chuyện trộm cắp, giật bóp. Cuối tuần bạn bè muốn gặp nhau luôn hẹn hò ở Thương Xá Eden.

Vậy mà chỉ vài năm sau, vật đổi sao dời. Tiệm sách Thế Hệ biến mất. Tiệm phở Xe Lửa của Luật sư Toàn đóng cửa. Những người khách năm xưa, một số đã ra người thiên cổ, ngay cả chủ nhân Toàn Bò cũng không còn nữa. Eden mấy năm gần đây chỉ còn đơn thuần là một nơi khách đến chợp nhoáng, ăn uống, mua bán rồi đi. Không còn là nơi hẹn hò, tụ họp của những văn nhân nghệ sĩ. Khách ở xa về không còn tìm đến để gặp những khuôn mặt thân quen. Những năm dịch cô vít lại làm cho khu Thương xá thêm ế ẩm, vắng vẻ. Không thể tưởng tượng chỉ vài năm qua, tất cả sinh hoạt của cộng đồng Việt Nam ở vùng Thủ Đô đã hoàn toàn bị gián đoạn. Trước dịch cô vít không cuối tuần nào không có những buổi tổ chức của các Hội đoàn. Buổi nào cũng 3, 4 trăm người tham dự. Riêng tôi năm nào cũng phải tổ chức hai buổi Đại Hội. Một buổi Đại Hội Văn Bút Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ vào cuối tháng 3, Mùa Hoa Anh Đào và một buổi Dạ Tiệc cho Nhà Việt Nam vào dịp Lễ Tạ Ơn để tường trình những sinh hoạt của Nhà Việt Nam trong suốt năm. Buổi tổ chức nào cũng được bạn hữu và người quen biết ủng hộ nồng nhiệt, thành công mỹ mãn. Bây giờ những người bạn cùng trang lứa với tôi phần lớn đã không còn dám lái xe

ban đêm nữa. Nhiều người quen cũng sợ dịch bệnh không dám đến chỗ đông người. Tôi cũng cảm thấy đã đến lúc cần phải nghỉ ngơi. Tự mình cảm thấy không còn đủ sức vóc ngà voi nhiều như trước nữa.

Ba năm nay vì dịch bệnh cô vít tất cả sinh hoạt thường niên của các Hội Đoàn đều hủy bỏ. Nhà hàng Harvest Moon ở Virginia là một nhà hàng Tàu rộng lớn thật đẹp mà hầu như tất cả các buổi Tiệc của các Hội Đoàn và tiệc cưới hỏi đều tổ chức ở đó, đã phải đóng cửa vĩnh viễn. Hiện nay chỉ còn hai nhà hàng Tàu hay nhận đặt tiệc đều ở Tiểu bang Maryland là China Garden và New Fortune. Cũng may hai tiểu bang Virginia và Maryland chỉ cách nhau 40 phút lái xe, nên thời gian tới, tất cả tiệc tùng trước tổ chức ở Virginia bây giờ nếu muốn tiếp tục phải chuyển sang Maryland cũng dễ dàng. Tuy nhiên cho tới bây giờ các Hội đoàn cũng chưa thấy sinh hoạt bình thường. Hy vọng dịch bệnh qua hẳn, mùa Xuân ấm áp trở về. Vùng Thủ Đô chúng ta các sinh hoạt có thể khởi sắc trở lại. Nhưng không khí của những ngày vui xưa chắc không bao giờ tìm lại được vì cả cảnh cũ lẫn người xưa đã thay đổi và biến mất cả rồi.



Hồng Thủy

CHUYỆN LÚC SÁU GIỜ SÁNG

** PHẠM THÀNH CHÂU **

Tôi có thói quen dậy lúc sáu giờ sáng, đi nấu nước pha cà phê, pha trà. Lúc đi ngang qua phòng bà xã, tôi thường bước vô phòng cô ta để hôn cô trước khi xuống bếp. Nếu thấy cô ngủ say, tôi chỉ hôn nhẹ trên tóc, sợ làm cô mất ngủ tội nghiệp. Nếu thấy cô ngủ mơ màng (ngái ngủ), tôi có thể vuốt tóc, hôn trên trán cô, cô biết nhưng im lặng. Đôi khi cô tử tế, nằm một bên, chừa nửa giường với cái gối có sẵn. Mền cô đắp một nửa, một nửa để sẵn cho tôi. Tôi nằm xuống, đắp mền, ôm cô để tìm hơi ấm, ngủ thêm được mười phút trước khi xuống bếp. Nhưng khi cô giận tôi thì là chuyện khác, thường thì cô đắp mền che cả mặt, ý là không cho tôi hôn. Căng thẳng hơn nữa, cô quấn mền từ đầu tới chân như cái chăn giò. Cô lại nằm chéo trên giường, chân ở góc giường này, đầu thì góc giường kia, ý rất quyết liệt, rằng, cả đến cái giường cô nằm cũng cấm tôi đụng đến. Tôi thì ... cô có giận tôi cách nào tôi cũng phe lờ. Khi muốn giận tôi, cô đắp mền kín người, ý thông báo "Tôi đang giận ông đây. Liệu chừng!" Lúc đó, tôi ôm cả người lẫn mền vào lòng và thì thầm "Không cho hôn thì ba hôn cái mền mẹ đắp cũng đủ thương mẹ rồi". (vợ chồng tôi thường gọi nhau bằng Ba, Mẹ) Nịnh kiểu đó thì cô không còn giận nữa. Một lúc sau, tôi rời cô, xuống bếp.

CT-SỐ 99

Khoảng bảy giờ cô dậy, làm những việc linh tinh của một bà nội trợ,

Cảnh sống vợ chồng thật buồn tẻ, không rộn ràng, vui vẻ tiếng cười nói của thời các con chưa trưởng thành. Thời đó, các con còn nhỏ, sáng nào cô cũng dậy thật sớm, đánh thức chúng, nhắc nhở đứa này, la rầy đứa kia, tắt bật cho chúng ăn để còn kịp đến trường. Nay chúng đã trưởng thành, đã có gia đình, sinh sống nơi xa nên nhà trở nên vắng vẻ. Nhớ các con nhưng vợ chồng tôi coi chúng như những con chim, đã lớn, đủ sức rời tổ, bay vào bầu trời bao la, nơi giông bão đang chờ chúng. Chỉ mong thỉnh thoảng chúng về thăm là thỏa mãn rồi. Vợ chồng già, về hưu, sống lặng lẽ, buồn chán nên vợ tôi cũng bực mình, thỉnh thoảng trút giận lên ông chồng hiền lành, thương vợ như tôi. Nhưng tại sao cô giận tôi? Khi giận ít, khi giận nhiều, tôi không biết được! Tôi xem cô giận tôi hay thương tôi cũng như thời tiết, khi mưa, khi nắng mà chẳng có lý do. Vợ tôi ăn hiếp chồng dữ lắm. Tôi thì rất giỏi nhịn vợ bằng cách làm thỉnh, không để tâm đến. Sáng ra, thức dậy, cô cũng tỉnh bơ, như không có chuyện giận, thương vừa xảy ra, (thường xuyên) như lúc sáu giờ sáng nay. Gia đình lại bình an như mọi ngày...

VIỆT KIỀU VỀ NƯỚC

** VÕ PHÚ **

Chiếc xe ô tô bốn chỗ dừng lại ở ngã ba đường. Người tài xế mở cửa bước xuống. Mắt nhìn về con đường đất phía trước, ông ta đi vòng lại, mở cửa sau xe. Một người đàn ông cao lớn, mặc áo sơ mi trắng, quần tây đen, nơi cổ có chiếc nơ cũng màu đen bước xuống xe. Người đàn ông độ chừng ngoài ba mươi. Nước da trắng hồng, mái tóc chia hai bồng bênh. Người tài xế nhìn con đường phía trước rồi quay qua người đàn ông cao lớn, có lẽ là khách, và nói:

- Đường phía trước nhỏ, hẹp và cát, chúng ta không thể nào lái xe đi tiếp. Hay anh Tony chịu khó đi bộ vào trong?

- Đành phải vậy...

Người tài xế mở cốp xe, khệ nệ bưng hai cái valise to lớn xuống, đặt bên lề đường. Người khách có nước da trắng hồng cũng chui vào trong xe lấy cái cặp nhỏ ra khỏi. Hai người đứng nhìn nhau. Người tài xế nhìn người đàn ông có tên Tony, ái ngại nói:

- Đường cát lún như đây làm sao kéo valise được?

Hai người, một chủ một khách, chưa biết làm gì với hai chiếc valise thì bà chủ quán bán hàng tạp hóa ở ngã ba, đi ra nhìn hai người tò mò hỏi:

- Hai cậu ở đâu tới? Định tìm nhà ai?

Như người đuối nước vó được phao, người đàn ông tên Tony vội nói:

- Dạ cháu ở Mỹ mới về thăm quê. Cháu là con của bà Tư Sông Cầu...

- Nhà bà Tư ở tuốt trong xóm trong lặn... Mà mà có phải thằng Tèo em không?

Người đàn ông đỏ mặt, mỉm cười, gật đầu. Bà chủ quán nhón chân lên rồi vỗ vào vai người đàn ông cười, nói:

- Cha mà thằng Tèo... Mà có nhớ cô Tám không?

- Dạ... Dạ... Cô Tám...

- Mà đứng đây chờ... Để tao chạy vô trông gọi má mà và thằng Tèo anh ra phụ...

Bà bán hàng tạp hóa vào trong quán lấy nón định đi thì thấy thím Gái đi từ bến cá về. Thím Gái là người phụ nữ chuyên gánh cá, gánh nước thuê ở xóm chài này mà ai cũng biết. Thím người cao và ốm, nhưng thím khoẻ mạnh hơn cả những người đàn ông to lớn nhất trong xóm. Thím có thể gánh cả trăm ký lô cá từ cảng đến bến xe như người ta đi tay không. Thấy thím Gái, bà chủ quán gọi lớn:

- Ê... Gái... Gái...

- Dạ cô Tám gọi con?

- Ủa... Bậy ra bến cá dia hả? Giờ bây có rảnh không?

- Dạ... Con rảnh, mà có gì không cô Tám?

- Bây giúp thằng Tèo gánh hai cái "qualy" này ra nhà bà Tư được không?

- Dạ, cô Tám...

Thím Gái lấy cái đòn gánh, xỏ vào quai của hai cái valise và chuẩn bị gánh đi. Hai người đàn ông nhìn người phụ nữ cao lêu nghêu, ái ngại hỏi:

- Chị có gánh được không?
- Chuyện nhỏ, hai chú đừng lo. Tui gánh hai giỏ cần xé cá còn nặng hơn cái này gấp mấy lần.

Nói chưa dứt câu, thím Gái đã đặt gánh lên vai đi thoăn thoắt. Người tài xế xe nói với người chủ quán:

- Con nhờ cô coi giùm con chiếc xe chút rồi con ra.
- Ừa hai cậu đi đi. Để đó tui coi.

Mười giờ sáng, người phụ nữ gánh hai cái valise đi trước, sau là hai người đàn ông và một đám con nít chạy theo trên con đường đất nhỏ đi vào xóm chài. Đám con nít vừa chạy chúng vừa reo hò:

- Việt kiều về nước... Việt kiều về nước tụi bây ơi. Việt kiều nhà bà Tư về nước...

Một lúc sau đám con nít cả xóm chạy theo như đàn kiến. Đám đồng chưa đến đầu ngõ, trong vườn bà Tư đã nghe tiếng ồn. Bà đang đi vòng quanh vườn cây ăn trái để coi khi nào trái già sẽ thuê người đến hái giúp. Nghe tiếng ồn, bà đi ra trước ngõ. Thím Gái thấy bà Tư đi tới, thím vội nói:

- Bác Tư ơi, chú Tèo từ Mỹ mới đi...

Chưa nói hết câu, bà Tư chạy lại bên người đàn ông cao to, có nước da trắng hồng, ôm chầm lấy. Nước mắt bà chảy dài. Bà Tư vui mừng, trách yêu con:

- Cha mày... Thằng Tèo... Sao bây đi mà không nói trước để ba má đi rước bây?

- Dạ tại con muốn cho ba má ngạc nhiên...
- Thằng cha mày ra.... Bây cao to trắng trẻo ra. Đi đường có mệt không?
- Dạ... Dạ... Từ từ để con vô nhà đã má.

Chú Tèo vừa nói vừa nói cái nơ thắt ở cổ ra. Mặt trời lên cao, cơn nắng nóng lên. Trên trán chú Tèo mồ hôi lấm tấm. Cái nơ ở cổ làm chú ngột ngạt, khó thở. Mọi người đi vào trong vườn. Tới trước hiên nhà, thím Gái đặt hai cái valise xuống nền xi măng láng bóng. Thím ngồi xuống, cởi nón ra quạt. Ngọn gió từ bờ sông Cóc thổi lên xoa dịu đi phần nào của cơn nóng. Bà Tư vạch lớp áo Bà Ba hoa bên ngoài, móc cái ví bên trong lớp áo thứ hai ra. Bà lấy cái ví nhỏ được ghim bằng cây kim tây bên trong túi rồi lấy hai tờ tiền đưa cho thím Gái:

- Cảm ơn bây nghe Gái.

Cầm tiền trên tay, thím Gái nhét vội vào túi áo, thím nói:

- Con cảm ơn bà Tư. Khi nào cần con thì bà kêu mấy đứa nó gọi con nhe...
- Ừa... Thôi bây đi đi lo cho xấp nhỏ.

Thím Gái đi rồi, bà Tư đi vô nhà, mở cánh cửa chính của gian nhà ra. Hầu hết những căn nhà gạch ở xóm chài này đều xây theo hình chữ "L". Hàng ngày người ta chỉ dùng cánh cửa bên hông nhà. Trừ những dịp lễ quan trọng hay có những tiệc tùng lớn như Tết, cúng quải thì cánh cửa lớn mới được mở. Chuyện chú Tèo về nước là một chuyện lớn, nên

cánh cửa chính cũng được mở toang. Mở xong cánh cửa, bà Tư ngó quanh tìm đứa cháu nội. Thấy thằng Tí em đứng chung với đám con nít trong xóm, đưa mắt lom lom nhìn vào. Bà Tư gọi nó:

- Tí, lại nội biểu...

- Gì? Bà nói đi...

- Mà chạy ra bà Tám mua cho tao ngàn bạc đá với mấy chai nước xá xị. Tiền nè... Đi nhanh chút.

Thằng Tí em cầm tiền rồi chạy một mạch ra quán mua nước. Đám con nít vẫn bu quanh nhà bà hóng chuyện. Ở cái xóm chài này, đây là lần đầu chúng được tận mắt nhìn thấy Việt kiều Mỹ. Hồi nào tới giờ chúng có biết Việt kiều là gì đâu. Tụi chúng chỉ nghe người ta nói tới nước Mỹ, chứ có bao giờ thấy ai từ Mỹ về. Hôm nay, được thấy nên chúng hiếu kỳ bu quanh. Bà Tư và hai người đàn ông bước vô nhà. Bà Tư lấy máy quạt ra cắm điện. Chú Tèo quay qua nhìn người tài xế xe rồi nói:

- Em ở nghỉ ngơi chút rồi về?

- Dạ... Em không dám phiền anh với gia đình... Bác và anh cho em về sớm nghỉ ngơi...

Chú Tèo quay qua bà Tư:

- Má ơi, má gởi tiền cho chú em này giùm con. Con không có tiền Việt.

- Ờ... Bao nhiêu vậy chú?

- Dạ bác cho con xin hai triệu.

- Ờ... Đây, tiền của chú em.

Bà Tư lấy tiền ra đưa cho anh tài xế. Người tài xế nhận tiền xong, quay qua chào bà Tư, chú Tèo rồi ra về. Bà Tư

tiễn chú tài xế ra cửa rồi quay qua đám con nít trong xóm:

- Thôi tụi bây đi dìa đi... Có gì đâu mà coi...

Nghe bà Tư nói vậy, một vài đứa tản ra, nhưng rồi vẫn bu lại, mắt chúng lom lom nhìn vào trong nhà, coi chú Tèo đang làm gì.

Chú Tèo thấy vậy, vội mở cái valise ra lấy một bịch kẹo chocolate ra phân phát cho đám trẻ. Đám trẻ bu lại nhận kẹo như bầy ong giành mật... Nhận kẹo xong, đám con nít tản dần rồi mất hút.

Những ngày sau, khi mọi người hay tin chú Tèo con bà Tư Sông Cầu từ Mỹ về, người ta tấp nập ghé thăm. Có rất nhiều người đem thức ăn tới tận nhà để bán cho gia đình bà Tư. Anh em tụi thằng Tí mặc quần áo mới đi ra đi vào trông như những ngày Tết. Chú Tèo ở nhà với gia đình được vài hôm rồi nhờ anh Trục làm tài xế chở đi du lịch vòng quanh thành phố.

Sáng nào cũng vậy, chiếc xe Honda 67 của anh Trục cũng làm náo động cả xóm chài. Họ đi từ sáng sớm đến tối mịt mới trở về nhà. Có hôm gần sáng họ mới lộ mọ trở về. Tiếng xe máy làm kinh động cả cái xóm nhỏ bình yên. Cứ mỗi lần anh Trục chở chú Tèo vào thành phố về, anh đều bị vợ anh là chị ba Phê tra hỏi.

Một buổi trưa nọ, chắc đêm trước đi về mệt quá, nên chú Tèo không nhờ anh Trục chở vào thành phố. Anh Trục ở nhà sửa lại cái hàng rào bị ngã. Chị ba Phê đang cho con bú trước hiên nhà. Chị nhìn chồng rồi hỏi:

- Hôm nay ông không chở ông Tèo vô thành phố nữa hả?

- Chắc hôm qua đi mệt quá, nên nay nghỉ?

- Thuở đời đi chơi mà cũng than mệt... Bộ ông làm gì cực lắm hay sao mà than mệt?

Tánh anh Trục vốn thật thà, nghe vợ tra hỏi, anh khai tất cả cho chị ba Phê nghe. Anh oang oang kể:

- Thì tui chở ông đi thành phố chỗ này chỗ nọ.

- Cái thành phố Nha Trang có tí tẹo, mà hai người đi hơn một tuần rồi chưa hết sao?

- Hết sao được mà hết... Ông nhờ tui chở vô biển Nha Trang... Tìm gái...

- Đi chơi đi?

- Ủa...

Chị ba Phê nghe vậy, gằn hỏi:

- Rồi ông có theo chơi không? Khai mau?

- Ngu sao không bà. “Ngu” ta trả tiền bao cho mình mà.

- Ông nói giỡn với tui hả?

- Giỡn gì mà giỡn... Tui nói cho bà nghe... Từ thuở cha sanh mẹ đẻ tới giờ tui mới biết mùi đi. Mà họ thơm quá xá là thơm. Anh Tèo ông mượn hai cái phòng có máy lạnh mát rượi... Cái phòng tắm nó trắng bóc như trứng gà vậy nha... Rồi ông gọi gái lên phòng... Mà tui nó sang lắm nha bà. Trước khi đựng vô nó là nó đưa tui cục xà bông thơm lựng, bắt tui chà rửa rồi mới cho đựng vô chứ không phải chuyện dễ à nha.

- Trời ơi là Trời... Cái ông này đi chơi gái địa rồi còn oang oang cái miệng kể cho cả làng cả xóm nghe.

- Thì bà hỏi tui mới nói. Nếu bà không muốn nghe thì tui không kể nữa...

- Ngày mai tui cấm ông đi với ông Tèo... Đi địa lỡ lây bệnh cho tui là chết...

- Tui cũng đâu có muốn, nhưng chẳng lẽ người ta ở phòng máy lạnh có gái hầu bên cạnh sao tui chịu được...

- Thì ông ra ngoài quán uống cà phê rồi chờ... Ai biểu ông chui vô mấy chỗ đó chi...

- Bà nói mệt quá... Được hưởng thì bỏ phí sao...

- Vậy tui cấm không cho ông đi nữa...

- Mệt bà quá... Tui đi làm ăn chứ có lấy tiền nhà mình đi nuôi gái đâu mà bà sợ...

Chị ba Phê nghe chồng nói vậy, nên im. Nhưng chị vẫn còn hậm hực. Chị bỏ đi vào nhà trong nhà.

Thời gian chú Tèo về thăm quê chừng ba tuần thì chú lại đi. Mọi người trong xóm chài đều thờ phào nhẹ nhõm vì không phải nghe tiếng xe máy nổ ồn ào vào mỗi buổi sáng. Xóm chài bình yên lại như xưa...



VÕ PHÚ

(trích trong tập truyện ngắn XÓM CHÀI)

Tết Tha Hương

Mứt bánh bên ni cũng ngọt ngào
Mà sao mùi vị thấy làm sao...!
Vui xưa trừ tịch nghe pháo nổ.
Sống cảnh tha phương nhớ dậy trào.
Đêm lạnh mây trôi sao hiện ẩn
Trời khuya gió thổi, lạnh trùm bao.
Cô đơn thức đợi Giao thừa đến,
Nay đã, ô hay Tết lúc nào?

Nay đã, ô hay Tết lúc nào?
Tâm tư còn mãi tận nơi nao
Thắp hương tay cứ như run rẩy
Lên nến mà lòng thấy đảo chao!
Dáng cũ còn chăng tóc nón lá?
Người xưa có giữ má hoa đào?
Xuân về ngoại xứ hương phai nhạt
Thắp lạnh Giao Thừa mấy đóm sao.

Githéa Hoàng Hy

Giao thừa Nhâm Dần-Quý Mão



Tranh của họa sĩ Thanh Trí

Nàng Xuân

Xuân mãi ngàn năm chẳng có già
Xuân đàn khúc nhạc hợp hoà ca
Xuân vui nắng đẹp đùa ong bướm
Xuân thỏa trời hồng chiếu nụ hoa
Xuân tạo niềm tin cho khắp chốn
Xuân đem sức sống đến từng nhà
Xuân mong phước, thọ luôn đầy ắp
Xuân muốn công danh cứ tiến đà

Minh Thúc Thành Nội

Đón Tết

Tết đến nhìn gương thấy đã già,
Tết về xuân bỗng nghẹn lời ca.
Tết xưa nhắc nhớ thời mơ mộng
Tết cũ điếm tô sắc bướm hoa.
Tết trước cây nêu vờn cột gió,
Tết nay tiếng pháo vắng quanh nhà.
Tết chờ Trừ tịch chừ im quá,
Tết vị hương sao thiếu đậm đà!

Githéa Hoàng Hy

Sơ Xuân Quý Mão



**** Nhật Phương ****

Dường như đêm càng về khuya, tiếng sóng vỗ bờ càng trở nên thần thơ, lặng lẽ (?!). Tiểu Mi dõi mắt nhìn vào biển cả mênh mông, bát ngát dập dềnh, hướng lòng về quê mẹ. Xa xôi gì đâu chứ, chỉ mới xa nhau có mấy ngày thôi mà...

Kỳ lạ thay, mặc dù lòng cổ nhủ lòng như thế, Tiểu Mi vẫn cảm nhận như có “sự gì to lớn lắm” cứ xoáy xoay muôn chiều trong lòng ngực khiến nàng khó thở. Hướng ấy, xuôi theo bờ cát dài thăm thẳm, là nơi nàng được cha mẹ sinh ra, cùng lớn lên, cùng sống suốt bao mùa nóng bỏng lửa chiến chinh Nam Bắc với đại gia đình họ Phạm của nàng. Đêm nay, trăng rơi thoi thóp nhưng lòng Tiểu Mi còn thoi thóp hơn trăng, phản chiếu vào đôi mắt khiến nàng như bị hòa nhập chơi vơi với suối nguồn Tương-Tự. Nhìn về hướng quê nhà, lòng như có ai cào xé, tan hoang từng mảnh vụn. Nỗi đau hợp xướng nỗi buồn tạo thành một nỗi thê lương, khiến nước mắt cứ tự do trào tuôn mãi không ngừng. *Biển ơi ta nhớ người - Ta nhớ lắm biển ơi...*

Có tiếng chân ai khẽ khàng rón rén thật gần. Trong tĩnh lặng, tiếng chân dù nhẹ đến đâu cũng không thể nào không hiện hữu. Rồi âm thanh nhẹ tênh như cánh gió vờn hiu hiu nhàn tản:

-Này cô bé, đêm không còn sớm nữa, hãy trở về căn lều của cô đi.

Bóng người vừa cất tiếng cao lêu nghêu, giọng trầm như chuỗi dương cầm dập dồn trước khi chấm dứt một bản nhạc buồn đầy tiếc nuối.

-Chào anh, quán cà phê đã đóng cửa rồi sao?

Người vừa được Tiểu Mi chào thân mật tiếng anh, lặng lẽ ngồi xuống bên cạnh nàng. Đó là “anh chủ quán cà phê” bất đắc dĩ, như lời anh đã thổ lộ, ở lần gặp gỡ đầu tiên, chỉ mới tối hôm qua cũng tại chỗ này.

-Chẳng cần đóng hay mở, vì tự nó đã không có cửa.

Tiểu Mi quay nhìn người bạn vừa quen, cảm thấy một chút gần gũi:

-Ô, đúng vậy, Tiểu Mi mới đó đã quên, tối hôm qua anh đã nói rồi. Xin lỗi nghen anh Dương.

Người chủ quán tên Dương, có quán bán..., à không, nên gọi là túp lều cà phê thì đúng hơn:

-Tối qua cô cũng đến đây nhìn biển. Cô thích biển lắm phải không?

-Thích biển? Tiểu Mi yêu biển anh Dương ạ. Quê cha của Tiểu Mi nằm cạnh biển. Cha lại thi hành bổn phận của một thủy thủ vượt trùng khơi. Hơn trên tất cả, suốt chiều dài hình cong tiếp nối với quê cha là biển. Mà yêu biển, dường như... cũng là điều khá tự nhiên của hầu hết những con người dám cưỡi lên sóng gió để tìm kiếm tự do như anh, như Mi.

Dương âm thầm lắng nghe không góp ý, chỉ nhẹ nhàng bảo Mi:

-Cô nên an hưởng niềm hạnh phúc đã đến được chốn đây an toàn. Chúng ta đang ăn cơm của Liên-Hiệp-Quốc. Trên hải đảo này, còn điều gì khiến lòng cô mang nhiều niềm trắc ẩn như thế?

Tiểu Mi không trả lời. Nàng âm thầm quan sát người bạn mới tên Dương. “Hắn ta” là ai? Lời nói của hắn biểu tỏ sự an phận, chấp nhận hiện tại, không thắc mắc, đúng là một kẻ vô ưu. Vậy, hắn có đáng tin cậy để Tiểu Mi sẽ chia bao nỗi nhớ nhà nhớ đất? Túp lều cà phê hắn mở ra đã được ba tháng, còn Tiểu Mi mới cập bờ tờ mờ sáng hôm qua... Buổi tối đầu tiên trên đảo hoang lạ lẫm, Tiểu Mi không tài nào chợp mắt, đành lang thang ra biển, và gặp Dương.

Người thanh niên thoạt nhìn còn khá trẻ. Theo lời thổ lộ, anh là người duy nhất trong sáu sinh viên sống sót sau chuyến hải hành. Tất cả đều là bạn học đồng thân vui tính. Tàu của các anh đã nhìn thấy bến an toàn, nhưng vì trên tàu không có đàn bà trẻ nhỏ nên Cao Ủy Liên Hiệp Quốc (LHQ) chưa cho lệnh nhập cư, bắt phải thả neo xa bờ chờ cứu xét. Cao Ủy lo sợ họ là Việt Cộng trá hình. Ngay tối hôm đó, một cơn bão bất ngờ ập tới khiến chiếc thuyền bị lật úp, giết chết năm người. Dương may mắn “bị” sóng dữ nhồi xô tấp liệng vào bờ. Thảm quyền cứu anh, cho anh lên đảo với lời xin lỗi đầy tiếc nuối về tai nạn xảy ra không điềm báo trước. Dương nói, anh ngờ ngáo cả tháng trời mới bình tĩnh trở lại, và thấu hiểu triệt để ý nghĩa của các từ trớ trêu hay “định mệnh”. Nhờ chút ngoại tệ mang theo dấu kỹ trong cặp quần jean, anh vận động với lính Mã Lai mở túp lều bán cà phê để giết chết nỗi buồn, cốt tạo chỗ riêng tư, dễ dàng trao đổi tin tức quê nhà cùng những thuyền nhân mới tới (dĩ nhiên là phải chia chác với họ). Lính Mã Lai đã mang hàng từ Mersing qua đảo bán cho dân tị nạn. Có tiền là có hàng, từ củ cà rốt cho tới táo tàu, đậu phộng... Những người đến trước Dương mang theo được nhiều tiền, đã mở hẳn vài tiệm tạp hóa nho nhỏ hành nghề trên Bắc đảo.

-Anh Dương ạ, Mi may mắn hơn anh, sau hơn năm ngày vật vã cùng định

mệnh như anh nói, chiếc tàu mong manh của Mi cũng vào bến an toàn. Mà lạ lắm anh biết không, từ sáng đến giờ Mi chỉ ăn một nửa gói mì khô được phát, vậy mà cảm thấy no ngang, như vừa ăn xong một tô xôi mẹ nấu.

-Các cụ của mình gọi đó là no hơi Mi ạ. Mà Mi đi một mình hay có gia đình anh chị em?

-Chỉ hai chị em. Chị của Mi ốm yếu lắm, còn mệt lả nên đang nằm dưỡng sức trong lều.

Dương vươn vai đứng lên mời Tiểu Mi:

-Vậy nếu không ngại, mời Mi đến túp lều không cửa của Dương uống cà phê nhé?

Từ lúc nào..., Dương thản nhiên gọi nàng bằng tên và cũng xưng tên thân thiết vậy? Không còn... tôi cô như hồi mới gặp tối hôm qua. Mi năm đó vừa tròn 19 tuổi. Nhìn Dương, Mi đoán "hắn ta" già lắm cũng khoảng chừng 24-25.

-Mi chưa từng nhận lời uống cà phê với ai cả, chỉ nhấm nháp tí chút để thức khuya học bài thôi. Tối nay Mi sẽ thử lần đầu tiên trên hải đảo, cho biết mùi Tị Nạn.

-Mùi tị nạn? Là mùi Mi mới "phát minh" ha ??! Vậy ly cà phê này là ly cà phê Tị Nạn, nó có ý nghĩa đặc biệt gì với Tiểu Mi?

-Là mùi chất đắng, mùi tủi thân độc hành, mùi mồ hôi tổ quốc, là...

-Thôi Mi, không nên khẳng định thêm về tình trạng của ly cà phê Tị Nạn nữa.

Dương hiểu ý của Mi rồi. Mi nghĩ nhiều như bà già năm mươi tuổi vậy. Chiến tranh thật quái ác, đã làm con người vừa khổ vừa khôn hơn tuổi thật. Nhưng hãy cố quên quá khứ mới dễ dàng chấp nhận hiện tại và tiếp tục sống còn, được không?

Quá khứ sao? Tiểu Mi im lặng, âm thầm song hành cùng đêm đen. Hai người đi dọc theo ven bờ, lần lên trung đảo. Tiếng nước leo trèo chọc ghẹo bãi cát buổi khuya, âm ỉ khác gì tiếng than thầm của người cùng khổ? Có phải tại lòng buồn nên biển cả dường như cũng đang cố giấu ít nhiều chuỗi sóng vô ưu, an bình của chính nó?

Hai người đến túp lều không có cửa. Dương loay hoay nhóm bếp, tuy cẩn thận nhưng khá nhanh gọn, xứng đáng làm chủ lều du mục. Chừng mười phút sau, hai người đã có trong tay ly cà phê đầy quyến rũ. Nhìn chất nước tuy đen nhánh như lòng đêm, nói theo sự nhận xét quê mùa kỳ cục của Tiểu Mi, lại đang tỏa đầy hương thơm huyền diệu. Tiểu Mi tự hỏi, có phải đây là mùi tượng trưng cho nét đặc thù độc đáo của những con người yêu chuộng tự do, cố giấu mình trong bóng tối để di hành, quyết tâm kiếm tìm mọi miền an cư tỏa sáng ở bất cứ nơi nào biết quý trọng nhân quyền làm quê hương, cho một tương lai thật gần mà họ vững tin là có thật?

Túp lều cà phê của Dương dựng đơn sơ ở trung đảo Pulau Tengah, có thể gọi là thủ đô của trại tạm cư, vì Cao Ủy LHQ đặt văn phòng nơi đó để nhận người mới tới cũng như tiễn người ra đi. Đường từ Nam đảo, chỗ Mi vừa ngồi gặm nhấm nỗi buồn, đi lên “Thủ Đô”, cheo leo nổi kết khá nhiều ghềnh đá. Lúc này, tuy đã quá mười giờ đêm nhưng chưa lều nào chịu ngủ. Ánh sáng tỏa ra lét leo hiu hắt vẫn được gọi là đèn, là thứ soi rọi niềm tin vào tình người, vào tương lai mờ ảo. Vì là đảo hoang trước khi có dân tị nạn nên tối mờ tối mịt chằng có điện đường, cũng chẳng có giới nghiêm, và chẳng ai kiểm soát ai nếu đừng vi phạm kỷ luật trại (mua bán trái phép, gây gỗ ồn ào, ...) Cuộc sống nơi đây tuy đơn sơ tạm bợ nhưng quý giá vô cùng. Mọi người trước lúc ra đi, gần như đã quyết tâm đánh đổi tất cả chỉ để dành cho được vài thước khối không khí tự do, như những người bạn của Dương chẳng hạn.

Mi ngồi xuống bên ly cà phê, lặng nhìn vào bóng tối. Hải đảo mà, trời nước mênh mông, ngàn phương gió xoáy. Mi như cảm nhận, cảm nghe, cảm thấy thấp thoáng ngoài kia, cảnh chiếc thuyền con đang bị cuồng phong dập vùi, tảo liệm, cuốn trôi năm người cùng thuyền với Dương. Mi nghĩ đến đám bạn sinh viên của mình ở quê nhà. Hiện giờ, mọi người đang làm gì? Bất chợt, ảo ảnh lơ mờ trong đám thân thiết “mới

hôm qua” ấy hiện ra, nhưng khá đặc biệt và khá rõ nét. Một người gần gũi nhất - hay hơn một chút, một người bạn tâm đầu, hay hơn chút nữa, lãng đãng mối tình mới lớn chẳng? Người sinh viên ấy, dáng dấp ngang chàng như cua, da ngâm khỏe mạnh, môi cười nửa nụ, phảng phất nét đẹp lạnh lùng của nam tài tử chính trong phim *Le passager de la pluie*, cuốn phim Mi chịu ngồi coi tới coi lui, mòn cả ghế trước khi sập trời ở Rex.

Dương ngồi xuống bên Tiểu Mi, điềm nhiên chỉ vào những xác thuyền đã từng bị thương vì sóng gió; vì lòng tham của hải tặc dã man, đục thủng hông tàu để kiếm vàng. Ẩn hiện dưới ánh đèn hiem hoi nơi trung đảo, Tiểu Mi thấy có vài chiếc “bị mù” hẫng một con mắt hoặc bễ “te tua” gò má... Mi đoán, có lẽ cũng bị tàu lớn chẳng đoái hoài, đụng phải như tàu của Mi chẳng? Nhìn chung, đám “thuyền phé binh” ấy, giống như đang gộp thành một nghĩa địa lộ thiên cho các xác thuyền đã chết.

Linh tính nào chợt hiện, Tiểu Mi bỗng quay sang nhìn Dương, hỏi dập dồn:

-Đêm hãy còn dài, ly cà phê vẫn còn nóng đủ để nghe chuyện về những người bạn cùng đi với Dương. Được không?

Dương bỗng băng khuôn nhìn sâu vào màn đêm, cùng tầm cùng hướng Mi đã nhìn mấy phút trước, giọng đổi khác như

bị sắc nước, khăn đặc cuộn trào một nỗi oan khiên:

-Chúng ta phải tập đánh vần hai chữ định mệnh ra sao mới đủ nghĩa nghiệt oan? Đúng hay sai mấy từ “định mệnh đã an bài?”. Đám bạn của Dương hiền lành và học giỏi hết biết. Năm người là năm góc thêm lục địa đầy ắp tài nguyên chưa đến hồi khai phá. Họ là tương lai ngời sáng của gia đình, học đường và chắc chắn sẽ là những đứa con biết trung thành cùng đất tổ. Tuy nhiên, chúng tôi mỗi người đều có một biệt danh, một nickname, một tên gọi khẳng định vị trí thứ ba của tuổi học trò tràn đầy nhựa sống: - *Long lèm bèm*, vì hần lúc nào cũng cảm râm những chuyện bất như ý, dai như đĩa; - *Sơn hấp háy*, hần cận thị nặng, thích toán học, luôn kiếm chuyện để chơi cùng mấy con số rút căn. Trước khi định “phát biểu” điều gì, hần chớp mắt liên hồi như thực nữ bị nam nhân trêu ghẹo; - *Trà hoa nữ*, hần hiền khô, văn hay chữ tốt, đẹp như con gái nên bị chết tên cha mẹ đặt luôn rồi; - *Chát viễn tây*, thích coi phim cao bồi của Mỹ, gia đình hần ở Đ...

-Anh vừa nói gì? Chát v...i...e...n... là... là một trong mấy người bất hạnh? Gia đình anh ấy ở Đà Lạt, trước cửa đường vào nhà có trồng hai cây Mimosa vàng óng làm cổng phải không?

-Mi cũng biết Chát sao? Ngoài nickname Viễn Tây, hần còn một tên gọi khác...

-"Chát... thư viện"??

.....

Im lặng, xanh xao tiếng nói...

Đừng nhìn Mi với ánh mắt “trăm dấu hỏi” ấy anh Dương. Anh muốn biết tại sao Mi quen Chát lắm phải không? Vì thư viện là nơi Tiểu Mi đã gặp, đã quen, đã đặt tên cho người bạn tạm gọi là tâm đầu để làm kỷ niệm. Kiến thức của anh ấy, lúc bấy giờ, có khác gì một thư viện di động, hay một cuốn tự điển biết đi. Có lần, muốn thử Chát, Mi đã tự phịa ra một chữ rất ngắn nhờ anh giải nghĩa. Anh trả lời chắc nịch:

-Làm gì có chữ nào như thế trong tự điển hờ Mi?

Lần ấy, Mi phá Chát bằng ba mẫu tự tạo nên chữ yêu viết ngược.

Như thế Dương ạ. Thư viện chính là nơi hẹn hò của Tiểu Mi và Chát. Đến để cùng học, cùng sẻ chia về tình hình chiến sự ngày càng trở nên bế tắc. Song song với tình trạng bi quan ngoài mặt trận, Chát và Mi đã vô cùng hãnh diện khi kể cho nhau nghe về hoàn cảnh gia đình hai bên đều có cha anh đang đánh giặc tận tiền phương, để chúng tôi còn chút yên bình lo trau dồi đèn sách tại thủ đô vàng ngọc. Phải học và thấu hiểu lịch sử lập quốc của quê hương mới đậm tình yêu đất nước. Lãnh thổ Việt Nam đã được khai phá, mở mang và gìn giữ suốt mười tám đời Vua Hùng, tồn tại đến ngày nay, nhờ lòng yêu quý nơi chôn nhau cắt rún để tạo nên hình vóc người mình, trải qua nhiều thế hệ.

Suốt chiều dài tính bằng đơn vị ngàn năm, trong quá trình vừa tạo dựng vừa mở mang bờ cõi, vừa bảo vệ toàn vẹn biên cương, đều nhờ vào lòng yêu nước với các gương hy sinh oai dũng của tổ tiên, của triệu triệu tấm lòng con dân Lạc Việt. Công đức ấy đã lừng lừng la đà trên thượng đỉnh ngọn Trường Sơn, tràn lan phủ suốt mặt biển Thái Bình. Trong cuộc bể dâu, chúng ta có thể bị mất tất cả, nhưng quyết không thể để mất mẫu quốc Việt Nam với ngàn ấy năm lịch sử kiêu hùng.

Khắc ghi công đức của tiền nhân từ thời lập quốc, và sự hy sinh âm thầm quý báu của biết bao anh hùng-anh thư, đã dâng hiến cuộc đời, nuôi nấng hoài bão tự do, là bản phận, là cung cách thể hiện ý chí kiên cường của con dân, để biểu tỏ lòng trung thành với quê hương, biết vun bón phù sa dựng xây đất nước. Chúng ta và các thế hệ tiếp nối sẽ luôn ghi nhớ ân sủng ấy mãi đến ngàn sau.

Vậy mà đêm nay, có phải định mệnh đã an bài, để tương lai đất nước bị chìm sâu dưới lòng biển thẳm?!

Ơi thuyền ơi, thôi hãy khóc đi, thuyền ơi. Khóc giùm cho Mi và cho tất cả những oan hồn đã cùng thuyền lên đênh vượt sóng; đã cùng thuyền ôm giấc ngàn thu dưới đáy đại dương. Trong thời chiến, lời bài hát nào tràn ngập yêu thương, chiếu sáng huy chương cho người lính

chết giữa sa trường “*đất ôm anh đưa về cội nguồn*” tha thiết dường bao thì “*trong thời bình*” biển cũng ôm trọn đời anh đưa đi tìm tự do như thế ấy. Quê hương mình, suốt chiều dài là biển xanh, có thể gọi là đại-dương-nước-mắt. “*Những giọt nước mắt khóc cho quê hương, trong như hạt ngọc*”. Mọi chiếc thuyền chở người vượt biển đều có linh hồn, có nơi hạ thủy khai sinh như Tiên Sa, Đà Nẵng, Nha Trang, Sóc Trăng, Bến Tre, Phú Quốc...vv và vv. Sinh quán của thuyền là quá khứ của hầu hết người miền Nam trong suốt thời gian lịch sử phủ màu tang. Xong trách nhiệm đưa người đi, thuyền chết dần với biển. “***Chỉ có thuyền mới biết biển mênh mông nhường nào”- Nếu từ già thuyền rồi, biển chỉ còn sóng gió...*** (ca khúc Thuyền và Biển, thơ: Xuân Quỳnh, nhạc: Phan Huỳnh Điểu).

<https://www.youtube.com/watch?v=yEPzUJDBZm4>

Dường như, những chuyến hải hành hương về một vùng trời quang đấng tự do, dù thành công hay thất bại, dù sống hay chết cũng đều là thảm trạng vô thường của từng cơn ác mộng.

Bây giờ, trùng dương đã ôm kín xác thuyền, mà sóng, mà gió vẫn triền miên trong lòng hai người trong số họ, đang ngồi đây cùng cất chung những tiếng nói không lời.

Nhất Phương

HẠNH PHÚC

*Tình yêu ngày tháng lên ngôi
Đến khi bạc tóc thành đôi bạn hiền
Buồn vui đời vẫn an nhiên
Bên nhau quên hết muộn phiền thế nhân.*

Đỗ Bình

TUYẾT TRẮNG CHIỀU ĐÔNG

Tuyết rơi trắng chiều đông
Đường hôm xưa thêm mộng.
Phố vắng bông tuyết bay
Lạnh không em nụ hồng?
Khói thuốc vòng mong manh,
Ta nghe hồn thắm lạnh,
Làm sao em níu hết
Dòng thời gian trôi nhanh?!
Như đóa tình rục rở,
Em cứ say trong mơ
Ánh tà nghiêng mắt biếc
Vẫn cho đời hương thơ.
Nếp vào vai tựa nhau,
Mặc tháng ngày qua mau,
Cầm tay còn hạnh phúc
Cõi tình muôn sắc màu.

Đỗ Bình



TRỌN NGHĨA PHU THÊ

** Nguyễn Mây Thu **

- Bữa nay tôi làm ca tối, về trễ quá, ông cứ ăn cơm trước đi, đừng đợi tôi.

- Ai đòi xôi đậu phộng lột vỏ trắng tinh, rắc muối mè thơm phức, lại cắt thêm mấy miếng giò lụa, ăn cứ... bùi như lạc! Vậy mà bà bảo tôi dài cổ ra đợi! Giận thì bà cứ giận, tôi đợi sao được!

- Thì tôi đã nói đừng đợi.

- Ừa... Thôi can đảm xách ô dù đi làm nghe cưng!

- Cưng gì không biết! Để cho ông được ngồi không xem tivi là cái chắc.

- Đừng nói bậy! Tôi có việc làm mà. Dù sao tôi cũng mới rửa chén cho bà hồi nãy! “Chacun son tour” mà, phải không “my baby”?

Khi nói “ừa” và “my baby”, ông Thịnh cố ý kéo dài ra và miệng ông ồng ẹo, bẻ tới bẻ lui, đổi giọng như con gái. Hai bàn tay ông uốn éo, vặn vẹo, múa may quay cuồng liên hồi. Đó là những lúc ông Thịnh cảm thấy sung sướng hạnh phúc, mới cố ý “phát ngôn bừa bãi”. Những câu nói nửa nạc nửa mỡ, Pháp-Mỹ-Việt lẫn lộn để trêu ghẹo bà Xuân. Biết bà không thích kiểu nói chuyện lung tung, lộn xộn ấy, thì ông cứ nói. Bà không thèm tức giận mà cười xòa vì thấy xen lẫn vào đó ẩn chứa nụ cười hiền lành của ông Thịnh cũng đáng yêu! Ông luôn có óc khôi hài. Bà Xuân bước ra nhà xe, không quên nói tiếp theo:

- Lát nữa thằng Tiến sẽ tới dẫn ông đi bác sĩ, chụp rayon X coi xương ống chân ông có gãy không!

- Xong ngay, nếu gãy thì tôi đã nằm rên hi hi một đồng ròi!

Bà Xuân mỉm cười một mình và rờ máy cho xe chạy mất hút ra khỏi hẻm nhà, thẳng ra tới đường lộ.

Ông Thịnh có giọng nói trầm ấm, từ tốn, dáng người cao gầy, đôi mắt hơi xéch và dài, bà Xuân bảo đó là đôi mắt phượng, thời tuổi trẻ bà yêu ông chỉ vì đôi mắt ấy. Ông làm việc trong một hãng chế tạo dây điện, những sợi dây điện nặng nề hàng chục ký nằm cuộn lại trong lõi cuốn dây bằng gỗ, ngày này qua tháng nọ ông đẩy đau cả lưng, xương sống bị vặn vẹo và sau một ca mổ, bác sĩ cho ông nghỉ hưu sớm. Ông Thịnh lớn tuổi hơn bà Xuân, nên bà vẫn còn làm thủ ngân viên cho một siêu thị lớn, đổi ê kíp ca sáng và ca chiều thêm một thời gian nữa mới được nghỉ hưu theo ông. Ngồi một mình ở nhà, sau khi giúp bà Xuân vài công việc vặt vãnh, rửa chén, hút bụi, đổ rác... thời gian còn lại ông chỉ biết giải trí bằng cách xem tivi, đọc sách, lướt trên mạng internet, khi có chuyện hay tích lạ, ông kể cho bà nghe. Ngược lại bà Xuân khi được rảnh rỗi thường vào bếp, nấu các món ăn ngon để cùng ông thưởng thức. Các con của ông bà nay đã lập gia đình, bà được một cháu trai, đặt tên Thanh Tâm, con của anh Tiến. Vợ chồng Thảo, em của Tiến

lấy chồng người Pháp, vừa mới cưới nên chưa có con. Cách đây vài hôm, ông Thịnh vì sơ ý để bị ngã trượt chân ở cầu thang, chân bị sưng lên bầm tím, đau điếng, nhưng ông quen chịu đựng, không than thở, sợ bà Xuân và các con lo lắng. Lúc nào ông cũng vui vẻ với mọi người, hòa nhã, nhường nhịn cho gia đình được yên ấm, thuận thảo. Ai nhìn vào cũng khen ngợi đây là một gia đình hạnh phúc.

Hạnh phúc không phải tự nhiên mà có, phải kiếm tìm, xây dựng và bảo tồn gìn giữ. Có người gặp nhau, yêu nhau rồi mỗi lương duyên trắc trở để cho suốt kiếp phải chia lìa, ngẩn ngơ buồn tủi. Nhưng đôi uyên ương Thịnh-Xuân có lẽ là một trường hợp đặc biệt hiếm hoi. Ở tuổi đôi mươi khi tâm hồn mở rộng như những đóa hoa tươi nở trong nắng sớm, họ là hai người bạn học cùng trường, để ý và yêu nhau, tình yêu đầu tiên dẫn dắt họ cùng nhau bước trên đường đời cho đến nay đã trên bốn mươi năm. Họ vẫn đối xử với nhau như hai người bạn, cứ gọi nhau Thịnh ơi, Xuân à. Thỉnh thoảng ông Thịnh không gọi tên mà “cưng ơi, cưng à”, rõ thật ông yêu bà hết mực.

Nhà toán học, triết gia Bertrand Russell người Anh đưa ra câu châm ngôn rất thực tế: *“Có bốn điều quan trọng cho Hạnh Phúc. Thứ nhất là sức khỏe. Thứ hai là không thiếu thốn. Thứ ba là quan hệ tốt với mọi người. Thứ tư là sự thành công trong công việc”*.

Hình như ông bà Thịnh-Xuân đều hội đủ những điều kiện đó. Họ nói chuyện, kể chuyện cho nhau nghe trên bốn mươi năm về đủ mọi vấn đề mà vẫn chưa hết. Cũng có đôi khi họ bàn cãi quyết liệt,

giận hờn, trách móc nhau tưởng đã phải “đường ai nấy đi” nhưng có lẽ số trời đã định, người này có duyên và còn nặng nợ với người kia nên “chuyện không may” ấy không thể xảy ra. *“Yêu nhau là chuyện bình thường, ai cũng biết nhưng biết giữ gìn tình yêu và tạo dựng hạnh phúc mới là điều đáng nói”*. Đó là ý tưởng của thương gia Levi Strauss, người đã sáng tạo ra chiếc quần Jeans 501 nổi tiếng trên toàn thế giới.

*

Ceilhes-et-Rocozeles là một xã thôn nhỏ nhắn không đáng kể so với nước Pháp rộng lớn, nằm ở phía đông bắc của quận Hérault trong vùng Occitanie (Languedoc-Roussillon). Làng này được xây dựng ở phía hữu ngạn của sông Orb, tính đến năm 2020 chỉ có khoảng 302 dân cư. Nhà nguyện Đức-Bà thương xót (Notre-Dame de la pitié), là nơi chia làm hai ngã rẽ, một bên xa hơn về hướng đông đi về phía làng Joncels, một bên đi thẳng vào làng Ceilhes*. Khi cho xe chạy vào làng qua hai hàng cây phong và cây dương, kê bên là một hồ rộng lớn, từ hồ này nhìn ra xa thấy trải dài một dãy núi màu xanh lam. Sau đó, người ta nhận ra ngay bên đường phía trái, một đài kỷ niệm các chiến sĩ hy sinh cho nước Pháp ở hai trận thế chiến, đi thêm chút nữa sẽ đến một quảng trường: La Place du Griffoul, nhỏ hẹp, nhưng ai cũng biết đến, là trung tâm của ngôi làng, gần giống như một bồn binh, giao điểm để cho xe cộ dễ dàng lưu thông. Griffoul là tên gọi một giếng nước có từ thế kỷ XVIII, cao 2,70 mét, chu vi rộng 3,30 mét, có sức chứa 5.000 lít, bên hông để một chậu lớn

chứa nước cho trâu bò đến uống trong mùa nắng. Ở về phía thượng lưu của ngôi làng, cầu Roman được xây cất theo phong cách La Mã vào khoảng thế kỷ XIV để cho con sông Orb chảy qua. Cầu Roman này được cấu tạo bởi ba vòm cầu cách nhau bằng ba mũi nhọn hình tam giác. Các thành lũy của làng Ceilhes có từ thời Trung Cổ. Cổng thành bao bọc chung quanh nhà thờ Saint-Jean-Baptiste xây dựng vào thế kỷ XII, được sửa sang lại vào thế kỷ XIII và XIV. Ngoài ra còn có nhà thờ Rocozels theo kiến trúc La Mã có từ thế kỷ XII, khởi thủy là một nhà nguyện của một lâu đài thời Trung Cổ. Cả hai ngôi nhà thờ trong làng này đều được xếp vào hàng di tích lịch sử vào năm 1986.

Chẳng có gì đặc biệt ở ngôi làng heo hút, thưa thớt dân cư, buồn thiu buồn thiu này. Nhưng cứ mỗi năm vào ngày Lễ Tình Nhân (Valentine's day), cũng là ngày sinh nhật của bà Xuân, bà lại vội vã phải tới cho được nơi đây. Chiu lòng bà, ông Thịnh phải lái xe trên đường dài hơn hai trăm cây số, vừa đi bà vừa nhắc lại những kỷ niệm thuở thiếu thời, những buổi đi chơi xa với ông ở những nơi có nhiều quang cảnh hữu tình. Ông Thịnh chợt hỏi bà:

- Mình gặp nhau, quen nhau đã từ lâu lắm, hỏi đó thằng Tiến chưa sinh ra, thuở tóc còn xanh nay đã nhuộm bạc nhiều muối hơn tiêu. Sao không gọi nhau bằng Anh với Em, mà cứ Thịnh ơi, Xuân à?

- Có cần thiết lắm không ông? Thịnh là Thịnh, Xuân là Xuân, có gì thay đổi đâu? Nhưng mình gọi nhau bằng Tôi với Ông thì cũng đã đổi thay rồi! Chúng mình

đang bắt đầu bước đến tuổi già, phải giữ gìn sức khỏe để được ở gần con cháu lâu hơn. Buồn không ông?

- Có Xuân làm sao Thịnh buồn được!

Cả hai đồng cười vui, cảm thông và thăm cảm ơn đất trời đã ban cho ông bà một gia đình hạnh phúc. Bà Xuân liền mở máy điện thoại di động và tìm trên youtube, nói với ông:

- Tôi mới khám phá ra bản nhạc «Trọn Nghĩa Phu Thê», sáng tác của nhạc sĩ Phạm Hồng Biền, Quang Lê và Tố My trình bày, tôi không phải là «fan» của họ, nhưng ông nghe đi nhé, chia sẻ với tôi, để thâu ngắn đường dài cho bớt mệt mỏi.

Như thế với không khí yên lặng trong xe và trên con đường làng uốn lượn quanh co, thỉnh thoảng một vài chiếc xe chạy vụt qua, ông Thịnh nghe tiếng hát của hai ca sĩ hòa quyện vào nhau, thật ngọt ngào, nồng ấm: *«Ta đã đi qua những ngày gian nan, từ thời cơ hàn còn tay trắng tay, mà vẫn nhìn nhau như kẻ đắm say, nóng lửa yêu đêm ngày, ôi than tình luôn rục rịch cháy. Chung gối chung chăn đến tận hôm nay, dù cho ngày mai đổi thay thế nhân, mình vẫn gần nhau như tay với chân. Nhớ giữ nguyên câu thề, ta sống trọn nghĩa phu thê...»*.

Khi tới nơi, ông Thịnh tìm chỗ đậu xe an toàn rồi cùng bà Xuân băng qua phía bên kia đường, đi dạo một đôi giữa hai hàng cây phong và cây dương. Hai người nắm tay nhau tình tứ như khi còn tuổi trẻ, vừa đi vừa ngắm trời xanh bao la, hít thở không khí trong lành. Trên cao từng cụm mây trắng như bông gòn trôi lênh bênh thênh thang. Khi đi dạo quanh

bờ hồ, gặp một người dân trong làng đã lớn tuổi, nước da sạm nắng, râu tóc bạc phơ, tay cầm một cây dài, đeo bên hông một túi nhựa, đi vài bước lại dậm cây xuống nước, ông Thịnh hỏi:

- Ông tìm gì vậy?
- Tôi bắt ếch, ở đây nhiều lắm.
- Vậy à, người Việt Nam tôi cũng biết thưởng thức món ếch, ngon tuyệt!
- Hình như vợ tôi chỉ chiên bơ rồi đổ sốt kem sữa lên.
- Chúng tôi chiên với tỏi, ớt và củ sả.
- Ồ thật đặc biệt! Nhưng cũng có nhiều người không thích món ăn dân dã này. Rồi ông giơ tay chỉ về phía trước mặt, nhà tôi ở gần đây, chiều tối ếch nó xúm nhau kêu òm ộp buồn chịu không nổi! Ông Thịnh nói lời từ giả:
- Chào ông, tôi chúc ông may mắn bắt được nhiều ếch nhé.
- Cảm ơn ông.

Tháng hai trời vẫn còn mùa đông, cách đây mấy hôm trời tiết xuống độ âm, buổi sáng trong sân nhà nền cỏ phủ trắng đầy sương giá. Nhưng hôm nay tưởng như đang bắt đầu mùa Xuân, nắng xuyên qua cành lá, hoa dại màu vàng lấm tấm mọc ven hồ chen lẫn với những bụi hoa báo xuân nhiều màu sắc. Đến ngồi nghỉ chân trên một ghế băng cùng ông Thịnh, bà Xuân nhìn những làn sóng gợn lăn tăn chung quanh mặt hồ, tâm hồn thanh thản. Cả hai ông bà đều lặng thinh không nói gì. Mỗi người đeo đuổi một ý nghĩ riêng tư. Ẩn núp sau mái nhà ngói đỏ gần đó, tàng cây cao giơ ra những chùm hoa mimosa vàng rực, gửi lại mùi hương dịu êm theo từng cơn gió thoảng. Bà nói với ông:

- Tôi yêu thích khung cảnh ở đây vì nó êm đềm và có một chút gì gần gũi với đồng quê ở Việt Nam, quê hương mình. Ông Thịnh tiếp lời:

- Phải rồi, bà xem kìa, ở dưới chân cầu, mùa này nước cạn tới đáy, đá sỏi lờm chờm nhưng cũng có một vài vũng sâu, mấy đừa nhỏ đang sản quần câu cá.

Ông bà Thịnh-Xuân nhìn vào một quán ăn giải khát cách đó không xa, buổi xế chiều quán đã thưa vắng khách. Có tiếng chó sủa bâng quơ, tiếng chân ngựa gõ nhịp lộc cộc trên đường và tiếng chim gáy cú cu trên ngọn cây báo hiệu mùa xuân sắp đến. Ông Thịnh chợt lắc đầu thở dài:

- Tôi đang nghĩ tới cuộc chiến tranh ở Ukraine và nước Nga. Bao nhiêu người đang sống yên lành như tôi và bà thấy hiện giờ, bỗng dưng người dân Ukraine họ phải hứng chịu nhiều lo lắng, khổ đau, chết chóc...

- Còn nhiều thứ phiền toái khác nữa ông ơi! Thời tiết bất thường, tai ương hạn hán, mùa màng thất thoát, kinh tế suy sụp, vật giá leo thang. Cách đây không bao lâu, thêm trận động đất ở Turquie và Syrie đã làm thiệt mạng đến hơn bốn chục ngàn người.

- Hình như thế giới chưa lúc nào được yên ổn. Con cháu mình sau này sẽ sinh sống ra sao?

Bà Xuân đưa tay xoa nắn vào đầu gối của ông Thịnh như để trấn an về bi quan của ông và hỏi:

- Chân ông còn đau không?

- Đỡ lắm rồi, nếu không làm sao tôi đưa bà tới đây. Ngày sinh nhật của bà cũng là ngày tình yêu của nhiều người, tôi cần

chúc cho bà luôn được nhiều sức khỏe và đối với tôi bà luôn trẻ mãi.

- Cảm ơn ông. Nhưng chiều tối rồi, mình nên về nhé ông.

*

Năm nay mùa xuân đến sớm, các thứ hoa hạnh nhân, hoa đào, hoa mơ đang cùng nhau khoe sắc thắm. Ông bà Thịnh-Xuân trồng một vài loại hoa hồng, trúc đào, liên kiều ở sân vườn sau. Khi tới mùa, cây vả (figue) cho trái màu tím thắm rất ngọt, cây cam và kim quất cũng cho trái chín, vàng ươm nặng trĩu trên cành. Bà Xuân thường làm mứt để dành ăn quanh năm, khỏi phải mua ở chợ. Khi lớn tuổi bà Xuân vẫn thường xuyên trang điểm, nên trông bà hãy còn rất trẻ, mang dáng vóc hơi đầy đặn nhưng rất năng động bởi bà chịu khó chăm sóc, lo lắng cho chồng con. Có phải đó là bí quyết để giữ gìn hạnh phúc?

Có những đêm trăng sáng tỏ, bà cùng ông ra sân, ngồi trên thềm nhà ngắm trăng, uống trà. Đêm khuya và lạnh, hai người cùng mặc áo ấm và cùng quần chung trong một chiếc chăn dày, ngồi rì kể chuyện xưa tích cũ, những kỷ niệm khó quên khi còn ở quê nhà và cùng than thở nhớ ời là nhớ quê hương mình, cho tới gần sáng. Buổi xế chiều hôm nay trời mát, ông Thịnh bắt ghế ra sân đọc sách hưởng thú an nhàn, bà Xuân ngồi kê bên đũa áo cho đứa cháu nhỏ của bà, thằng Tâm vừa chập chững biết đi. Bà trầm tư nhìn ông một hồi lâu. Ngày xưa ở tuổi thanh xuân, khi vừa mới yêu nhau, ông bà là một đôi trai tài gái sắc, ý hợp tâm đầu, tương lai mở ra trước mặt. Ngày nay bước đến tuổi già, da mồi

tóc bạc, vẫn yêu nhau, nhưng bà Xuân tự hỏi thăm tuổi đời của ông bà sẽ kéo dài được bao nhiêu năm nữa, hiện tại, tương lai như đang dần khép lại sau lưng? Rồi đây sẽ có một ngày không hẹn, kẻ trước người sau, từ bỏ cuộc sống này mà đi về một nơi chốn xa xăm nào khác. Ai sẽ là người đi trước? Ai sẽ là kẻ đi sau? Ôi sao mà buồn đến vậy? Bà Xuân không dám nghĩ thêm nữa. Bà liền dừng tay đũa nói với ông:

- Tôi hứa sẽ tận tụy nấu món ăn ngon, chăm sóc ông suốt đời, cho trọn nghĩa phu thê.

Ông Thịnh vội ngưng đọc sách, ngỡ ngơ không hiểu bà Xuân đang có ý định gì. Muốn hỏi bà thì bà lại nói thêm, để tôi viết vài câu thơ Hạnh Phúc tặng cho ông, rồi bà đi tìm giấy viết và nắn nót từng chữ:

*Sánh vai đi giữa đời trần lụy
Đội gió phơi sương vẫn có nhau
Trăm năm đã thấu lòng tri kỷ
Nhìn nhau thương sợi tóc thay màu.*

Nguyễn Mây Thu

(11-02-2023 – France)

* **Ceilhes:** Viết là **Ih** nhưng đọc là **II** - theo tiếng địa phương, giống như «abeille».

Một số ảnh về làng Ceilhes:



Nhà nguyện Notre-Dame de la pitié



Nhà thờ Saint-Jean-Baptiste nhìn từ phía trước



La Place du Griffoul



Nhà thờ Saint-Jean-Baptiste nhìn từ phía sau



Cầu Roman



Một cảnh hồ ở làng Ceilhes

VẪNG VẪNG BÊN TRỜI TIẾNG HẠC QUA

**** Nguyễn Minh Nữ ****

"Tìm đâu cho thấy Trương Thăng Phủ

Văng vẳng bên trời tiếng hạc qua "

Thơ Phó Bảng Nguyễn Can Mộng

Tôi sinh ra ở Hà Nội, lớn lên ở Saigon và hiện giờ đang sống ở Hoa Kỳ. Sinh ra ở Hà Nội, và rời khỏi Hà Nội khi chưa hình thành ký ức, nên những gì tôi nhớ về Hà Nội là rời rạc, mỏng manh và rất mờ nhạt. Có chăng chỉ là giọng nói mà tôi được thừa hưởng từ gia đình. Nhưng tôi lại biết rất nhiều về Hà Nội, bởi vì chung quanh tôi ngay từ thời thơ ấu là những con người của Hà Nội. Mẹ, các anh chị, các bác, các chú, họ đem theo Hà Nội trong tâm tưởng và kỷ niệm, tôi được tiếp nhận một cách vô tình lời ăn tiếng nói, cách cư xử và cùng lúc một đời sống Hà Nội nhiều mộng mơ.

Năm 1882, Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ hai, Tổng Đốc Hoàng Diệu tử tiết theo thành, triều đình Huế đầu hàng, bỏ đất Bắc cho Pháp để quay lại giữ lấy Huế. Triều đình gửi chiếu chỉ cho tướng sĩ Bắc Hà giao thành giao đất cho Pháp. Tán Tương Quân Vụ tỉnh Sơn Tây là Nguyễn Thiện Thuật kháng chỉ, đem quân lui vào khu rừng núi Bãi Sậy lập chiến khu chống Pháp. Các tướng sĩ thuộc quyền của Tán Thuật ở các trấn Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Hưng Yên, Thái Bình nhiều người cũng bỏ quan chức, kéo theo binh lính và gia đình lập các chiến khu căn cứ khắp nơi. Trong đó có Đề Đốc phủ Thường Tín là Nguyễn Tề gọi là Đề Thường, cùng em

là Bang Biện huyện Duyên Hà Nguyễn Tồn gọi là Bang Tồn, cùng hưởng ứng theo và dẫn quân đóng tại Hưng Yên. Ba năm sau, năm Ất Dậu 1885, sau khi kinh thành Huế thất thủ, Tôn Thất Thuyết phủ tá vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị, tại đây vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương lời lẽ thống thiết: "Trẫm đức mỏng, gặp biến cố này, không thể hết sức giữ toàn, đô thành bị hãm, Từ giá phải dời, tội ở mình trẫm, xấu hổ vô cùng. Chỉ duy luân thường quan hệ, trẫm quan khanh sĩ không kẻ lớn nhỏ, tất không bỏ trẫm, kẻ trí hiền mưu, người dũng hiền sức, kẻ giàu bỏ của trợ giúp quân nhu, đồng bào đồng trạch chẳng từ gian hiểm. (bản dịch Wikisource).

Cũng năm đó, Thống tướng Pháp là Roussel de Courcy giao cho thiếu tướng François de Négrier, trung tá Donnier cùng Hoàng Cao Khải mở cuộc càn quét lớn bình định Bắc Hà. Cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra với quân Pháp trang bị hùng hậu, vũ khí hiện đại và nghĩa quân chỉ có gươm giáo, vài khẩu hỏa mai, không có đường tiếp tế và không có quân tiếp ứng nên nghĩa quân nhiều nơi vỡ trận, tan nát. Đề Thường, Bang Tồn bị Pháp bắt và xử bắn tại Hải Dương.

Con cháu Đề Thường, Bang Tồn bỏ làng quê Thái Bình theo đôi quang gánh của mẹ trốn chạy suốt từ năm 1885 cho

tới 1900, mười lăm năm lưu lạc trốn tránh mới có lệnh chiêu an, không hỏi tội. Con của Đề Thường là Nguyễn Can Mộng, cùng với con của Bang Tồn là Nguyễn Thúc Khiêm mới được về làng, bỏ công ra mài giũa chữ nghĩa, học hành thêm 12 năm nữa. Nguyễn Can Mộng đỗ Cử Nhân khoa Nhâm Tý 1912, và Phó Bảng khoa Bính Thìn 1916. Nguyễn Can Mộng được bổ làm Giáo Thụ huyện Ý Yên, Nam Định, sau đó thăng Đốc Học tỉnh Sơn Nam, thì từ quan về dạy học và làm về ngành giáo dục, làm Giáo Sư giảng dạy về Hán văn của trường Bưởi cho đến cuối đời. Nguyễn Thúc Khiêm thi đậu Tú Tài, rồi không thi nữa chỉ chuyên sáng tác kịch thơ, chèo cổ và thành một tác giả lớn của ngành Chèo Cổ Việt Nam.



Bảng Mộng là lớp nhà nho cuối cùng của truyền thống Hán Học ở Việt Nam, sinh ra trong một gia đình chống Pháp, cha và chú bị giặc bắt và hành hình. Nhưng từ ngàn năm lịch sử, con đường tiến thân duy nhất của khách nam nhi là học hành, thi đỗ để làm quan, con đường đó phù hợp với chí khí kẻ làm trai, lại vừa là những khát vọng bình thường của xã hội. Nhưng lúc đó lại là cuối con đường,

triều đình vua quan không còn là nơi nương tựa, chữ nghĩa thánh hiền không phải là cái tự tin. Phải sống thế nào và phải làm gì để không ngược lại với cả một quá trình gian khổ tập luyện đã thành một nề nếp một đời, vừa đem được cái kiến thức thực học ra giúp đời sau.

Ngay giai đoạn đó, có những vị "bỏ văn theo võ", chiến đấu hào hùng nhưng mà vô vọng, có những vị mong vận động một thể lực nước ngoài khác, hay tìm cách nâng cao dân trí để tính kế dài lâu. Con đường Bảng Mộng chọn là hoạt động văn hóa và giáo dục. Thời điểm đó, chữ quốc ngữ đang phát triển vũ bão để đáp ứng với nhu cầu một xã hội mở cửa tiếp nhận văn minh thế giới. Càng phát triển, chữ quốc ngữ lại đối đầu với một nghịch lý là không đủ từ ngữ diễn tả. Cách đơn giản và tiện dụng nhất chính là tạo chữ mới từ căn bản Hán Tự. "Càng muốn mở mang Tân Học một cách vững chãi, lại càng phải nắm vững tinh hoa của Cựu Học." (NS NCM)

Là người theo cựu học từ thời niên thiếu, nên nhu cầu học, hiểu và am tường chữ Pháp để làm cầu nối cho Quốc Ngữ, Nguyễn Can Mộng quen thân với Phán Tường là Thông phán Nguyễn Đình Tường làm việc tại Tòa Sứ Hải Dương. Phán Tường hơn Bảng Mộng gần một giáp, người dạy chữ Pháp, người dạy chữ Hán trao đổi lẫn nhau thành đôi bạn vong niên tri kỷ. Phán Tường góa vợ, các con đã lớn ở riêng, còn một cô con gái út tuổi vừa 17 thì Phán Tường lâm bệnh nặng, biết mình không thể qua khỏi, Phán Tường gọi Bảng Mộng về Hải Dương gặp mặt,

trắng trối chuyện sau và ký thác cô con gái út cho Bảng Mộng. Đây là người vợ thứ ba của Bảng Mộng và là người đi với ông cho đến cuối đời.

Sau khi xin về trí sĩ, Bảng Mộng dắt bà Ba và các con về quê ở làng Hoàng Nông, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình. Bà Ba có với Bảng Mộng 8 người con. Người con thứ bảy sinh ra tại làng quê Thái Bình vào thời điểm nạn đói bắt đầu hoành hành năm 1945. Kỳ lạ là sinh ra vào đúng một kỷ (60 năm) sau cái chết ông nội là cụ Đề Thường (Ất Dậu 1885 và Ất Dậu 1945), cậu bé sinh ra trên người có nhiều đốm đỏ trên bờ ngực, và đau yếu, không được mấy ngày khỏe mạnh. Cuộc sống làng quê thì khó khăn, cơ ngơi nằm trong tay của hai bà vợ lớn, bà vợ ba được cho ăn đã là quý, tiền đâu mà thuốc men chăm sóc cho con.

Khi về quê, Bà Ba không thể ở nhà hai bà vợ trước, mà Bảng Mộng phải gửi bà cùng các con ở nhà những người thân thuộc trong làng. Cậu bé chưa đầy năm, một hôm, con kêu khóc quá, bà Ba bế con đi loanh quanh đỡ cho con ngủ, khi tạt vào một gốc đa ngồi nghỉ, nhìn ra thấy đang ở giữa sân đình làng Hoàng Nông, bà Ba vừa khóc vừa lễ Thánh rằng thôi nếu số con sống thì Thánh cho con khỏe mạnh đi, để mẹ còn chạy vạy kiếm miếng cơm nuôi mấy anh chị, còn nếu số con chỉ đến thế này, thì thôi con chết đi, bao giờ Thầy Đẻ khá rồi con lại về với Thầy Đẻ... Khấn Thánh rồi thì khóc. Khóc rồi lại khấn làm thắm... Nhìn xuống đứa bé đã im lặng như ngủ, lắc lắc người mới thấy thân thể lạnh toát hết rồi.

Bà Ba khóc thất thanh ôm con chạy về nhà. Bảng Mộng chạy ra đón con vào nhà, mạch không còn, người bắt đầu lạnh nhưng thân thể vẫn mềm dịu. Bảng Mộng hỏi chuyện, khi biết được lời cầu mong của bà Ba, Bảng Mộng lấy bút lông, pha mực tàu viết vào lòng bàn tay cậu bé chữ Lai Sinh (來生), rồi thấp hương lên bàn thờ khấn: Số con là thế, Thầy không làm gì được, thôi con ra đi thanh thản. Thầy đã làm dấu vào tay con rồi, khi Thầy Đẻ khá giả rồi con lại về với Thầy Đẻ nhé.

Những ngày đau xót đó, bà Ba chỉ ôm mặt khóc rầm rứt một mình. Căn nhà hai gian ba chái đó với cái ao lót gạch, với hàng cây nhãn ven nhà, rồi ruộng rồi ngô không phải là chỗ sống của mình, ngay cả người chồng kính mến cũng là chồng chung, khó khăn không tìm ra phút giây riêng tư nào chuyện trò.

Một hôm, Bảng Mộng đi ăn giỗ làng bên, bà Ba chờ tới chiều, biết chồng sắp về, lên chạy ra đầu làng, trốn sau bụi rơm chờ. Lát sau khi thấy thấp thoáng bóng Bảng Mộng mới chạy ra đón đầu.

Bảng Mộng ngạc nhiên hỏi: Sao bà ở đây?

- Tôi đợi ông đã lâu, muốn nói với ông chút chuyện.

- Chuyện gì vậy?

- Có lẽ tôi phải đi ông ạ.

- Bà đi đâu, loạn lạc khắp nơi, thân gái dậm trường, con cái riu bực làm sao đi được?

- Tôi đi dắt theo con Thanh để trông nom lẫn nhau, còn lại mấy đứa ở nhà thì giao lại hết cho Ông, Ông đưa về bà Me nuôi, coi như tôi không còn nữa. Một năm sau nếu tôi còn sống, tự lực được đời mình

thì sẽ về đón các con, còn không thì hôm nay gặp ông là lần cuối.

Năm năm sau, năm 1950, khi đã sống ổn định ở Hà Nội, bà Ba hoài thai đứa con thứ 8. Khi sinh nở xong, người nhà chạy về báo tin cho cụ ông. Câu hỏi đầu tiên là con trai hay con gái, khi biết là con trai, cụ ông vội vã vào bệnh viện lật bàn tay đứa bé ra xem xét và lạnh toát cả người khi thấy nét mờ mờ màu đen nhạt nơi lòng bàn tay hai chữ Lai Sinh; lại một điều kỳ lạ nữa, đứa bé mới sinh cũng có những dấu đỏ trên người như dấu đạn bắn vào, gần như đã biểu lộ hết sự trở về của một nhân duyên, nên quyết định đặt tên đứa bé là tên người anh đã mất: Nguyễn Minh Kha.

Minh Kha cũng không khỏe, từ lúc sinh là èo uột, nay ốm mai đau dù quen biết bác sĩ đến khám mỗi ngày, thuốc men bổ dưỡng cách gì cũng vậy. Bệnh không ra bệnh gì, mà cứ bạc nhược dần. Chợt có một vị túc nho am tường lý số ghé thăm, nhìn đứa bé hồi lâu rồi ra nói với Bảng Mộng rằng đây là hiện tượng tái sinh, hoặc là báo ân, hoặc là báo oán. Cứ tình trạng này, cháu cũng chẳng sống được bao lâu đâu. Tôi có một cách giúp gia đình vượt qua, ông có chịu nghe không? Đó là gia đình mời tăng về nhà trì tụng chú Đại Bi và chú Lăng Nghiêm ba ngày liên tục, rồi đem cháu bán khoán cho Chùa hay Đền, sau đó nhận lại đem về nuôi, đặt tên khác thay đổi cuộc đời nó mới hy vọng qua được. Cái đó kêu là đổi mệnh đó.

Đã có bệnh thì vái tứ phương, con thì thêm thiệp trên giường, bà Ba thì vừa khóc vừa van xin nên Bảng Mộng thỉnh mời Hòa Thượng Tố Liên lúc đó đang là

trụ trì chùa Quán Sứ tới làm lễ tại nhà. Sau ba ngày làm lễ, cho người bế đứa bé ra Đền Đức Thánh Trần bỏ lại giữa sân. Rồi bà Ba chạy ra coi như nhặt được, đem về nhà đổi tên là Nguyễn Minh Nữ, Nữ là cái khuy áo bằng ngọc, mang ý nghĩa cất giữ lại cái đang có. Thực sự là từ đó tới lớn, các vết đỏ trên người dần nhạt đi và biến mất, cậu bé không bệnh hoạn gì nữa, hay ăn chóng lớn và... sống tới bây giờ là ông già 70 tuổi khi viết những dòng này đây. Sau khi từ quan về nhà dạy học và viết sách, tới khi theo bà Ba về Hà Nội, Bảng Mộng bắt đầu đi dạy học lại ở Trường Bưởi (lúc bấy giờ gọi là Trung học Bảo Hộ), là người cùng với Phó Bảng Ngô Thúc Địch, Học giả Trần trọng Kim mở các lớp chữ Nho tại Đền Ngọc Sơn mà về sau từ căn bản đó để hình thành ra Đại học Văn Khoa Hà Nội. Phó Bảng Nguyễn Can Mộng dành nhiều thời gian cho viết sách, trên báo Tứ Dân Văn Uyển ông viết nhiều biên khảo về văn học, lịch sử địa lý, phong tục tập quán của người Việt nhằm bảo vệ quốc hồn quốc túy của dân tộc. Năm 1949, Đại học Văn Khoa Hà Nội thành lập, ông được mời phụ trách dạy Hán văn ở trường cho đến cuối đời.

Theo phép thi cử thời nhà Nguyễn thì ngày xưa có các khoa thi Hương, thi Hội và thi Đình.

Thi Hương bốn năm tổ chức một lần vào các năm Tí Ngọ Mão Dậu. Các khóa sinh vào bốn vòng thi, vượt qua vòng một mới được thi vòng hai, nếu trúng cách ba vòng thì được gọi là Tú Tài, qua bốn vòng thì trúng cách Cử Nhân. Đỗ Cử Nhân là đã được ban cấp áo mũ,

dự tiệc và cho vinh quy bái tổ rồi, năm sau, những người đỗ Cử Nhân mới được tham dự cuộc thi ở kinh đô là Thi Hội.

Thi Hội cũng qua bốn vòng thi, nếu các Cử Nhân vượt qua ba vòng thi được gọi chung là Tiến Sĩ. Khi yết bảng, những người đạt được 10 điểm thì gọi là Chánh Trúng Cách, tên được ghi trên bảng Giáp, những người đạt 9 điểm gọi là Thứ Trúng Cách ghi tên lên bảng Ất, gọi là Phó Bảng.

Giáp Tiến Sĩ và Ất Tiến Sĩ đều được gọi là đỗ Đại Khoa và được vào cung đình dự cuộc thi sau chót ngay tại sân Đình do nhà vua ra đề tài và chấm điểm. Thi Đình là cuộc thi phúc tra cuối cùng để thẩm định và xếp hạng các tân Tiến Sĩ. Trong tác phẩm "Các nhà khoa bảng Việt Nam 1095-1919" của các tác giả Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga - Nguyễn Hữu Mùi thì khoa bảng Việt Nam từ ngày lập quốc cho cuối triều Nguyễn hơn 800 năm có 184 khoa thi và ghi được danh tính các vị Đại khoa từ người đầu tiên là Lê Văn Thịnh (triều Lý) cho đến người cuối cùng là Hoàng Yến (đỗ Phó Bảng khoa Kỷ Mùi 1919, niên hiệu Khải Định thứ tư, triều Nguyễn) tổng cộng là 2894 người. Trong danh sách này, Nguyễn Can Mộng được ghi vào số thứ tự 2866, thi đỗ năm 1916, và ba năm sau là năm khoa thi cuối cùng, chấm dứt cái học nhà Nho của Việt Nam.

Tác phẩm để lại:

Về Hán Văn có: Nam Học Hán Tự, Tự Điển Việt Hán Thành Ngữ.

Về chữ Quốc Ngữ có: Hiệu đính Truyện Kiều, Hiệu Đính Ngạn Ngữ Phong dao.

Sáng tác: truyện thơ Bức Gương Lòng Sơn, thơ Nông Sơn, Lễ Tục Việt Nam, Lịch sử Bắc Kỳ.

Trong giai đoạn 1930 đến 1950, Nông Sơn Nguyễn Can Mộng nhận định: "Chữ Quốc Ngữ đang lúc phát triển vũ bão để đáp ứng với nhu cầu một xã hội mở cửa, chuyển mình tiến lên cho kịp năm châu thế giới thì lại gặp một vấn nạn sinh tử là làm sao xây dựng được một kho từ ngữ phong phú tương xứng với sức mạnh của nó. Cách đơn giản nhất nhưng tiện dụng và hợp lý nhất là tạo chữ mới từ căn bản Hán Tự. Cho nên đã xuất hiện một nghịch lý là càng Âu hóa thì lại càng phải quay về Hán tự, càng muốn mở mang Tân Học một cách vững chãi lại càng phải nắm vững Cựu học." (Lời mở tác phẩm tự điển Việt Hán Thành Ngữ)

Nông Sơn Nguyễn Can Mộng là người đầu tiên sưu tầm và hiệu đính có hệ thống tục ngữ phong dao, trong các số báo Tứ Dân Văn Uyển tháng 3, 4, 5 xuất bản năm 1936, gồm 601 câu ngạn ngữ từ 4 chữ, 5 chữ... cho tới 12 chữ một câu và 1121 bài phong dao. (Nay số tháng 4/1936 không còn nữa nên đã thất lạc khoảng 500 bài phong dao.)

Năm 2016, khi tôi về Hà Nội, lên Sơn Tây thăm mộ cha, ghé qua Đền Ngọc Sơn nơi có lớp Hán văn đầu tiên năm 1940, ghé ngang trường Chu Văn An là hậu thân của Trường Bưởi ngày xưa, ghé nhà số 7 đường Lý Quốc Sư, căn nhà nơi tôi đã sống khi sinh ra, và sau chót là ghé lại Cửa Bắc thành Hà Nội, nơi còn vết đạn quân Pháp bắn khi tấn công thành Hà Nội lần thứ hai vào năm 1882. Vết đạn bắn lõm vào thành vẫn

còn và nhớ tới bài thơ của cha, tiếc là bài thơ 8 câu mà gia đình chỉ còn ghi lại được 6 câu, bài thơ tên là **Đề Cửa Bắc**

Thành Hà Nội:

*Cửa Bắc bao năm vẫn đứng trơ
Vết thương đau mãi đến bây giờ
Cảm người xương trắng theo thành ấy
Đãi tấm lòng son với nước xưa
Dư đồ nay đã thu về cả
Linh phách anh hùng sống lại chưa?*

Truyện Kiều gồm 3254 câu, nghĩa là 1627 câu lục và 1627 câu bát. Những người mê Kiều có thể lấy các câu (lục hay bát) nguyên ở các vị trí và hoàn cảnh khác nhau trong Truyện Kiều ghép lại sao cho đạt được sự phù hợp về vần, luật, đồng thời “vịnh” được một tình huống mình muốn. Đây là thú chơi và nghệ thuật các nhà Nho gọi là “Lấy Kiều”.

Muốn “Lấy Kiều”, nghĩa là nói bằng Kiều, phải hình thành được cả quyển Kiều trong óc và trong tim, nghĩa là phải “Sống Kiều”. Lãng Nhân, trong tác phẩm “Chơi Chữ” đã viết về “Lấy Kiều” như sau:

"... Về lối “Lấy Kiều”, ông Bảng Nông Sơn là một trong những tay cự phách. Ông vốn là người phóng khoáng, vì phóng khoáng nên hay thiếu tiền, có lần đi vay nợ Tây đen. Lệ vay phải có người ký bảo đảm, mình không trả được thì chủ nợ cứ người bảo đảm mà đòi.

Đến hạn, ông Bảng tất nhiên không trả được, mà rủi thay người bảo đảm cũng không xoay ra tiền, cho nên việc đã đến phải đến; Tây đen đệ đơn kiện, xin câu lưu ngay ông bảo đảm là người có tấc. Tòa cứ theo luật mà lên án: ông bảo đảm ngồi tù. Ông Bảng ân hận lắm,

nhưng biết sao bây giờ? Chỉ còn cách gửi vào đề lao mấy câu “Kiều Lầy” để an ủi:

Tù Nợ

*Tin tôi nên quá nghe lời,
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!
Phép công chiếu án luận vào,
Ăn làm sao nói làm sao bây giờ!
Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Tiếng oan dậy đất, án ngờ lòa mây...
Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
Khéo là mặt dạn mày dày khó coi...
Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
Còn thân ắt lại đền bồi có khi!*

Mấy câu này ông bảo đảm ngâm nga, chắc cũng lấy làm thú, nên dành ngồi trong bóng rợp ít lâu mà không nở trách bạn một lời: cho hay cái ma lực của văn chương!

Ông Bảng còn “Lầy” nhiều bài thật kỳ thú, tiếc rằng chúng tôi chỉ chép được vài câu.

Có lần, ông đi dự tiệc do một bạn cũ mời, bạn này mới đến trọng nhậm chức tổng đốc tỉnh Thanh nên tổ chức một bữa rượu mừng.

Bạn vốn chân cửu nhân, lúc thiếu thời có gia nhập một đảng cách mạng. Đi phiêu lưu bên Tàu một dạo, ông từng dịch ra quốc âm bài “Hồ Trường” lâm ly cảm khái do Nguyễn-quân, một khách giang hồ lạc phách làm ra.

Bài này mỗi khi có tửu hứng, nghệ sĩ Trương Đình Thi lấy dao bầu nhà á đào làm gươm, vừa múa vừa hét, bi tráng như kẻ sĩ nước Yên, nước Triệu khi xưa:

Hồ Trường

*Trượng phu đã không hay xé gan bẻ cật
phù cương thường,*

Sao lại tiêu dao bốn bể, luân lạc tha hương?

Trời Nam nghìn dặm thăm;

Mây nước một màu sương.

Học không thành, công chẳng lập,

Trai trẻ bao lâu mà đầu bạc;

Trăm năm thân thế bóng tà dương.

Vỗ gương mà hát, nghiêng bầu mà hỏi:

Trời đất mang mang, ai người tri kỷ?

Lại đây cùng ta cạn một hồ trường.

Hồ trường! Hồ trường! Ta biết rót về đâu?

Rót về Đông phương, nước biển Đông chảy

xiết, sinh cuồng loạn.

Rót về Tây phương,

Mưa Tây sơn từng trận chứa chan;

Rót về Bắc phương, ngọn Bắc phong vi vút.

Đá chạy cát giương;

Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt,

Có người quá chén như điên như cuồng.

Nào ai tỉnh, nào ai say?

Chí ta, ta biết, lòng ta, ta hay.

Nam nhi sự nghiệp ở hồ thi,

Hà tất thành sâu đối cô cây!

Sau ít năm phiêu bạc, ông về đầu thú, phần thầy là Sào Nam, tổ giác nhiều bạn trong số có Huỳnh Nghi (sau đổi là Hoàng Hưng, đổi nữa là Đặng Văn Phương tức Đặng Bình Thanh - người Cần Thơ, từng học tại Đồng Văn Thư Viện Đông Kinh, bị bắt và đày Côn Đảo mang số tù 193); do đó, ông cử nhân cách mạng được bổ làm quan, chẳng bao lâu lên đến chức tổng đốc.

Tiệc rượu họp toàn bạn cũ, thơ phú tất nhiên là nhiều, song lúc ra về, ai cũng chỉ còn nhớ mấy câu Kiều mà ông Bảng đã “Lấy”:

Kể từ lạc bước bước ra,

Một là đặc hiếu hai là đặc trung.

Giang hồ quen thói vẫy vùng,

Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?

Câu cuối cùng đã làm cho mặt chủ nhân đương hồng hào bỗng biến ra xám ngắt! Đối chọi sao cho lại được lối “Lấy Kiều” sắc bén của ông Bảng! Ấy thế mà có lần một cô đào đã “Lấy” được cho ông phải “ứ hơi”: ông Bảng bữa đó qua chơi tỉnh Nam, gặp cô đào nọ là trang thanh sắc. Nhân lúc cao hứng, ông nghĩ ý sẽ giúp cô một nghìn đồng làm vốn dọn nhà riêng, cho cô khỏi phải than thân là đương ở vào lúc “chân nâng”.

Sau khi ông trở về Hà thành, cô đào quả nhiên nhận được bưu phiếu, nhưng nhìn vào số tiền thì chỉ thấy ghi có 100\$! Bực mình, cô gửi trả lại ngân phiếu, kèm hai câu:

Nghìn tầm, chờ bóng từng quân,

Tiền trăm, lại cứ nguyên ngân phát hoàn!

Tổng đốc Hoàng Trọng Phu một buổi đi nghe hát với các quan, trong đó có ông Bảng. Một cô đào trẻ đẹp đến mời rượu Hoàng. Hoàng ghé môi hôn vào má cô. Một quan bắt cô phải hôn lại Hoàng. Cô đào then thùng không biết phải làm sao, thì ông Bảng nháy cô lại bảo nhỏ. Sau đó, cô quay lại Hoàng, hăm liền hai câu:

Chút chi gắn bó một hai

Nay Hoàng hôn đã, rồi mai hôn Hoàng.

Hoàng vỗ tay cười, quay lại nhìn ông Bảng nói:

- Được rồi! Đâu có đó!

Một buổi, ông Bảng xuống xóm, gặp một cô đào mới đi lấy chồng được mấy tháng nay lại trở về nhà hát, ông hỏi:

Bấy lâu khăng khít dải đồng,

Sâm thương chẳng vẹn chữ tòng tại ai?

Cô đào tần ngần một lúc rồi nghẹn ngào
ngâm:

*Cũng là lỡ một làm hai,
Cơ duyên âu cũng có trời ở trong.*

(Trích trong tác phẩm CHƠI CHỮ của
cụ LÃNG NHÂN, Nam Chi Tùng Thư
Saigon ấn hành 1970, phần Tập Kiều,
Vịnh Kiều, trang 93 – 97).

Trong tác phẩm khác của Lãng Nhân là
Giai Thoại Làng Nho. Bài nói về Trương
Hán Siêu. Trương Hán Siêu biểu tự là
Thăng Phủ, sinh vào đời nhà Trần, trải
qua bốn đời vua Anh Tôn, Minh Tôn,
Hiển Tôn và Dục Tôn. Người đã soạn
bài ký tháp Linh Tế nổi tiếng tới bây giờ.
Sau về trí sĩ tại núi Dục Thúy. Từ đó núi
Dục Thúy trở thành một danh sơn thắng
cảnh mà rất nhiều văn gia thi sĩ ghé
thăm và đề thơ lưu niệm. Bài viết của
Lãng Nhân viết là:

"... Về sau, Phó bảng Nông Sơn Nguyễn
Can Mộng trong một buổi du ngoạn, đã
đề một bài thơ đáng chú ý hơn nhiều bài
khác:

*Trải mấy tang thương đá chẳng già
Trơ trơ đứng giữa lớp đời ba.
Chỗ người đi đến cây cần lại
Khi nước lui rồi đá nẩy ra
Mấy độ phong sương chồi cúc lão
Nửa phần rêu bám chữ thơ nhòa
Tìm đâu cho thấy Trương Thăng Phủ
Văng vẳng bên trời tiếng hạc qua.*

Núi chẳng già vì là núi "Non Nước". Khi
nước lui rồi đá nẩy ra lập lại ý của Tô
Đông Pha trong bài Xích Bích: thủy lục
thạch xuất. Câu kết man mác giọng hoài
cổ" (hết trích).

Tôi mồ côi cha lúc 4 tuổi. Thân phụ tôi
từ trần ngày 27 tháng chạp năm Quý Ty,
đầu năm 1954. Mẹ tôi kể lại rằng, năm
đó càng gần Tết thì bệnh cha càng nặng
hơn, thuốc men sâm yển gì cũng chỉ dịu
đi chút ít rồi đau lại. Mẹ tôi chuyển qua
tin tưởng vào thiêng liêng nên đi cầu
cúng khắp nơi. Đã hiểu rằng không thể
kéo dài, nhưng cầu cúng chỉ mong sao
cho ra giêng ngày rộng tháng dài để bề
lo liệu. Khoảng 25 tết thì vào lễ đền
Thánh mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Dầy, Nam
Định. Khi ra xin quẻ xăm, nhờ người
đoán hộ. Ông Từ của đền xem xét rồi
quay lại hỏi, Bà hỏi về bệnh của ai đó
phải không? Mẹ tôi thưa vâng, Ông Từ
lắc đầu, không được rồi, bà phải về nhà
ngay. Xăm nói là "Thuyền gấp phải đi
ngay". Bà về nhà lo liệu công việc đi chứ
sợ không kịp.

Mẹ tôi vội vã về nhà ngày 26, thì 27 thầy
tôi mất. Mẹ về, Thầy còn tỉnh táo, gọi mẹ
tôi đến dặn dò khi tôi mất, tang ma làm
đơn giản, sau này giỗ chạp chỉ cúng
hương hoa, không cúng cỗ bàn.

Thầy tôi mất ngày 27, tháng đó lại là
tháng thiếu, không có ngày 30 nên ngày
ngày 29 là đưa đi an táng tại Nghĩa
Trang Voi Phục, Hà Nội. Mộ nằm cạnh
một nhà nho là bạn cũ ngày xưa. Khi
nghĩa trang này giải tỏa vào năm 1960,
thì gia đình đã di cư vào Nam, thật may
là con của người bạn đó đang là một bác
sĩ đã bốc cả hai ngôi mộ lên vùng đồi núi
Bất Bạt, huyện Yên Kỳ, tỉnh Sơn Tây.
Năm 1994, trước khi đi định cư ở Mỹ, tôi
đã ra Bắc, và lần đầu tiên được lễ trước
mộ cha:

MỀNH MÔNG TRỜI BẤT BẠT
*Bất Bạt ngừng ngay giấc ngủ ngày
Yên Kỳ ngàn mộ mở vòng tay*

*Đón tên phiêu bạc bao năm cũ
Mềm lòng quay lại cố hương đây.*

*Thấp nén nhang thơm ở giữa đời
Nghe lòng thương nhớ đã trùng khơi
Xa trong cõi khác người quay lại
Rộng lượng Ba Vì, mây trắng trôi.*

*Muốn khóc lên cho nhẹ ngậm ngùi
Xin quỳ để thấy xót xa nguôi
Ai xui chim Việt về Nam nhi
Bốn chục năm trường nhận lẽ đời.*

*Nắng mới triều dương trời đã tối.
Chồi chưa đủ lá đã phong ba
Lưu thân đi những phương xa lạ
Tiếp mạch thư hương, giữ nếp nhà.*

*Muôn dặm thiết tha hồn lữ thứ
Nồng nàn hương sắc Thủy tiên xưa
Trước mộ tâm dâng lời khẩn nguyện*

Nổi dòng, xin nổi lại dòng thơ.

*Sơn Tây, Sơn Tây mưa lê thê
Đời sao hứa được lúc ta về
Gói cả núi đồi vào ký ức
Ta nhớ, và Sơn Tây nhớ nghe.*

Lời di huấn để lại là con cháu đặt tên theo thứ tự chữ lót Minh, Hồng, Tài, Bình, Cơ, nghĩa là con của Nguyễn Minh là Nguyễn Hồng, con của Nguyễn Hồng là Nguyễn Tài, con của Nguyễn Tài là... Nay người con trai út Nguyễn Minh... đã ở tuổi gần 70, đã có con có cháu nội ngoại. Ghi lại những ký ức của gia đình như một ký dấu cho con cháu đời sau, mà lòng hoài niệm vẫn mang mang: "Văng vẳng bên trời tiếng hạc qua".

Nguyễn Minh Nữ

Bèo giạt

**Bập bênh giữa mênh mông
Ngửa mặt ngắm tinh không
Nước đông đưa bèo giạt
Thành thơ nghe gió hát.**

Mây trôi

**Khi nắng thắm hồng lên
Khi chờ mưa không đến
Gió sẽ tiễn mây trôi
Mây ngàn sau tiếp nối.**

Ý Anh

NỬA ĐỜI CÔ ĐƠN

** Trâm Cà Mau **

Bạn bè xếp ông Tam vào loại 'sinh vật hiếm quý, vì đã sáu mươi tuổi, sống một mình, có công việc bền vững chắc, sở hữu một căn nhà hai phòng ngủ trong một khu chung cư lầu liên kế. Dáng ông cao gầy, không đẹp trai, cũng chẳng xấu, cái miệng hơi móm, lông mày thành hai vệt đen rậm nối nhau, ánh mắt nhìn xoáy sâu vào người đối diện. Ông là một con mồi ngon cho các bà sồn sồn săn bắt chiêu dụ. Các bà này hoặc ly dị chồng, hoặc gầy gánh nửa đường, cũng có nhiều bà chưa lập gia đình bao giờ, vì thời con gái đã treo khá cao cái giá ngọc nên quá lứa. Ông sống một mình, không có nghĩa là chưa có vợ bao giờ. Bà vợ bỏ ông từ gần hai mươi năm trước, khi chân ướt chân ráo mới đến Mỹ định cư. Lúc ấy tương lai mịt mù, ai cũng lo lắng, chưa biết có thể làm được gì để sinh sống, tồn tại.

Ngay lúc đó, bà tình cờ gặp lại người tình đầu thuở học trò. Dường như tình đầu nào cũng thiêng liêng và cứ ray rứt con tim cả một đời còn lại. Những kỷ niệm lãng mạn của thời sinh hoạt trong ban văn nghệ học đường sống dậy, và cuốn hút hai người vào cơn lốc tình yêu nóng bỏng. Họ đắm lên dư luận, vượt trên lý trí. Bà bỏ chồng, tên đó xa vợ, đuổi theo tiếng gọi của tình yêu.

Ông Tam mất vợ, xa con, đau xé lòng. Nhưng khi bình tâm nghĩ lại, ông cũng mơ hồ mừng cho vợ con có nơi nương tựa tương đối vững chắc hơn khi dựa vào một kẻ bông lông mới đến đất lạ như

ông. Ông tự bảo, không được gục ngã, phải mạnh mẽ đứng trên đôi chân, dù chân gầy óng sậy ốm đói, để làm lại cuộc đời có nhiều ý nghĩa hơn. Trong tù cộng sản bao năm còn chưa chết, chưa tắt hy vọng, hưởng chi bây giờ được sống trên một đất nước tự do phồn thịnh. Dù nghe không hiểu, nói không ra hơi, như kẻ câm điếc, nhưng cứ vững tin, dù cho là tin hão.

Ông vừa lao động lây lát kiếm sống qua ngày, vừa ghi danh học đại học cộng đồng, vay nợ trường. Sau đó, phụ các công việc vặt vãnh trong đại học, được trả lương giờ. Thấm thoát mấy năm đại học qua mau, ông tốt nghiệp Cử nhân Tài chính. Ông thăm cảm ơn tên tình cũ của vợ, đã cuốn bà đi, nên ông nhẹ gánh và có nhiều thì giờ để theo đuổi nghề nghiệp cho tương lai.

Sau khi làm việc cho vài cơ sở tư nhân một thời gian ngắn, công việc bấp bênh tùy thuộc vào vận mệnh của chủ hãng. Có người khuyên ông thi vào làm việc cho các cơ quan chính phủ để tìm một chỗ dựa lâu dài và vững chắc hơn. Trong tương lai xa, sau này khi về hưu, sẽ hưởng được nhiều quyền lợi đặc biệt. Ông nghe theo, tham dự đến năm bảy chục các kỳ thi tuyển của thành phố, tiểu bang, liên bang. Người bạn bảo, cứ bền chí, thi mãi, thì cũng có ngày trúng tuyển. Càng thi càng có nhiều kinh nghiệm, các bài thi có nhiều câu hỏi tương tự nhau. Do đó, thi đậu hạng cao, nhiều nơi kêu đi phỏng vấn và được

nhiều cơ quan chấp nhận tuyển dụng. Ông chọn việc làm công chức cho một thành phố, lương bổng khá cao và nhiều phúc lợi.

Trong thời gian đi học, ông cũng quen vài ba người bạn gái sinh viên đồng hương trong trường. Ban đầu, tình cảm nhẹ nhàng, mắt liếc môi cười, gặp nhau qua các bữa ăn trưa ngồi chung bàn trong câu lạc bộ, các giờ giải lao giữa những môn học, trao đổi học liệu, bài vở. Nhưng khi họ biết ông bị vợ bỏ, còn có con, các cô cũng từ từ xa lánh và lạnh nhạt. Ông không buồn, chẳng tự ái vật, vì tình cảm đôi bên cũng chỉ mới sơ khai. Vả lại, nói theo lối Mỹ, ông 'đã có sữa uống tội chi phải mua bò'. Bởi vì bà người Mỹ gốc Mễ mập như con hà mã, ở cạnh nhà trọ, thường chèo kéo ông vào nhà, rồi xô vô phòng bắt ông phục vụ tận tình. Sau mỗi lần vui vầy mát mẻ, bà ríu rít mời mọc, cho ăn các món Mễ mà ông nuốt không xuống, dù khi đó rất đói và mệt phờ. Cứ đều đều mỗi tuần phục vụ hai, ba lần, không hơn không kém. Cũng nhờ vậy nên cái lò lửa tình dục trong lòng dịu xuống và thờ ơ với đàn bà con gái. Bạn ông bảo rằng, khi người ta ăn cơm hẩm đã no nê rồi, thì dù có nem công chả phượng, cũng chẳng muốn mó vào.

Trong sở cũng có nhiều cô, bà, thấy ông hiền lành tử tế, muốn kết thân và toan tính bắt ông nộp mạng, nhưng dễ chi bắt được. Vì thời nào ông cũng có sữa miễn phí khỏi phải mua bò cái. Với đồng nghiệp, ông hết sức lịch sự, ân cần, mềm mỏng để xây dựng tình thân, không mất lòng ai.

Bị vợ bỏ một lần, ông như con chim sợ cành cây cong, không dám dấn thân vào con đường tình có nhiều rắc rối lôi thôi.

Bà vợ cũ đã đặt điều bêu xấu ông với đứa con gái, có lẽ để biện minh cho việc mù quáng chạy theo tiếng gọi ái tình của bà. Nên nó e ngại tránh né ông. Lòng ông đau xót. Nhưng càng lớn, nó càng hiểu biết và khảng khái với bố hơn. Đó cũng là niềm an ủi cho ông trong những khi đời gặp trắc trở. Ông đã giúp đứa con tiền học phí đại học, cho xe, mua bảo hiểm, cho đến khi nó tốt nghiệp, có nghề vững chắc.

Gia đình bà vợ cũ cũng suy tạn rã trong những năm kinh tế xuống dốc thảm hại, khi người chồng thất nghiệp nhiều lần, triền miên. Bà đã nhắn tin muốn quay về lại với ông, nhưng lòng ông đã nguội lạnh từ lâu. Ông không muốn mang tiếng phá cái tổ uyên ương mơ mộng của hai người đã yêu nhau với mối tình đầu từ thời niên thiếu. Vả lại trong lòng ông cũng có chút ích kỷ nhỏ nhen, không muốn gánh vác thêm trách nhiệm nuôi nấng hai đứa con riêng của bà. Giá như trong lòng ông còn chút tình yêu dành cho bà, may ra còn nhắm mắt hy sinh. Bây giờ ông đang thông dong, thanh nhàn khỏe khoắn. Quay lại với bà vợ cũ là một đại họa.

Ông Tam không hề oán hận bà vợ, ông biết những mối tình đầu thường không thành, nhưng vô cùng sâu đậm ray rứt. Tình học trò, khi chưa có nghề nghiệp, chưa trưởng thành, có lấy được nhau cũng không thể cạp đất để nuôi sống tình yêu.

Có lần, ông Tam tham dự buổi lễ kỷ niệm thành hôn của cặp vợ chồng bạn cũ, ông đến trước, đã ngồi vào bàn. Người vợ cũ của ông, cùng chồng đến sau, phải ngồi vào hai ghế trống còn lại trước mặt ông. Ba người gượng gạo chào nhau. Ông Tam cố gắng làm bộ tự nhiên, ít nói, vì không biết phải nói gì. Chồng bà vợ cũ là ông Viên, nói nhiều như để khỏa lấp cái không khí thiếu tự nhiên trong bàn tiệc.

Sau bữa ăn, ông Viên, chồng của bà vợ cũ, kéo ông Tam ra hành lang. Ông Viên tâm sự:

“Tôi, một thằng tôi bại, tệ hại, bội bạc, bất nghĩa, bỏ vợ, bỏ con, cướp giật vợ người, phá hạnh phúc êm ấm của gia đình người khác. Anh biết đó, tình yêu thường mù quáng, u mê, xúi dục con người hành động bất kể hậu quả. Tình yêu khi chưa thỏa nguyện tưởng được sống bên nhau sẽ đẹp như hạnh phúc ở cõi thiên đường. Khi sống chung mới vỡ mộng, sáng mắt ra, hết mù quáng. Có lúc còn đau khổ ray rứt hơn cả khi lần đầu mất nhau. Làm việc bất nhân bất nghĩa một lần quá đủ. Tôi ân hận, nhưng bây giờ biết làm gì hơn?”

Ông Tam đặt nhẹ tay lên vai ông Viên, từ tốn nói:

“Anh cũng tốt mới nói ra được những lời chân thành đó. Tôi mừng cho bà ấy có anh. Con người có thể tốt nhưng không bắt buộc thanh sạch như thần thánh, có thể xấu, nhưng không xấu như quỷ sứ đã đủ chấp nhận được trong cái lẽ tương đối của cuộc đời. Có thể tôi không bằng anh, anh xứng đáng với bà ấy hơn tôi. Biết đâu tôi đã mang ơn anh, nhờ gia

đình đổ bể, nên tôi có được cuộc sống yên bình thanh thản gần hai chục năm qua.”

Ông Viên nói nho nhỏ: “Cám ơn tấm lòng đại độ của anh. Đã hiểu cho tôi và bà ấy.”

Ông Tam cười: “Mọi chuyện đã qua rồi, không ai có lỗi, hoặc đúng sai gì cả. Xin anh tận tình chăm sóc cho bà ấy.”

Hai ông trở lại phòng khách. Cả nhà và bạn bè đang hướng về cái máy truyền hình nghe hát ‘Karaoke’. Những người có giọng hát hay, tranh nhau cầm ống vi âm hát những bản tình ca lãng mạn. Đến lượt ông Viên và vợ, song ca bản nhạc “Tình Khúc Cho Em” của Lê Uyên Phương. Hai người tình tứ kẻ vai. Tiếng ca tha thiết đan quyện vào nhau:

“... Cho em môi hôn vội vàng/ Cho em quen ân tình sâu/ Dù em không mong dài lâu/ Xin cất lấy ước mơ đầu/ Cho tôi yêu em nồng nàn/ Cho tôi yêu em nồng nàn/ Dù tháng năm buồn vui bàng hoàng...”

Ông Tam nhìn cử chỉ, ánh mắt, lời ca của người vợ cũ và anh chồng, rồi chợt hiểu hơn, họ cần có nhau trong cuộc đời này, họ xứng đáng được sống bên nhau để cùng đốt ấm lửa tình yêu, hòa nhịp đập của đôi tim. Thiếu nhau, thương nhớ tiếc nuối sẽ ray rứt mãi cho đến khi nằm dưới huyệt mộ e cũng chưa yên. Lòng ông Tam bỗng thanh thản hơn, và chợt thương cho hoàn cảnh của họ. Ông cũng có mối tình đầu, yêu thâm vu vợ, thể nhưng mỗi khi nghe bản nhạc xưa cũ, lòng vẫn còn xao xuyến.

Ông Tam nhìn vào góc phòng, nơi một người đàn bà gầy gò dài ngoẵng như nhánh cây khô, cái miệng nhọn chu ra như mỏ con chim vẹt, đôi mắt buồn rười, không phấn son trang điểm, y phục giản dị đơn sơ. Bà ngồi một mình, im lặng, toát ra nỗi cô đơn sâu thẳm. Lòng ông thoáng chút thương cảm, cầm ly rượu đến ngồi ghé bên cạnh bà gọi chuyện làm quen. Ông thì thầm:

“Những đêm vui như thế này không còn nhiều trong đời, sao hát chỉ toàn nhạc buồn, ý nhạc tiếc nuối đau thương, khóc lóc than van, lỡ làng, tan vỡ. Cô có nghĩ nếu hát nhạc hùng tráng, tích cực, thì dễ yêu đời hơn không?”

Người đàn bà tròn đôi mắt nhìn ông Tam như ngạc nhiên lắm, bà cười, nụ cười có răng cở nhấp nhô lỏn nhỏn, nói: “Không, tiếc kỷ niệm thành hôn, chứ đâu phải hạp bạn đốt lửa trại mà hát nhạc hùng tráng?”

Ông Tam đưa ly rượu mời, bà nốc một hơi cạn đáy làm ông ngạc nhiên.

Khi mọi người dắt nhau ra sàn, đưa nhau nhún nhảy múa trong tiếng nhạc xập xình. Ông Tam đưa tay ra mời, người đàn bà như thoáng ngạc nhiên, nhưng vội đứng lên theo ông Tam ra sàn. Nhạc đầu bò, ông Tam có cảm tưởng đang diu một bộ xương khô theo tiếng nhạc. Nhưng kỳ lạ, bà này khiêu vũ rất nhuần nhuyễn điệu nghệ. Bà nhảy tới, bước lui, dậm chân, tung tăng như một con chim sáo.

Bản nhạc chấm dứt, ông Tam đưa người đàn bà về lại chỗ ngồi, ông định lên ra về, không chào ai, vì sợ những người khác bắt chước về theo. Người

đàn bà ngồi trong góc phòng dỗi mắt nhìn theo ông, ánh mắt như van lơn, khẩn cầu, níu kéo, làm ông đổi ý quay lại, ngồi nói chuyện. Ông nói nho nhỏ, giọng ảm trầm:

“Không sống thì thôi, sống phải làm cho ngày tháng vui tươi hạnh phúc. Không tội chi rầu rĩ muộn phiền cho uổng phí thời gian.”

Người đàn bà chỉ thờ dài. Im lặng cúi đầu. Ông Tam quay trở lại vì thấy bà này cô đơn, tội nghiệp. Nhưng thái độ im lặng của bà làm ông chán nản, vì nghĩ không thể giúp được gì hơn. Ông dợm đứng dậy ra về, bỗng bản nhạc kế tiếp nổi lên, bà đưa tay ra cho ông nắm để dẫn ra sàn nhảy. Ông không từ chối được, thôi, đã làm ơn, làm cho trót. Nhạc chậm dịu dàng như ru, bà vòng tay qua vai ông, áp má vào ngực, như hai kẻ tình nhân thân thiết lâu ngày. Ông dìu bà đi trong tiếng nhạc dịu dàng mơ huyền. Một lúc sau, ông cảm được những giọt nước mắt ấm của bà thấm trên ngực áo. Ông thương cảm, tội nghiệp, nhưng ông cũng còn đủ sáng suốt để nhớ lời khuyên của ai đó, rằng không nên kết thân với người có nhiều vấn đề hơn mình, nếu không thể làm gì hơn để giúp họ. Dính vào, đời thêm rắc rối, khó gỡ.

Trở lại bàn, ông làm như đi lấy thêm nước, rồi lên qua cửa sau, lảng lảng ra về, không chào ai. Cũng không dám nhìn lại người đàn bà, vì sợ ánh mắt van lơn cầu khẩn giữ chân ông lại. Trên đường về, lòng ông ngổn ngang, vui vì thoát khỏi mối liên hệ có điềm không lành, nhưng ray rứt vì thấy nhẫn tâm, như đang làm điều thiếu tử tế.

Chỉ mấy hôm sau, ông Tam giật mình khi nhận được vi thư của người đàn bà này, xưng tên Long. Làm sao bà biết được địa chỉ vi thư của ông nhỉ. Dù cho sắc nước hương trời, cũng chưa có thể làm mềm lòng ông, huống chi bà này mang cái nhan sắc của nhành củi khô. Ông phớt lờ, không trả lời. Hai hôm sau, ông nhận được thêm vài cái điện thư hỏi thăm sức khỏe và chúc an lành. Ông hơi bực mình, nhưng không thể bất lịch sự hơn, đành viết hai chữ ‘cám ơn’ trả lời.

Mười ngày sau, khi ông Tam vào quán phở một mình, chưa kịp gọi món ăn, thấy bà Long xuất hiện, bà cúi chào lịch sự, và hỏi xin cho ngồi chung bàn được hay không. Ông Tam mời bà cứ tự nhiên. Hai người cùng ăn phở. Bà nói chuyện rành rẽ về phở, cách nấu, các loại phở, phở trong văn chương từ Nguyễn Tuân qua Vũ Bằng và các tác giả khác. Ông Tam chỉ ảm ờ. Bà Long nói liên miên, không lặng lẽ như hôm nào.

Bà nói đã từng nằm bệnh viện tâm thần hai năm tại Thụy Sĩ, sau khi được vớt trên biển Đông. Chiếc thuyền chở gần hai trăm mạng vượt biển, bị mắc cạn trên đảo san hô vùng Hoàng Sa. Chỉ còn ba người sống sót. Được ngư dân Phi Luật Tân cứu. Bà không nhớ rõ thời gian thuyền mắc cạn là mấy tháng. Đói, khát, và người sống ăn thịt người chết để cầm hơi. Nhưng không có ai giết ai để ăn thịt. Bà không biết tại sao bà còn sống sót, và chẳng nhớ có ăn thịt người chết hay không, có lẽ không. Ông anh, cô em gái, và toàn gia đình người di đều bị ăn thịt sau khi đã chết. Bà được cứu sống, nhưng bị khủng hoảng tinh thần, chột

vui, chột buồn, mất ngủ, nghe tiếng nói vắng vắng trong tai, xúi dục làm chuyện này chuyện kia. Bà phải cố gắng để cưỡng lại những xúi dục bậy bạ. Uống thuốc trị bệnh thần kinh, làm trí óc ngày ngật, lơ mơ, như say sòng, tay chân bà cứng ngắt, đi đứng cà giật như người máy. Sau hai năm điều trị, bà được xuất viện, và qua Pháp chăm sóc cho một bà bác già bệnh. Khi người bác này mất, bà Long được bảo lãnh qua Mỹ. Bà có đi làm, nhưng cứ bị mất việc mãi. Bà mặc cảm, không muốn giao thiệp với ai, và cũng ít ai muốn gần gũi. Bà cô đơn, thỉnh thoảng bệnh tâm thần tái phát.

Bà nói: “Không hiểu sao khi gặp anh, tôi linh cảm như gặp được vị cứu tinh, và cuộc đời sẽ đi qua một ngã rẽ yên bình”.

Nghe nói vậy, ông Tam giật mình tái mặt. Ông định bảo, ông chẳng thể giúp được gì cho bà, nhưng tội nghiệp, không dám nói thẳng ra.

Có lẽ bà Long thấy dáng điệu bối rối của ông Tam, nên trấn an: “Anh yên tâm, đừng lo. Tôi chỉ xin được làm bạn, thuần khiết trong tình bạn, chỉ những khi có điều nan giải, sẽ xin ý kiến mà thôi.”

Ông Tam cười: “Tôi vụng tính, ý kiến thường sai bét, bậy bạ, ai nghe theo e sớm mang họa, xin đừng tin vào cái linh cảm”.

Bà Long nhìn sâu vào mắt ông Tam, nói giọng tha thiết: “Dù ý kiến đúng hay sai, sáng suốt hay không, cũng xin anh nhận lời giúp, để tôi có một nơi làm điểm tựa, một niềm tin, niềm tin của một người diên tuyệt vọng. Không ai nâng đỡ tinh thần, sẽ chới với giữa hư không và đi vào miền hoang tưởng mênh mông.”

Ông Tam bối rối, lẽ nào thẳng thừng từ chối lời yêu cầu tha thiết của một người trong cơn hoạn nạn. Dẫn cho bà này định lợi dụng tình bạn, để toan tính bắc cầu chuyển qua một thứ tình khác, cũng chẳng dễ chi lung lạc được lòng ông.

Sau bữa ăn, bà giành trả tiền, ông Tam chịu thua.

Khi ông Tam bị tai nạn gãy chân, phải ngồi xe lăn, bà Long thường lui tới chăm sóc, đi chợ, nấu nướng, dọn dẹp nhà cửa giúp. Ông Tam đề nghị trả tiền công, bà Long giận, nói lòng tử tế, chỉ có thể trả lại bằng lòng tử tế thôi, không thể trả bằng tiền. Ông Tam không muốn phiền bà, cũng không ưa mang ơn ai, ông thuê người đến phụ giúp việc nhà trả công theo giờ. Bà Long buồn và thôi lui tới thăm viếng. Tận trong thâm tâm, ông Tam mừng, dù bà Long chưa gây phiền, chưa quấy nhiễu làm khó ông.

Bằng một thời gian không liên lạc với bà Long, ông được tin bà đang nằm trong bệnh viện tâm thần vì bệnh cũ tái phát. Ngày chủ nhật, ông Tam đem thức ăn Việt Nam vào thăm bà Long trong bệnh viện. Bà ngồi trơ như pho tượng đất, mặt không còn sinh khí, đôi mắt nhìn ra xa xôi. Bà không nhớ ông Tam là ai. Lâu lâu bà lẩm bẩm trong miệng như đang nói chuyện với kẻ vô hình. Ông ngồi với bà Long hàng giờ trong phòng tiếp khách. Không nói năng gì nhiều, vì tâm trí bà như để đâu đó xa vời.

Mỗi tuần ông Tam đi thăm bà Long hai lần, đem quà cáp, thức ăn, ngồi trong phòng khách nói chuyện. Nhờ thuốc công hiệu, bà tỉnh táo dần dần, bớt bị ảo giác và ngủ được.

Khi bà đã khá tỉnh táo, ông Tam đem cho bà một cái máy nhỏ, nghe lời đọc kinh và giảng đạo pháp. Nghe để thẩm ý, giải tỏa bớt sân si. Mong bà dứt bỏ đau khổ, ưu phiền, quên gánh nặng quá khứ. Bà Long ôm cái máy nghe giảng kinh, nghe ngày nghe đêm, chìm trong tiếng kinh tiếng lời giảng. Bệnh thuyên giảm lần lần và sáu tháng sau, được về nhà.

Ông Tam xin một người bạn thân tuyển bà Long, cho làm việc trong một quán tạp hóa. Công việc bận rộn từ sáng tới chiều, sắp xếp hàng hóa lên kệ, tiếp khách, thu tiền, kiểm kê hàng hóa, kiểm soát từng đơn vị, đặt hàng, kết toán thu chi. Lu bù công việc, không một phút nghỉ ngơi. Mỗi tuần làm việc bảy ngày, mỗi ngày mười giờ. Tất bật, tay chân hoạt động, trí óc tính toán mua hàng, bán hàng. Không còn phút giây nào để buồn, để nhớ những bất hạnh cũ. Mỗi khi về đến nhà, bà Long lăn ra ngủ say. Đó cũng như một phương cách trị liệu cho một loại bệnh thần kinh.

Ba năm làm việc trong tiệm tạp hóa, được tiếp xúc và học cách chịu đựng khách hàng, bà Long biết ăn nói dịu dàng khôn ngoan, và đôi khi còn nói chuyện hài hước. Bà trở thành lịch duyệt dễ thương, làm mềm trái tim ông Nadim, người quản lý gốc Ai Cập. Dù biết bà Long có quá khứ mang bệnh lý tâm thần, sau lần hoạn nạn trên đường đi tìm tự do, ông cũng cứ xin được lồng chiếc nhẫn cưới vào ngón tay bà.

Đám cưới của ông Nadim và bà Long được tổ chức đơn giản trong vòng bạn bè thân mật. Năm sau, hai ông bà mua lại tiệm tạp hóa, nhờ ông Tam ký tên chung trong hồ sơ vay nợ ngân hàng.

Bà Long và ông Nadim xin được kết nghĩa anh em với ông Tam. Họ qua lại, giúp đỡ an ủi nhau.

Sau khi ông Tam về hưu, có người mách bảo ông mua căn nhà trong khu “hỗ trợ chăm sóc người già” Những nơi này có đủ các tiện nghi và sinh hoạt phụ giúp người lớn tuổi trong đời sống hàng ngày. Phòng thể dục đầy đủ dụng cụ, bồn hồ tắm, hai cái tắm nước nóng, hai cái nước xịt đấm bóp. Có cả thư viện, các phòng sinh hoạt, phòng chơi bài, rạp chiếu bóng, nhà bếp chung, quán ăn cung cấp ba bữa mỗi ngày. Có xe buýt, chỗ đi đây đó, đến những nơi cần như bác sĩ, bệnh viện, ra biển dạo chơi.

Mấy tòa cao ốc có những căn nhà vách liền nhau chạy theo hình chữ U quay ra hai phía trong một khu đất rộng ven biển. Gió mát trong lành. Một hôm ông Tam và người đàn bà hàng xóm sát vách nhau cùng mở cửa một lúc. Bà tròn mắt nhìn ông Tam với dáng điệu ngạc nhiên sững sốt. Bà vui mừng reo lên: “Anh Tam phải không?” Ông Tam ngạc nhiên: “Thưa phải, xin lỗi chị là ai?” Bà nắm lấy hai tay ông Tam rồi nhảy cẫng: “Anh vẫn muôn đời vô tình! Em là con Bé Xíu ngày xưa, mấy mươi năm trước ở sát vách nhà anh đây. Hồi đó, em vẫn thường hay nhìn trộm anh qua khe ván mỗi ngày lúc anh chăm chú học bài ban đêm. Khi ấy, anh đã lớn, đầu thềm nhìn đến em. Anh không nhớ em cũng phải.”

Bà mời ông Tam vào nhà ngồi nói chuyện. Khi biết ông Tam đang sống một mình, bà ríu rít kể cho ông nghe quãng đời đã qua. Hồi đó, nhà bà sát vách với nhà bố mẹ ông Tam. Ông đã lớn, đang thi tú tài. Bà mới bảy tám tuổi,

đã biết yêu, người yêu của bà khi đó chính là ông Tam. Đêm nào bà cũng nhìn trộm ông qua khe hở của vách ván chung. Bà nghĩ rằng, ông cũng yêu lại bà, và sau này lớn lên, hai người sẽ thành chồng vợ. Khi ông Tam lập gia đình, bà đã đau buồn và phát bệnh, ngưng cả năm, không học hành chi được, tháng nào cũng đội sổ, và bị ông bố cho ăn roi đòn lần dọc lần ngang. Tuổi trẻ mau quên, nhưng mỗi khi nhớ đến, thì trái tim cứ đau nhói, buồn bã cả ngày. Năm 1975 bố đi tù và chết tận miền núi rừng Bắc Việt. Bà không được vào đại học, để kiếm sống, phải lăn ra chợ trời buôn bán đủ thứ, mà chính quyền mới gọi là “hàng lậu” như áo quần cũ, giày dép, thuốc tây, đồ điện. Đa số khách hàng là người miền Bắc vào Nam vơ vét. Nhiều khi bị công an tịch thu hàng hóa trắng tay. Bà cũng từng bị bắt đi tù, nhốt vô ‘trại phục hồi nhân phẩm’ vì tội buôn đi bán lại hàng hóa, giam chung với các chị buôn hương bán phấn, và các bà bị tình nghi vượt biên. Khi ra tù, bà được anh trai của người bạn học cũ cho một chỗ trên con thuyền vượt biên. Bà lên thuyền kịp, còn anh này bị lạc, không bắt được thuyền lớn. Về sau anh đi chuyến khác, bị bão tố dập vùi giữa biển sâu. Bà đến Mỹ, vừa đi học, vừa đi làm lao động, kiếm tiền gửi về nuôi mẹ, nuôi em. Vì ham học ham làm, nên lơ là chuyện duyên tình. Sau đó, lo bảo lãnh cho mẹ, và đàn em qua đất mới tìm tự do. Rồi phải phụ giúp các em học chữ, học nghề, không còn thì giờ để sống riêng cho bản thân. Vả lại, thấy nhiều bạn bè đau khổ vì gia đình, tình duyên, còn phải tất bật phục dịch chồng con, nên ở một mình cho khỏe thân. Không

có tình yêu chân thật, thì tội chi mà vương bận vào vòng tục lụy.

Bà Bé Xíu xích thật sát vào ông Tam trên ghé bành, nắm tay ông, nhìn thật sâu vào mắt ông, và nói rất tự nhiên:

“Bây giờ em bắt được anh rồi. Trời xui anh đến đây nạp mạng cho em. Anh không chạy thoát được đâu. Tình yêu của em từ mấy mươi năm nay vẫn còn nguyên vẹn trong trái tim này. Em phải chủ động, táo bạo như thế này để không vượt mắt anh lần nữa. Ngày xưa yêu lắm, nhưng mỗi lần thấy anh thì xấu hổ chạy trốn. Bây giờ khôn ra rồi, nói thẳng ra, chỉ có được hoặc huê mà thôi. Anh nhớ nhé, thời gian sống của chúng ta cũng chẳng còn nhiều. Tại sao không kết hợp đem lại hạnh phúc cho nhau lúc tuổi già.”

Ông Tam hoàn toàn không nhớ chút gì về con Bé Xíu ngày xưa, nhưng nghe nói mỗi tình cảm bà đã ôm ấp từ hơn

nửa thế kỷ, trái tim già cũng có chút cảm động. Ông ngần ngại hỏi: “Hạnh phúc cuối đời, có thể có không? Làm sao có được?”

Bà Bé Xíu vui vẻ mạnh dạn nói: “Em sẽ là một người bạn, một người tình, và hơn cả một người vợ. Không đòi hỏi trách nhiệm bốn phận nào, chẳng biết mè nheo, không gây rắc rối. Em biết bằng lòng, biết trân quý giá trị của những điều nhỏ nhặt hàng ngày đang có. Anh sẽ tìm được yên bình, hạnh phúc ngọt ngào. Chỉ có tình yêu chân thật mới làm được những chuyện này.”

Ông Tam ngồi xích sát hơn vào bà Bé Xíu, vòng tay qua lưng ôm eo bà thì thầm: “Nếu được thế, thì em là tiên nữ trời sai xuống độ anh lúc cuối đời”.

Tràm Cà Mau 2022

Bánh Bèo Yêu Thương

*Cuối tuần nàng đổ bánh bèo
Dẻo dai bột gạo nhà nghèo bao quanh
Thơm lừng tốp mỡ lá hành
Tròn vo nho nhỏ chén sành xinh xinh
Tôm hồng áp má cạnh mình
Cay sè mắm ớt đậm tình quê hương
Nhớ xưa ở quán bên đường
Ninh Hòa quê ngoại
vẫn vương một thời*

*Nắm tay nhau mãi không rời
Ta cùng đi hết cuộc đời bên nhau
Chân trời góc biển nơi đâu
Tình ta nồng ấm một màu sắc son
Bánh bèo kết nối duyên tròn
Anh ăn kẻ nguội mát ngon ấy mà
Hương thơm chua ngọt đậm đà
Nhìn nhau ta thấy cả nhà thương yêu!*

Y THY VÕ PHÚ 01.28.23

THƯ BÀ MẸ GỬI CÔ CON GÁI

Con yêu dấu, mẹ không còn trẻ nữa.
Hãy kiên tâm, và ráng hiểu, nghe con.
Những gì mẹ đang bút rút, trở trăn.
Con cũng thấy, khi mẹ, con nói chuyện
Nhiều khi mẹ nhắc hoài một sự kiện
Cả ngàn lần, thì cố gắng đừng kêu
“Mẹ đã lập lại điều đó hơi nhiều!”
Con có nhớ, lúc con yêu còn nhỏ
Đã bao lần mẹ ngồi bên giường ngủ
Đọc trăm lần những chuyện cổ con
nghe
Để con an giấc trong cõi mộng mơ?
Khi mẹ ngại không muốn vô phòng tắm
Con hãy nhớ, và xin con đừng giận.
Ngày xa xưa con lần trốn ra sao
Mỗi lần mẹ chạy quanh gọi con vào
Để tắm rửa, con lẽ nào quên được?
Mỗi khi mẹ lúng túng vì kỹ thuật
(Thời buổi này thăng tiến rất là nhanh)
Xin con đừng nhìn mẹ mà mặt nhăn
Cho mẹ có đủ thời gian học hỏi.
Ngày xưa mẹ kiên nhẫn dạy con nói,
Dạy con ăn, con mặc, chải tóc tai,
Dạy cho con quen cuộc sống thường
ngày.
Như con thấy, bây giờ đây, tuổi tác
Da mẹ nhăn, và tóc mẹ đã bạc,
Mẹ không còn trẻ như lúc thanh xuân.

Mẹ mong con hiểu mẹ được đôi phần.
Mẹ già rồi, rất cần con kiên nhẫn.
Có nhiều khi đầu óc mẹ lú lẫn
Mẹ xin con đừng bất mãn, mĩa mai,
Và cũng đừng quá nóng nảy, chua cay.
Con hãy biết chỉ điều này quan trọng:
Là mẹ muốn luôn có con bên cạnh.
Với tuổi già, và sức nặng thời gian
Đôi chân mẹ không còn thể bước
nhanh,
Tay con đỡ mẹ nương mình, con nhé.
Như ngày nào lúc con hãy còn bé
Tay mẹ dìu con khỏi té, tập đi.
Một ngày kia mình sẽ phải biệt ly.
Đừng buồn bã, mẹ trở về cát bụi,
Chỉ cần con bên mẹ giây phút cuối
Trong thương yêu và bằng nỗi cảm
thông.
Mẹ trân quý và luôn cảm ơn con
Về niềm vui và thời gian chia sẻ.
Với nụ cười, và vòng tay rộng mở,
Lòng yêu thương của người mẹ, con
ơi,
Mẹ muốn nói với con một đôi lời
Mẹ yêu con trọn cuộc đời, con à!

CHÂM TÁ NHÂN (phóng tác)

01/22/2013

LETTER FROM A MOTHER TO A DAUGHTER

"My dear girl, the day you see I'm getting old, I ask you to please be patient, but most of all, try to understand what I'm going through.

If when we talk, I repeat the same thing a thousand times, don't interrupt to say: "You said the same thing a minute ago"... Just listen, please. Try to remember the times when you were little and I would read the same story night after night until you would fall asleep.

When I don't want to take a bath, don't be mad and don't embarrass me. Remember when I had to run after you making excuses and trying to get you to take a shower when you were just a girl?

When you see how ignorant I am when it comes to new technology, give me the time to learn and don't look at me that way... remember, honey, I patiently taught you how to do many things like eating appropriately, getting dressed, combing your hair and dealing with life's issues every day... the day you see I'm

getting old, I ask you to please be patient, but most of all, try to understand what I'm going through.

If I occasionally lose track of what we're talking about, give me the time to remember, and if I can't, don't be nervous, impatient or arrogant. Just know in your heart that the most important thing for me is to be with you.

And when my old, tired legs don't let me move as quickly as before, give me your hand the same way that I offered mine to you when you first walked.

When those days come, don't feel sad... just be with me, and understand me while I get to the end of my life with love.

I'll cherish and thank you for the gift of time and joy we shared. With a big smile and the huge love I've always had for you, I just want to say, I love you... my darling daughter."

(Bài từ internet, không có tên tác giả)



Từ Một Vùng Ký Ưc
MÙA XUÂN NĂM ẤY
** Ý Nguyễn **

Đón Xuân này lại nhớ Xuân xưa...!!!

... Chiều 30 Tết, tôi phụ mẹ và mợ Khôi nấu nướng thức ăn để cúng rước Ông Bà. Những món ăn thuần túy của người Bắc mà mẹ tôi thường nấu lúc xưa vào những ngày Tết bao giờ cũng có món cá thu kho với chân giò và dưa chua; một nồi thịt kho tàu, vài đĩa thịt đông, giò chả, nem chua và hai cặp bánh chưng xanh vuông vắn cùng hoa trái mà từ hồi di cư vào miền Nam mẹ đã theo phong tục người Nam là phải có đủ năm thứ trái cây (ngũ quả) như thơm (dứa), mãng cầu (na), dưa, đu đủ, xoài, trông trang nghiêm và đẹp mắt. Trước Tết mẹ nén một vại dưa hành thực lớn để dành, ăn hết tháng Giêng vẫn còn.

Ngày trước lúc còn ở nhà với mẹ, mỗi chiều 30 Tết, tôi thường giúp mẹ dọn dẹp nhà cửa, lau chùi lu đồng, bát nhang, sắp xếp hoa trái lên bàn thờ và đợi tới giao thừa cúng vái Tổ Tiên xong đưa mẹ đi lễ Lăng Ông, xin lộc đầu năm. Sau khi tôi lập gia đình, mẹ cũng ít đi lễ đêm mà thường đợi vợ chồng tôi lên chúc Tết đầu năm rồi sau đó đưa cụ đi lễ Lăng Ông và nhiều ngôi chùa khác. Bây giờ mẹ tôi tuổi đã cao nên cụ chỉ nấu xôi chè, một mâm cơm chay để cúng các cụ, và một mâm ngũ quả để trưng bày trên bàn thờ Phật ba ngày Tết.

Thấp ba nén hương thơm cắm vào bình nhang trên bàn thờ Gia Tiên, tôi

lâm râm khấn nguyện... Nhìn những bức hình bán thân của bố tôi, ông anh cả, cô Tâm và cậu Út trên bàn thờ như đang mỉm cười cùng tôi, như muốn nhắn nhủ với tôi điều gì... Tôi khấn vái: *“Ba ơi, vậy là đã bao nhiêu năm qua rồi, con vẫn không thể về sống gần bên Mẹ hay đưa Mẹ sang ở với chúng con để sớm hôm chăm sóc Mẹ lúc tuổi già bóng xế. Để thấp cho Ba, cho anh em của con một nén hương thơm trong những ngày giỗ kỵ. Con thực là đứa con bất hiếu! Ba ơi, Ba hãy phù hộ cho Mẹ, cho mẹ con cháu An, Thi và cho gia đình chị Mai sớm được đoàn tụ với vợ chồng con ở Hoa Kỳ, Ba nhé.”*

Ba tôi mất đã gần 30 năm, lúc thành con trai của tôi mới vừa hai tuổi, bây giờ cháu đã có con vào đại học. Mẹ tôi vẫn ở trong căn nhà này cho đến ngày cụ qui Phật năm 2008. Cũng may là hồi đó mẹ tôi cố tìm vợ cho cậu Út nên lúc này mặc dù cậu đã qua đời nhưng có cô con dâu và hai đứa cháu nội cận kề hủ hỉ và chăm sóc cho cụ đỡ đơn côi. Mẹ tôi không được may mắn như người ta nên có ba cậu con trai đều đã bỏ cụ ra đi mà tôi và bà chị cả thì lại ở xa cụ hàng nửa vòng trái đất. Vợ chồng tôi đã hoàn tất giấy tờ bảo lãnh cho cụ nhưng vì thương cô con dâu và hai đứa cháu nội nên mẹ tôi không muốn đi Mỹ, cho dù chúng tôi

đã khuyển nhủ hết lời. Tôi đang có mặt tại căn nhà đã ghi lại không biết bao nhiêu kỷ niệm thân thương của gia đình. Khúc phim dĩ vãng như đang lần lượt hiện ra trong tôi như thật, như mơ. Mất tôi mờ đi không biết có phải vì khói nhang hay vì cảm xúc dâng trào...

Tôi hồi hộp chờ đón giờ phút thiêng liêng của đêm giao thừa, tiễn đưa năm cũ, đón mừng năm mới. Nhìn quanh trong xóm, nhà nào cũng đều bày hoa quả, đèn nhang, xôi chè, bánh mứt để chờ cúng giao thừa. Những tràng pháo dài thông lòng hằng thước đã được treo sẵn ở trước hiên nhà. Ngoài đường lộ, thưa thớt vài chiếc xe gắn máy phóng nhanh về nhà cho kịp giờ đón giao thừa. Một sự yên tĩnh lạ lùng bao trùm khắp nơi nơi. Tôi cảm thấy rộn rã trong lòng đến khó tả khi hồi tưởng lại những năm thanh bình trước kia người dân miền Nam được sống trong cảnh an vui, hạnh phúc để đón Tết tưng bừng như thế nào! Nhưng bây giờ thì hơi ôi: “cảnh cũ người xưa luống đoạn trường!” Còn nữa tiếng đồng hồ nữa tới 12 giờ đêm. Pháo bắt đầu nổ rền vang khắp mọi nơi. Lắm lúc tiếng pháo nổ quá lớn làm tôi nhớ lại vụ Tết Mậu Thân năm 1968.

Những mùa Xuân xa xưa, người dân đốt pháo mừng đón chúa Xuân thực rộn ràng. Đêm nay, lần đầu sau cuộc chiến, thành phố Saigon lại được chìm trong tiếng pháo. Nhưng sao tự nhiên tôi cảm thấy nơm nớp lo sợ vì hoạ hoạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đã lâu dân chúng Saigon không được phép đốt pháo

(1975-1993), năm nay được dịp đốt pháo nên họ đốt thả dàn để cố tận hưởng giây phút này, có lẽ vì sợ rằng những năm kế tiếp chẳng biết có còn được tự do đốt pháo như vậy nữa không? Pháo nổ vang trời. Mùi thuốc pháo nồng nặc như mùi thuốc súng lọt vào nhà qua các khe hở của vách gỗ, làm tôi sặc sụa, ngọt ngọt khó chịu. Tôi phải lấy khăn tay nhúng nước lạnh để che phủ lấy mặt. Nhức đầu vì những tiếng pháo chát chúa nổ liên tục, tôi bịt chặt cả hai tai và đứng sát ngay trước chiếc quạt máy để bàn, mong hít thở được ít nhiều không khí sạch, không quện mùi khói pháo.

Đúng nửa khuya, khi đồng hồ trên tường vừa buông 12 tiếng... chuông Chùa đầu đó ngân vang, nhà Thờ chuông đổ liên hồi như hoà nhịp cùng dân gian đón mừng Năm Mới. Nhà nhà thấp nhang khấn vái dưới mái hiên. Pháo lại nổ rền hơn nữa, tưởng chừng như chẳng bao giờ ngừng. Báo chí ngoại quốc chỉ trích Việt Nam than nghèo mà tiền pháo tiêu cho Tết năm này lên tới hàng tỉ bạc? Sự thực là vậy, nếu bạn được chứng kiến cảnh pháo đốt ở Saigon năm Ất Dậu này (1993), bạn cũng sẽ công nhận điều đó quả không sai. Tiếng pháo vẫn cứ ròn rã liên tục nổ tới 3, 4 giờ sáng.

Ngày Tết có khác, các cửa tiệm đều đóng cửa. Đường phố thưa người, ngoại trừ thiên hạ ăn diện đi lễ nhà thờ, lễ chùa xin xăm, hái lộc hay đi chúc Tết họ hàng. Đây là dịp để mấy xe taxi, xe

ôm, xe xích lô đạp kiếm tiền trong 3 ngày Tết; những người ăn mày ăn xin nhận được tiền bố thí khá hơn ngày thường tại các cổng chùa, cổng miếu hay cổng nhà thờ. Một cảnh thanh bình đang diễn ra ngoài sức tưởng tượng của tôi. Tôi đang thực sự đón nhận một mùa Xuân yên vui nơi quê hương... Ngày Xuân với nắng ấm của miền Nam mà tôi đã từng được nuôi dưỡng trong chuỗi ngày thơ ấu giờ như trở lại khiến tôi cảm thấy lâng lâng khó tả. Tôi nhắm mắt lại để tận hưởng giây phút thiêng liêng này, vì biết rằng mình sẽ mất nó trong nay mai.



Sáng ngày mùng một Tết, pháo vẫn nổ tung bùng như để đón mừng Xuân mới. Tại nhà mẹ tôi, các cháu, chắt, đến chúc tuổi bà ngoại, bà cố đầy đủ không thiếu một ai. Cháu Khánh (con trai bà chị cả hiện đang ở Mỹ với gia đình tôi) xông đất bằng một bánh pháo dài, nổ ròn rã trước khi mọi người bước vào nhà. Hôm nay nhà mẹ tôi chật ních con cháu. Vợ chồng cháu Khiêm cùng ba ái nữ mỹ miều, Thúy Lãm, Thúy Lan và Thúy Lê, ba thằng cháu trai là Đức, Hồ và Độ thêm ba cô cháu gái Huyền, Hảo và Hạnh. Chỉ thiếu thằng cháu Hoàng đang ở trong trại tị nạn Mã Lai chờ chúng tôi bảo lãnh vào nước Mỹ. Các cháu con bà chị tôi,

đưa nào trông cũng khôi ngô, tuấn tú, khỏe mạnh, cao lớn, bảnh trai, đẹp gái và vẫn sống độc thân để chờ được đi đoàn tụ với bố mẹ và bà cô (bà di). Mẹ tôi mừng lắm! Hôm nay, nhìn cụ thực vui và hân hoan trong bộ áo dài lụa màu nâu nhạt điểm những cánh hoa mai trang nhã. Cụ vấn tóc trần, chân đi đôi hài cườm nhung, mà tôi nghĩ đã lâu lắm rồi kể từ khi bố tôi qua đời hơn hai chục năm qua, bây giờ mẹ mới có dịp xỏ chân vào. Vòng vàng xuyên vàng cùng chuỗi ngọc trai bóng mượt đeo trên cổ và đôi bông tai trạm ngọc màu xanh biếc, một sợi giây chuyền vàng có mặt tượng Phật cẩm thạch mà mẹ cất kỹ từ lâu, hôm nay đem ra đeo vào người hết. Tôi thấy mẹ trông sang trọng hẳn lên. Với nước da trắng hồng, hàm răng đen nhánh hạt na, cười nói vui vẻ, chúc mừng con cháu vây quanh như thể hiện nét khỏe mạnh thanh lịch của một lão bà dù cụ đã ở gần tuổi tám mươi. Ngắm dáng dấp mẹ, tự nhiên lòng tôi bùng lên một niềm vui khôn tả. Tôi thầm khấn nguyện Phật Trời để mẹ sống lâu dài bên con cháu, để tôi được về thăm viếng mẹ thường xuyên hơn. Các cháu tỏ vẻ vui mừng và thích thú vì có cô từ Mỹ về ăn Tết! Thực hạnh phúc thấy các cháu tề tựu tại nhà mẹ tôi trong ngày đầu Xuân như vậy.

Lúc xưa, vào những ngày đầu năm như thế mẹ tôi thường làm cỗ bàn linh đình để cúng ông bà tổ tiên và con cháu có dịp đoàn tụ ăn uống vui chơi từ trưa tới chiều tối. Hôm nay, mẹ lớn tuổi, sức khỏe cũng kém đi nhiều nên việc ăn

uống tại nhà không thể thực hiện được cho nên các cháu đem theo bánh chưng, dưa ghém cùng giò chả v.v... để mọi người cùng chung vui với nhau trong buổi họp mặt ngày đầu Xuân. Lúc này, cháu Khiêm đại diện cho anh chị tôi ở bên Mỹ mừng tuổi bà ngoại và bà cô ở Mỹ về. Và đây cũng là dịp để tôi có cơ hội trút niềm tâm sự, những tâm tình gói ghém bấy lâu nay được tỏ bày với mẹ hiền cùng các cháu. Tôi thao thao bất tuyệt nói liên hồi như sợ không còn dịp nào để biểu lộ lòng thương quý của mình đối với mẹ. Quay sang các cháu tôi lì xì mỗi người một phong bì đỏ theo tục lệ xưa nay của người mình. Hạnh phúc đang trong tầm tay, tôi không dám nghĩ tới những điều gì khác hơn là tận hưởng những giây phút yên vui thanh thản này bên mẹ già và bên các cháu.

Thế rồi ngày vui cũng qua mau...

Ngày 12 Tết, tôi lên đường trở lại Mỹ trong một sáng Xuân còn ngập đầy xác pháo. Lòng nôn nao với buồn vui lẫn lộn. Ngày về tôi háo hức bao nhiêu, ngày lên đường trở lại Mỹ, tâm tư lại bồn chồn bấy nhiêu.

Hôm đó, mẹ tôi và các cháu đều có mặt tại phi trường Tân Sơn Nhất để tiễn chân tôi. Mẹ khóc sụt sùi như lúc đón tôi, làm tôi mũi lòng rơi lệ. Một tháng trời qua đi quá nhanh, ngày nào tôi hồi hộp thấy lại quê hương mà hôm nay lại sắp phải xa lià mảnh đất thân yêu một lần nữa. Tôi về mẹ mừng, mẹ vui. Hôm nay tôi đi mẹ lại nuôi hy vọng, mong đợi ngày về của tôi... Mẹ ôm tôi

nước nở, dặn dò khuyên nhủ đủ điều như không muốn rời tôi ra trong vòng tay gầy guộc, run rẩy của người.

*"...Những bàn tay vẫy những bàn tay
...Những đôi mắt ướt nhìn đôi mắt
...Buồn ở đâu hơn ở chốn này ..."*

(Bóng Người Trên Sân Ga – Thơ: Nguyễn Bính)

Bóng dáng mẹ hiền thân yêu khuất dần, khuất dần trong lớp người bịn rịn, tiễn đưa. Tôi lùi thủi theo sau đoàn du khách bước lên cầu thang ra sân bay. Tâm trạng bấn khoăn. Lúc đi tôi mang theo tất cả những mong ước, để rồi trở về trong sự ước mong.

Ôi! những cuộc chia xa sao muôn-đời-vẫn-thế ...

*** (Sau này anh chị tôi vào quốc tịch Mỹ đã bảo lãnh được tất cả các con các cháu đoàn tụ với anh chị và chúng tôi tại thành phố Albuquerque, New Mexico. Vào cuối năm 2008 mẹ tôi qua đời ở Việt Nam. Chị tôi ra đi đầu năm 2010, cháu Khánh mất ngày mừng 8 Tết, năm 2012 và ông anh rể mất vào tháng 7 năm 2014. Trong 8 năm liên tiếp tôi đã mất*

đi bốn người thân!)



Ỡ Nguyễn

Maryland, Xuân
Quý Mão 2023

...Nhớ lại mùa
Xuân Ất Dậu 1993
(Trích đoạn "Từ
Một Vùng Ký Ức")

THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Để tưởng nhớ người bạn đời Robert A. Senser 44 năm của tôi)

♥ Nguyễn Thị Ngọc Dung ♥

(Dịch từ những lá thư 50 năm cũ. Tiếp theo Cỏ Thơm số 98)

Washington, January 1, 1971

My dear,

Ước mong của anh hôm nay là năm 1971 sẽ là một năm vui nhiều, nhiều hơn năm 1970. Anh đã làm năm 1970 thành một năm buồn cho em, và anh sẽ cố gắng không làm như vậy nữa.

Chung quanh anh có rất nhiều thứ làm anh nhớ về em. Bộ áo ngủ màu rượu chát anh đang mặc. Cái kẹp cà-vạt, cặp khuy tay áo mà mọi người khen đẹp. Những vật thủ công nghệ Việt Nam trên các bàn. Và nhiều nữa.

Một người bạn chế giễu rằng anh sẽ phải mau trở lại Sài Gòn.

Em nhớ không, trong tháng Bảy anh đã quay một đoạn phim với em tại Chùa Thủ Đức? Anh chưa bao giờ hoàn thành cả cuộn phim cho đến hôm nay. Anh nao nức được coi hình em.

Anh trông chờ được gặp em. Nhưng đừng lo, anh sẽ không gây rắc rối cho em. Tuy nhiên anh muốn gặp em gái và em rể của em.

Gần đây anh đi thăm hai người em gái của anh. Cả hai đều nói anh trông vẫn còn điển trai. Vậy em có thể không xấu hổ bị nhìn là một ông già.

Ba mẹ anh cũng vừa viết cho anh một lá thư. Ông bà khuyên anh nên cưới vợ. Anh cũng vừa viết cho ba mẹ anh – Đừng lo – Con không cưới vợ vì cô đơn. Con sẽ cưới một phụ nữ con yêu rất nhiều và người đó cũng yêu con rất nhiều vậy.

Gia đình em có cố vấn gì về cuộc đời em không? Em yêu, anh không biết năm 1971 sẽ đem đến cho em và anh những gì. Anh biết anh vẫn còn muốn gọi em là *my dear* trong thư và trong đối thoại với em. Anh biết anh sẽ sớm gặp em, và anh hy vọng em cũng muốn gặp anh. Anh biết anh không bao giờ quên em được. Hai chúng ta đều rất tình cảm. Gần đây em viết cho anh và nói rằng em khóc khi đọc một lá thư của anh. (Một người quen em có mặt lúc đó cũng nói lại với bạn anh.) Anh cũng đang ứa nước mắt, Dung yêu của anh ơi! Anh rất tiếc không tiếp tục học tiếng Việt. Vì nó làm anh rất buồn.

Trước đây, anh muốn viết thường cho em, nhưng không biết em có muốn vậy không? Ngày mai người đưa thư sẽ làm việc (hôm nay là ngày nghỉ). Anh hy vọng ông ta sẽ đem đến cho anh một lá thư của em. Hãy luôn viết cho anh. Anh nhớ em. Lá thư của em đẹp lắm. Nhưng hôm nay không có thư em. Một cuối tuần cô đơn... Chúc em ngủ ngon. Yêu em.

Bob.



Washington, January 3, 1971

My Dear,

Em nhớ không, những viên gỗ trầm hương nhỏ có lần em cho anh? Anh đang đốt vài viên để có mùi thơm trong căn chung cư của anh.

Mặc dù trời bên ngoài lạnh, mặt trời rất chói chang, anh sẽ đi ra ngoài dạo bộ. Nhưng trước khi ra ngoài anh muốn nói với em một điều.

Gần đây em viết rằng em nghĩ nhiều tới anh. Anh cũng nghĩ nhiều tới em. Anh nghĩ về một điều anh không muốn nói với em bây giờ. Anh định sẽ chờ đến khi anh gặp em. Nhưng anh không thể giấu em điều gì lâu.

Anh phải nói với em. Em yêu của anh, anh vẫn muốn có em là vợ. Anh thương em rất nhiều. Anh cảm thấy trống vắng vì anh ở quá xa em. Bất cứ lúc nào anh bước tới hộp thư, tim anh cũng đập nhanh như là anh sẽ có thư của em, và khi anh nhìn thấy thư em, tim anh còn đập nhanh hơn.

Tim anh và trí óc anh đang rất sáng suốt – Anh sẽ hạnh phúc sống bên em mãi mãi. Em nghĩ thế nào?

Để anh nói với em vài điều nữa. Anh có thể trở lại Sài Gòn làm việc. Chưa chắc chắn lắm. Anh sẽ được biết trong một hay hai tháng nữa. Anh có thể tới thăm Sài Gòn vào tháng hai hay tháng ba, nếu em muốn gặp anh.

Em yêu, điều quan trọng là cảm giác của em với anh như thế nào, không từ đầu óc của em mà từ trái tim em. Dung ơi, anh rất dễ dàng biết cảm giác của em thế nào khi anh gặp em. Và em cũng sẽ biết. Chúng ta hiểu nhau rất nhiều. Như vậy, chúng ta không thể dối nhau được.

Em giống anh. Khi em yêu ai, em muốn sống với người đó, nếu không, em rất cô đơn. Nếu anh biết em yêu anh, anh không thể sống xa em lâu được nữa.

Có thể anh hỏi em quá sớm. Có thể anh hãy đợi tới khi gặp em. Nhưng khi

đọc lá thư em gần đây, anh nghĩ có lẽ không quá sớm để hỏi.

Khi yêu chúng ta ghen. Nếu em yêu anh, em sẽ không muốn anh có bạn gái. Anh cũng vậy, không muốn em có bạn trai. Anh chỉ nghĩ tới dĩ vãng hạnh phúc và hạnh phúc của dĩ vãng. Nó chứng tỏ chúng ta yêu nhau thật nhiều. Anh tự trách cho sự cô đơn của chúng ta. Anh học hỏi nhiều ở đó.

Yêu em.

Bob



Washington, January, 3, 1971

My dear,

Trong phòng anh có hai hay ba cái ngăn kéo đầy giấy tờ. Thỉnh thoảng anh muốn dọn chúng. Nhưng đã từ lâu anh không làm. Em biết tại sao anh không làm không? Bởi vì trong đó có nhiều thư và hình ảnh của em. Anh không có can đảm nhìn. Anh sợ rằng anh sẽ lại đau khổ.

Nhưng hôm nay anh quyết định sắp xếp lại vài cái ngăn kéo. Tất nhiên là anh đã nhìn thấy những thư cũ em viết cho anh khi anh về Chicago 1968.

Xin em hãy đừng yêu cầu anh bỏ lỗi cho em vì em đã ác với anh. Khi anh đọc những thư ngọt ngào đó của em, anh mới hiểu ra rằng anh ác với em đến thế nào. Năm trước anh đau khổ, bây giờ anh đau khổ hơn, bởi vì anh đã làm em đau khổ. Tình yêu của em cho anh thật sâu đậm và vĩ đại. Lời thư của em thật là đẹp – thư tình em viết có thể được đăng như một áng văn. Anh đã quên những lá thư đó. Khi anh khỏe hơn anh sẽ đọc lại hết. Anh có thể dùng

những lá thư đó trong một cuốn tiểu thuyết và lấy được nhiều tiền. (Anh sẽ tặng em một ít, đừng lo).

Và rồi, những tấm hình của em! Anh chỉ có thể nhìn vài cái nhưng không dám nhìn hết.

Vậy, em yêu, anh mới là kẻ đáng bị trừng phạt. Và Phật đã trừng phạt anh. Em rất quý giá với anh mà anh đã chậm chạp có em như vợ anh. Em tha lỗi cho anh. Anh đã rất ngu.

Dung ơi, anh sẽ viết ngay cho em một lá thư vui hơn. Hôm nay anh buồn quá vì anh mới hiểu ra rằng, dù hôm qua anh viết cho em và hỏi em làm vợ anh, em rất đúng từ chối anh – tim anh đã quá cứng đần và trí óc anh đã quá ngu. Em hỏi anh đừng ghét em. Ghét em ư? Dung ơi, anh không trách em nếu em ghét anh và không bao giờ viết cho anh nữa. Em thường nói, em thích anh vì anh không kiêu ngạo. Nhưng anh đã quá kiêu ngạo và ích kỷ.

Darling, em nói em xấu hổ khi gặp các bạn anh vì những gì em quyết định về anh. Em không có lý do gì phải xấu hổ. Anh nên xấu hổ về những điều anh làm. Dung ơi, anh xấu hổ. Anh không ghét em. Anh ghét chính anh.

Anh muốn viết một cuốn sách về em, nhưng nó làm anh đau đớn quá. Bây giờ anh bình tĩnh, nhưng anh buồn cách khác vì anh hiểu sự thật.

Vậy nếu em vẫn còn yêu người nào khác, em đừng cảm thấy tội lỗi. Không, anh không xứng đáng hưởng điều gì vì lỗi lầm của anh. Lỗi lầm của anh là đã lãng quên tình yêu của em quá lâu. Anh đã làm em và anh đau khổ. Nhưng em không phải chịu sự đau khổ.

Anh xin lỗi cho lá thư buồn này. Nhưng anh muốn nói với em rõ ràng rằng bất cứ em quyết định về anh thế nào, em cũng đều có lý. Nếu em vẫn còn yêu anh, anh biết chúng ta sẽ có một đời sống yêu thương với nhau. Nhưng nếu em quyết định không muốn có anh nữa, em cũng không nên cảm thấy tội lỗi. Anh không đáng được hưởng tình yêu của người nào như em. Anh đã có tình yêu đó và anh...

Anh buồn vì anh nhận ra rằng em không có lý do để yêu anh. Chúc em ngủ ngon. Anh yêu em, Dung.

Bob



Washington, January 4, 1971

My dear,

Khi em nói anh viết cho em luôn, em không chờ đợi anh sẽ làm vậy mỗi ngày phải không? Em không chờ đợi anh nói những gì trong mấy lá thư cuối của anh. Anh xin lỗi nếu thư của anh làm em phật lòng. Anh mong là không. Anh nhớ rằng khi em làm việc ở Hãng RMK Tân Sơn Nhất, người bạn trai cũ của em viết cho em lá thư tình, em bình thần lúc đó. Những lá thư đó không xáo trộn em. Anh nghĩ em cũng bình thần bây giờ, và em sẽ cười lớn khi em đọc lời thư của anh.

Dung ơi, hôm qua anh buồn lắm. Và anh đã viết cho em một lá thư buồn. Hãy tha lỗi cho anh, nhưng anh nói gì đều đúng nghĩa anh muốn nói – là em không phải chịu sự trừng phạt, mà anh phải chịu.

Anh phải giấu đi những lá thư cũ của em. Chúng làm cho anh rất giận chính

anh. Ngay bây giờ thư của em vẫn rất quý giá đối với anh. Anh vừa đọc lại hai thư cuối cùng em viết. Không có thư nào của em hôm nay hay thứ bảy, nhưng anh nhớ ra rằng anh đã không viết cho em thường xuyên cho tới tuần trước. Bây giờ anh ước gì anh đã gửi em một điện tín.

Hai ngày trước anh viết và hỏi em làm vợ anh. Anh tự hỏi, em nghĩ gì về điều đó. Có thể em muốn nói chuyện với anh lại trước khi em quyết định. Có lẽ anh nên chờ đợi để hỏi lại em câu đó.

Em biết tại sao anh dám hỏi em không? Tại vì em nói rằng, nếu anh đi làm ở một xứ nào gần Việt Nam, em có thể đi thăm anh. Năm trước anh hỏi em đi Tokyo, em từ chối.

Em nói em tin rằng nếu anh sống ở Việt Nam anh có thể giúp em. Đúng vậy.

Anh yêu em và nhớ em.

Bob.



Washington, January 6, 1971

My dear,

Anh vẫn không chắc (không có thư của em gần đây), nhưng anh biết phản ứng của em với cái thư anh viết từ Christmas. Em sẽ có cảm xúc buồn vì em không muốn có ý ác với anh. Trong tháng 12, em cô đơn nên viết cho anh vài lá thư an ủi (cũng có thể em nhớ về tháng 12, 1969). Anh cũng cô đơn, và anh rất vui với những lời thư thân tình của em mà anh tưởng em có thể đổi ý kết hôn với anh. Nhưng anh cũng lo ngại làm em có cảm tưởng tội lỗi. Không, đừng có cảm tưởng như vậy.

Dung, anh mong rằng em hạnh phúc. Đôi khi anh rất ích kỷ. Anh nghĩ rằng chỉ có anh sẽ làm cho em hạnh phúc. Tất nhiên điều đó không đúng.

Khi có thể, em hãy viết cho người bạn cũ, (your old monkey). Anh nói giỡn. Anh nhớ em.

Dung, em không nói gì về sức khỏe của em. Em có khỏe không? Em ngủ được không?

Anh bị cảm lạnh, nó làm anh nhức đầu – đó là điều bất thường đối với anh. Anh ước gì có *movie* về khu nhà em. Khi nào anh trở lại, anh sẽ chụp *movie* khu xóm đó.

Love,

Bob



Ngày 3 Tháng Một, 1971,

Bob thân yêu,

Đây là lá thư đầu tiên của năm 1971 em viết cho anh. Chúng ta đã có một tuổi già hơn. Cảm giác anh thế nào? Bob, em chúc anh vui.

Hôm qua em nhận được hai lá thư của anh làm em cảm thấy ấm áp. Bởi vì anh nói anh vẫn yêu em. Em không biết em còn yêu anh hay không. Nhưng anh đến Sài Gòn em sẽ gặp anh.

Em ở nhà tối qua Thứ sáu, cả ngày Thứ bảy và hôm nay Chủ nhật. Bây giờ là 9 giờ sáng. Trời lạnh Sài Gòn buổi tối và buổi sáng. Em không mặc *dress* đi làm từ hơn tuần nay. Em phải sửa các áo dài em không mặc từ 2, 3 năm rồi. Chúng hơi dài với thời trang ngắn bây giờ. Nhưng em mới may một áo dài, mới mặc New Year's Eve. Em đi một cái tiệc của Không Quân trong Tân Sơn

Nhất với mấy cô bạn hàng xóm mà anh cũng biết. Chẳng ai là *boy friend - girl friend* của em cả. Nhạc và khiêu vũ ồn ào làm em vui được một lúc.

11 tháng 1, 1971

Em chưa gửi thư trên, và hôm nay viết tiếp. Hôm kia em nhận được 3 lá thư của anh. Bob ơi, em không thể viết cho anh nhiều và luôn luôn như anh viết cho em. Em không biết em còn yêu anh hay không. Em không biết em có còn muốn làm vợ anh hay không. Em khác trước nhiều rồi. Nếu anh tới Sài Gòn như là cuộc thăm viếng ngắn thì em chỉ gặp anh như một người bạn ở đâu đó thôi. Nếu anh muốn gặp các con của em, em sẽ đưa chúng tới gặp anh. Em không muốn anh tới nhà thăm em như trước nữa. Em không có bồ bịch gì cả. Nhưng vẫn có những phiền hà cho em lắm nếu anh chỉ là bạn trai của em. Em đã giải thích vài lần với anh rồi.

Nếu anh trở lại làm việc tại Sài Gòn, em sẽ muốn gặp anh. Có thể em sẽ yêu anh trở lại và anh vẫn muốn cưới em. Nhưng em không thể trả lời chắc chắn bây giờ được. Rồi em lại thay đổi, em không muốn làm anh đau khổ một lần nữa. Vậy anh muốn trở lại Sài Gòn là tùy ý anh. Chúng ta phải gặp nhau lại đã rồi mới biết tình cảm của nhau thế nào.

Em bây giờ không là người vợ tốt nữa đâu, mọi việc em phó mặc cho chị giúp việc làm hết. Em lười nấu ăn, lười dọn dẹp nhà cửa, lười cả viết thư cho anh, chỉ thích đi *party*, nhẩy nhót thôi. Trước Tết này em sẽ có một *party* ở nhà. Đây là *party* thứ nhất kể từ sau sinh nhật của em từ tháng 7 năm trước.

Em sẽ mời bạn và bạn của bạn thôi, không bồ bịch gì cả.

Em sẽ không viết cho anh luôn đâu. Xin anh đừng chờ thư em mỗi ngày, tội nghiệp anh của em. Tuy nhiên em vẫn muốn anh viết cho em. Thư anh vẫn làm em vui. Cảm ơn anh.

Dung.



Washington, January 18, 1971

My dear,

Thư cuối cùng anh viết cho em vào ngày 10 tháng 1 hay 12 ngày trước. Sau mỗi ngày viết cho em và chờ đợi thư em, hôm nay một thư đã tới.

Anh mừng là em vui với khiêu vũ. Anh cũng khiêu vũ một chút. Một phụ nữ anh quen, mời anh đi một cái *formal dance* tối thứ bảy. Anh nhận lời. Đây là lần đầu tiên anh mặc *formal suit*. Anh thuê một bộ màu đen với shirt màu xanh có *ruffles* và *bow tie* nhưng. Anh ước gì em nhìn thấy anh. Anh trông có vẻ khá điển trai. Người phụ nữ mà anh đi với, bằng tuổi em, nói cô hãnh diện vì anh. Cô ta đi chơi với vài người đàn ông khác. Anh và cô ta không yêu nhau, nhưng vì lý do nào đó cô ta mời anh đi buổi khiêu vũ này.

Dung ơi, anh cười khi em viết em lo sớm già và xấu. Đôi khi anh cũng cảm thấy thế. Anh nghĩ rằng nếu em không mập, em sẽ xinh đẹp lâu. Em cũng phải giữ nụ cười của em hoài, bởi vì nó giữ em đẹp. Anh thấy những người kiêu căng và ích kỷ thường có khuôn mặt cứng ngắc và trông già hơn tuổi.

Anh quên gửi cho em vài tấm hình Jerry chụp cho em (bằng *slide* mà ông ta đã gửi cho anh – em có muốn không?).

Anh mừng nhận được thư em. Em đúng. Đôi khi tìm anh điên. Anh cảm thấy buồn và nghĩ nhiều về dĩ vãng. Nếu anh có mặt ở Sài Gòn trong Christmas, chúng ta đã gặp nhau. Nhưng em phải làm những gì em có hạnh phúc. Anh đồng ý với em. Về tương lai – em và anh phải quyết định sau. Có thể chúng ta sẽ yêu nhau lại, có thể không. Nhưng chúng ta sẽ coi nhau như bạn.

Có lần anh nói với em, *apartment* của anh không xa sỡ. Anh trở lại đó và viết cho em tối nay. Anh mong rằng thư này sẽ đến em trước Tết. Hôm trước, anh thấy cái thiệp Tết em gửi cho anh năm ngoái, em chúc anh hạnh phúc, sống lâu và có nhiều con cháu. Anh đã gửi quà Tết cho các con em qua Jerry. Anh mong rằng chúng sẽ nhận được trước Tết.

Tối nay anh nhức đầu, không viết thư dài cho em được.

Anh mừng rằng em thành thật với anh. Dung ơi, chúc em ngủ ngon. Anh thường ngủ ngon những ngày anh đi bộ nhiều. Thường xuyên anh từ sỡ ra ngoài ăn trưa. Tối nay anh làm chicken soup. Anh vẫn thích nấu ăn.

Love.

Bob



**Washington, Saturday night,
January 20, 1971**

My dear Dung,

Anh đã gửi vài món quà Tết cho các con em. Anh lo, giống như quà

Christmas cuối cùng anh ở Việt Nam, không tới kịp ngày. Anh mong các con em không ganh tị nhau. Dù em yêu anh hay không, anh luôn luôn muốn là bạn của các con em. Vậy hãy cho anh biết chúng ra sao. Dù anh không bao giờ trở lại Sài Gòn, anh vẫn muốn giúp chúng về cuộc sống và sự học.

Không hiểu sao hôm nay anh nghĩ tới em thật nhiều. Ngày mai anh sẽ viết một chút về địa chỉ nhà của em. Anh nhớ nhiều về nó và anh đã ở đó một năm trước khi trở về Mỹ.

Em biết không, anh nhớ em thật nhiều. Em nghĩ về ngôi chùa ở gần nhà em, nơi mà anh vẫn chờ em. Anh mong rằng Phật không giận anh.

Có thể anh sẽ sớm làm việc ở Vientiane. Anh được hỏi nếu anh muốn đi làm ở đó. Anh nói "yes". Có một chức vụ ở Vientiane. Họ cần nhanh một người. Nếu anh đến đó, anh sẽ ngừng lại Sài Gòn một hay hai ngày và anh sẽ điện thoại cho em. Có thể em sẽ vui lòng đi thăm anh.

Love. - - Bob.



Washington, February 8, 1971

My dear,

Em mạnh khỏe không? Anh mong rằng em đã có một cái Tết thật vui.

Hôm nay anh ăn trưa với Ô. Trần Quốc Bửu và Ô. Tôn Thất Nghiêm. Họ đi thăm nhiều quốc gia. Chuyện về thời gian cũ được nói đến nhiều. TQB muốn anh trở lại Sài Gòn. Anh nói, có thể. Sự trùng hợp là anh không có việc ở Vientiane.

Anh rất bận với cuộc tiếp đón Ô. TQB, nhưng anh không phiền hà. Anh vui đã gặp ông ta. Anh vẫn còn nhớ nhiều tiếng Pháp và nói với TQB. Ông ta biết về em. Ông ta hỏi anh vẫn nhận được thư của em không? Anh nói thỉnh thoảng, không thường xuyên.

Hãy cho anh biết về cuộc sống của em. Của anh vẫn không có gì thay đổi. Có thể anh sẽ được chỉ định đi làm ở Sài Gòn trong tháng 5. Anh đồng ý với em. Anh sẽ không nên đi chỉ vì em. Nếu chúng ta còn mến thương nhau, điều đó tốt. Nếu không anh vẫn vui với công việc và với các bạn cũ, bạn mới của anh. Em đừng lo.

Nếu anh trở lại Sài Gòn, anh sẽ có việc tốt mà anh sẽ thích rất nhiều. Anh sẽ cho em biết.

Love.
Bob



Sài Gòn 02 tháng Hai, 1971

Bob thân mến,

Hôm qua là ngày đầu tiên em trở lại sở làm sau Tết. Em nhận được hai thư của anh.

Anh biết không, em được 2000 đồng lì xì Tết, nhưng em thua hết vào chơi bài với mẹ và chị em của em. Hai món quà anh gửi cho Hân và Phong đến trước Tết. Phong thích quà người Robot lắm. Nhưng bộ áo quá nhỏ, Hân không mặc được. Đừng phiền, anh đã rất tốt với các con em và em. Anh đã không quên chúng. Em cảm ơn anh nhiều.

Em mong anh có việc tốt ở Việt Nam như anh muốn. Hay nếu anh đi nơi Á châu nào thì ghé qua Sài Gòn và gọi vào sở cho em. Em sẽ gặp anh. Nhưng em chỉ hứa được là gặp anh như một người bạn thôi. Chúng ta xa nhau hơn một năm rồi. Em không biết cảm xúc của em với anh sẽ như thế nào.

08 tháng Hai, 1971

Em xin lỗi đã không tiếp tục viết lá thư này và gửi ngay cho anh. Em vẫn cô đơn và buồn.

Tối hôm nọ em đọc một cuốn tiểu thuyết và kết thúc nó lúc 4 giờ sáng. Em ngủ lại nhưng dậy lúc 8 giờ 30. Rồi đi xem bói với một người bạn. Em nói với cô ta em làm anh buồn khổ. Đó là lỗi lầm lớn của em. Đôi khi, em không trách anh, nhưng vẫn nghĩ nếu em không gặp anh thì em sẽ cô đơn và buồn như bây giờ không? Đừng lo, không người đàn



ông Việt Nam nào muốn cưới một người đàn bà đã có bồ người Mỹ cả. Và, em cũng không có ý định kết hôn với người nào, ngay cả anh dù là em không ghét anh.
Dung.



ĐỜI CHAN HÒA NHỮNG TIN YÊU

Có một gia tài của tôi – đâu đó
Trần gian còn giữ hộ chưa trao
Sống yên tâm – tôi tin tôi giàu có
Không gì lo – khôn khó ở chiêm bao.

Có khối chân tình sẽ chia ẩn khuất
Vẫn ân cần theo dõi suốt ngày đêm
Vẫn vỗ về đêm đêm tôi ngoan giấc
Không gì lo – hạnh phúc ở kề bên.

Có một người yêu tôi – tôi yêu sẽ đến
Sẽ đi cùng – tận cuối nẻo đường kia
Rất dịu dàng trao tôi ngàn thương mến
Không gì lo – cơn ác mộng phân lìa.

Có những an thần vị tôi ngự trấn
Những tai ương dừng lại, chẳng gieo điều
Tôi vẹn nguyên – không ai người gây hấn
Đời chan hòa đây đó ngập tin yêu.

LÊ MAI

LIFE IS BATHED IN TRUST AND LOVE

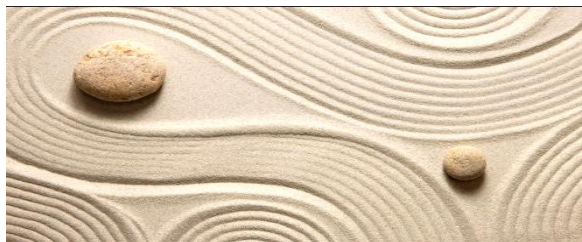
There is an inheritance for me – somewhere,
The world has kept, of it for me to take care.
Sensing secure, I believe I am wealthy wholly;
Nothing to worry – Poverty is in dreams only.

There is a lot of hidden feelings true and right
To share and kindly follow me day and night,
And still comfort me in every sound sleep;
No anxiety – happiness is close by and deep.

There, the one who loves me, I love, will come,
Accompanying me on that far way as a chum,
Sweetly giving me thousands of fondness fair;
Nothing to fear – the separation nightmare!

There are peace angels for me who do reign
To stop disasters from sowing seeds of pain.
I remain intact – no hawk, everyone is a dove:
My life everywhere is bathed in trust and love.

Translation by **THANH-THANH**



TIẾNG CHIM HÓT SAU VƯỜN

**** Phạm Xuân Thái ****

Lời tác giả: *“Xin cảm ơn những bàn tay nhân ái của thế giới tự do. Xin cảm ơn mọi đấng tối cao đã che chở, dẫn dắt để chúng tôi có được cuộc sống an bình, trong độc lập, tự do, với đầy đủ lương thực hàng ngày.”*

Nơi chúng tôi cư ngụ thuộc miền Đông Bắc Hoa Kỳ, phía Bắc của tiểu bang Virginia, cách thủ đô Hoa Thịnh Đốn khoảng 20 miles (32 km). Vùng này khí hậu tương đối ôn hòa, có đủ bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mùa Đông nhiệt độ khoảng 20F - 40F. Mỗi năm có 5, 6 trận tuyết nhỏ nhỏ, và thỉnh thoảng có vài cơn bão tuyết.

Khi Đông qua, Xuân đến, vạn vật như hồi sinh, cây cối đâm chồi nảy lộc, những búp hoa đủ loại, đủ màu hé nở tạo nên những bức tranh thiên nhiên tuyệt vời. Đây cũng là lúc thiên hạ đổ dòn ra vườn để dọn dẹp, cắt tỉa cây cối, bón xới cho cây cỏ, hoa lá.

Từ lúc em Lucky, con chó cưng của gia đình tôi mất, vợ tôi không còn Lucky để săn sóc, nên nàng đổi qua chăm nom đàn chim sau vườn. Nàng mua thức ăn đặc biệt của chim, cho vào những tổ chim nhân tạo, hoặc những ống nhôm đựng đồ ăn để bọn chim đập xuống ăn. Đàn chim tinh ranh, rủ bầu đoàn thể tử, họ hàng hang hốc tới xơi mỗi ngày. Thôi thì đủ loại, chim Sẻ, chim Cu, chim Hoàng Anh, chim Cardinal, Bluebird... Chúng ríu rít mở party sau vườn, nhậu nhẹt thoải mái. Sau khi đã "cơm no, rượu say", đưa thì nhào xuống bể nước tắm; đưa thì đứng tỉa lông; đưa thì chạy

nhảy, chuyền từ cành cây này tới cành cây khác. Sau đó chúng thi nhau ca hát ồm ồm - có lẽ cũng ồn ào, náo nhiệt gần bằng những buổi văn nghệ tại gia trong vùng mà chúng tôi thường tham dự.



Mùa Xuân năm nay, sau những trận tuyết, cây cối nhà tôi ngã nghiêng, mọc vô trật tự, nên tôi “được vợ phán”: phải tỉa bớt những cành cây sau vườn cho sáng sủa hơn! Tôi vốn là “lực sĩ” kiểu “bụng nở, ngực thon” và lại thêm cái máu lười trong cơ thể nên liền theo lời các cụ dạy: “của đi thay người”, mượn một hãng tỉa cây tới chăm sóc khu vườn. Hai chàng “Pro” với đầy đủ máy móc và dụng cụ làm ngoém trong vòng 3 tiếng đồng hồ là cái vườn trông sáng sủa và sạch sẽ đâu vào đấy.

Sau khi cây cối đã được cắt tỉa, dọn dẹp, chúng tôi bỗng dưng nghe tiếng chim kêu thất thanh. Nhìn quanh mới thấy

một con chim lông màu đỏ, mỏ màu cam đứng trên mái nhà, nhìn xuống cái cây vừa được cắt tỉa, kêu la chí chóc. Một lát sau, một con chim khác bay về đậu cạnh con chim kia, mặt mày ngơ ngác, và rồi cùng cất lên tiếng kêu chói lói! Tôi nhìn hai con chim, nhìn cái cây vừa được cắt tỉa, những cành cây vừa được bó lại, và phát hiện ra một tổ chim vừa được làm nên, nằm tan tác trong bó cây! Đây chắc là cặp vợ chồng chim đang xây tổ để chuẩn bị sinh con, và chúng đang mắng mỏ kẻ đã phá hoại tổ ấm của chúng. Kêu la thảm thiết một lúc sau, hai con chim cùng bay đi.

Ngày hôm sau, chúng tôi lại thấy hai con chim hôm qua bay tới bay lui dưới lùm cây Azaleas gần cửa sổ, trước cái bàn ăn sáng, uống café của chúng tôi. À, chúng đang xây cái tổ chim mới! Sau hai ba ngày, một tổ chim mới đã được thành hình. Nhìn cái tổ chim phải thán phục tài năng của những con chim nhỏ. Chỉ bằng cái mỏ và đôi chân nhỏ bé, chúng đã tha từng cọng rơm, cành cây khô để làm nên cái tổ dưới giàn cây xanh tươi, đầy lá, để có thể che nắng che mưa cho bà mẹ sắp lâm sàng, và những con chim non trong tương lai.

Tìm tòi trong Internet và được biết đây là giống chim Cardinal, được chính thức ghi nhận là giống chim của tiểu bang Virginia và 6 tiểu bang khác nữa. Cardinal thông thường đẻ hai, ba lần trong một năm. Chúng thường “yêu đương” nhau trong khoảng tháng 3, và sau đó từ tháng 5 tới tháng 7. Cardinal mái thông thường đẻ 4 trứng một lần. Sau 12 ngày ấp, trứng nở ra con; các

chú chim non có thể rời tổ và bay nhảy sau 20 ngày. Một điểm hay của loài chim Cardinal là chúng thường sinh sống lẫn quần gần nơi chúng ra đời.

Suốt những tuần sau, chúng tôi rình mò, theo dõi tình trạng của chị Cardinal mái. Chị ngồi thoải mái trong cái tổ êm ấm, thỉnh thoảng chị mặt đỏ tía tai... rặn đẻ. Đôi khi miệng chị lâu bầu, chắc đang chửi cái con chim “khỉ gió” đã làm chị phải mang nặng đẻ đau!

Và rồi chị Cardinal đã đẻ được 4 quả trứng màu trắng ngà, to như quả trứng Cút. Chị Cardinal bắt đầu có vẻ thoải mái hơn, ngồi chễm chệ ấp trứng. Thỉnh thoảng anh Cardinal, với bộ mặt lo lắng, tha mồi về cho vợ ăn. Đôi khi ăn chưa đủ no, chị Cardinal tự động bay tới chỗ chúng tôi để đồ ăn cho chim, ăn lấy, ăn để, và rồi lại trở về tiếp tục ấp trứng.

Một hôm, tin tức khí tượng cho biết thời tiết có thể có mưa bão, chúng tôi khệ nệ khiêng cái dù che nắng ở bàn picnic sau nhà ra che cho cái tổ của chị Cardinal khỏi bị nước mưa ngập vào. Mặc dù đã được vợ tôi nhắc nhở nhiều lần: “không được ồn ào và tới gần tổ”, nhưng với bản tính tinh nghịch, tôi tới gần bụi cây, vạch lá ra xem. Bỗng nghe một tiếng hét thất thanh, chị Cardinal bay vụt ra, vừa bay vừa la hét vang trời. Tôi giật mình, không ngờ phản ứng bảo vệ tổ ấm của chị Cardinal lại dữ dội như thế. Tôi vội lảng vào nhà để tránh cuộc “xung đột” có thể xảy ra giữa người và chim. Sau khi chúng tôi vào nhà một lúc sau, trời bắt đầu mưa dữ dội, liên tiếp trong 3 ngày. Nhờ cái dù che nên chị Cardinal

và cái tổ của chị không bị ướt và gia đình chị vẫn được bình an.

Những ngày sau đó, những con chim non đã tự mổ vỏ trứng bước ra. Hai anh chị Cardinals liên tiếp đi tìm thức ăn bón cho con. Khoảng 20 ngày sau đó, các con chim nhỏ đã đủ lông đủ cánh để chập chững bay, và rồi một ngày đẹp trời, cả đoàn chim đã cùng bay lên thật cao, vẫy vùng trong vòm trời xanh biếc. Chúng tôi cảm thấy vui vui vì đã cung cấp mảnh đất tạm dung nho nhỏ và những thức ăn hàng ngày cho gia đình Cardinals. Chúng tôi mong mỗi gia đình Cardinals này được những điều tốt đẹp như cổ nhạc sĩ Tùng Giang đã viết: “*Xin những yên bình cho loài chim nhỏ, cao vút trời thênh thang*”.

<https://www.youtube.com/watch?v=Obvw3F5BCAQ>

Nhìn sinh hoạt của giống chim Cardinal, tôi lại nhớ tới giống chim Việt, và câu “Việt diệu sào Nam chi”: Chim Việt đậu cành Nam. Chim Việt là loài chim sinh ở đất Việt. Mỗi năm cứ đến buổi đầu thu, từng đàn chim Việt bay lên phương Bắc để kiếm ăn. Tuy Bắc tiến, nhưng đàn chim Việt vẫn nhớ về quê hương. Muốn làm tổ, chúng chọn cành cây chia về phương Nam, phương hướng của quê nhà, nơi chim đã sinh trưởng.

Người Việt Hải Ngoại chúng ta được ví như loài chim Việt. Biển cố 1975 đã đẩy 5 triệu con chim Việt liêu chết, bỏ nước

ra đi tìm tự do; một số đông đã vùi xác nơi biển Đông, đã chết vất vưởng dọc đường biên giới Thái Miên; và đã trôi dạt khắp bốn biển, năm châu. Đàn chim Việt này đã được những tấm lòng nhân ái của các nước tự do giang tay đón nhận; họ đã cung cấp cho đàn chim Việt những cái tổ an bình, tạo môi trường và cơ hội cho chúng ta và thế hệ con em chúng ta phát triển, thăng tiến.

Bốn mươi tám năm đã qua, người Việt hải ngoại đã an cư, lạc nghiệp; đã làm rạng danh giống nòi trên khắp thế giới; nhưng họ vẫn ngóng về quê cũ, vẫn tranh đấu để người Việt trong nước được hưởng tự do, dân chủ, và những quyền căn bản của con người; và họ vẫn đau lòng khi lãnh hải và lãnh thổ của cha ông để lại bị thôn tính bởi ngoại bang. Thời gian vẫn lặng lẽ trôi qua. Đàn chim Cardinal vẫn hằng năm trở lại mảnh vườn bé nhỏ của chúng tôi để sinh sản. Chúng tôi nay đã nghỉ hưu, tóc bạc, da mồi. Xin cảm ơn mọi đáng tối cao đã che chở, dẫn dắt để chúng tôi có được cuộc sống an bình, trong độc lập, tự do, với đầy đủ lương thực hàng ngày. Xin cảm ơn mảnh vườn bé nhỏ đã là nơi đất lành chim đậu, để chúng tôi có được niềm hạnh phúc nhẹ nhàng của tiếng chim hót sau vườn.



Phạm Xuân Thái

Virginia 20/2/2023

Tác Phẩm “Vẫn Yên Tĩnh trên Mặt Trận Miền Tây” (All Quiet on the Western Front, 1928) của Nhà Văn Erich Maria Remarque (1898 – 1970)

**** Phạm Văn Tuấn ****



Nhà văn Erich Maria Remarque viết ra tác phẩm “Vẫn Yên Tĩnh trên Mặt Trận Miền Tây” (All Quiet on the Western Front) mở đầu cho công việc tiểu thuyết hóa chống chiến

tranh. Từ trước, có rất ít các tiểu thuyết khai thác sự hung ác và tàn phá của chiến tranh theo thực tế, ngoại trừ tác phẩm “Biểu Hiệu Đỏ của Lòng Can Đảm” (A Red Badge of Courage) của Stephen Crane.

Tác phẩm “Vẫn Yên Tĩnh trên Mặt Trận Miền Tây” của Eric Maria Remarque không trình bày tính lãng mạn cổ hữu trong cách mô tả chiến tranh mà chỉ diễn tả thực trạng ảm đạm do nhiều kinh nghiệm của các người lính ngoài mặt trận.

Tác phẩm “Vẫn Yên Tĩnh trên Mặt Trận Miền Tây” với phần điện ảnh phỏng tác, cho tới ngày nay đều là các tài liệu chống lại Cuộc Thế Chiến Thứ Nhất, đặc biệt là tác phẩm này đã nói về các người lính Đức, tức là các kẻ thù của người Anh và người Mỹ trong Thế Chiến I và Thế Chiến II.

Nhà văn Eric Maria Remarque đã nói lên các kinh nghiệm thay cho các chiến binh

là những người phải chịu đựng các nỗi kinh hoàng của Thế Chiến Thứ Nhất. Cùng với tác phẩm “Giã Từ Vũ Khí” (A Farewell to Arms, 1929) của Đại Văn Hào Ernest Hemingway, cuốn tiểu thuyết “Vẫn Yên Tĩnh trên Mặt Trận Miền Tây” là 2 tác phẩm nổi danh nhất về loại văn chương chống chiến tranh.

I/ Các chi tiết.

- Thời gian và nơi viết của tác phẩm: cuối thập niên 1920, tại Berlin, nước Đức.
- Năm phổ biến đầu tiên: 1928.
- Nhà xuất bản: A.G. Ullstein tại nước Đức, Little Brown tại Hoa Kỳ.
- Loại tác phẩm: tiểu thuyết về chiến tranh, về lịch sử và phản kháng xã hội.
- Ngôn ngữ: tiếng Đức.
- Bối cảnh (thời gian): thời kỳ cuối Thế Chiến Thứ Nhất 1917- 18.
- Bối cảnh (địa điểm): mặt trận Đức/Pháp.
- Thể của lời văn: hiện tại, đôi khi dùng thể quá khứ. Vào cuối cuốn truyện, người kể chuyện dùng thể quá khứ.
- Giọng văn: đồng cảm, buồn thảm và không ảo tưởng.

- Người kể chuyện: ngôi thứ nhất, ngôi thứ ba sau phần viết về cái chết của Paul.
- Quan điểm: của Paul Baumer.
- Nhân vật chính: Paul Baumer.
- Kẻ bị chống đối: chiến tranh, lòng yêu nước.

II/ Các nhân vật trong truyện.

1.Paul Baumer: là một người lính Đức trẻ tuổi, chiến đấu trong các chiến hào trong thời kỳ Thế Chiến Thứ Nhất. Paul là nhân vật chính và là người kể chuyện trong tác phẩm. Anh ta là một người tử tế, có lòng thương người và nhạy cảm, nhưng sự tàn nhẫn của chiến tranh đã khiến cho Paul xét lại các nhận thức của mình. Những cách mô tả về chiến tranh của Paul đã là các lời công kích các ý tưởng tình cảm hay lãng mạn đối với chiến tranh.

2.Joseph Behm: là người bạn học đầu tiên của Paul bị chết trong chiến tranh. Behm đã không muốn ghi tên đi lính nhưng đã bị áp lực của ông thầy giáo Kantorek. Cảnh chết đau đớn và đáng thương của Behm đã làm mất niềm tin nơi các bạn học cũ trước nhà cầm quyền đã cố khuyến nhủ Behm tham dự vào chiến tranh.

3.Detering: một trong các bạn thân của Paul trong Đại Đội Thứ Hai. Anh này là một người trẻ tuổi, luôn luôn nhớ tới người vợ và nông trại tại quê nhà.

4.Gérard Duval: người lính Pháp bị Paul giết trong Miền Đất Không Người (No Man Land). Duval là một người thợ in có

vợ và con ở quê nhà. Anh ta là người đầu tiên bị Paul giết chết trong trận chiến tay đôi.

5.Ha sĩ Himmelstoss: là một hạ sĩ quan lo công việc huấn luyện binh sĩ. Trước thời kỳ chiến tranh, anh ta là một người đưa thư. Anh ta là một con người nhỏ mọn, ham quyền lực, đã hành hạ Paul và các bạn khác trong khi huấn luyện. Sau khi trải qua các kinh nghiệm hãi hùng do chiến tranh, anh ta đã cố gắng sửa đổi tính nết đối với các người khác.

6.Stanislaus Katerzinsky: thường được gọi là Kat, là một người lính trong Đại Đội của Paul và cũng là bạn thân nhất của Paul trong Quân Đội. Vào phần đầu của cuốn truyện, Kat là một người 40 tuổi và có gia đình. Anh ta là con người có nhiều sáng kiến, luôn luôn tìm kiếm các đồ ăn, quần áo và chăn mền cho người khác.

7.Kantorek: là một thầy giáo tự cao, dốt nát, ưa thích uy quyền. Trong trường học của Paul, Kantorek thường làm áp lực đối với Paul và các bạn học khác, đòi hỏi họ phải làm bổn phận ái quốc bằng cách ghi tên vào lính.

8.Franz Kemmerich: là một bạn học cùng lớp với Paul và là bạn lính trong chiến tranh. Sau khi bị thương nhẹ, Franz mắc bệnh hoại tử (gangrene) và bị cắt đi một chân. Cái chết của Kemmerich trong chương 2 đã là một hình ảnh bi thương đầu tiên của cảnh chết vô nghĩa và của cái giá rẻ mạt về đời sống trong thời kỳ chiến tranh.

9. Kindervater: là một người lính thuộc đơn vị bên cạnh, anh ta là một con người ủy mị, giống như Tjaden.

10. Albert Kropp: là bạn cùng lớp cũ của Paul, phục vụ trong Đại Đội Thứ Hai với Paul. Là một người trẻ thông minh, hay lý luận, anh ta ưa phân tích các lý do của chiến tranh rồi dẫn tới các tình cảm phản chiến.

11. Leer: là một trong các bạn thân của Paul trong chiến tranh, anh ta cùng phục vụ với Paul trong Đại Đội Thứ Hai.

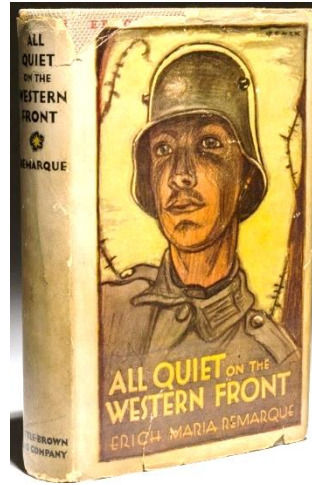
12. Mittelstaedt: một trong các bạn cùng lớp của Paul, anh ta trở nên một sĩ quan huấn luyện và ưa thích hành hạ ông Kantorek, vị thầy cũ của anh ta khi ông Kantorek bị nhập ngũ.

13. Muller: một trong các bạn học cũ của Paul, là một người trẻ thực tế, thường hỏi các bạn bè trong Đại Đội Thứ Hai các câu hỏi về các chương trình sinh sống sau chiến tranh.

14. Tjaden: một trong các bạn của Paul trong Đại Đội Thứ Hai, là một người trẻ không biết mệt mỏi và tham ăn, anh ta rất thù hằn Hạ Sĩ Himmelstoss.

15. Haie Westhus: là một trong các bạn của Paul trong Đại Đội Thứ Hai, anh ta là một con người to lớn, vạm vỡ, trước chiến tranh anh ta là một người đào than bùn và vẫn muốn phục vụ Quân Đội sau khi chiến tranh chấm dứt, bởi vì anh ta nhận thấy nghề đào than bùn không hấp dẫn.

III/ Cốt Truyện.



Paul Baumer là một thanh niên Đức 19 tuổi, cũng là một người lính trong Quân Đội Đức, chiến đấu trên mặt trận Pháp trong thời kỳ Thế Chiến Thứ Nhất. Paul tình nguyện gia

nhập Quân Đội cùng với các bạn sau khi nghe các lời khuyến khích về lòng yêu nước của ông thầy giáo Kantorek.

Paul và các bạn phải chịu đựng 10 tuần lễ huấn luyện tàn nhẫn dưới quyền của một hạ sĩ quan nhỏ mọn và tàn ác tên là Himmelstoss. Sau này họ nhận ra rằng các lý tưởng về tinh thần quốc gia và lòng yêu nước mà đã lôi cuốn họ đầu quân, tất cả chỉ là những lời tuyên truyền trống rỗng. Họ đã không còn tin tưởng rằng chiến tranh thì rực rỡ và cao quý, và họ đã sinh sống trong các hoàn cảnh kinh sợ thường xuyên.

Đại Đội của Paul được hưởng một kỳ nghỉ phép ngắn sau 2 tuần lễ chiến đấu. Với 150 người lính lúc ban đầu, nay chỉ còn 8 người sống sót. Paul và các bạn thăm viếng Kammerich, một người bạn cùng lớp cũ mới bị cưa một chân bởi vì bệnh hoại tử (gangrene). Kammerich sau đó đã chết từ từ. Muller, một người bạn cũ, thèm muốn đôi giày lính của Kammerich. Paul cho rằng lời yêu cầu này thì đáng cứu xét. Giống như các

người lính khác, Muller có óc thực tế, cho rằng người chết không cần tới đôi giày lính.

Do được sống sót sau trận chiến, Paul nghĩ rằng không nên quan tâm tới các tình cảm như sợ hãi, đau buồn, cảm thông... Sau đó Paul đã đến bên giường bệnh của Kammerich. Kammerich yêu cầu Paul mang đôi giày lính cho Muller. Paul đi tìm kiếm một bác sĩ rồi khi trở lại thì Kammerich đã chết.

Một nhóm lính mới đến doanh trại để bổ sung cho Đại Đội. Bạn của Paul là Kat đã nấu thịt bò với đậu cho mọi người, điều này làm cho tất cả vui mừng. Kat nói rằng nếu tất cả mọi người trong Quân Đội, kể cả các sĩ quan, đều được trả lương giống nhau và ăn cùng một thứ thực phẩm thì các cuộc chiến tranh sẽ chấm dứt ngay lập tức.

Kropp, một người bạn cùng lớp cũ của Paul, nói rằng các lãnh tụ của các quốc gia nên đánh nhau vì các bất đồng tại các câu lạc bộ. Tất cả mọi người đã thảo luận các cách thức của các con người nhỏ mọn và vô nghĩa khi họ trở nên có quyền lực và kiêu căng trong chiến tranh.

Tjaden, một người trong Đại Đội của Paul, đã thông báo cho mọi người biết rằng Hạ Sĩ tàn ác Himmelstoss đã bị tống đi chiến đấu ngoài mặt trận bởi vì đã hành hạ các binh lính mới.

Vào buổi tối, các người lính trẻ đi đặt hàng rào dây kẽm gai ở ngoài mặt trận. Khi bị Pháo Binh bắn tới, họ đã ẩn trốn trong một nghĩa địa, tại nơi này, đạn Pháo Binh đã khiến cho các xác chết văng ra khỏi các nấm mồ.

Các người lính trẻ trở về doanh trại, tại nơi này họ đã nghĩ về những gì họ sẽ

làm vào cuối thời chiến. Paul thắc mắc nếu chiến tranh chấm dứt, anh ta không biết phải làm gì.

Đại Đội bị vướng vào một trận chiến đẫm máu với các lính bộ binh của phe Đồng Minh. Cơ thể của con người bị văng ra từng mảnh, máu thịt rơi vãi khắp nơi. Các con chuột thật lớn đã ăn các xác chết và cắn các người bị thương. Paul cảm thấy mình như một con thú vật ở ngoài mặt trận và chỉ biết tin tưởng vào các bản năng của mình.

Chỉ có 32 người trong số 80 lính là sống còn sau trận chiến. Các người này được nghỉ một thời gian ngắn tại một khu vực. Paul và vài người bạn đi bơi và gặp gỡ vài cô gái người Pháp. Paul ước mong có được một người đàn bà không thuộc về bọn gái điếm của Quân Đội.

Paul nhận được 17 ngày nghỉ phép để về thăm gia đình. Anh ta cảm thấy vụng về và trầm cảm tại thành phố quê nhà và không thể thảo luận các kinh nghiệm đau thương với bất cứ ai. Anh ta được tin mẹ đã chết vì ung thư và ông thầy giáo ái quốc Kantorek đã bị gọi nhập ngũ như một người lính. Sự biết tin tức về số phận của ông thầy giáo cũ đã cho Paul một cảm giác lạnh lùng nào đó. Paul đến thăm mẹ của Kammerich và nói dối rằng Kammerich đã chết một cách nhanh chóng và không đau đớn.

Vào cuối kỳ nghỉ phép, Paul trải qua một thời gian ngắn tại một trại huấn luyện gần với một nhóm các tù binh người Nga. Paul cảm thấy rằng họ cũng giống như chính anh ta vậy.

Paul bị gửi trở về Đại Đội cũ và gặp lại các bạn bè. Hoàng Đế Đức (Kaiser) đến thăm mặt trận, sự kiện này làm cho nhiều người thất vọng bởi vì Vị Hoàng

Đế này chỉ là một người nhỏ con với giọng nói yếu đuối.

Tại mặt trận, Paul ở cách xa Đại Đội của mình và phải trú ẩn trong một cái hố sâu. Bỗng một người lính Pháp nhảy vào cái hố này rồi do bản năng, Paul đã đâm anh ta. Khi người lính Pháp bị chết từ từ và đau đớn, Paul đã cảm thấy hối hận. Paul đã băng bó các vết thương cho người lính đó và nói rằng mình không có chủ đích giết anh ta. Thời giờ trôi qua và sau khi người lính Pháp đã chết, Paul nhìn lại chung quanh và nhận thấy tên của người lính Pháp là Gérard Duval. Duval có vợ và con tại quê nhà. Khi Paul trở về Đại Đội, anh ta đã kể lại các sự việc cho các bạn nghe và họ đã cố gắng an ủi anh ta.

Khi các lực lượng Đức bắt đầu tấn công các lực lượng Đồng Minh, các bạn bè của Paul đã bị chết dần từng người một. Detering, một người bạn của Paul, định đào ngũ nhưng đã bị bắt và bị đưa ra tòa án quân sự. Kat bị chết vì một mảnh đạn chém vào đầu anh ta trong khi Paul đang công anh ta tới chỗ an toàn.

Vào mùa thu năm 1918, Paul là người duy nhất còn sống sót trong số các bạn hữu. Các người lính ở khắp nơi đồn đoán với nhau rằng lính Đức sắp đầu hàng và hòa bình sẽ trở lại.

Paul bị nhiễm độc trong trận tấn công bằng hóa chất nên được nghỉ phép ngắn hạn. Anh ta cho rằng sau khi chiến tranh chấm dứt, anh ta sẽ tàn tạ trong cảnh hòa bình. Tất cả những gì mà anh ta hiểu biết chỉ là chiến tranh.

Vào tháng 10 năm 1918 và vào một ngày có rất ít trận chiến, Paul đã bị giết chết. Quân Đội đã báo cáo về ngày hôm đó một cách đơn giản rằng: “Vẫn Yên

Tĩnh trên Mặt Trận Miền Đông” (All Quiet on the Western Front). Cái xác chết của Paul đã mang theo lời phát biểu yên tĩnh và cuối cùng là sự chấm dứt.

IV/ Cuộc đời của Nhà Văn Erich Maria Remarque.

Nhà văn Erich Maria Remarque có tên thật là Erich Paul Remark, ra đời vào ngày 22 tháng 6 năm 1898 tại Osnabruck, nước Đức, có cha là ông Peter Franz Remark và bà mẹ tên là Anna Maria, đây là một gia đình lao động theo Thiên Chúa Giáo La Mã.

Erich không thân thiết với người cha là một người đóng sách (a bookbinder) nhưng lại gần gũi với bà mẹ, vì vậy nhà văn này đã dùng tên giữa Maria của người mẹ sau Thế Chiến Thứ Nhất.

Erich là người con thứ ba trong bốn người con của gia đình, với người chị tên là Erna, người anh là Theodor Arthur (qua đời khi được 5 hay 6 tuổi) và người em gái Elfriede.

Vào thời gian Thế Chiến Thứ Nhất, Remarque ở tuổi 19, bị động viên vào Quân Đội Hoàng Gia Đức (The German Imperial Army) rồi vào ngày 12/6/1917, bị chuyển về Mặt Trận Miền Đông (the Western Front), thuộc Đại Đội Thứ Hai Trừ Bị (Second Company Reserves) và chiến đấu trong các chiến hào giữa 2 địa điểm là Torhut và Houthulst.

Vào ngày 31/7/1917, ông Remarque bị thương vì các mảnh đạn bắn vào chân trái, tay phải và vào cổ, nên được tản thương về bệnh viện, điều trị cho đến khi chiến tranh kết thúc rồi được giải ngũ khỏi Quân Đội Đức.

Sau Thế Chiến, ông Remarque làm nhiều công việc như nhà giáo, quản thủ thư viện, thương gia nhỏ và nhà biên tập (editor). Ông Remarque bắt đầu viết văn vào tuổi 16, với các bài viết như luận đề, thơ và một cuốn tiểu thuyết được xuất bản vào năm 1920 với tên là Die Traumbude (The Dream Room = Phòng Mơ Mộng).

Sau khi Thế Chiến Thứ Nhất chấm dứt, nhà văn Remarque bị ám ảnh bởi các cảnh tàn phá của chiến tranh, sự qua đời của bà mẹ, cho nên ông ta bắt đầu dùng tên giữa “Maria” thay cho tên “Paul” để tưởng nhớ bà mẹ thân yêu, rồi khi cho xuất bản cuốn tiểu thuyết “Vẫn Yên Tĩnh trên Mặt Trận Miền Đông” (All Quiet on the Western Front), nhà văn Remarque cũng đổi họ của mình từ chữ Remark thành Remarque.

Năm 1927, nhà văn Remarque cho phổ biến cuốn tiểu thuyết “Station am Horizont” (Station at the Horizon = Bến Xe tại Chân Trời).

Tới năm 1929, cuốn tiểu thuyết “Vẫn Yên Tĩnh trên Mặt Trận Miền Đông” đã trở nên một tác phẩm quốc tế bán chạy nhất (an international best seller) và là một tiểu thuyết đặc sắc của Thế Kỷ 20, bởi vì sáng tác này đã mở đầu cho loại truyện của các cựu quân nhân viết về các kỷ niệm chiến tranh khác nhau. Tác phẩm này cũng được phỏng tác trên sân khấu và điện ảnh, nhất là tại các quốc gia có xung đột với Đế Quốc Đức là Anh Quốc và Hoa Kỳ.

Sau khi cho xuất bản tác phẩm “Der Weg zuruck” (The Road Back = Con Đường Trở Về) vào năm 1931, do các tác quyền mang lại, nhà văn Remarque

đã mua một villa tại Ronco, nước Thụy Sĩ.

Vào ngày 10 tháng 5 năm 1933, dưới quyền lực của Bộ Trưởng Tuyên Truyền Đức Quốc Xã là Joseph Goebbels, các tác phẩm của nhà văn Eric Maria Remarque bị coi là “không ái quốc” (unpatriotic) nên đã bị cấm đoán tại nước Đức, bị cấm bán và bị loại ra khỏi các thư viện. Nhà văn Remarque vì vậy phải chạy khỏi nước Đức, sang sinh sống tại nước Thụy Sĩ.

Trước khi Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ tại châu Âu, nhà văn Remarque rời Thụy Sĩ sang Hoa Kỳ rồi trở nên công dân Hoa Kỳ vào năm 1947.

Nhà văn Remarque tiếp tục viết văn. Cuốn tiểu thuyết kế tiếp là “Drei Kameraden” (Three Comrades = Ba Đồng Chí) và tác phẩm thứ tư là cuốn tiểu thuyết “Liebe deinen Nachsten” (Love Thy Neighbour = Hãy yêu người Hàng Xóm), xuất bản năm 1941, cả bằng tiếng Đức lẫn tiếng Anh.

Tác phẩm tiếp theo phổ biến vào năm 1945 là cuốn tiểu thuyết “Arch of Triumph” (Khải Hoàn Môn) rồi cuốn cuối cùng có tên là “Shadows in Paradise” (Các Bóng Tối của Thiên Đường), được nhà văn Remarque viết ra khi ông sinh sống tại địa chỉ 320 East 57th Street, thành phố New York.

Bấy năm yên lặng sau tác phẩm “Khải Hoàn Môn”, nhà văn Remarque cho xuất bản cuốn truyện “Spark of Life” (Der Funde Leben = Tia Lửa của Đời Sống), bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Đức vào năm 1952.

Nhà văn Erich Maria Remarque qua đời vì bị liệt tim (heart failure) vào ngày 25 tháng 9 năm 1970, ở tuổi 72. Ông được

chôn cất trong Nghĩa Trang Ronco, Ticino, nước Thụy Sĩ.

V/ Ý Nghĩa của Tác Phẩm

Các binh lính chiến đấu ngoài mặt trận luôn luôn gặp các nguy hiểm. Đời sống trong các hầm hố trong thời gian Thế Chiến Thứ Nhất thì rất dơ bẩn, thiếu nước sạch, chất đầy các xác chết, các con chuột và sâu bọ... Các người lính thường xuyên thiếu thức ăn và giấc ngủ, thiếu quần áo và sự chăm sóc y tế. Họ phải chứng kiến các cảnh chết chóc của các bạn bè.

Theo nhà văn Remarque, các cảnh tàn sát đã phá hủy lòng nhân đạo của các binh lính. Họ đều bị đau khổ bởi vì các chiến hữu đã ngã gục ngoài chiến địa và các chiến binh đang còn sống phải có lòng trung thành và tình bạn sau các kinh nghiệm chiến tranh.

Thế Chiến Thứ Nhất là kết quả của chủ nghĩa quốc gia (nationalism). Đây là chủ trương đòi hỏi mọi người dân phải trung thành với đất nước. Tác phẩm “Vẫn Yên Tĩnh trên Mặt Trận Miền Đông” đã chỉ trích chủ nghĩa quốc gia này, coi đây là ý thức trống rỗng, đạo đức giả, một công cụ được dùng trong chính quyền để kiểm soát đa số dân chúng (the masses).

Chủ nghĩa quốc gia đã thuyết phục Paul và các bạn bè của anh ta tham gia vào Quân Đội, nhưng các kinh nghiệm ngoài mặt trận đã dạy cho họ rằng chủ nghĩa quốc gia là một quan niệm ảo tưởng (an imaginary concept), là giấc mơ dùng để lừa dối các kẻ lý tưởng. Các người ái quốc như Kantorek và Himmelstoss thì vô dụng ngoài mặt trận và các binh lính

thành công không phải là chiến đấu cho sự vinh quang của quốc gia mà vì sự sống còn của chính họ.

Paul và các bạn bè của anh ta đã nhận ra sự thực rằng các kẻ thù chính là những người đã hy sinh quân đội để làm thăng tiến quyền lực và vinh quang của họ.

Trong tác phẩm “Vẫn Yên Tĩnh trên Mặt Trận Miền Tây”, Kantorek đã ca ngợi lòng trung thành với quốc gia và sự vinh quang của đất nước, nhưng Paul và các bạn bè càng trở nên chán ghét các lời khuyên của Kantorek bởi vì các lý tưởng cao cả, đưa đẩy các thanh niên ra mặt trận, sẽ trở nên vô nghĩa khi mà trận chiến đã bắt đầu.

Cuốn tiểu thuyết kể trên còn dùng một biểu tượng, đó là đôi giày lính của Kemmerich. Đây là vật tượng trưng cho một thứ rẻ tiền của đời sống con người trong chiến tranh. Đôi giày lính được chuyển từ người này qua người khác mỗi khi có một người lính bị chết trận và đôi giày này đã được coi là có giá trị cao hơn mạng sống của con người.

Nhà văn Erich Maria Remarque đã nói trong cuốn tiểu thuyết của ông rằng sự chết không phải là một cuộc phiêu lưu (death is not an adventure) và chiến tranh đã tàn phá con người ngay cả khi nó không giết người, và cuốn tiểu thuyết của ông dùng để lột trần chiến tranh, các người có thể lực (powerful men) và các kẻ ái quốc dốt nát./.

Phạm Văn Tuấn

Tài liệu tham khảo: Wikipedia. org.; Britannica Encyclopedia.

HÂN HOAN

Ta không thể muôn đời làm nhân chứng
Ghi thời gian và trái đất chuyển mùa
Ta không thể cả đời chân bước vững
Có nhiều khi lòng gói quy trường đưa

Ta có thể trở thành tên thủ phạm
Giết những ngày quá khứ chết sau lưng
Ta chôn cất phi tang đời u ám
Rồi đôi khi khước mắt bóng rưng rưng

Ta có thể trở thành người mất trí
Đi lang thang trên mớ tuổi hoang đàng
Trí não xóa lòng ghét thương ích kỷ
Đời phẳng lì như bãi cát cô đơn

Ta có thể hay là ta không thể
Nhướng chân mày vì mi sụp hướng nhìn
Những bước ngắn
sẽ một ngày không dễ
Có khi đời là một phiến chân kinh

Ừ cứ thế ta làm câu thơ mới
Ca tụng đời ca tụng chuỗi thời gian
Nâng bước ngắn ta thấy lòng thơ thới
Tạ ơn người tình còn phút hân hoan

Thảo Chi Bùi Mỹ Hoa



DUYÊN THƠ

Thơ viết mãi không bao giờ hết được
Chỉ trừ khi hơi thở đã không còn
Như tình em đẹp mãi vượt đầu non
Đời thiếu đủ cánh hoa lòng vẫn thắm

Thơ và tôi như cuộc tình ngàn dặm
Cùng bước đi cho đến hết cuộc đời
Tôi yêu thơ như yêu ánh mặt trời
Người bạn quý hay người tình dấu mặt

Thơ với tôi không bao giờ lẫn khuất
Bóng với hình xa bóng vẫn hình xa
Tôi yêu thơ trong vạn ý Ngân Hà
Và cuộc sống sợ buồn vui thái quá

Tình nghệ sĩ trong đời đầy đủ cả
Đẹp và vui vui đẹp đến vô cùng
Thơ và người đã có sự thủy chung
Tôi vẫn thấy trời cao kia rất đẹp

Thơ và tôi cuộc tình còn đi tiếp
Cõi trăm năm có lúc gặp mưa vùi
Đã có thơ mình vịn để vui cười
Cho cuộc sống trong tay vàng lối mộng

Nặng óc moi tìm cho thơ sống động
Chuyện dở hay tâm sự nói cho lòng
Thơ tặng đời xin một chút bao dung
Nếu có lạnh vì lòng mình biển gió

Tôi cần thơ như con người cần thở
Gió và mây mây gió chẳng vô tình
Có thơ tình mình quên chuyện tử sinh
Và yêu cả những gì mình đang có./.

Hoa Văn

DUYÊN THƠ by **Hoa Văn**

POETIC PREDESTINED ORIGINATION - Translated from Vietnamese into

English by **Hương Cao Cao Tân**

on 27 December, 2021, in British Columbia, Canada

*Poems are to be written continuously without end
Unless and until the ability to breathe one no longer can
It is as beautiful as your love that surpasses the tops of mountains
The flowered heart is still fresh despite the sufficiency of life's provisions*

*Poems and I are like a one-thousand-mile-distance love story
That will be experienced together until life ends completely
I love poems as much as I do the bright life giving sunshine
Or the precious friends or a secret lover whose face is not described*

*Poems and I are never hidden from each other
Like the image and its shadow that are always close or far together
I love poems with the tens of thousands of meanings of the Milky Way
And with life's excessively emotional feelings presented, I am afraid*

*Artistic love I do have in life and in my way of living
It has been so beautiful and happy without signs of ending
Poems and man have been having the loyalty that is so long lasting
The lofty sky is always beautiful as long as I am still living*

*The love between poems and me is happening and continuing in life
Despite the assaults of heavy rains in this one-hundred-year-span life
There are poems served as handrail leaning and as laughter for living
So that the living will be full of golden roads in my dreaming*

*As I burn my brain and search my heart for poetic inspirational livability
So to tell the heart all the good and bad stories in confidentiality
And to compose the poems as presents that requires a little generosity
In case the coldness is felt because the heart is so oceanic hearty windy*

*I need poems like a person needs the essential breathing
It is like winds and clouds that are not indifferent in their behaving
If there are love poems we would be forgetting the life-and-death matter
And start loving everything we had and are having together. /.*

HAI GIA ĐÌNH TRONG XÓM NHỎ

**** TT-Thái An ****

Hai mẹ con bà xắm dọn vào căn nhà vách gỗ của vợ chồng ông Văn vừa dọn ra hai hôm trước.

Họ nhờ ba cái xe ba bánh chở hộ hai cái giường đã xếp lại, một cái bàn tròn cũng đã xếp chân riêng và cái mặt bàn riêng, vài ba cái ghế xếp, một cái tủ áo, rồi vài cái nôi, một cái chảo, hai cái lò gạch để chụm than đun bếp, 2 cái thau nhôm to có lẽ để giặt quần áo và tắm rửa, 2 cái rương quần áo bằng gỗ, và vài cái bao bố loại 1 tạ gạo đựng đồ linh tinh.

Cả xóm ra xem cho biết mặt mũi hai mẹ con người mới dọn vào. Họ xì xầm với nhau:

-Chỉ có hai mẹ con thôi à? Bà này người Tàu vì mặc áo xắm.

Bà mẹ mặc áo xắm cánh tay, màu xám nhạt, quần đen. Cô con gái độ 12 hay 13 tuổi, mặc cái quần tây đen và cái áo sơ mi trắng. Cả hai mẹ con đều cắt tóc ngắn, kẹp lại hai bên cho tóc khỏi lò xoà trước mặt. Bà mẹ dáng gầy gò, nước da xạm đen, đôi môi thâm. Cô con gái tròn trịa hơn, nước da trắng trẻo. Bà nhìn mọi người bu quanh và gật đầu chào nhưng chẳng nói gì. Có người trong đám đông cất tiếng:

-Chào mẹ con bà nhé!

Bà cất tiếng chào lại:

-Chào mọi người.

Những người đạp xe khuôn đồ đạc vào nhà, kê vào những chỗ bà chỉ. Xong xuôi, họ nhận tiền rồi ra về.

Qua hôm sau, đưa con gái dậy sớm đi học, nó mặc đồng phục trường Tàu: váy xếp ly màu xanh dương và sơ mi trắng bỏ vào váy, ngực áo có thêu chữ Tàu màu đỏ, có lẽ là tên, tay xách cái cặp lồng bằng mây đan. Bà mẹ đem cái ghế mây ra trước sân ngồi hút thuốc lá vắn, thỉnh thoảng bà ho xù xụ khi đàm kéo lên cổ.

Bà không qua lại với hàng xóm, dù cạnh nhà bà là 1 gia đình người Tiều bà cũng chẳng hỏi han. Có người hỏi, bà nói bà là người Quảng Đông. Tiếng Việt của bà đủ xài để nói chuyện hàng ngày. Cái ghế của bà là nơi bà ngồi nhìn mọi người ra vào trong xóm. Hoặc có ai đứng lại hỏi han thì bà cũng chuyện trò với họ. Chồng bà chết sớm, bà chất chiu mua được căn nhà gỗ nền gạch Tàu này, dài khoảng 20 mét, ngang 4 mét. Như thế khá rộng rãi cho hai mẹ con. Phía sau nhà có lối ra con hẻm sau dẫn đến giếng.

Con gái bà tên Mì Ngã, còn bà tên Dế.

Hai năm sau, khi Mì Ngã được 15 tuổi thì bỏ học, đi làm xưởng dệt Vinatexco. Cái xóm này có 3 cô xắm đi làm chung xưởng dệt nên cả ba ở lại xưởng, chiều thứ Bảy độ 2 giờ được xe bus của

xưởng chờ về đến đầu hẻm. Sáng thứ Hai được xe bus của xưởng đến đón đi làm.

Vì vậy, bà Dé hay ngồi trước cửa mỗi chiều để thỉnh thoảng có người đến nói chuyện với bà. Chẳng thấy bà làm gì, có lẽ Mì Ngã đem tiền về nuôi mẹ cũng đủ rồi.

Khi Mì Ngã đã ngoài 20 mà chưa thấy ai đến cưới hỏi, người trong xóm xì xầm với nhau rằng “Nó vì nuôi mẹ mà ế chồng”.

Khi Mì Ngã được 25 tuổi, người ta lại xì xầm “Nó thành gái già rồi”. Thế nhưng, một hôm, Mì Ngã không đi làm mà ở nhà mấy ngày sửa soạn trang hoàng nhà cửa ai cũng ngạc nhiên. Hỏi ra mới biết nàng sắp làm đám hỏi với 1 ông kỹ sư Đài Loan làm trong xưởng dệt. Chao ôi, tưởng ế mà hóa hên, lấy kỹ sư lên làm “bà kỹ sư”, bỏ nghề thợ dệt.

Sau đám hỏi một tháng là đám cưới. Nhà trai chỉ có chú rể và chục người bạn hoặc có anh em gì bên Đài Loan qua hay không chẳng biết. Bà Dé diện xưởng xám dài quá đầu gối, cài 1 cái hoa hồng đỏ trên áo, cô dâu mặc áo dạ hội của cô dâu trắng tinh, tay cầm bó hoa to tướng, có hai cô phù dâu nâng bước. Họ ra nhà hàng với chú rể và bạn bè chú rể. Họ chẳng mời ai trong xóm.

Bạn bè của cô dâu là mấy cô trong xưởng dệt, thân lắm mới được mời. Họ cầm giúp cô dâu chặn gối, rương quần áo để dọn nhà theo chồng từ đây. Nghe nói chú rể thuê một căn nhà lầu trong

Chợ Lớn để làm tổ uyên ương. Trước đó chủ hãng dệt thuê cả căn nhà lầu nhiều tầng cho các ông kỹ sư Đài Loan ở chung.

Sau đám cưới, Mì Ngã chẳng về thăm mẹ mỗi tuần như ngày còn đi làm xưởng. Có lẽ đó là phong tục của người Tàu, con gái về nhà chồng là chấm dứt qua lại nhà cha mẹ đẻ. Mỗi năm một lần, về thăm cha mẹ ngày mừng hai tết mà thôi.

Nhưng Mì Ngã về thăm mẹ hai lần: trước Trung Thu một ngày thì về biếu mẹ vài hộp bánh trung thu. Tết ta, mừng hai, về mừng tuổi mẹ với bao lì xì.

Bà Dé không lộ vẻ buồn phiền vì bà chấp nhận văn hóa của bà, con gái lấy chồng là thuộc về chồng và nhà chồng. Mỗi ngày bà vẫn ra chợ mua ít rau, thịt về nấu vừa một ngày. Chiều chiều, bà ra trước sân ngồi hóng gió và hút thuốc vắn. Thỉnh thoảng bà vẫn ho xù xụ khi có đàm kéo lên cổ.

Nhưng một hôm chẳng thấy bà đi chợ, cửa đóng chừ không mở toang như hằng ngày khi bà đã thức dậy. Người trong xóm đến gõ cửa xem bà có sao không. Chẳng thấy bà trả lời, người ta kiếm cách mở cửa vào thì bà đã chết trên giường. Người ta đoán có lẽ bà lên cơn suyễn rồi tắt thở. Có người tìm địa chỉ của Mì Ngã, vào đến Chợ Lớn báo tin cho Mì Ngã. Mì Ngã về lo đám tang cho mẹ xong báo cho cả xóm biết người cậu ruột sẽ dẫn vợ con về đây ở vì Mì

Ngã không cần căn nhà này, nàng để lại cho cậu.

Cả xóm ngạc nhiên khi biết bà Dế có em trai vì chả bao giờ nghe bà nói đến em. Và cũng chẳng bao giờ thấy em bà đến thăm bà. Ngay cả lúc đám cưới Mì Ngã cũng chẳng mời cậu đến. Xem ra tình cảm của chị em bà lỏng lẻo quá.

Hai hôm sau, cậu Diệp dẫn bà vợ và bốn đứa con dọn vào. Đồ đạc chỉ cần 2 cái xe ba bánh chở đến, may là có sẵn đồ đạc trong nhà. Cậu Diệp có lẽ ngoài 40, vợ cậu người Việt. Hai con trai lớn sinh đôi, khoảng 11 tuổi tên Diệp Phát, Diệp Tài, đứa con trai thứ ba tên Diệp Phúc, đứa con gái út được gọi là Út Đẹp, khoảng 5 tuổi. Trông nó rất xinh, giống mẹ nhiều hơn giống bố. Bố nó trông giống y mẹ của Mì Ngã, nghĩa là gầy gầy, da bánh mật, môi thâm.

Cậu Diệp nói tiếng Việt rất thạo vì phải nói tiếng Việt với vợ con hằng ngày. Hai đứa con trai lớn đang học lớp nhất (lớp Năm bây giờ) ở trường tiểu học công lập nên chúng chẳng biết tiếng Tàu hay chữ Tàu. Ngoài giờ học, chúng hay mặc quần sà lỏn, cởi trần, ra chơi với trẻ con trong xóm. Mấy anh em nó trông khỏe mạnh, rắn chắc và đẹp trai vì giống mẹ nhiều.

Cậu Diệp có nghề sửa xe gắn máy, mỗi sáng cậu lái cái xe gắn máy cũ chở thùng đồ nghề ra một góc đường mà cậu ngồi đã lâu. Chiều chiều khoảng 6 giờ hơn cậu đã về nhà. Vợ cậu là thím Lài đã nấu xong bữa cơm chiều, chỉ chờ cậu

về là dọn ra. Cả nhà quây quần bên mâm cơm còn nóng hổi vừa ăn vừa chuyện trò. Cơm nước xong, mấy đứa con trai phụ mẹ dọn dẹp. Sau đó chú Diệp đem cái đàn ghi ta thùng cũ kỹ và vài tờ nhạc rời ra cái bộ ván trước sân, cha đàn ca, con phụ họa vang cả góc sân. Mấy cha con chú chẳng sửa giọng cho đúng chánh tả, nói sao hát vậy nên bà Cam ở trước nhà hay nhăn nhó phê bình:

-Hát dở ẹt mà cũng bày đặt la cho to làm khổ tai tôi quá.

-Nhưng đó là hạnh phúc của người ta. Nhà chú Diệp không có TV, máy hát gì hết nên tự đàn hát cho vui mà.

Khi bản nhạc “Chuyện Tình của nàng Trinh Nữ tên Thi” của Hoàng Thi Thơ đang lên cao, đang dậy sóng trên đài phát thanh Sài Gòn mỗi ngày thì chú Diệp cũng mua cho được 1 bản đem về đàn hát với các con. Hát giọng Nam “chăm phần chăm” “Thì Thi phải biếc cơ sao Thi bông” ai đi qua nghe thấy vừa buồn cười, vừa thương cảnh gia đình chú tuy nghèo nhưng hạnh phúc quá.

Hai đứa con trai lớn vì không đậu được vào trường công nên chỉ học hết tiểu học là ở nhà, hai đứa thay phiên nhau theo cha đi sửa xe mỗi ngày. Vì chú Diệp muốn dạy nghề cho cả hai đứa.

Sáu năm sau, khoảng tháng Giêng, năm 1975 khi anh em Diệp Phát và Diệp Tài vừa 17 tuổi thì cường độ chiến tranh gia tăng, quân Việt cộng từ Bắc đã xâm nhập khắp trên 4 vùng chiến thuật, lệnh

tổng động viên ban bố thanh niên 17 tuổi phải tòng quân.

Thím Lài đau lòng xếp cho hai anh em Phát và Tài một cái túi nhỏ đựng vài bộ áo cũ rồi dẫn con ra đầu ngõ đón xe. Vừa đi thím vừa khóc sưng cả mắt.

Cô Chanh bán thịt bò từ ngoài ngõ về trông thấy hỏi ngay:

-Ba mẹ con thím đi đâu mà khóc sướt mướt thế?

Thím Lài trả lời:

-Có lệnh tổng động viên 17 tuổi nên tôi phải đưa tụi nó đi Quang Trung trình diện.

Cô Chanh ré lên:

-Nếu như tôi, tôi đào hầm trong nhà giấu chúng nó chứ không cho đi lính ra nơi tên đạn đâu.

Thím Lài trả lời:

-Tôi không dám đâu, thôi thì ai sao mình vậy, tôi thương con tôi lắm mà cũng phải cho tụi nó đi.

Vừa nói, thím Lài vừa nhìn hai con rồi lại òa khóc. Hai thằng con rầm rứt khóc theo mẹ. Nhưng thằng Phát nói:

-Má đừng lo, tụi con sẽ về mà.

Ra ngoài đường cái, có chiếc xích lô máy chạy tới, ba mẹ con bước lên trực chỉ Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Thím Lài ngồi giữa, hai tay thím ôm hai cánh tay của hai con như sợ phải xa chúng mãi mãi.

Rồi ngày 30 tháng Tư năm 1975 tới, sáng đó khi radio phát tin Tổng Thống

CT-SỐ 99

Dương Văn Minh tuyên bố hàng quân Bắc Việt và quân “Giải Phóng miền Nam”, và khuyến binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa bỏ súng xuống. Trại Quang Trung mở tung, quan và quân bỏ chạy, đường ai nấy về.

Hai anh em thằng Phát, thằng Tài chạy trốn chết ra khỏi trại đi nhờ xe từng đoạn, có đoạn chạy bộ. Đến quá trưa chúng về đến nhà, trông thấy cha mẹ mặt mày ngơ ngác, vừa mừng, vừa lo.

Thím Lài ôm hai con vào lòng khóc nức nở vì thấy hai con còn y nguyên, trong lúc ngoài kia nhiều người lính VNCH đang ngã gục không về được đến nhà.

Sau đó vài hôm, chú Diệp đem hai anh em Phát và Tài theo ra đường ngồi sửa xe đạp, xe gắn máy. Chú yên tâm từ đây con chú không còn bị đưa ra chiến trường nữa.

Cô Chanh thịt bò và cả xóm qua chúc mừng chú thím Diệp vì hai thằng con trở về nguyên vẹn. Dù mọi người đang hoang mang lo sợ không biết chánh phủ Việt cộng sẽ đánh tư sản dân miền Nam ra sao, nhưng tạm thời lúc này đang đoàn tụ với nhau thì mừng cái đã. Hơn nữa, trong xóm này đa số là dân nghèo, buôn bán tiểu thương, có ai là thương gia cỡ lớn đâu, họ tự trấn an mình như thế.

Cô Chanh góa chồng từ năm 26 tuổi. Chồng cô là lính VNCH đã tử trận khi đưa con gái duy nhất chưa đầy 1 tuổi. Nhờ có nghề bán thịt bò nên cô lo được cho con và mẹ đẻ. Mỗi ngày mẹ cô ở

nhà trông cháu để cô yên tâm đi buôn bán. Vì thế, cô rất sợ cảnh chờ con chờ chồng đang xông pha diệt giặc cộng sản nơi trận mạc. Cô luôn oán trách cộng sản miền Bắc luôn nuôi tham vọng chiếm đoạt miền Nam khiến chồng cô và thanh niên miền Nam phải đi lính chống giặc cộng sản, phải đối diện với cái chết kề cận mỗi ngày. Chẳng thể nào ở nhà lo xây dựng gia đình cho đàn bà và trẻ con bớt khổ.

Giờ thì, cộng sản miền Bắc đã thắng miền Nam Tự Do. Ác thắng thiện chẳng khác gì ác Quỷ lên ngôi cai trị dân lành. Nhưng lúc đó, dân miền Nam như cô Chanh tự an ủi “thời thì hết chiến tranh rồi, mọi người ai về nhà nấy lo xây dựng lại đời mình, sống qua ngày cho xong phận dân quen.”

Đến năm 1979, thằng Tài con chú Diệp bị chính phủ Việt cộng bắt nhập ngũ để đưa qua chiến trường Kampuchia, lần này thằng Phát thoát được vì mỗi nhà phải nộp 1 thằng con trai, nếu không thì cả nhà phải đi “Kinh Tế Mới”. Thằng Phát là con trưởng nam nên chú Diệp bảo thằng Tài đi thế anh.

Cả xóm lại xôn xao tiễn chân thằng Tài. Thím Lài lại khóc sùi sụt tiễn con lên đường làm nghĩa vụ quốc tế.

Cô Chanh và cả chục người trong xóm đi theo mẹ con thằng Tài ra đầu đường chờ xe. Khi mẹ con nó lên xe xong, nó còn ngoảnh lại đưa tay chào mọi người. Cả đám người đứng nhìn cũng đưa tay lên vẫy, nước mắt rưng rưng.

Tám ảnh chồng cô để trên bàn thờ mặc áo lính Bộ Binh, đeo lon Trung Sỹ từ khi chồng chết. Nay bị thằng công an phường bảo phải thay hình khác, hình nào không có mặc áo lính “Ngụy”. Cô

xót xa cất vào trong phòng ngủ. Chỉ còn 1 bức ảnh chụp hình thẻ học sinh của chồng năm 17 tuổi, cô đem đi phóng to rồi để lên bàn thờ.

Ngày qua ngày, việc buôn bán của cô Chanh và mọi người tiểu thương miền Nam càng lúc càng khó khăn, bị ngăn chặn, bắt bớ đủ điều. Ngày xưa dưới chế độ Cộng Hòa, được buôn bán tự do, chánh thức; ngày nay dưới chế độ cộng sản, phải buôn chui, trốn tránh như tội đồ buôn hàng quốc cấm. Cố gắng cầm cự vài năm, cô sồn lòng nản chí và mệt mỏi và chẳng thể nào than với mẹ hoặc con.

Trong chợ nơi cô bán hàng, có vài người rủ nhau vượt biên. Có người cho cô hay vì biết cô rất muốn ra đi. Cô còn giữ vài cây vàng lo cho hai mẹ con ra đi đường biển. Cô giao nhà lại cho mẹ, dặn dò khi nào con gửi điện tín về thì mẹ báo cho thằng Chinh lên đón mẹ về ở với vợ chồng nó, còn căn nhà này con ủy quyền cho mẹ bán đi. Bà mẹ già chỉ biết khóc thầm, tiễn con kín đáo vào một buổi sáng chưa tỏ mặt người.

Nhưng bà mẹ già chờ mãi cả hơn 2 tuần mà chẳng thấy điện tín của cô Chanh đánh về. Bà chờ thêm cả tháng, rồi hai tháng, ba tháng. Sau đó, có người đi chung chuyến tàu của cô Chanh biên thư từ trại tị nạn Thái Lan về cho gia đình kể rằng chiếc tàu của họ bị hải tặc Thái Lan cướp, rồi đâm cho lủng thuyền khiến thuyền bị chìm, ai nấy rơi xuống biển. Hai mẹ con cô Chanh không biết bơi, nhưng con gái cô bám được một miếng ván nhỏ, nó thấy mẹ nó bị sóng kéo xa khỏi nó, thì nó bỏ ván bám theo mẹ. Cô Chanh hét lên: “Buông mẹ ra!”

Nhưng nó gào lên: “Không! Con muốn chết với mẹ”. Thế là hai mẹ con chìm xuống nhanh chóng. Hầu hết mọi người trong chiếc thuyền đó đều chết, chỉ có vài người sống sót nhờ bám vào cái ván dài hơn, trôi dạt vài ngày thì được tàu nước khác đi ngang cứu.

Còn thằng Tài con chú Diệp và thím Lài đi mãi chẳng nghe tin tức gì. Vài năm sau, khi cuộc chiến ở Kampuchia kết thúc, nó cũng không trở về. Nó vĩnh viễn nằm xuống ở xứ người.

Chú Diệp bán nhà được một món tiền, dọn xuống Gò Vấp mua căn nhà bằng gạch ở mặt tiền mở tiệm sửa xe gắn máy.

Mì Ngã đã theo chồng về Đài Loan từ giữa tháng 4 năm 1975. Chẳng bao giờ liên lạc với chú Diệp. Có lẽ mẹ con Mì Ngã xem như chú Diệp thành người Việt

Nam rồi, chẳng phải bà con gì với họ nữa.

Xóm nhỏ vào tháng 4 năm 1975 có vài người di tản theo sở, theo đường hàng không hay đường hàng hải. Có người vượt biên bằng đường biển thoát, có người không thoát. Có người bán nhà đi về quê sinh sống vì ở Sài Gòn không kiếm ra việc sẽ bị lừa đi kinh tế mới, có người bán nhà vì cần tiền, dọn đi xa hơn. Cậu Bảy đi lính Nhảy Dù trước 1975 thì đã tử trận ngày 30 tháng 4 năm 1975 rồi. Người xóm nhỏ ngày xưa chỉ còn lại 1 phần 4, đa số là người mới.

Người đi xa lâu năm, khi trở về xóm nhỏ, gặp được một vài người cũ mừng như gặp lại người thân, như thấy lại mình thời xưa lúc thành phố Sài Gòn chưa bị đổi tên.

TT-Thái An 2/10/2023



HÀNH TRÌNH

*Gậy trúc chống lưng còng
Tìm đường ra biển đông
Dã tràng còn giỡn cát
Sóng giạt nguyệt bình bồng
Lên núi kiếm nguồn sông
Thành thoi cánh hạc hồng
Thấy ngân hà lấp lánh
Châu ngọc sa muôn dòng*

LÝ HIỂU

ĐỔ VÀO HƯ KHÔNG

Lên chùa tìm đọc thiên thư,
Bốn phương lặng lẽ, cửa từ bi đâu?
Thức trong một giấc chiêm bao,
Chuông vàng mấy giọt
đổ vào hư không.

Tuyết tan lạnh gốc ngô đồng,
Sương rơi mưa rưng bên sông, đợi chờ
Người đi trăm bến nghìn bờ,
Vấn hoài công ngóng
hư vô, chấp chùng.

Mây trôi bèo giạt mênh mông,
Hoa Dương một đoá mở tung đất trời.
Sớm mai lửa khói mù khơi,
Chiều nay gởi giấc mộng
nơi vô thường.

Thiền sư hiện giữa trăm hương,
đò qua sông rộng cuối đường nhẹ tênh.
Gót giày chạm nẻo u minh,
Bỗng nghe sấm dội lời kinh trên nguồn.

Tay cầm một sợi sắc không,
Ta bà thế giới thông dong bụi trần.
Biển đời như cánh phù vân,
Xếp thiên thư lại dưới chân Bồ Đề.

TIẾNG HẠC BAY

Thuyền bát nhã trôi quay vòng,
Có con hạc trắng trên không khóc òa.
Người từ bến giác bước qua,
Ta cơn ảo mộng xót xa tháng ngày.

Còn chẳng vài ngọn gió lay,
Còn chẳng vài giấc tỉnh say, quên đời.
Bên sông triệu cánh hoa rơi,
Trời cao một cánh
mây bơi ngược dòng.

Người về như nhánh cỏ hồng,
Ta con sông rộng,
bềnh bồng khói sương.
Chợt nghe tiếng hạc bay ngang,
Từ xa xưa đã hai hàng lệ vương.

Cùng trong một bến vô thường,
Chốn đi nắng hạn, mưa tuôn nẻo về.
Hát lên nghìn khúc cổ thi,
bỗng nghe câu niệm từ bi nhiệm màu.

Người về đâu?, Ta về đâu?

TUỆ TRUNG

Nhân mùa Phật đản 2022



BẾN THANH BÔI ĐÊM XUÂN DIỄN TUỒNG

**** NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM ****

*Nhớ nước Thanh Bôi gờn gợn sóng
Con đò năm cũ một chiều sương*
Tr. Ph.

Thuở ấy quê tôi chưa có những đoàn hát cải lương hay tân nhạc, kịch nghệ đến trình diễn như sau này. Mà họa hoằn lắm, bà con mới có dịp đi xem hát bội.

Năm đó sau tết Nguyên Đán độ chừng chín mươi ngày, có gánh hát bội Bình Định đi ghe bầu ngược dòng sông Tranh, về huyện nhà với ý định hát ba đêm liền vở tuồng lịch sử Phụng Nghi Đình mà bà con thường gọi tuồng Lữ Bố - Điêu Thuyền. Rất ư lạ thường, đêm đầu đoàn diễn trên mặt nước bến sông Thanh Bôi*, còn đêm hai và ba thì trên bờ hữu và bờ tả bến này.

Ngay buổi sáng bãi sông bên hữu đã được sửa sang bằng phẳng và dọn dẹp sạch sẽ. Gần bờ nước có đặt một dãy ghế dựa, phía sau là mấy hàng ghế thể, đó là khán đài danh dự dành riêng cho các quan chức từ Lý trưởng đến Huyện quan. Giữa dòng nước bến sông nơi đối mặt với khán đài có những con đò bỏ mui, ghép san sát nhau làm sân khấu nổi.

Thêm một đặc biệt nữa, về xem hát bội đêm nay, ngoài vợ chồng quan một Tây Đầm và các Chánh tổng, Lý trưởng trong huyện sở tại Tiên Phước, còn có quan một Tây, người cai quản xứ Trà My

đi cùng với bà vợ 'mọi' người Thái trắng, bà ta rất ư là đẹp.

Đến buổi chiều, khi mặt trời thánng Giêng mới vừa chéch bóng, bãi bờ bến Thanh Bôi bên hữu đã dày đặc người là người. Bao ông già bà cả, nhiều người luống tuổi đứng ngồi chuyện trò rôm rả. Nam thanh nữ tú, từng nhóm từng cặp cận kề đùa vui, hát hò, tâm sự hay dạo chơi dây đó, ... Họ thông dong chờ đêm đến, tuồng hát khai mạc. Bên tả, nhiều bà con có phần vội vàng, họ nôn nóng tìm cách sang bên bờ hữu đông vui nhộn nhịp và để chờ xem mặt Tây Đầm, và nhất là để ngắm nghĩa 'con vợ mọi' của quan Tây Trà My, nghe đồn nổi tiếng là đẹp, đẹp tuyệt trần, hơn cả nàng Tây Thi thời Chiến Quốc.

Chú Đương và cô Phan, thường ngày chuyên nghề đưa đò kiếm tiền gạo độ nhật, nghe nói đêm nay có đoàn hát về bến Thanh Bôi diễn tuồng. Thế là hai người đưa đò giúp bà con qua lại đôi bờ, mà chẳng chịu lấy một cắc tờ hào tiền công nào cả.

Hai chiếc đò ngang của cô chú lẹ làng tách sóng như hai con thoi, đưa bà con từ bên thôn Ba bờ tả sang bờ hữu thôn Hai. Nhờ biết cách cho đò nương theo luồng gió hoặc xuôi theo dòng nước để đò tự rẽ nước, chênh chéch chạy tới cặp

bờ. Thế nên lắm khi tay vừa buông lời được mái chèo, miệng cô chú liền cất tiếng hát hò khoan huê tình, làm nhiều bà con ngồi đờ sang sông hứng khởi, lại có được dịp trở tài. Họ nhập cuộc, hòa nhau nổi lên hò qua đáp lại, rân trời dậy đất. Bến đò Thanh Bôi, ngày thường vốn quanh quệ đìu hiu, nay bỗng dựng đông đúc người là người, vang vang đầy đặc tiếng nói tiếng cười, tiếng chào hỏi, mời gọi, tiếng hát hò... Lòng dạ ai nấy phấn chấn tươi rói, mơ màng như nắng sớm mùa xuân, như đêm trăng chim hót, như mở cờ, mở hội trong bụng...

Trăng đêm mười sáu tháng Giêng tròn vành vạnh đổ ánh sáng vàng, dịu dàng trải tràn bãi bờ, sông núi, dát vàng dát bạc trên mặt nước; sương đêm Thanh Bôi lưa thưa nhẹ bay lất phất như tơ trời giăng mắc. Bầu trời chùng chất những lớp mây xanh, mây trắng trôi dập dềnh chầm chậm. Ở đỉnh hòn núi Chùm Bì, đứng sừng máy cụm mây hồng cam sáng ngời ngời. Hai bên bờ bến nước hàng hàng cây đuốc đốt lên cháy bập bùng, tỏ rạng đất trời, lung linh sông nước...

Người người ngồi chật ních trên bãi, sắp dài dài trên hai bờ sông, nhón nhác, nhưm người nhưm mắt nhìn ra bến nước, chờ đợi. Bỗng nhiên tiếng cổ nhạc văng vẳng đâu đó xa xa. Ai nấy im phăng phắc như tờ, ngơ ngác lắng nghe. Âm thanh lắng đọng ấy cứ theo từng cơn gió xuân hanh se bay tới, lần hồi càng nghe réo rắt. Tất cả rảo mắt lắng tai dõi theo. Từ một góc khuất của khúc quanh con sông Tiên, một bóng người hiện ra, thong thả lướt xuôi trên

dòng nước, tiến dần dần về hướng bà con xem hát. Tiếng cổ nhạc càng lúc càng tới gần càng rộn rã, vui nhộn nghe rõ mồm một. Liền, bóng người ấy lộ diện hẳn là một võ tướng uy nghi, tay cầm cây kích trượng ngàn cân đứng trên mạn thuyền, theo sau là ba con đò dàn hàng ngang chở ban cổ nhạc. Thuyền họ lướt nhanh đến cặp bến** giữa dòng sông. Ban nhạc vẫn cứ tiếp tục hòa tấu: nào tiếng kèn, tiếng trống cơm, đờn cò, đờn kim, tiếng mõ, phèng la, tiếng sênh, tiếng phách... thi nhau trỗi lên inh ỏi một lúc lâu rồi im phăng phắc. Cả bến nước, bờ bãi lặng câm. Bỗng nhiên tiếng trống cơm gióng lên một hồi dài, rồi thong thả đánh từng nhịp một. Người võ tướng ấy mặt đỏ như son, chững chạc từ mạn thuyền bước qua sân khấu, đi mấy vòng theo nhịp trống. Bà con ai nấy xôn xao, mặt mày tươi rói, có nhiều tiếng người đồng loạt la lên:
- Lữ Bố! Lữ Bố ra rồi. Bà con ơi!!!

Đúng là Lữ Bố, con nuôi của quan Đổng Trác, họ Đổng đã mấy lần âm mưu cướp ngôi nhà vua, thâm tám thiên hạ về tay mình. Lữ Bố tướng mạo oai phong lẫm liệt, mình mặc nhung y võ tướng, bên ngoài nai nịt giáp thiết, đầu đội mão sắt trên đỉnh có đính ba viên ngọc quang sáng lấp lánh, tay trái cầm một cây roi ở đầu có gắn một chòm lông đen, đó là con ngựa thần ô, tay phải cầm một cây kích trượng múa vòng vo tít mù. Miệng đỉnh đạt hát:

- Như ta đa ây.. là..àà Lữ Bố, quý tử của ngài thái sư lừng danh Đổng Trác. Ta là thiên tướng triều đình...

Mỗi khi tướng quân ra điệu bộ hát, lúc lên giọng khi trầm lắng, ngâm nga xuống câu, thấy thật điệu dàng hùng dũng, nghe thật khoáng đạt hào hứng... Liên tiếng trống chầu ở trên khán đài danh dự nổi lên giục giã một hồi. Từ đám đông bà con xem hát có những thẻ bài bay lên sân khấu để khen ngợi tán thưởng.

Mãi mê hát một lúc, tướng quân ra điệu xuống ngựa, gác kích, nét mặt buồn rười rượi, đưa mắt nhìn trời mây, sông nước, nhẹ nhàng buông lời:

- Hỡi ơi... ơ ơ...! Điêu Thuyền, nàng giờ này ở nơi đâu, sao không vội đến để cùng ta tâm sự, ái ân cho thỏa lòng mong đợi bấy lâu...

Tiếng kéo đàn cò, tiếng khảy đàn bầu đàn kim vẳng lên tỉ tê sầu đứt ruột, một đổi rồi bật im.

Giai nhân Điêu Thuyền diện xiêm y lộng lẫy, mặt hoa, mày ngài mắt phượng đang trên thuyền, ngược nước sông lướt băng băng đến cập bến, đứng đợi. Tướng quân Lữ Bố vội vàng bước xuống thuyền mình. Cả hai cùng tách bến. Trăng mười sáu sáng vằng vặc, bầu trời xanh cao vời vợi, bến nước Thanh Bôi trong ngần, dịu dàng mang mát. Hai thuyền của gái thuyền duyên và trai anh hùng cận kề bên nhau cùng lướt nhẹ nơi này nơi nọ trên mặt nước, lúc ở giữa dòng, lúc cận kề bờ hữu, lúc sang bên kia bờ tả, khi dừng thuyền dìu nhau bước lên hòn cù lao Gềnh Giăng đứng ngồi cận kề dưới bóng cây bạch lan cổ thụ. Đôi bóng tình nhân in trên bầu trời xanh cao lồng lộng, ẩn mình lung linh xuống lòng sông nước thăm

thăm. Ở những nơi thuyền họ đến, Lữ Bố - Điêu Thuyền điệu dàng cất tiếng hát thiết tha rót mật, tỏ bày nỗi lòng thương yêu nhớ nhung da diết, bao lời thề non hẹn biển, nguyện ước trọn đời trọn kiếp sống thác có nhau...

Mỗi lần Điêu Thuyền - Lữ Bố ra điệu bộ hát hết lời tâm sự, lúc lên giọng vút cao, khi xuống giọng trầm lắng.Ồ hay, nghe sao lúc thì nồng nàn âu yếm dạt dào, khi thì thiết tha mùi mẫn,... Lập tức, tiếng trống chầu ở khán đài danh dự nổi lên giục giã liên hồi. Từ đám bà con ngồi xem hát, từng loạt thẻ bài xẻ gió vùn vụt bay lên rót xuống mạn thuyền của Điêu Thuyền-Lữ Bố để khen thưởng...

"Đến đây, màn một vở tuồng Lữ Bố-Điêu Thuyền chấm dứt, kính xin quý vị và bà con chờ xem màn hai không bao lâu nữa sẽ tiếp tục diễn". Đó là lời tuyên bố của ông bầu, trưởng đoàn gánh hát. Người người vỗ tay vang dậy như pháo nổ.

Trong lúc ngồi chờ vở tuồng tiếp diễn, trong đám bà con xem hát râm ran bao lời bình phẩm, khen ngợi hai vai diễn Điêu Thuyền và Lữ Bố:

- Đẹp quá chừng.
- Một cặp tiên nhân xuống trần.
- Thật là trai tài gái sắc.
- Đúng là trai anh hùng sánh gái thuyền duyên, mới phải.

. . .
Chỗ nhóm nam thanh nữ tú có tiếng chạt lưỡi thì thầm:

- Kiếp sau cầu xin cho tui được đi đầu thai thành Lữ Bố, thì thỏa lòng biết mấy.
- Còn tui là nữ tiên nga Điêu Thuyền...

Có lắm tiếng cười rúc rích. Chắc là trong số họ có biết bao cặp trai gái ao ước sẽ là Lữ Bố-Điêu Thuyền ở đời nay.

Ban nhạc trống lại nổi lên rộn ràng, giáo đầu báo hiệu màn hai của vở tuồng sắp mở màn. Mọi người im lặng hướng mắt qua sân khấu nổi giữa sông. Chờ đợi.

Tại tư dinh của Vương Doãn, một công thần trung tín, tài trí của nhiều đời vua và là cha nuôi của Điêu Thuyền; hôm ấy hai cha con gặp nhau, ngồi thì thào nói chuyện một buổi lâu; trong lúc chuyện trò, thỉnh thoảng, Điêu Thuyền nâng khăn lau nước mắt chảy dòng. Bỗng dưng, ngày hôm sau Điêu Thuyền lên kiệu hoa về làm thiếp cho Đổng Trác, bỏ rơi người yêu thề bồi Lữ Bố, khiến chàng chết điếng, lòng dạ khổ đau bời bời, bầm gan tím ruột căm tức thấu trời.

Một hôm, Lữ Bố hùng hùng hổ hổ, tay cầm lăm lăm cây kích trượng, cỡi con thần ô phóng bay như tên bắn đến biệt phủ của cha nuôi Đổng Trác, quyết hỏi cho ra cơ sự nào. Đúng lúc, Đổng Trác đi vắng. Gặp Điêu Thuyền, nàng ẻo lả liếc mắt đưa tình với Lữ Bố, rồi nói:

- Tướng công hãy ra vườn hoa ở mé Đông khuất vắng, chờ, thiếp sẽ đến để cùng chàng tâm sự.

Gặp nhau, Điêu Thuyền khóc sụt sướt, mặt mày ủ ê, than vắn thở dài với Lữ Bố:

- Ôi! Chàng ơi, Thái sư Đổng Trác dâm ô, ý quyền thế, ép ổng thiếp đem về đây cưỡng bức đêm ngày. Khiến thiếp phải lâm cảnh nhục nhã, xấu hổ quá

chùng. Nói xong, Điêu Thuyền rướn người định nhảy xuống ao sen tự vẫn. Lữ Bố liền ôm chặt Điêu Thuyền giữ lại. Nhằm lúc ấy, Thái sư Đổng Trác trở về tư dinh, thì Điêu Thuyền vắng nhà, nên đi tìm. Thấy cảnh Lữ Bố đang ôm ấp Điêu Thuyền, liền nổi máu ghen, điên tiết, bèn cầm gươm đâm Lữ Bố, nhưng trượt. Lữ Bố lên ngựa phóng chạy mất dạng. Đổng Trác quá tức giận, mặt hầm hầm, miệng cười khanh khách, chỉ mặt Điêu Thuyền rồi quát:

- Nà..ày này! Con kia giỏi thật, sao mi lại to gan lớn mật dám tư tình với con ta, hả?

Điêu Thuyền tay vân vê tà áo e thẹn, nước mắt dàn dụa, điệu đàn cuối đầu thưa:

- Ô...ôi! Oan quá, oan quá, vì rằng thiếp đang dạo chơi thưởng ngoạn hoa ở đây, thì Lữ Bố đến, nó muốn dờ trò ỨC ẾP thiếp. Thiếp định nhảy xuống ao sen tự vận để giữ vẹn nghĩa tình phu thiếp với ngài, nào ngờ nó cứ ôm riết lấy thiếp. May nhờ ngài tới kịp cứu thiếp. Ớn trời bể ấy thiếp luôn ghi lòng tạc dạ, suốt đời nguyện nâng khăn sửa túi cung phụng ngài mãi mãi cho đến thác mới cam...

Từ đám đông bà con khán giả xem hát, rân ran tiếng xầm xì bàn tán. Máy người đứng vụt lên quơ tay múa chân, lớn tiếng mắng nhiếc Điêu Thuyền:

- Con đó là con nặc nô, thay lòng đổi dạ như trở bàn tay, thật là phường điêu ngoa quỷ quyệt.

- Điêu Thuyền là con đĩ điếm, một mặt hai lòng, độc địa tựa loài lang sói.

- Sang mà dệnh nó mấy bạt tai cho bỏ ghét, bà con ơi!

...

Có một bà quá căm ghét Điêu Thuyền đến hết biết trời trăng sông nước, chẳng cầm lòng nổi, đứng vụt dậy chạy phăng qua chiếc bè tre làm cầu nổi đến sân khấu, cầm quạt mo cau đánh Điêu Thuyền đến tới tấp. Hiền lành như chú Đương chèo đò, lúc ấy tay cầm chặt mái chèo, cũng đang chạy qua sân khấu định đánh con Điêu Thuyền một trận.

Đến nước này, chánh tổng Đoàn lập tức sai Lý trưởng lên can ngăn:

- Hai người kia! Cớ nào đánh người ta. Sao ngu quá rứa hỉ. Có biết đây làm đêm hát bộ diễn tuồng, người ta đóng giả Điêu Thuyền chứ đâu phải Điêu Thuyền thật sự ngoài đời!

Nói xong, Lý trưởng phát lệnh:

- Mấy anh trùm đầu tới đây bắt hai kẻ này cho ta.

Trên khán đài danh dự, có người can ngăn việc bắt tội hai kẻ bày tỏ cử chỉ hành hung với người hát vai Điêu Thuyền, nên cả hai được tha và được ở lại tiếp tục coi hát như thường.

Trong đông đảo bà con coi hát, những người phần nộ sực tình. Tiếng ồn ào lắng xuống. Thì, những hồi châu nổi lên giục giã vang dậy. Lúc tiếng trống vừa ngưng, người cầm châu mặt mày tươi rói vui cười nói oang oang:

- Tuyệt cú mèo. Diễn vai Điêu Thuyền hay quá độ, tưởng chừng như chính Điêu Thuyền thật ngoài đời ở thời kỳ loạn nước bên Tàu.

Nói xong, ông ta cầm một nắm thẻ bài trên chực cái, thông dong qua cầu nổi đến sân khấu trao thưởng đến người nữ nghệ sĩ đóng vai Điêu Thuyền. Tiếp nói, tiếng tiếng vỗ tay đồng loạt nổi lên rân rạn đất, dậy trời tưởng chừng như không ngớt. Khi tất cả trật tự đâu vào đấy. Đêm hát bộ Bình Định tiếp tục diễn phần một vở tuồng Lữ Bố-Điêu Thuyền cho đến hết.

Mãn hát, bà con một số ra về, còn nhiều người lên Hội Lâm để tiếp tục vui chơi hội hè đình đám mùa xuân. Trên đường đi họ chuyện vãn bàn bạc rôm rả về đêm diễn tuồng vừa qua: nào Kẻ thương người ghét Điêu Thuyền, người phục tài nghệ hoặc chê bai trí đoán của Lữ Bố, hay thù hằn Đổng Trác phản trắc, ngay cả Vương Doãn cũng bị lôi ra mà khen trí trá hay chê trách bất nhân tàn nhẫn...

Còn hai vợ chồng Quan Một Trà My về lại tư dinh. Lúc xe họ đang chạy lên dốc đèo Liêu, thấy có mấy tảng đá núi nằm choán cả đường, phải dừng. Khi quan vừa ra khỏi xe thì từ chỗ sườn núi gần sát hai bên đường, có mấy toán thanh niên người Thượng nổi bật lên, đồng loạt giương cung nhắm bắn tới tấp vào ông ta và hai người lính hầu cận. Tất cả đều bị thương. Một toán Thượng tràn xuống đường cầm dao đâm chết quan một người Tây. Một toán nữa bắt trói hai lính hầu cận bỏ nằm tại chỗ, và dẫn người đàn bà Thượng, vợ quan Tây xinh đẹp trở về lại buôn làng, đoàn tụ với bà con, tộc họ người Thái trắng.

Riêng gánh hát bộ Bình Định ai nấy đều thức gần hết đêm ấy, lo sắm sửa một mâm cỗ bàn thịnh soạn, cúng tạ tổ nghiệp và cầu xin tổ sư phù trợ hai đêm diễn tuồng tiếp theo được thành công mỹ mãn. Nhưng, hai đêm sau tiếp diễn vở tuồng Lữ Bố - Điêu Thuyền trên đôi bờ bến nước Thanh Bôi bị bãi bỏ vì cái chết vừa rồi của quan một Tây, người cai quản xứ thượng du Trà My.

Và, đêm diễn vở tuồng dang dở ấy cũng là đêm hát bội cuối cùng ở quê tôi. Bởi từ đó chiến tranh chết chóc, ly cách, thương đau ập đến với bà con quê nhà. Sau ba mươi năm, khi ngưng tiếng súng tiếng bom đạn, thì lớp người mê hát bộ thời buổi ấy hầu như đã quá vắng, còn

sót lại những người thuộc lớp trẻ, họ chỉ thích bộ môn giải trí cải lương tân nhạc, kịch nghệ mà thôi. Nên chi, những gánh hát bộ Bình Định, Châu Ổ... chẳng khi nào thấy léo hánh về quê tôi một lần nữa./.

NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM

** Sông Thanh Bôi chỉ là một khúc của con sông Tiên thuộc huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Sông Thanh Bôi xưa kia có bến đò Thanh Bôi nổi tiếng đẹp mơ màng.*

*** Bến giữa dòng sông tức là sân khấu nổi ở trên mặt nước sông.*



BUỔI ĐÔNG SANG

*Mưa gào gió thét buổi đông sang
Chó đuổi ma trôi cuối nghĩa trang
Dưới luống đất cày xương trộn lẫn
Trong dòng sông chảy máu hòa tan
Làng quê nồng nặc mùi người chết
Cảnh sắc hoang lương suối lệ tràn
Có xác em thơ trôi xuống biển
Đôi bờ hoa trắng phủ cờ tang.*

Lý Hiểu

Tôi Đi Dạy Trường Mỹ...

** THU LÊ **

Khi tôi sang đất Mỹ theo làn sóng tỵ nạn năm 1975, tôi không hề nghĩ là mình sẽ tiếp tục nghề dạy học, nhất là lại dạy học sinh Mỹ. Sáu tháng đầu, khi các trường học ở Hoa Kỳ, nhất là California, đang lúng túng không biết phải làm gì với các học sinh Việt Nam bất thành linh kéo nhau vào ngưỡng cửa trường, tìm được những người như tôi chắc họ phải mừng lắm. Tôi có việc ngay, cùng với một cô giáo Mỹ, lo phụ trách lớp dạy Anh ngữ cho khoảng 20 con em Việt Nam đủ cỡ tuổi ở vùng Ventura. Sau 6 tháng khi khóa học chấm dứt, các em được gửi về trường để nhập vào dòng chính (main stream), tôi được nhận vào dạy giờ và sau đây toàn thời gian ở trường trung học tráng niên Ventura (Ventura Adult High School) giúp đỡ các học sinh Mỹ tuổi từ 16 trở lên. Các học trò của tôi đa số ở tuổi 18, 20 là những học trò không theo được những quy tắc gò bó của các trường trung học thường (học từ 8 giờ sáng đến 3 giờ chiều), muốn tà tà đi làm thêm, thích vui chơi, không có mộng đi học tiếp đại học, hoặc thiếu một hai lớp và có thể là không có đủ số lớp để tốt nghiệp cùng với các bạn. Tôi có đủ các thành phần học sinh và nhận thấy dạy ở trường này “gay go” hơn ở các trường trung học thường vì các học sinh đa số thuộc loại “chì”, không được ngoan như học sinh các trường kia. Ngoài ra cũng có những học sinh lớn tuổi, cỡ 30, 40 hay già hơn. Có vài ông bà nội ngoại tuổi

50, 60 muốn trở lại trường thực hiện giấc mơ lúc còn trẻ chưa đạt được (học hết trung học) để cảm thấy hãnh diện với con cháu. Một bà quyết định đi học lại để làm gương cho 2 đứa cháu ngoại mà bà đang nuôi sau khi bố mẹ chúng ly dị nhau và mỗi người một ngả. Có bà lấy chồng lúc chưa học hết trung học, ở nhà giúp chồng nuôi con khôn lớn. Lúc đứng tuổi thì chồng bỏ đi theo người trẻ hơn. Bà bị ném ra ngoài đời không có một nghề gì, phải đi học lại để hy vọng đi làm và tự dọn cho cuộc đời sắp tới của mình.

Trong thời gian 25 năm dạy trường tráng niên Ventura, tôi đã học được rất nhiều, biết nhiều về đời sống và cơ cấu gia đình Mỹ, biết nhiều về thanh thiếu niên cùng cỡ tuổi của các con mình. Hàng ngày tiếp xúc với bọn trẻ Mỹ, tôi để ý, cảm nhận nhiều hơn những sự khác biệt về văn hóa, nhận biết về chính mình và văn hóa mình, ý thức được sự khác biệt của cá nhân tôi trong môi trường văn hóa Mỹ. Những buồn phiền bực bội phải có vì mình bước vào một văn hóa khác khi tuổi đã lớn và sự thay đổi hoàn cảnh bất chợt và không được bình thường vì là dân tỵ nạn, cùng những cố gắng hội nhập hay vùng vẫy để vượt qua những khó khăn do cái “khác” của mình trong hoàn cảnh mới cũng để lại nhiều kỷ niệm vui buồn.

Tôi nghĩ là ai ở vào thời điểm đó (1975) bỗng nhiên phải rời bỏ quê hương sang

một nơi xa lạ đều gặp khó khăn trong vấn đề hội nhập. Khi tôi có việc ngay, tôi tự cho là may mắn đã được tiếp tục theo đuổi nghề dạy học mà tôi vẫn cho là một nghề cao đẹp và lý tưởng. Nếu chỉ kiếm được một việc gì làm văn phòng hoặc “phía trong hậu trường sân khấu”, không phải tiếp xúc với đám đông thì chắc là thoải mái về tinh thần hơn, hoặc là không thấy rõ việc hội nhập trở thành một vấn đề. Hoặc nếu chỉ ở nhà trong sự bao bọc của gia đình nhỏ thì cũng cảm thấy an toàn và đỡ bị khắc khoải, dằn vặt cùng cảm tưởng cô đơn thấy mình không giống ai. Cũng có thể đấy chỉ là tâm sự của riêng tôi.

Những ngày đầu tiên đi dạy trường trung học tráng niên Ventura, tham dự những sinh hoạt khác lạ của học trò Mỹ, tôi không khỏi so sánh với những ngày tôi còn dạy ở Việt Nam. Tôi còn nhớ một buổi họp mặt cuối năm ở Ventura mà tôi tham dự lần đầu tiên do học trò của 3 lớp tổ chức chung. Mỗi người, thầy cũng như trò, đều mang một món ăn để góp vào. Tôi cứ đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác khi thấy học trò xếp đồ ăn ra bàn, vấn tắt tuyên bố nhập cuộc, rồi tự động xếp hàng lấy đồ ăn, rồi kéo nhau ra ngồi từng nhóm, từng cặp. Chẳng ai phải mời ai, trò không thắc mắc gì đến các thầy cô, không nhường thầy cô lấy đồ ăn trước nói gì đến việc lấy đồ ăn cho thầy cô. Chẳng có lời “phi lộ”. Cũng chẳng thấy ai yêu cầu ai hát hay làm cái gì cho vui. Ông phụ tá hiệu trưởng và cũng là giáo sư cố vấn bước vào trễ, chẳng thấy ai đứng lên mời mọc gì. Ông nhìn quanh, thấy một học sinh chắc là ông đang kiếm đang ngồi ăn một

minh. Ông lại gần, quỳ khuyu một chân xuống để được nói chuyện với con nhỏ và nhìn thấy mặt nó trong khi con nhỏ vừa tiếp tục ăn vừa trả lời. Nói xong ông đứng lên, cầm đĩa giấy để lấy đồ ăn và đi tìm đồng nghiệp đang ngồi ở cuối phòng. Tôi đứng đó, cứ nghĩ hoài về những ngày còn ở trường LVD mà tôi đã dạy trong thời gian ở VN với những bữa tiệc tất niên vui nhộn, sửa soạn tung bừng, và thầy trò thân thương, thấy mình lạc lõng và buồn ghê gớm. Những gì trước mắt tôi không phải là dở, là sai, là tệ. Nó chỉ nhắc nhở tôi là tôi ‘khác’. Mấy đứa học trò ngồi ăn với nhau, rồi bỏ ra ngoài hút thuốc. Thế mà cũng gọi là party! Hôm đó tôi chẳng ăn gì mấy vì... chẳng có ai mời, và cũng không cảm thấy tự nhiên ăn uống đi lại. Tôi biết văn hóa tôi đã cho tôi quá nhiều ‘self-consciousness’, quá nhiều thắc mắc sợ thiên hạ nghĩ về mình như thế nào, và cũng cho nhiều sự rụt rè nhút nhát (inhibitions), nhưng biết làm sao đây? Làm sao mình có thể thay đổi một sớm một chiều được?

Những tuần lễ đầu tiên dạy trường Mỹ tôi thật lúng túng vì không làm sao nhớ nổi tên và mặt mũi mấy đứa học trò. Mình không có thói quen nhìn thẳng vào mặt người đối thoại lúc nói chuyện, chỉ thoáng thấy đứa nào cũng da trắng giống nhau, và đứa nào cũng cao lớn hơn tôi. Tôi than thở với đồng nghiệp, “Tôi không thể nhớ nổi mấy đứa này. chúng nó đều giống nhau”. Các bạn Mỹ của tôi phá lên cười bảo: “Chúng tôi cũng nghĩ các ông bà Á châu giống hệt nhau!” (We think you Asians look alike, too!) Sau quen dần, bắt đầu để ý đến

màu tóc, màu mắt đi theo với cái tên mà thấy dễ nhớ hơn. Chẳng hạn như tên Lopez thì biết là gốc Tây Ban Nha, La Belle là gốc Pháp, Bruno là gốc Ý, vân vân...

Tuy gọi là trường trung học tráng niên nhưng đa số là học trò dưới 18 tuổi. Các học sinh đến học vào giờ khác nhau tùy theo sự thuận tiện của họ, nhưng phải đến theo đúng giờ đã định. Một hôm, cô học trò tóc vàng rất trẻ của tôi đến trễ, tới bàn giấy của tôi và nói, “Bà Lê ạ, tôi đi trễ vì tôi kiếm mãi mới được người trông con cho tôi”. Tôi vui vẻ chấp nhận, “Không sao em. Mà em còn trẻ thế mà đã có gia đình rồi à?” (It's ok, dear. Oh, you're married? You're so young!) Cô bé tròn mắt nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên, “Không, tôi chưa có chồng. Mà sao bà nói vậy?” (“No, I'm not. Why did you say that?”) Lúc đó tôi mới nhận ra là mình đã nói một câu “lãng nhách” vì cứ đem cái đầu óc cổ hủ Việt Nam của tôi ra mà phán đoán. Ở Việt Nam thì ai nói về con mình một cách hồ hởi như thế thì phải là có chồng cưới hỏi đàng hoàng, còn không thì dấu nhem đi chứ!

Lại nhớ đến vốn liếng Anh ngữ của mình lúc còn đi học, những lỗi lầm về văn phạm hay văn hóa mà ngay cả bây giờ, những lúc xuất kỳ bất ý tôi vẫn mắc phải hoặc còn thấy ở bạn bè người Việt dù ở Mỹ đã lâu năm. Hồi tôi sang Mỹ tu nghiệp trước năm 75, tôi còn nhớ người bạn Việt của tôi viết 1 mảnh giấy nhỏ cho tên bạn cùng lớp, bắt đầu rất trịnh trọng, “Dear Mr. John,” không biết rằng khi đã thân mật gọi tên John thì không cần Mr. gì cả và nếu muốn dùng Mr. hay Mrs. thì

phải dùng với tên họ như Mr. Jones, Mrs. Phạm, Mr. Trần, v.v. Chắc anh bạn cũng chỉ chú mục vào chuyện dịch như mình vẫn thường gọi ông Ba, bà Tám chứ không biết “dịch là phản dịch”!

Cũng vấn đề “mắc dịch” đó, mình hỏi người ta, “Cô có chồng chưa?” bằng câu, “Are you married yet?” hoặc khi bị hỏi câu đó thì các cô gái Việt hay trả lời “No, not yet” thay vì “Are you married?” và câu trả lời đơn giản, “No, I'm not.” hay “Yes, I am.” Câu trả lời “No, not yet” bao hàm một sự hứa hẹn rất là ... văn hoá Việt rằng: “Tôi chưa có chồng và con gái lớn ai không phải lấy chồng?”

Rồi lại có vấn đề lúng túng trong việc trả lời “có” hay “không”. Tiếng Việt mình, nhất là ở miền Nam, cái gì cũng trả lời “Dạ” cả thì biết đâu mà đoán. Chẳng hạn mình hỏi, “Chị không thích cái đó phải không?” (You don't like it, do you?) thì thế nào các bà giáo Mỹ cũng được nghe câu trả lời từ học trò Việt, “Dạ, em không thích” (dịch đúng từng chữ thì cô nữ sinh nói như thế này ‘Yes, I don't like it’) làm bà giáo Mỹ lại ngẩn mặt ra, không hiểu rằng ý cô học trò Việt muốn nói, “Dạ, tôi đồng ý với điều bà nói, tôi không thích nó.” trong khi đáng lẽ phải trả lời, “No, I don't like it.” hay “Yes, I do.” Đến chữ “can” và “cannot” thì còn... mê hồn trận hơn nữa. Bà giáo Mỹ luôn luôn phải hỏi lại “You can or you cannot?” Phần tôi, cũng có rất nhiều lần, không chú mục vào việc làm, tôi xếp hồ sơ học trò theo tên gọi như trong tiếng Việt (như em Anne, cô Lan, anh Doug v.v. thay vì theo họ (last name) như của Anne là Murray, cô Lan là Trần và của anh Doug

là Lopez), và báo hại khi cần đến tìm hoài không ra.

Nhiều khi mình cũng có quan niệm người Mỹ rất là tự nhiên, rất là “casual” nên có khuynh hướng lạm dụng sự thân mật đó. Hồi mới sang Mỹ, ngoài thời giờ dạy trường ban ngày, tôi còn dạy thêm lớp ESL (English as a Second Language) buổi tối. Lớp tôi bên cạnh lớp 1 cô giáo Mỹ, mà tôi cứ nghe một học viên cứ gọi cô giáo nheo nheo, “Linda, Linda, I want to say...”. Thực sự, ở trường học, các trò luôn luôn phải gọi thầy cô bằng Mr. hay Mrs. chứ không được gọi tên trống không. Họ của tôi là Lê nên các học trò gọi tôi là Mrs. LE (đọc gần như là “Lay” chứ không phải là Lee). Một hôm đến trường, nhìn vào bảng tên tôi vẫn để trên bàn, thấy có trò nào nghịch đã viết thêm chữ Z (đọc là zee) vào sau tên của tôi! Và mấy trò được một mẻ cười vì khi đọc tên tôi lên bằng 2 vần (LE +Z) thì nghe giống như chữ Lazy của tiếng Anh và thế là tôi được danh hiệu “Bà giáo lười”!

Những ngày dạy ở VN tôi không hề hoặc không phải nghĩ về pháp lý như ở đây. Lúc nào cũng ngại làm không đúng luật, sợ bị kiện. Nhưng dù có lưu tâm đến đâu, mình được tôi luyện trong “lò” cũ, vẫn không tiên đoán hay nghĩ ra được những chuyện sẽ xảy ra. Chỉ học dần bằng những kinh nghiệm sống! Tôi còn nhớ lần trả lời điện thoại một phụ huynh hỏi con trai bà có đi học không. Tôi xem sổ lớp và trả lời “không”. Ngày hôm sau vào lớp, tên học trò vắng mặt hôm trước gặp tôi bèn máng vồn, “Bà không có quyền bảo mẹ tôi là tôi không có mặt ở

trường? Tôi đã trên 18 tuổi, tôi đi đâu ở đâu là chuyện của tôi chứ?” Lúc đó tôi mới khựng lại, nhận ra rằng đây là trường học tráng niên, người ta làm gì là chuyện riêng của người ta, không ai có quyền “xía vớ” kể cả cha mẹ. Lần sau, tôi khôn hơn một chút, có ai gọi vào hỏi về học sinh trên 18 tuổi, tôi trả lời, “Bà cứ để lại lời nhắn, nếu anh ta có ở đây thì tôi sẽ chuyển”. Như vậy, mình không khẳng định là có ở đây hay không mà vẫn phụng sự người gọi như yêu cầu.

Cũng để bảo vệ quyền của cha mẹ trong trường hợp này, với vài chàng thanh niên ‘cà chớn’ trên 18 (thành niên nhưng chưa thành nhân, hay bắt nạt ông bà già để vừa được ăn vừa được nói) mà cha mẹ vui lòng cưu mang với điều kiện người con phải đi học để đánh đổi lấy việc ăn ở “miễn phí” thì cha mẹ cũng phải bắt chàng viết một cái giấy bằng lòng, một waiver để cha mẹ kiểm soát “sự đi về của mình” với trường trung học tráng niên...

Có những lần, tôi biết chắc tên học trò đó đang dùng “thuốc ghiền” vì cứ nhìn hấn ngòai cả giờ mà không giờ một trang sách, mắt thì đỏ ngầu như người thiếu ngủ, lại gần thì ngửi thấy mùi hăng hắc. Nhưng tôi phải rất thận trọng không buộc tội khi không biết quả tang có thuốc trong người, mà chỉ có thể viết vào hồ sơ là “Tôi nhận xét thấy mắt anh ta mờ dần...” (I observe his eyes are glassy), chứ không viết là “Anh ta đang dùng thuốc ghiền” (He is on drugs), mình có thể bị kiện lại thì phiền quá!

Tôi thám thía được cái quyền tự do và trọng cá nhân người ở xứ Mỹ. Tôi còn nhớ trước khi nhận dạy đám trẻ em VN mới sang năm 75, cô giáo dạy Mỹ sẽ dạy cùng với tôi đưa tôi đi gặp tất cả các em nhỏ sẽ vào học, kể từ 6 tuổi trở lên, hỏi ý kiến các em, bảo cho biết về chương trình, hỏi có muốn học không, nghĩ thế nào. Tôi lẽo đẽo theo cô Eileen, nghĩ thầm trong bụng, “Con nít biết gì mà cũng bày đặt hỏi ý kiến.” Ở nhà mình con trẻ hỏi gì là bị mắng tới tấp, không được nói leo, nói gì đến việc hỏi ý kiến. Bây giờ thì đã quen rồi, tuy vẫn nghĩ con trẻ ở đây được nhiều “quyền” quá, được trọng quá và tất nhiên là được bảo vệ tối đa chỉ vì chúng nhỏ hơn mình, không tự lo được. Đây có phải là niềm kiêu hãnh của một văn minh dân chủ, một văn hoá mà con người rất kiêu hãnh vì được sinh ra là đã tự do (born free) với cái tự do cá nhân bất khả xâm phạm.

Tôi không khỏi nghĩ tới các thầy cô VN (trong đó có cả tôi) đã có những lúc trừng phạt cả lớp vì một vài em nói chuyện và tiếc là mình chẳng còn được áp dụng lối phạt “hội đồng” đó với học trò Mỹ! Tôi phải tập không giận dữ hay to tiếng với học sinh nào trước mặt cả lớp vì không vì lý do gì những đứa kia không làm lỗi mà phải nghe hay nhìn thấy sự đụng độ. Nếu cần chỉnh một học sinh nào, tôi (phải học) rất nhẹ nhàng, từ tốn, ngoắc hẳn ra ngoài hành lang nói nhỏ, rồi hoặc là cảnh cáo rồi bỏ qua, hoặc là viết giấy (referral) cho hẳn cầm lên văn phòng gặp giáo sư cố vấn. Và nếu hẳn được gửi trả về lớp, mình lại coi như không xảy ra chuyện gì, phải cho hẳn một cơ hội thứ hai (second chance)

chứ không được trù ẻo hẳn cả khoa học.

Tôi phải nhận rằng người Á đông mình nói chung rất nóng nảy, và vì vậy những sự đụng độ nhiều khi trông không được đẹp lắm. Người xứ văn minh có những lối cư xử trầm hơn và tất nhiên là có điểm bất lợi là vì không “xả” ra ngoài nhiều nên dễ bị đau bao tử hơn vì tích tụ âm ức trong lòng! Sau này khi thấy những vụ đụng độ lớn, những mass shooting, v.v. được tường thuật trên báo chí, mình dường như hiểu được những bức bối, những dồn nén lâu ngày và cuộc sống cá nhân chủ nghĩa không chia sẻ được với ai, có thể đã đóng góp một phần không nhỏ trong việc đưa đến những bùng nổ giận dữ điên rồ... Nhưng cũng phải nhận là có trầm tĩnh, tôi giải quyết được nhiều điều dễ dàng hơn, có kết quả hơn là trong lúc nóng nảy hay căng thẳng thần kinh. Và cũng vì coi trọng con trẻ - cũng là những cá nhân biết suy nghĩ như mình - tôi thông cảm với các con tôi hơn, nhất là khi thấy chúng đang bị giằng co giữa 2 nền văn hoá, hấp thụ ở trường và ở nhà. Tôi nhận ra rằng các con tôi ở trường tới 7, 8 tiếng đồng hồ và gặp tôi nhiều lắm là 3 giờ một ngày, và khi ở trường thì chúng đang được học thế nào là tự do, dân chủ, quyền cá nhân, v.v. Tôi nhìn các học trò Mỹ của tôi, nghĩ đến các con tôi, thấy cách gì con tôi cũng “ngoan” hơn các học trò Mỹ, nên tôi trở nên dễ dãi, thông cảm với các con hơn, có lẽ khá hơn hình ảnh bà giáo già khó tính đeo kính trễ xuống sống mũi mà mọi người thường tưởng tượng!

Những năm dạy trường Mỹ đã luyện cho tôi quên được cái tôi to tướng (big ego) của người làm thầy ở VN. Hồi đó tôi luôn luôn mang ý tưởng thầy là phải biết tất cả và cảm thấy bối rối hổ thẹn khi học trò hỏi cái gì mà tôi không trả lời được. Quan niệm "thầy" ở xứ này không khác hơn một người làm công xưởng. Thầy chỉ là một người đi tìm tài liệu (resource person) nên mình có thể thờ thối hân hoan mà tuyên bố, "Tôi không biết. Để tôi tìm xem và sẽ cho em biết sau." Nói như vậy, chứ thực tế thì mình cũng không đủ tự tin nếu cái gì mình cũng không biết. Ở trường trung học tráng niên, không có lớp với 1 thầy giảng cho hơn 2 chục học sinh về một môn nào mà các bài vở, môn học được soạn theo lối độc lập, tự học (Independent Study). Học trò đến lớp mỗi người theo một chương trình riêng, môn học riêng họ cần, tự học lấy, có thể hỏi thầy/cô ngồi đó khi cần, và sau đó làm bài kiểm đã có sẵn. Vì vậy trong những năm tháng đầu tiên đi dạy, tôi đã phải đem tất cả sách vở các môn về nhà ôn lại hoặc đọc trước (tôi phải giúp học sinh về bất cứ môn nào họ cần). Những môn toán lý hóa trung học thì không có gì khó vì người Việt vốn giỏi toán hay khoa học, nhưng nói đến lịch sử văn chương thì tôi chỉ biết sơ sơ, nếu không muốn nói là mù mờ...

Có lẽ không xứ nào lại áp dụng luật pháp kỹ càng như nước Mỹ, mà mình thì không quen nghĩ đến luật pháp, cứ làm bừa đi theo phản ứng tự nhiên, hoặc không hề nghĩ đến khía cạnh luật pháp khi hành xử. Có những lúc học trò tôi trốn học. Giá chúng nó lẳng lẳng mà đi

thì dễ cho tôi hơn. Mình cứ việc báo cáo cho cha mẹ (nếu nó dưới 18 tuổi). Chúng nó tự làm là trách nhiệm ở chúng nó nếu có chuyện gì xảy ra trong lúc trốn học. Đàng này nó lại ra xin phép, "Bà Lê ạ, tôi có thể về sớm hôm nay được không? Tôi muốn đi biển, ngoài trời đẹp quá!" (Can I leave early today to go to the beach? It's beautiful outside.) thì tôi phải làm sao? Trả lời "Tất nhiên là không rồi." ("No, of course not.") hay bằng lòng cho nó đi? Cách nào thì mình cũng lãnh phần trách nhiệm vì nó đã cho mình biết. Mình không cho nó đi nhưng phải canh chừng đừng để nó trốn đi, lỡ có chuyện gì giữa đường là mình lãnh đủ!

Người Mỹ rất sợ làm cho ai bực mình hay giận dữ và khả năng chịu đựng rất thấp. Bao nhiêu chuyện bắn giết ở các nơi đều là kết quả của những nóng giận âm ỉ tích lũy từ bao giờ. Thành thử ai cũng ngại bị than phiền. Một phụ huynh gọi tôi nói là con bà phải làm nhiều bài quá, hoặc được điểm thấp quá làm cho nó "feel bad" thì tôi phải làm sao? Một nữ sinh khác vào lấy bài về nhà làm vì đau không đi học được. Mình thông cảm, cho nó mang sách vở về nhà, và thực lòng muốn an ủi vỗ về nó. Chẳng may nó lại cao lớn hơn bà giáo. Bà giáo chỉ định vỗ vai hay lưng nó mà lại thành vỗ phía lưng dưới của nó, và nó về nhà than phiền là bà giáo đã ... đụng chạm không đúng (touched me inappropriately)! Bà giáo nghĩ sao đây? Tôi vừa buồn vừa giận, lại nhớ tới câu chuyện anh bạn kể hồi mới sang đi làm

phụ giáo. Chắc là đầu óc còn vương vấn đến quê hương, đi mà đầu óc để đâu đâu, và cũng còn đầy cung cách VN, đi vào phòng vệ sinh dành cho học trò (phòng nào chẳng thế, cần gì phải vào phòng giáo sư) rồi bị học sinh than phiền là cổ tình để'lộ đồ'! (exposed himself). Cái từ 'lộ đồ' này tôi dùng cũng đem lại nụ cười cho các bạn già của tôi khi nói đến những danh từ Hán Việt mà những người của thời Việt Nam Cộng Hòa chúng ta hay dùng nay được thay thế bằng những từ mới,... 'nôm na' hơn chẳng hạn 'máy bay trực thăng' thì gọi là 'máy bay lên thẳng', 'nhà hộ sinh' thì gọi giản dị là 'xưởng đẻ' v..v. và tất nhiên, kể chuyện vui cười về 1 buổi họp của bộ giao thông công chánh với các nhân viên, người phát biểu hay điều hành buổi họp đã nhắc đến những từ như bản đồ (maps), biểu đồ (charts), và đến khi tới phần nói đến bản đồ các đường đi thì nhân viên này dùng chữ "lộ đồ" làm mọi người trong buổi họp phải cổ mà nhin cười...

Những năm tháng đầu tiên ở Mỹ, tôi cũng chưa biết gì nhiều hay thấm nhiều về sự phân biệt đối xử với chủng tộc, tôn giáo... chỉ thấy là mình "khác", cũng chưa ý thức được cái 'oai' mình được coi là dân thiểu số (minority) chịu nhiều sự thiệt thòi và một nước dân chủ như nước Mỹ đã có nhiều đạo luật ra đời nhằm bảo vệ quyền lợi của người thiểu số như thế nào. Tôi hoàn toàn phản ứng theo cảm tính của tôi. Lúc đầu tôi nhận

việc với tư cách giáo sư dạy giờ bán thời gian (part time), rồi trung tâm phát triển muốn thêm nhiều giáo sư khác, và lại định tuyển một người đến sau tôi với tư cách dạy toàn thời gian (full time). Nghe tin này lúc đó tôi thấy buồn và giận, thấy bị chạm tự ái hơn là cái gì khác vì biết mình đang làm được việc, một giáo sư cũng "khá" và nhà trường chưa ai chê trách điều gì... Chẳng biết có phải là trong tôi có cái "sĩ khí của nhà giáo hay nhà nho" Việt (?), giữa đường thấy sự bất bình mà tha, hay thế nào? Nhưng thay vì tôi đi vào phòng hiệu trưởng phàn nàn nói nhỏ thì tôi lại viết thư, trên giấy trắng mực đen cho ông ấy. Sau này mình mới hiểu điều đó nghiêm trọng như một lời phàn nàn công khai (grievance) và ông hiệu trưởng cũng hết hồn sợ bị mang tiếng hay buộc tội là có sự phân biệt kỳ thị (discrimination) nên ngay ngày hôm sau cùng ông giáo sư cố vấn đến lớp tôi vội vàng xin lỗi và cho tôi cái việc toàn thời gian, nói chữa rằng "Trường you chỉ muốn dạy ít giờ..."

Tất cả những sự việc xảy ra, những hiểu lầm tai hại phần lớn đều là do những khác biệt cá nhân, những khía cạnh văn hoá mà chỉ không may một chút là chuyện nhỏ thành chuyện lớn. Tôi đi dạy ở Ventura đúng 25 năm, bây giờ về hưu rồi, ngoảnh nhìn lại thấy giật mình và mừng là mình đã không gặp chuyện gì quá đáng và oan uổng chỉ vì sự khác biệt của mình.

Ngày tháng trôi qua, tôi cũng quen dần và hội nhập với nền văn hoá mới; đồng thời vì tiếp xúc nhiều với tuổi trẻ Mỹ, tôi hiểu họ hơn, tôi hiểu tôi hơn, trân quý gìn giữ di sản văn hóa của tôi và thông cảm với những cái của họ. Đầu óc tôi phóng khoáng hơn khi đối đầu với các khác biệt. Ngoài những khó khăn phải vượt qua để tồn tại trong môi trường Mỹ, tôi cũng có nhiều kỷ niệm với học trò tôi. Tôi có cơ hội gần các thanh thiếu niên, các học trò Mỹ, Mỹ tây cơ, hay gốc Nam Mỹ.v.v. và có cơ hội tâm sự thầy trò vì lớp học tráng niên này được tạo trên căn bản “độc lập” (Independent Study) chỉ có một thầy một trò (one-on-one basis) trong quá trình học hỏi và giảng dạy mà người giáo sư chính thực là một resource person, luôn luôn có mặt để trả lời những câu hỏi của học sinh. Có những lần cô học trò đi học trễ và khóc như mưa như gió vì bị bố mẹ đuổi ra khỏi nhà. Có những em đã có con nhỏ những vẫn đi học vì bố mẹ bằng lòng trông cháu để mẹ nó đi tiếp tục cho hết trung học. Có em dưới 18 tuổi nhưng đang ở với bố mẹ nuôi trong những nhà gọi là foster homes hay những em chắc đã phạm pháp nhưng không nặng lắm được gửi vào những nhà gọi là “halfway house” là những nhà ở tạm, ngắn hạn nhưng vẫn cần học hỏi những kỹ năng giáo dục căn bản để sau còn trở lại đời sống thường của cộng đồng. Tôi có cả những em đi học mà bụng đói vì ở với anh chị nhưng cá nhân chủ nghĩa chỉ đi đi về về chỗ ở cho qua đêm cứ không ăn uống chung đụng gì với gia đình người chị hay nhờ vả cái gì khác. Người giáo sư cố vấn như tôi (teacher advisor) với

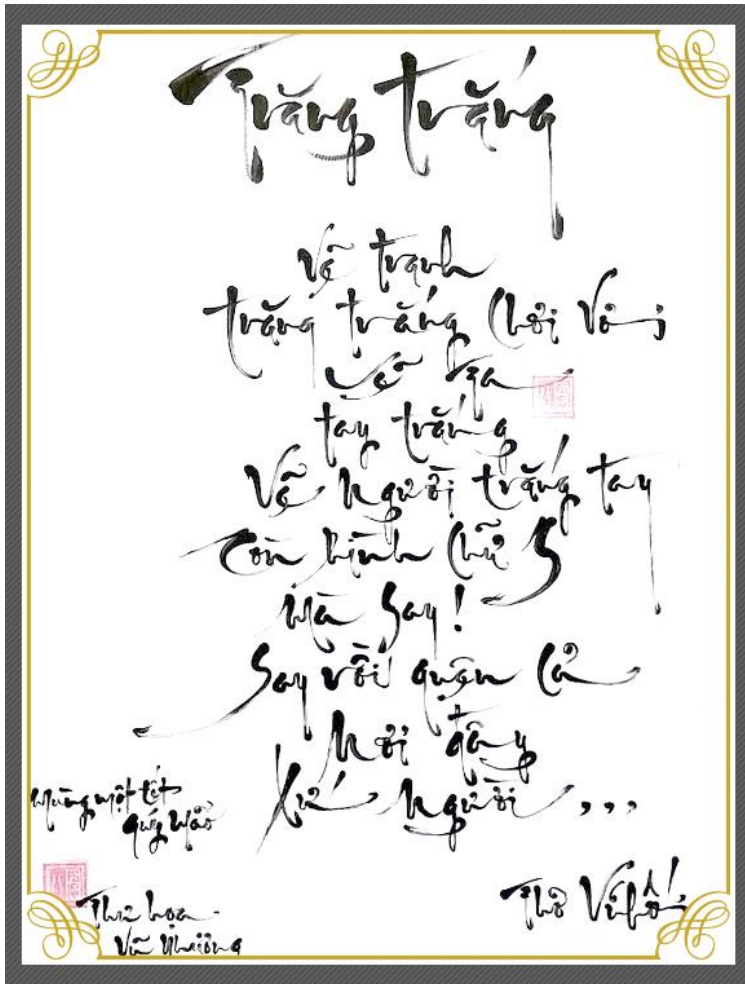
những hoàn cảnh này trở thành người hỗ trợ tinh thần. Tôi có dịp học được cả một mớ từ của các ‘gang’ nhóm (băng đảng) từ một em đã từng sinh hoạt trong các gangs vùng Los....!

Nhưng thành thực mà nói, tình cảm đó không sâu đậm như tình thầy trò VN. Nó chỉ lướt đi vì mọi người đều bận chạy theo cuộc sống, theo dòng đời. Một văn hóa coi tự do cá nhân, sự riêng tư là trọng, lại đầy đủ về phương diện vật chất, ít ai phụ thuộc vào ai về phương diện kinh tế thì con người khó mà đến gần nhau. Ngay cả trong cộng đồng người Việt chúng ta, có lẽ những hình ảnh các bà nội ngoại lễ mễ đem quà khi đến thăm các cháu và hình ảnh các cháu chờ bà, tranh nhau cái bánh kẹp bây giờ chỉ còn là kỷ niệm...

Nhưng có một điều tôi không quên được là trong những năm đi dạy trường Mỹ, món quà đầu tiên tôi nhận được vào một dịp lễ Giáng sinh là từ một người học trò gốc Á châu.



THU LÊ



TRĂNG TRẮNG

Thơ: **Vũ Hối** / Thơ họa: trưởng nam **Vũ Nhung**



TÔI ĐÃ LẠC EM – Phần 1

** LÊ MINH THIỆP **

Hải ra trường năm 1966, sau khi tốt nghiệp khoá 21 Sĩ Quan Trừ Bị, binh chủng Thiết Giáp và được bổ nhiệm về một đơn vị thuộc SĐ9/BB tại Vùng 4 Chiến Thuật, nhà cha mẹ Hải ở Sài Gòn, cả hai ông bà đều là công chức của chính quyền VNCH và Hải là con duy nhất của ông bà. Năm 1968, sau biến cố Tết Mậu Thân, Hải được chuyển về một đơn vị thiết giáp thuộc SĐ1/BB, đại bản doanh Sư Đoàn đóng tại Thành phố Huế và đơn vị mà Hải phải trình diện để đảm nhận chức vụ Chi đội trưởng, đóng tại căn cứ Even nằm giữa quận lỵ Phong Điền và Thị trấn An Lỗ, cách Thành Phố Huế về phía Bắc 23 cây số trên Quốc Lộ 1. Hải không biết lý do tại sao có lệnh bổ nhiệm này. Có thể do biến cố Mậu Thân vừa rồi, mức độ tổn thất tại vùng giới tuyến nhiều hơn những nơi khác trên cả nước, đặc biệt là thành phố Huế với Sư đoàn 1, trải qua 26 ngày đêm chống cự với một lực lượng hùng hậu của quân thù và đã đánh bại chúng, giải phóng toàn bộ thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên nói chung, vì vậy các đơn vị ngoài này cần bổ sung quân số để bù đắp. Một suy nghĩ mơ hồ như thế thôi chứ Hải không hề thắc mắc, anh nghĩ mình còn độc thân và là quân nhân, lệnh bảo đi đâu thì đi đó, hơn nữa ở đâu cũng là nhà, ngoài cha mẹ ra, Hải chẳng có sự ràng buộc nào nên cũng không quan tâm. Chi đội mà Hải nhận trách nhiệm, đóng tại vùng An Lỗ, phía bắc thành phố Huế trên đường đi Quảng Trị. Thời gian nhận đơn vị mới tại vùng đèo

heo gió hú này, Hải buồn lắm, hằng ngày nếu không có lệnh tham dự hành quân thì đơn vị của chàng có nhiệm vụ phòng thủ quanh Bộ Chỉ huy Thiết đoàn hoặc quanh những vùng cận kề quốc lộ, có khi bảo vệ quận lỵ Phong Điền, có khi thị trấn An Lỗ. An Lỗ tuy vùng thôn quê nhưng nằm ngay quốc lộ, ngã ba đi Sịa thuộc quận Quảng Điền. Vì vậy ở đây cũng có nhiều cư dân sinh sống, có trường tiểu học, có nhà thờ và các cửa hàng buôn bán cũng như các quán ăn, tiệm cà phê, đặc biệt quán bún bò giò heo và một tiệm cà phê cũng nổi tiếng. Ngoài số ít khách là những người địa phương của cái thị trấn nhỏ bé này, còn đa số là các khách từ Phong Điền hoặc từ Cây số 17, thường xuyên ghé đến. Họ ăn sáng với món bún bò, phở và sau đó là qua tiệm cà phê kế bên. Trong số khách đến đây mỗi ngày, có lẽ Hải là người khách trung thành nhất, hầu như anh đến đây mỗi buổi sáng vì nơi anh đóng quân chỉ cách đây chừng vài cây số, ngoài trừ những ngày phải tham dự hành quân. Có nhiều khi anh đến đây không ăn sáng mà chỉ để uống cà phê vì hầu như cà phê là không thể thiếu đối với anh, có rất nhiều ngày anh đến uống buổi sáng và cả buổi chiều. Dần dần anh ghiền cà phê đến độ không thể nào bỏ được. Tiệm cà phê không có tên, người ta tự đặt cho cái tên là Cà Phê Cô Liên, mang tên của cô gái chủ tiệm. Liên vừa là chủ vừa là nhân viên, có nhiệm vụ pha chế cà phê cho khách, vừa thu tiền cũng như tiếp khách vì tiệm không có ai khác,

chỉ mỗi mình Liên. Gia đình Liên ngoài ba mẹ còn một cô em gái độ 13-14 tuổi, đang đi học xa. Nói là tiệm nhưng thực ra đây là nhà của ba mẹ Liên, ông bà ngăn riêng nửa phần trước của căn nhà và trang trí, sắp đặt thành như một cửa tiệm, bên trong và phần sau là nhà ngủ và cũng là nơi sinh hoạt gia đình. Ba của Liên cũng là quân nhân, đi lính lâu năm, hình như đã lên đến cấp Thiếu úy thuộc một trung đoàn bộ binh tại vùng này, mấy người lính trong đơn vị thường gọi ông là thiếu úy già hay thân mật hơn, họ gọi ông bằng bố. Liên coi tiệm và ở nhà có mẹ phụ giúp. Cô em của Liên là Kim Dung được cha mẹ gởi học nội trú tại trường Thánh Tâm, tận Thị Xã Quảng Trị, cách nhà trên 30 cây số, lâu lâu mới về thăm mẹ và chị một vài hôm, nhiều khi cả tháng mới về thăm nhà một lần. Gọi là Thị Trấn cho nó kêu chứ thực ra An Lỗ chẳng rộng lớn gì, nếu đi bộ thì cũng chỉ vài ba mươi phút là coi như đi hết thị trấn. Tuy vậy ở vùng này chẳng có nơi nào khác để những lúc rảnh rỗi Hải có thể lui tới hoặc ngồi thả hồn theo khói thuốc, bên tách cà phê hoặc rửa vài bạn bè cùng đơn vị đi ăn sáng. Hải chẳng khi nào đi ăn một mình vì chẳng có cái vô duyên nào bằng đi ăn tiệm mà ngồi ăn một mình như lời Hải thường nói, thà là ngồi uống cà phê, có thể ngồi một mình với khói thuốc, trông còn có vẻ lãng mạn hoặc có thể ngồi miên man suy tư như kẻ thất tình, còn có lý hơn là ngồi ăn một mình trông như kẻ chết đói hoặc thèm ăn, chẳng giống ai. Vì vậy có những lúc nhàn rỗi như thế, Hải chẳng còn nơi nào để ngồi đếm thời gian ngoài cái tiệm cà phê Cô Liên. Phải công nhận một điều là cô Liên, chủ quán khá đẹp,

nước da trắng, mặt mày sáng sủa khôi ngô pha lẫn nét mặt trông có học, có thể cô chủ xinh đẹp này là cựu học sinh Đồng Khánh hoặc trường trung học nào đó ở Huế, thi rớt Tú tài nên không thể vào đại học và về quê nhà nơi đây, ba mẹ mở cho cái tiệm cà phê này làm kế sinh nhai chứ thời buổi bây giờ con gái cũng khó khăn để tìm một việc làm thích hợp với giới tính, đa phần các cô, hoặc phải đậu Tú tài rồi xin đi dạy giờ tại các trường trung học hoặc giỏi hơn thì thi vào đại học sư phạm, sau 3 năm học, ra trường làm giáo sư trung học hoặc nếu không vào được đại học thì thi vào trường Sư phạm Qui Nhơn, ra trường về dạy tiểu học, nhưng tất cả đều phải có bằng Tú Tài, một văn bằng khá khó khăn đối với các cô. Hải đoán mò là Liên nằm trong hoàn cảnh ấy. Thời gian đóng quân của Hải tại vùng hẻo lánh này kể cũng khá lâu, gần cả năm chứ không ít vì đời binh nghiệp, nhất là những người phục vụ các đơn vị tác chiến, thường di chuyển, hiếm khi trú đóng một nơi cố định nào, vì thế vô tình tiệm cà phê cô Liên dần dà giống như nhà của Hải, chỉ khác một điều là chưa hề một lần được ngủ lại nhà. Hơn nữa tính Hải cũng còn trẻ, chưa nghĩ đến chuyện yêu đương hay bồ bịch, nên Hải tuy quen thân với Liên nhưng cả hai không hề có biểu lộ gì khác hơn, ngoài sự quen thân như anh em hoặc có thể lãng mạn hơn một tí thì ví như tình cảm của em gái hậu phương và anh trai tiền tuyến, vậy thôi, không hơn không kém.

Vào một hôm cuối tuần, nhàn rảnh rỗi, Hải xin phép nghỉ một ngày đi Huế thăm viếng vài nơi nổi tiếng và thăm vài người bạn mới quen. Trên đường đi Huế

ngang qua An Lỗ, Hải muốn ghé tiệm Cô Liên uống cà phê trước khi tiếp tục hành trình đến Huế. Khi vào tiệm, không thấy Liên, tình cờ anh gặp cô bé độ chừng 13-14 tuổi, mặc bộ đồ bà ba màu hồng nhạt, người trông đẹp quá, anh sững sờ trước vẻ đẹp thu hút kỳ lạ của cô bé, anh có cảm giác như bị thôi miên mà anh không biết tại sao. Đúng là nét đẹp của một bé gái tuổi dậy thì, chẳng lẽ chỉ đơn thuần là sắc đẹp, mà không phải như thế thì cái gì nơi cô bé này đã thu hút sự chú ý của anh và làm anh sững sờ? Không thể là...? Không, cô bé còn quá nhỏ, chỉ mới chừng 13-14 hoặc cùng lắm cũng chỉ 15 thôi. Thấy anh vào tiệm và nhìn sững mình, cô bé có chút bối rối, rồi lên tiếng mời anh ngồi vào bàn:

-Dạ mời chú ngồi, chú uống cà phê hả, để cháu pha cho chú hỉ?

-Cháu cũng biết pha cà phê à? Hải hỏi lại, không vội đâu, cháu là Dung, học trường Thánh Tâm ngoài Quảng Trị về thăm nhà phải không?

-Dạ phải, mà sao chú biết hay rứa, chú chưa gặp cháu lần mô mà.

Hải ngồi nói chuyện với Dung một cách rất tự nhiên như người đã từng quen thân từ trước, anh kể chuyện tình thân của mình với gia đình này, nhất là với cái tiệm cà phê mà hầu như mỗi ngày anh đều có mặt. Hải mặc nhiên xem như nhà bà con thân thuộc của mình, chàng biết nhà hai bác chỉ có hai cô con gái, cô chị là Liên và cô em là Dung học ở Thánh Tâm, lâu lâu mới về thăm nhà, như thế cô bé này không phải là Dung thì là ai vô đây, tại Dung lâu nay chưa gặp nên nghĩ mình là người xa lạ chứ đối với chàng, tuy chưa gặp cô bé Dung

lần nào nhưng trong anh, đối với Dung như đã có sự thân thiện gần gũi chẳng khác gì Liên. Hải hỏi thăm việc học hành của Dung, việc nội trú thế nào, có thường đi chơi phố Quảng Trị không v.v... Dung cũng hồn nhiên, thật tình kể hết, nào là học tại Thánh Tâm và phải ở nội trú, kỷ luật nhà dòng rất nghiêm ngặt, giờ giấc tuân thủ đúng qui định, giờ nào ăn, giờ nào ngủ, muốn làm gì, đi đâu đều phải xin phép soeur bề trên, nhất là ra khỏi nội trú, việc xin phép rất khó khăn, như lời các soeur nói: các con tuy nhỏ tuổi nhưng là con gái nên trách nhiệm quản lý phải nghiêm ngặt. Trao đổi nhau vài ba chuyện với Dung độ 5-10 phút thì Liên đã về tới:

-Chào Thiếu Úy, hôm nay sao uống cà phê sớm rứa?

Vừa hỏi Hải, Liên đồng thời giới thiệu Dung, em gái của mình mà có lần Liên đã nhắc đến trong những lần tiếp chuyện với chàng, Hải ngắt lời Liên:

-Em khỏi giới thiệu, anh chỉ cần nhìn mặt là biết địa chỉ mà. Chị em khá giống nhau, không ngờ Liên có em gái đẹp như thiên thần vậy đó.

Liên cảm ơn lời khen của Hải, còn Dung khi nghe chú Thiếu Úy này khen cũng thích và có chút bẽn lẽn. Ngồi vừa uống cà phê vừa nói chuyện với hai chị em Liên, một lúc sau có khách vào, Hải thấy cũng đã đến lúc trả tiền để rời quán đi Huế. Trước khi chào tạm biệt hai cô gái, Hải nửa đùa nửa thật hỏi Dung:

-Cháu có muốn đi Huế chơi với chú không? Hoặc cần đi đâu trong đó, chú cho quá giang, khi nào về chú đón chở về.

Dung nghe đề nghị như vậy cũng có vẻ thích vì tính tự nhiên của những đứa trẻ và nhất là được đi xe jeep quân đội, nhưng cũng e ngại vì mới gặp lần đầu nên cô bé cười một cách hồn nhiên, rồi từ chối:

-Dạ cảm ơn chú, lần sau cháu về lại, nếu gặp chú sẽ tính sau, chúc chú đi chơi vui vẻ nghe.

Hải ra xe một mình lái đi, trên đường đi. Hải miên man cảm thấy hình ảnh cô bé Dung cứ ám ảnh chàng một cách khó hiểu, cô bé quả đẹp như thiên thần mà chàng đã dí dỏm khen khi nãy, khuôn mặt đầy đặn, trắng trẻo với cặp mắt đen huyền, sống mũi không cao như Tây nhưng không hề bị tẹt tí nào, nghĩa là rất vừa phải, cân đối, đẹp vô cùng, mái tóc chỉ vừa chấm vai, đôi bàn tay và cánh tay thon nhỏ trắng ngần, nhất là nước da và khuôn mặt ít có em bé nào sánh bằng. Tóm lại cô bé có một sắc đẹp thật hoàn hảo. Nếu bé đã lớn độ trên 18 thì chắc Hải sẽ không ngần ngại đi theo van nài tình yêu. Đang lái xe và suy nghĩ về bé Dung, suýt tí nữa đâm xe vào một bé gái, em đang đứng bên lề đường, tự nhiên khi xe Hải gần vượt qua khỏi chỗ em đứng, bất thành linh em chạy băng qua bên kia đường, Hải đạp hết sức mạnh vào thắng và bẻ tay lái vào bụi cây bên đường theo phản xạ để tránh không phải tông vào bé. Hải khiếp quá, gần như đứng tim, không thở được và rất tức giận, khi xe dừng lại nơi bụi cây. Hải rời tay lái, bước xuống xe, mặt hầm hầm đầy giận dữ, bước lại cô bé, định tát cho mấy tát nẩy lửa. Khi thấy Hải bước đến gần với vẻ mặt có phần dữ tợn, cô bé sợ quá, mặt mày tái mét, hai tay run run,

Hải thấy hơi tội nghiệp và cũng chỉ sau mấy giây, anh lấy lại bình tĩnh, nhìn thẳng vào mặt bé, không biết phải nói gì, im lặng đưa tay xoa đầu bé:

-Em làm sao thế? Đã nhìn thấy xe anh đang chạy đến nơi mà vẫn băng qua đường là sao, không sợ chết hả? Lần sau nhớ cẩn thận, không được như vậy nữa nghe không.

Nói mấy lời xong, Hải vỗ nhẹ lên tóc bé mấy cái nữa rồi trở lại xe, tiếp tục đi vào Huế. Thật hù hồn, Hải mừng và thầm tạ ơn Chúa đã cứu cho cả anh và cô bé kia thoát được một tai nạn bi thảm chỉ trong một vài giây. Tuy mừng nhưng người Hải vẫn còn run và tim vẫn còn đập mạnh. Vào đến Huế, anh ghé thăm hai người bạn mới như đã hẹn và cả ba lên xe đi ăn sáng, chuyện trò đủ thứ từ thời học sinh, tìm hiểu về cố đô, về những di tích, thắng cảnh, sau đó họ rủ nhau đến tiệm cà phê Thiên Hựu, cái tên trùng với tên trường trung học công giáo Thiên Hựu, cách đây không xa, Hải buột miệng "lại cà phê nữa". Tuy vậy đối với chàng thì hầu như không từ chối cà phê bao giờ. Quán cà phê Thiên Hựu rất dễ thương và khung cảnh khá lãng mạn, tọa lạc ngay bên bờ sông Hương, gần ga xe lửa, tiệm có sân trước tương đối rộng, có thể đậu xe thoải mái với nhiều cây cao, cành lá phủ mát suốt ngày, phía sau là cả vườn cỏ xanh mướt và cũng có nhiều cây và bóng mát, khung cảnh nói chung rất lãng mạn và trữ tình. Cà phê xong, cả ba chạy vòng vòng quanh phố, thăm viếng vài nơi như Thiên Mụ, lăng Tự Đức, Đàng Nam Giao, khi đói bụng lại đi ăn. Thế là hết ngày và Hải lái xe về lại đơn vị với nhiệm vụ của mình.

Qua một thời gian ngắn Hải phục vụ nơi Huế, Quảng Trị, tất cả đối với chàng cũng đã khá quen thuộc vì dù sao nơi đây cũng chẳng rộng lớn gì, chỉ quanh quẩn những làng mạc, phố thị, hầu hết nằm cạnh bên quốc lộ, phía bên kia là rừng núi không có mấy nhà cửa hay dân cư, có khi đóng quân nơi này nơi khác nhưng nói chung vẫn trong khu vực Huế hoặc Quảng Trị, vì vậy Hải vẫn có cơ hội ghé thăm cả phê Cô Liên mà chàng coi cô chủ quán như em gái và cũng nhiều dịp gặp gỡ làm thân với cháu Kim Dung, em của Liên. Có nhiều lần Dung không về thăm nhà, Hải lái xe đến tận trường nội trú Dung theo học để thăm hoặc nếu có hẹn trước, cuối tuần nào Dung dự định về thăm nhà, Hải lái xe ra tận nơi đó đón bé về, khỏi phải đi xe đò và sáng Thứ Hai, Hải tranh thủ đến tiệm thật sớm để chờ bé trở lại trường kịp giờ học. Không hiểu sao anh lại chịu khó và thích săn sóc bé một cách chu đáo như vậy. Nếu nói lợi dụng bé thì không đúng, mà lợi dụng cái gì vì bé còn quá nhỏ so với anh, anh hơn bé đúng một con giáp và bé vẫn gọi anh bằng chú và anh cũng luôn gọi Dung là bé, là cháu. Nhớ có lần không hiểu sao, Hải cảm thấy hơi nhớ bé, anh lái xe ra Quảng Trị, vào tận trường để đón và chờ bé ra phố chơi, muốn đãi bé ăn trưa nhà hàng. Hải vào văn phòng gặp soeur bề trên, xin được gặp và đưa bé ra ngoài chừng vài ba tiếng đồng hồ, chàng bị soeur bà tra khảo khiến chàng gần như ú ớ:

-Xin lỗi, Thiếu Úy là gì của cháu Dung?
Soeur hỏi.

-Dạ thưa, con là chú của Dung ạ, Hải giả dối trả lời.

-Tôi đâu có thấy Dung có ông chú nào là quân đội?

-Dạ thưa soeur con là chú bà con chứ không phải chú ruột đâu ạ.

-Chú mà sao cháu nói tiếng Huế còn chú thì nói tiếng Nam?

Nghe hỏi, Hải lúng túng vô cùng, anh nghĩ mình gian dối bị lật tẩy rồi nhưng vốn nhanh trí, Hải cố tỏ ra vẻ thành thật:

-Dạ không dấu gì soeur, con vào sống Sài Gòn từ khi còn rất nhỏ nên có thể bị mất gốc ạ.



Phó Trần Hưng Đạo, Quảng Trị, năm 1969

Sau một phút im lặng, Soeur bà ngỡ lờ cùng Hải rằng, không phải soeur làm khó gì anh nhưng soeur nói, làm thân con gái khổ lắm, bao nhiêu bất trắc luôn chờ cơ hội là ập đến mà nếu không đủ khôn ngoan thì coi như tan nát một đời, vì vậy trách nhiệm của nhà Dòng cần lo giúp và bảo vệ cho các em, càng nghiêm ngặt chừng nào càng tốt, sau này các em lớn, đủ khôn ngoan thì tự lo cho bản thân mình. Đặc biệt với bé Dung, theo như lời soeur bà nói, vì Dung là cô bé đặc biệt, lớn trước tuổi, có một nhan sắc gần như nhất trường, một cô bé quá đẹp nên càng phải nghiêm khắc hơn để bảo vệ em tránh cạm bẫy. Ngoài ra không phải là soeur muốn làm khó, mong thông

cảm. Cuối cùng soeur kết thúc cuộc trao đổi để đi làm việc:

-Tôi nói thế mong Thiếu Úy hiểu nhiều hơn, giờ Thiếu Úy có thể đưa cháu đi chơi vài ba tiếng gì đó và nhớ khuyên cháu lo học hành thật giỏi và vâng lời... Chào Thiếu Úy.

Hải cảm ơn soeur và hai chú cháu ra xe đi chơi phố.

Thật sự thì Hải chẳng biết đi đâu vì thành phố Quảng Trị còn rất xa lạ với chàng và chàng cũng chẳng có nhu cầu thăm viếng gì nơi đây, mục đích của chàng là muốn gặp và có vài phút đi chơi, gần gũi bé vậy thôi. Ngồi trên xe, Dung hỏi sao tự nhiên Hải vào thăm, làm cho cô bé ngạc nhiên vô cùng tuy không dấu sự thích thú vui mừng của mình, Dung hỏi Hải:

-Răng chú tìm thăm Dung làm chi rứa, Dung không ngờ luôn đó.

Hải nói phịa đi một chút:

-À, hôm nay chú có công việc ra đây và sực nhớ đến Dung nên chú muốn ghé thăm và luôn tiện cho Dung ra ngoài chơi, không ngờ việc xin phép khó khăn như vậy.

-Thì Dung có lần đã nói với chú rồi mà, kể ra hôm nay Soeur bà dễ, chắc soeur có cảm tình với lính nên không làm khó chú đó thôi.

-Chắc là vậy, chú thấy không dễ dàng qua mặt soeur đâu, nội cái chuyện, nói không cùng tiếng Huế mà soeur thắc mắc, làm chú muốn đứng tim luôn, cũng may...

Vài ba tiếng đồng hồ, Dung chỉ cho Hải đi thăm vài nơi như Thánh địa La Vang, thăm khu Ái Tử rồi thị xã Đông Hà, cuối

cùng hai chú cháu ghé nhà hàng bên bờ sông Thạch Hãn ăn trưa và sau đó Dung nắm chặt đôi tay Hải thật lâu, cảm ơn sự ghé thăm của chàng trước khi chia tay và nàng trở lại trường nội trú. Hải một mình lái xe về lại đơn vị. Vừa lái xe vừa suy nghĩ, không hiểu sao lúc nào chàng cũng thấy nhớ bé Dung, lúc nào cũng muốn bên cạnh bé để được săn sóc. Chàng tự hỏi chẳng lẽ như vậy có nghĩa là chàng đã yêu bé Dung sao? Có ai yêu cô gái chỉ mới 14-15 không? Mà nếu không phải là yêu thì là gì? Có khác biệt nào giữa yêu và thương không? Yêu là sao và thương là sao? Bao nhiêu câu hỏi ám ảnh tâm trí Hải và cũng không có câu trả lời nào rõ ràng thoả đáng đối với chàng.

Tình hình chiến sự ngày càng nặng nề gay gắt hơn, Hải đi hành quân liên miên và cũng không còn đóng quân gần khu An Lỗ hay Quảng Trị nữa, do đó chàng khó khăn gặp thăm Dung cũng như không có nhiều thời gian đến tiệm cà phê Cô Liên như trước. Tình cờ một hôm nhân dịp chạy xe ngang qua An Lỗ, chàng tranh thủ mấy phút ghé thăm Liên, hỏi thăm tin tức bé Dung. Vừa mới bước vào quán cà phê, chợt thấy Hải, Liên mừng quá hỏi thăm rồi rít và mừng khi thấy Hải mang lon Trung Úy:

-Anh lên cấp rồi hả, sao không cho em biết và cũng chưa khao lon nữa chứ.

Nghe Liên nói, Hải mới sực nhớ là mình đã lên lon mà từ ngày có lon mới đến giờ chàng chưa gặp nàng cũng như Dung. Chàng vội vã giải thích là tình hình lúc này căng thẳng và chàng không có thời giờ ghé thăm, nhân hôm nay có việc ngang qua đây, chàng gấp rút ghé thăm

vài phút và hỏi tin tức về Dung. Sau vài ba phút thăm hỏi, chàng chào tạm biệt và không quên nhờ Liên chuyển lời thăm Dung với lời nhắn nhờ Liên nói lại là - chú Hải nhớ bé Dung lắm.

Thời gian thăm thoắt gần 2 năm kể từ ngày rời Vùng IV ra đây và cũng gần chừng ấy thời gian Hải quen biết chị em Liên nhất là quen biết bé Dung. Bây giờ Hải không còn đóng quân gần nơi quê nhà hai cô gái này nữa, hiện chàng đóng quân tại vùng Lăng Cô, bên chân đèo Hải Vân, rất gần Đà Nẵng nhưng lại quá xa đối với Huế và càng xa hơn rất nhiều đối với An Lỗ hay Quảng Trị. Vì vậy mặc dù rất nhớ bé Kim Dung nhưng cũng không làm sao thăm gặp được. Thỉnh thoảng Hải liên lạc với Dung qua vài người lính quê Quảng Trị đi phép, chàng cũng kể cho Dung biết tình trạng hiện nay của mình, đóng quân rất xa nên khó khăn thăm viếng mặc dù vẫn nhớ bé vô cùng. Một hôm có người lính hết phép trở lại đơn vị và trao cho Hải lá thư của Kim Dung, Hải mừng quá, vội bóc thư đọc, thư viết:

“Chú Hải kính mến,

Cảm ơn chú đã báo tin cho cháu biết, thực tình bấy lâu nay không được chú ghé thăm, cháu nhớ chú lắm và cứ nghĩ là chú đã quên cháu, nên rất buồn, cháu lại suy nghĩ vẫn vợ, hay là chú đã có cô cháu khác rồi nên không còn nhớ đến cháu Kim Dung này nữa. Đọc mấy lời nhắn ngắn ngủi của chú mà cháu đã cảm thấy sung sướng và được an ủi thật nhiều, nghĩa là chú vẫn còn nhớ đến cháu bé Kim Dung này. Thế là đủ rồi, chỉ có chút buồn duy nhất là chú ở quá xa, không thể thăm bé nhiều như trước kia.

Nhưng không sao, cháu cũng không lo mấy vì cháu sắp được gần chú hơn rất nhiều so với hiện tại. Chú có biết vì sao không? Đó chú đó. Nếu không trả lời được, có nghĩa là thua, thì coi như chú nợ cháu một cái gì đó, cháu cho chú tự chọn để mang món nợ của cháu và nhớ phải trả, trả bằng cách nào cũng cho chú tự chọn luôn, cháu không thích chú quit nợ cháu đâu nhé. Chú đã từng bao giờ thấy chủ nợ nào mà dễ dãi như cháu không? Này nhé, tháng sau, vào đúng ngày...tháng... Cháu phải rời nội trú Thánh Tâm, đồng nghĩa việc từ giã Quảng Trị để về học đệ nhị cấp tại trường mới, trường Trung Học Thiên Hựu, Huế. Như vậy không gần chú hơn là gì? Chú đã không trả lời được, đúng không? Cho chú mắc nợ. Bây giờ cháu lớn rồi đó chú, học sinh trung học đệ nhị cấp chứ nhỏ sao. Tuy có lớn nhưng cháu hứa vẫn luôn là cô cháu bé dễ thương và đáng yêu của chú. Cháu sẽ không quên lời chú dặn là luôn cố gắng học hành thật tốt, thật giỏi. Đồng ý không? Sau này khi nào có dịp ra Huế, chú nhớ ghé trường Thiên Hựu thăm cháu nghe. À mà chú nên nhớ trường Thiên Hựu cũng là trường Công giáo, do các cha và thầy cai quản, kỷ luật nhà trường không thua mấy, so với Thánh Tâm đâu nhé, chớ có cương ầu, nói là chú của Kim Dung nếu không biết giả giọng Huế nhé, mà muốn giả cũng không dễ đâu, Cha hoặc Thầy hầu hết là người Huế nên rất dễ phân biệt người nào là Huế thiệt, người nào Huế giả, khó qua mặt lắm đó. Vài lời báo tin cho chú. Hy vọng được gặp chú một ngày không xa. Nhớ đừng làm cho cháu khóc vì mong chờ. Kính mến/Kim Dung”.



Trường Trung Học Thiên Hựu (La Providence)

Đọc mấy lời thư Kim Dung viết, Hải thấy mừng vui không sao tả hết. Như vậy Hải nhận biết được tình cảm của cô cháu dành cho chú Hải không hề thay đổi, vẫn một lòng quý mến, lời thư lại nhí nhảnh dễ thương làm sao! Đọc thư tuy vui thật nhưng Hải lại cảm thấy nhớ Kim Dung nhiều hơn. Gần đến cái ngày mà Kim Dung đã cho biết phải rời Quảng Trị để về nhà, chuẩn bị cho việc chuyển trường, Hải cho một người lính quê Quảng Trị đi phép để luôn tiện mang về trao cho Kim Dung nơi trường Thánh Tâm, lời nhắn, dặn nàng đứng ngày đó cứ chờ đợi, chàng sẽ lái xe ra tận nơi đón nàng về, không phải đi xe đò, chàng sẽ vào đón tận nơi nội trú. Đọc mấy lời nhắn của chú Hải, Dung thật vui và cảm động, nàng nghĩ tội nghiệp chú quá, như vậy là chú thương mình lắm, ai đòi phải lái xe cực nhọc trên 150 cây số để làm mỗi việc đón mình trong khi mình chỉ cần đi xe đò có 30 cây số là đến nhà, nhưng biết sao hơn, phải chi gần gửi hoặc để liên lạc thì nàng sẽ can ngăn chú. Bây

giờ thì không có cách gì hơn, đành đợi chờ chú đón. Tự nhiên cô bé thấy thương chú quá chừng.

Cuối cùng cũng đã đến ngày Dung rời nội trú, già biệt trường Thánh Tâm, sáng hôm ấy nàng dậy sớm hơn thường lệ, lo sửa soạn, thu xếp mọi thứ vào vali, ăn sáng, chạy đi thăm mấy thầy, mấy soeur để chào từ già. Gần trưa thì Hải đến, nàng vui mừng rạng rỡ và ôm chầm lấy Hải, ríu rít cảm ơn rồi cả hai ra xe về An Lỗ. Ra khỏi thành phố Quảng Trị chừng 10 phút, cả hai im lặng không nói gì, tình linh Kim Dung quay qua nhìn thẳng vào đôi mắt Hải hỏi với giọng đầy xúc động:

-Chú thương Dung nhiều đến như rứa sao? Vì răng (vì sao) mà thương Dung nhiều như rứa?

-Ừ, thương nhiều lắm, cũng không biết vì răng, Hải khô hài trả lời.

-Chắc kiếp trước chú nợ Dung gì đó.

-Kiếp trước thì không biết, Hải tiếp lời, nhưng kiếp này và ngay bây giờ chú đang mắc người ta món nợ do người ta đặt ra và cho chú chọn lựa cách để trả mà chú chưa nghĩ ra một chọn lựa nào, người ta còn hăm dọa chú là không được quịt nợ mới ghê chứ, chú lo quá.

Nghe Hải nói, Kim Dung cười thích thú:

-Thì chú trả thế nào cũng được, người ta cũng nhận hết mà, đâu có khó khăn chi mô mà phải quịt, làm cho chủ nợ buồn.

(còn tiếp)

LÊ MINH THIỆP

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

CHỢ ĐŨI (Tiếp theo)

** Mỹ Phước Nguyễn Thanh France **

Chúng ta có thể xem trung tâm của Chợ Đũi là khu phố ở khoảng từ nhà thờ Huyện Sĩ tới ngã năm Chợ Thái Bình. Trong số những con đường đi xuyên qua ngã năm này, từ xưa đã có con đường huyết mạch nối liền hai vùng Cầu Kho và Chợ Đũi, đó là đường Cống Quỳnh.

Đường Cống Quỳnh.

Sự hình thành của đường Cống Quỳnh gắn liền với việc xây dựng trại Ô Ma và việc lấp bằng rạch Cầu Kho. Rạch Cầu Kho đi từ rạch Bến Nghé, chảy ngang qua kho Quản Thảo rồi uốn mình chảy song song với đường cái quan (Pháp gọi là đường Trên, nay là đường Nguyễn Trãi), lên tận nguồn ở nơi không xa giao lộ Lê Thánh Tôn - Thủ Khoa Huân ngày nay.

Trên các bản đồ Sài Gòn cuối thế kỷ 19, ta thấy bên cạnh trại Ô Ma có con đường đi từ đường Chiến Lược (nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai hay là Hồng Thập Tự cũ) đến rạch Cầu Kho, đây là đoạn có trước tiên của đường Cống Quỳnh. Đoạn còn lại, từ rạch Cầu Kho xuống đến bờ rạch Bến Nghé là đoạn xuất hiện sau. Cả hai nối liền nhau thành con đường duy nhất được đặt tên là "Blancsubé de Cầu Kho", có lẽ vì đường này nằm bên cạnh biệt thự của ông Blancsubé.

Đến đầu thế kỷ 20, đường này lại được phân biệt làm hai đoạn: đường Blancsubé (đoạn từ rạch Bến Nghé tới

đường Trên) và đường Camp des Mares (đoạn từ đường Trên đến đường Chiến lược).

Khoảng năm 1916, đại lộ Gallieni (nay là đường Trần Hưng Đạo) được xây dựng, cắt ngang qua đường Blancsubé. Năm 1920, hội đồng thành phố lại sửa tên đường : đoạn từ rạch Bến Nghé đến đại lộ Gallieni được đặt tên là Huỳnh Quang Tiên (nay là đường Hồ Hảo Hớn), đoạn tiếp theo là đường Arras. Tóm lại đường Arras thời Pháp thuộc đi từ đại lộ Gallieni tới đường Chasseloup Laubat (tên mới của đường Chiến lược, nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai). Chúng ta chỉ quan tâm tới đường Arras vì nó thuộc về vùng Chợ Đũi ta đang nói tới. Từ năm 1955 trở đi, đường Arras đổi tên thành đường Cống Quỳnh.

Nói chung tình trạng đường Arras và cả những đường trong khu lân cận tới đầu thập niên 1940 hãy còn rất tồi tệ. Năm 1933, tuy đã thuộc về nội thành Sài Gòn, đường Arras vẫn còn giống cảnh ngoại ô. Nhiều nơi không có mương cũng chẳng có cống nên sau cơn mưa đường trơn trượt vì mặt đường đắp bằng đất đỏ, nước đọng vũng thành lỗ hang. Người đi đường rất ngại đi bộ vào những lúc ấy, vì xe hơi chạy qua làm văng bùn đất đỏ lên mặt, lên quần áo.

Mỗi ưu tư khác là vấn đề nước sạch để dùng. Khoảng năm 1924, chung quanh chợ Thái Bình có khoảng 200 căn nhà nhưng dùng chung chỉ có một cái máy nước (phông-tên). Một máy nước

khác ở gần đường Gallieni thì hỏng đã lâu nhưng chưa được sửa lại. Mỗi lần máy nước hỏng thì thường phải chờ hằng tháng mới có nhân viên Công ty Điện Nước đến sửa chữa. Vì không nằm trong khu phố của người Pháp nên nước máy thường hay thiếu hụt. Đã thế nước máy cũng không tinh sạch. Nước chứa trong lu chùng vài giờ thì có chất lợn cợn tụ lại dưới đáy. Nước uống đã tanh mà uống vào không bao lâu lại khát.

Ngoài ra người dân còn lo lắng về vấn đề an ninh trật tự. Trên báo Điện Tín, năm 1937 có nhà báo đã quả quyết rằng “Con đường Arras là một con đường có thể cho là nhiều du côn hơn hết ở các con đường châu thành Sài Gòn”. Đời sống yên tĩnh của người dân thỉnh thoảng bị xáo trộn bởi những vụ cướp giật, du đảng thanh toán nhau, lưu manh hiếp đáp dân lành, v.v.

Tập nạn khác là cờ bạc, con bạc tụ tập chơi đêm ngày, sòng bạc tổ chức trong nhà và cả trên các bãi đất trống, họ đốt đèn ngồi sòng thâu đêm suốt sáng. Một hình thức cờ bạc khác là các trận đá gà ăn tiền, có khi được tổ chức công khai ngay bên đường, thu hút đám đông hiếu kỳ.

Ta bắt đầu vào đường Cống Quỳnh, đi từ phía đường Trần Hưng Đạo. Đi chùng vài mươi bước ta gặp bên trái là **đường Cao Bá Nhạ**. Xưa đường Cao Bá Nhạ mang tên Général Léman, một đường nhỏ có cầu sắt bắc ngang qua rạch Cầu Kho chảy tới vùng này. Rạch Cầu Kho bị cô lập và cạn dần khi thành phố ngày càng phát triển. Sau khi đại lộ Gallieni được xây dựng, khúc rạch nơi đây trở thành lạch nước tù đọng, không

còn ăn thông với rạch Bến Nghé nữa, chiếc cầu sắt như con tàu mắc cạn. Trong phiên họp vào tháng 8 năm 1922, hội đồng thành phố đề nghị bán đấu giá chiếc cầu sắt trở nên vô dụng ấy. Trên đường này cũng có một lò heo, vì vậy tên cũ của đường này là “Lò heo Cầu Kho” (Abattoir de Cầu Kho). Như phần lớn các lò sát sinh khác xây bên bờ sông rạch, lò heo này bị dẹp bỏ khi rạch Cầu Kho đã cạn nước. Ngay đầu đường Léman có một nhà in, nơi đã phát hành tờ báo “Đàn Bà Mới” vào năm 1934.

Qua khỏi đường Cao Bá Nhạ, vẫn phía bên tay trái, ta đến căn nhà số 25 (năm 1931-1932) là hiệu bánh Nữ Công, đã chế tạo một loại bánh *biscuit*, vừa giòn lại thơm mùi sô-cô-la. Chủ nhân hiệu bánh là bà Huỳnh Thị Tuyết Hoa, còn có sáng kiến làm bánh có hình từ chữ A tới chữ Z cho trẻ em làm quen với mẫu tự. Nếu có may, người mua bánh còn tìm thấy trong gói bánh có phiếu trúng thưởng những món quà như khăn mùi xoa, khăn choàng, đồng hồ, v.v. Thứ bánh ngọt này chinh phục được nhiều khách hàng nên sau đó nhiều người bắt chước, chế tạo, rao bán ở những nơi công cộng như bến xe, ga xe điện, chợ, v.v.

Bên cạnh hiệu bánh có một dãy bốn căn nhà hai tầng, trên lầu của dãy nhà là trường Trí Đức (năm 1931-1933), dạy ban tiểu học và cao đẳng tiểu học, gồm khoảng 80 học sinh.

Cùng trên dãy lầu ấy, căn nhà mang số 29 là “Phòng đọc sách” của cô Nguyễn Thị Trảng. Đây là một thư viện bình dân, miễn phí, do cô tự lực thành lập, không thuộc hiệp hội nào, cũng không được sự giúp đỡ tài chính nào,

mục đích của cô là khuyến khích sự học tập và mở mang kiến thức cho thanh niên nam nữ. Cô đã thuê căn lầu này để mở một phòng đọc sách nhỏ, chỉ chứa được chừng mười người đến đọc sách, mở cửa từ đầu tháng bảy năm 1933. Tổng thư ký phòng đọc sách là cô Phương Huệ. Các nhà in, toà báo, tư nhân lần lượt gửi tặng sách báo. Cô Trảng đã tổ chức một buổi hát tại rạp Thành Xương để gây quỹ, trừ các khoản chi phí, số tiền quyên được chỉ có 35 đồng, tuy ít ỏi nhưng cũng đủ trả tiền thuê nhà, mua bàn ghế và đóng các kệ sách. Cô mong khi có điều kiện khá hơn cô sẽ cho các học sinh nghèo mượn sách để học. Một tháng rưỡi sau ngày khai trương, thư viện có được khoảng 400 quyển sách, và có 109 người đến ghi tên đọc sách. Cô Trảng đã làm một việc không dễ dàng, kết quả còn khiêm tốn nhưng tạo được tiếng vang từ Nam ra Bắc, có lẽ vì cô là người phụ nữ đầu tiên có sáng kiến lập tổ chức tư nhân nhằm mở mang kiến thức cho thanh niên. Sau bốn tháng hoạt động, thư viện được dời về khu trung tâm Sài Gòn, đường Reims (nay là đường Lê Công Kiều), để tiện việc lui tới cho người đọc sách. Không biết thư viện của cô Trảng hoạt động được bao lâu và đóng cửa năm nào ?

Cuối dãy nhà nói trên, căn nhà số 33 (năm 1939) là toà soạn báo Lao Động. Cùng lúc với những vụ bắt bớ các nhà báo trong vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, báo Lao Động bị tình nghi đã đăng những bài báo có tính cách phá rối trị an, thí dụ như khi đăng tin nói về nạn đói ở Cà Mau, hoặc nói về chế độ lao tù khắc nghiệt ở đảo Côn Sơn, v.v. Trước ngày lễ kỷ

niệm Cách mạng Pháp, sở Mật thám đến khám xét toà báo, tịch thu máy đánh chữ và các số báo đặc biệt về cuộc Cách mạng Pháp, gỡ tám biểu ngữ bằng vải đang treo trên vách kêu gọi "Tự do ái hữu, tự do nghiệp đoàn, toàn xá chính trị phạm". Những người bị ra toà là Nguyễn Văn A (3 năm tù), Nguyễn Văn Lộng (3 tháng tù), Văn Công Khai (3 tháng tù), Nguyễn Văn Trung (6 tháng tù), cô Kim Hoa (4 tháng tù).

Ta đến ngã tư Cống Quỳnh - Nguyễn Cư Trinh, tại đây đường Cống Quỳnh không thẳng hàng như tại các ngã tư khác, nhưng lệch nhau khá xa. Trước kia nơi đây có hai khúc quanh liên tiếp nhau, có lẽ lúc đắp đường, sở Trường tiền (sở Công chánh) đã chọn nơi cao ráo, tránh nơi ẩm thấp vùng đầm lầy nên đã tạo ra đường đi uốn éo thay vì thẳng tắp. Đến khi mở đường Nguyễn Cư Trinh vào đầu thập niên 1940 (thời ấy đặt tên là Maréchal Pétain sau đổi lại là Général Marchand), đi từ đại lộ Gallieni đến đường Frère Louis (Nguyễn Trãi), xuyên qua đường Arras, tất cả nhà ở, hiệu buôn nằm trong đoạn đường giữa hai khúc quanh đều bị giải toả, đáng kể nhất là xưởng đúc Trí Độ.

Xưởng đúc Trí Độ, do ông Nguyễn Trí Độ thành lập vào năm 1927, lúc hầy còn là một trại lá nhỏ hẹp chỉ một mình ông đảm đương. Chỉ năm, sáu năm sau ông trở thành nhà kỹ nghệ tiếng tăm, làm chủ một cơ xưởng lớn, điều khiển khoảng 80 người thợ chuyên môn về các ngành làm khuôn, đúc, rèn, nguội, tiện, mộc, v.v. Xưởng của ông chế tạo các bộ phận máy móc, đồ dùng trong nhà, dụng cụ công nghiệp. Khách hàng của ông gồm cả công sở của chính quyền (sở Trường

tiền, sở Hoà xa, sở Ba Son, mỏ vàng Bồng Miêu) lẫn các nhà buôn tư nhân. Khi có lệnh giải toả để xây đường Nguyễn Cư Trinh, xưởng đúc Trí Độ được dời về số nhà 87. Ông Nguyễn Trí Độ giữ chức Thứ trưởng Bộ Lao động trong thành phần Chính phủ Trần Văn Hữu vào tháng 2 năm 1951.

Qua khỏi ngã tư đường Nguyễn Cư Trinh, phía bên tay mặt, ngôi nhà mang số 80 (năm 1933-1935) là trường Sơ học Khai Minh, sau đổi thành trường Thiệu Trước (năm 1936), mỗi trường chỉ nhận khoảng 20 học sinh.

Đi xa hơn ta đến ngã ba đường Bùi Viện. Xưa đường này là một hẻm lớn đi vào xóm Sáu Lèo, được đặt tên là Bảo hộ Thoại từ năm 1950, đổi tên mới là Bùi Viện từ năm 1955.

Ngày nay nằm đối diện với đường Bùi Viện là một trường Trung học, mang tên Chu Văn An từ năm 1978. Trước kia là trường Trung học Hưng Đạo, do linh mục Trần Đức Huynh sáng lập vào năm 1959. Khoảng năm 1930 nơi đây là thửa đất của ông Labasthe, điền chủ ở Phụng Hiệp (Sóc Trăng). Quanh thửa đất lồi lõm này những căn chòi lá mọc lên như nấm, tuy rằng đất đai ở vùng này đều có chủ nhưng dân nghèo vẫn kéo đến xây nhà ở. Các bà các cô người Pháp thay phiên nhau thuê lại miếng đất ấy, sửa sang lập ra quán Café Raymonde (năm 1929-1939). Khách hàng đa số là lính tráng người Pháp.

Không xa ngã ba Bùi Viện, ta đi ngang nhà sách Văn Hoá Thơ Xã (số nhà 142, năm 1937) của ông Phạm Văn Điều. Nơi đây xuất bản nhiều sách chính trị, như quyển “Giai Cấp Đấu Tranh” do ông biên soạn, hoặc quyển “Chính Đảng” của cô

Nguyễn Thị Kiêm (Nữ sĩ Mạnh Mạnh), v.v. Nhân viên mật thám Pháp đến khám xét và tịch thu nhiều quyển sách vì cho đó là những ấn bản quốc cấm.

Bên tay trái của ta là hẻm 137, xưa là hẻm đi vào khu nghĩa địa Cầu Kho.

Cách không xa, nơi số nhà 145 (năm 1937) là tư gia ông Phạm Văn Hiệp, chủ nhân của bảy ngôi khách sạn xây tại các nơi thị tứ nhất của Sài Gòn và Chợ Lớn.

Chúng ta tiến dần tới ngã năm chợ Thái Bình. Ngay phía bên trái, góc đường Cống Quỳnh - Nguyễn Trãi là Viện Dục Anh (số 185), khánh thành vào tháng 10 năm 1951. Mục tiêu ban đầu của hội từ thiện này là lập viện mồ côi dành cho khoảng 100 đứa trẻ, nhưng vì thiếu thốn tài chính nên chỉ đảm nhận những công việc như Viện Dục Anh cũ ở đường Marchaise (nay là đường Ký Con), nghĩa là chỉ lãnh việc nuôi ăn, dạy học, tắm rửa cho những trẻ em từ ba tháng đến 8 tuổi. Chỉ có các gia đình thuộc giới lao động mới được chấp nhận mang con đến giao phó cho Viện Dục Anh. Ngoài ra còn có bác sĩ khám bệnh và cho thuốc miễn phí những em bé được các bà mẹ mang đến phòng mạch của hội. Ngày nay toà nhà Viện Dục Anh trở thành trụ sở Hội Người Mù Thành Phố.

Chúng ta tiếp tục đi trên đường Cống Quỳnh sau khi vượt qua ngã năm chợ Thái Bình. Đoạn đường từ ngã năm này đến đường Nguyễn Thị Minh Khai vào đầu thế kỷ 20 được đặt tên là Camp des Mares vì nằm bên cạnh trại lính Ô Ma. Từ năm 1920 nhập chung với đoạn đường từ đại lộ Gallieni tới chợ Thái Bình, đặt tên là Arras. Nếu nói về lịch sử

đường Cống Quỳnh thì phải xem khúc đường này là xưa hơn cả.

Vào thời Pháp thuộc, phía một bên đường là doanh trại lính tập Ô Ma, có khi người Pháp còn gọi “Trại Testard”, là khu quân sự đầy bí ẩn nằm phía sau vòng rào, có hai cổng vào ở trên đường này. Ngày nay các cửa hàng đầy màu sắc đứng san sát nhau che kín khu phố thương mại nằm ở phía sau. Toà tháp nước xưa cũ đã nhường chỗ cho siêu thị Co-opmart đông khách.

Bên góc đường Bùi Thị Xuân trước kia có bót cảnh sát Blancsubé (số 256), tu sửa từ một ngôi nhà chính quyền thành phố Sài Gòn đã mua lại của tư nhân vào năm 1919. Bót cảnh sát này đóng cửa vào đầu thập niên 1950, mặc dù có tên Blancsubé nhưng không có quan hệ gì đến biệt thự Blancsubé (gần ngã tư Nguyễn Trãi - Cống Quỳnh).

Tiếp tục bước chân ta đến đường Phạm Viết Chánh ở phía tay trái. Đường này đi từ đường Cống Quỳnh đến công trường Cộng Hoà. Xưa là một đường nhỏ nằm dọc theo tường rào của thành Ô Ma và đi song song với đường xe lửa Mỹ Tho và đường xe điện Chợ Lớn, mở ra cho xe cộ lưu thông và được đặt tên Phạm Viết Chánh từ năm 1955.

Ta đến gần ngã ba cuối đường Cống Quỳnh, đi ngang cổng vào Bệnh viện Từ Dũ (số 284). Vào năm 1936, thống đốc Pagès giao phó một uỷ ban nghiên cứu địa điểm xây dựng một nhà hộ sinh dành cho “phụ nữ bản xứ”, có thể chứa được 500 giường trong một toà nhà gồm tầng trệt và ba tầng lầu. Ông Hui Bon Hoa đã hiến tặng một miếng đất ở góc đường Arras và Chasseloup Laubat. Việc xây dựng bắt đầu từ năm 1938 đến 1942 thì

hoàn tất, nhưng nhà bảo sanh chưa được trang bị đầy đủ để đón nhận các sản phụ. Nhân vào cuối năm 1942 có cuộc Hội chợ Triển lãm tổ chức rầm rộ tại vườn Ông Thượng, nhiều người từ các tỉnh lên Sài Gòn đi xem hội chợ, nhưng không tìm ra chỗ ở vì các khách sạn đã hết phòng cho thuê. Để giải quyết tình trạng thiếu chỗ ngủ, người ta dùng nhà hộ sinh vừa mới xây xong, lấy phòng trống cho thuê để khách đi xem Hội chợ nghỉ qua đêm.

Vào những ngày kháng chiến tháng 8 năm 1945, bảo sanh viện được đặt tên là “Nhà hộ sinh Việt Nam”. Lúc ấy có những lớp dạy cứu thương dành cho bạn gái do hội Phụ nữ Tiền Phong tổ chức, các bác sĩ và nữ sinh viên y khoa lo phần giảng dạy. Năm 1947, nhà bảo sanh được đặt tên mới là Béchamp, lấy tên của vị bác sĩ quân y tòng sự tại Thành Đô, thuộc Tỉnh Tứ Xuyên (Trung Hoa). Ông là chiến sĩ Đồng minh trong Đệ nhị Thế chiến, bị quân đội Nhật bắt tại Trại Giang (Fort-Bayard) thuộc tô giới Quảng Châu Loan của Pháp. Quân đội Nhật kết án rồi đưa ông về giam tại Hà Nội và tại Sài Gòn, nơi ông mất vào ngày 22/7/1944. Đến tháng 9 năm 1951, nhà bảo sanh Béchamp (hay “Nhà sanh Chú Hoả”) đổi thành bảo sanh viện Từ Dũ. Bà Từ Dũ, chánh hậu vua Thiệu Trị và là Hoàng Thái Hậu vua Tự Đức, nguyên là con gái quan thượng thư bộ Lễ Phạm Đăng Hưng, sanh tại giồng Sơn Qui, huyện Tân Hoà (Gò Công).

Đến cuối đường Cống Quỳnh, ta trở lại ngã sáu Phù Đổng, rồi từ đây đi vào đường Lê Thị Riêng.

Đường Lê Thị Riêng

Vào khoảng 1912, ga Sài Gòn đã được chuyển dời, tuyến đường sắt bị tháo dỡ, khoảng trống do đường xe lửa đi qua khu xóm này được cải biến thành đường phố. Vì đường sắt qua đây đánh một vòng cung nên ngày nay đường Lê Thị Riêng có dạng đường cong ít gập trong thành phố. Con đường mới lập ban đầu được đặt tên là “Lacotte nối dài” (rue Lacotte prolongée) vì nó nằm thẳng hàng với đường Lacotte (Phạm Hồng Thái). Đến năm 1939, đổi là đường Phan Thanh Giản, do đề nghị của bốn ông nghị viên Hội đồng thành phố: Chiêu, Vàng, Trị, Bửu. Từ năm 1955 đến 1985 là **đường Ngô Tùng Châu**, từ năm 1985 đến nay là đường Lê thị Riêng.

Dưới thời Pháp thuộc, cũng như những con đường khác trong khu vực này, vấn đề vệ sinh là mối lo ngại của người dân sinh sống tại đây. Vào năm 1938, vài năm sau khi đường được sửa sang (đèn chiếu sáng ban đêm, máy nước công cộng được lắp đặt, mặt đường được tráng nhựa), nhiều người trách sao con đường quá bẩn, nhất là phía cuối đường gần đường Duranton (đường Bùi Thị Xuân), buổi sáng trẻ con ngồi phóng uế bên đường, xác thú vật, rác rến bừa bãi khiến người đi bộ không biết đặt chân nơi nào để tránh giẫm đạp vật bẩn. Cả đường có hai máy nước công cộng, nhưng máy nước đặt gần ngã sáu thì ít người sử dụng vì khu này nhiều nhà đã có vòi nước riêng, còn máy nước kia đặt ở khu dân lao động, đông người tụ tập giành nhau gánh nước, có lúc không tránh khỏi việc ấu dả.

Còn về nạn cờ bạc, đường này cũng không hơn gì các nơi khác. Một thí dụ về một nhà chứa bạc qua mắt được nhà cầm quyền vào năm 1941 là sòng bạc của cô “Mười Thập Nương”. Trong căn nhà ở một nơi gọi là xóm Vườn Cải, hằng ngày đám con bạc tụ họp từ sáng cho tới khuya, giờ nào cũng có vài ba sòng bài: tứ sắc, bài cào, phé, v.v. Bên ngoài có vẻ yên lặng, đám bộ hạ canh chừng cẩn thận và kín đáo nên qua mắt được lính tráng ở vùng này. Khi sắp gặp nguy thì tạm ngưng hoạt động, hoặc dời qua khu phố khác.

Ta đến ngã ba đường Nguyễn Văn Tráng, xưa là đường Ypres, kéo dài tới đường Colonel Boudonnet (nay là Lê Lai) bên cạnh khu nhà ga Sài Gòn. Gần đây ta thấy hai tháp nước cao sừng sững. Năm 1944, đã xảy ra một tai nạn gây nhiều xúc động nơi tháp nước này. Một bọn trẻ tinh nghịch, thừa lúc người canh gác không để ý, chúng bắt chắp sự nguy hiểm leo thang lên đến bồn chứa nước trên cao cách mặt đất ba mươi thước. Chúng xem đó như hồ bơi nên tha hồ vùng vẫy trong nước. Chẳng may một đứa trong bọn bị chết đuối, đám trẻ còn lại thất kinh trèo xuống báo nguy nhưng đã muộn.

Qua khỏi ngã ba Nguyễn Văn Tráng chừng trăm mét, phía bên trái của ta là trường tiểu học Nguyễn Huệ (số 93, đường Lê Thị Riêng). Đầu thập niên 1950 nơi đây là một vườn trẻ được xây dựng trên thửa đất rộng kề cận với khu hai tháp nước nói trên. Ta thấy hàng chữ “Nhi đồng công viên” gắn vào hàng rào lưới sắt cạnh cổng ra vào vườn trẻ. Nhiều năm sau được đổi tên là “Ấu trĩ viện Ngô Tùng Châu”. Năm 1966,

trường tiểu học Ngô Tùng Châu được xây dựng, sau năm 1975 có lúc mang tên Đồng Xoài, đến 1997 đổi thành trường Nguyễn Huệ.

Đến cuối đường Lê Thị Riêng ta gặp Đường Bùi Thị Xuân.

(Còn tiếp)

Mỹ Phước Nguyễn Thanh - France



*Hãng đắp vỏ xe hơi Nguyễn Văn Bình, số 84 đường Arras (Cống Quỳnh)
- Bưu ảnh 1950.*



Bảo sanh viện Từ Dũ. - Bưu ảnh 1950.

Quê Hương Ơi, Hãy Sống Bằng Trái Tim Dũng Cảm và Chân Thành

** Đoàn Quốc Bảo **

Quê hương tôi có cây đa đầu ngõ, có dòng sông Thu và những câu chào với nụ cười khả ái.

Quê hương tôi có những mái ngói xanh rêu, mái chùa cong cong, những con hẻm phố hẹp, những giếng nước sâu thăm thẳm mát trong, gọi tình thân sắc son của xóm giềng.

Quê hương tôi có bắp nếp ngon dẻo thơm lừng mà chị bán hàng tự tay trồng, luộc rồi chở ra chợ bán.

Quê hương tôi tươi rói con tôm, con cá hãy còn nháy đàn đạch trên rổ đang chào bán ở góc chợ ven sông.

Quê hương tôi có dòng nước biển mát trong, thoả thích ngụp lặn, chào đón ánh bình minh nhô lên ở Cù Lao phía trước. Và ở đó, quê hương tôi có tình thân và bạn bè luôn đem trái tim chân thành ra mà đối đãi với nhau.



Bạn nói rằng “Hãy sống bằng trái tim dũng cảm và chân thành. Ví dụ hãy yêu như không cần sợ bị tổn thương vì tổn thương cũng là một trải nghiệm quý giá,

hãy sống vì chắc rằng chúng ta chỉ có đời sống này thôi và đừng nghĩ có kiếp sau mà hay nghĩ kiếp này thôi. Những gì muốn làm thì hãy làm. hãy nghĩ những tổn thương sẽ làm mình thêm mạnh mẽ và biết sống thật hơn”.

Đây là lời chia sẻ mà tôi biết nó xuất phát từ trái tim chân thành của bạn vì tôi quý tình bạn nên hôm nay tôi muốn chia sẻ đôi dòng về việc hãy sống bằng một trái tim chân thành.

Có cô gái trẻ tuổi đôi mươi, tay mang cây dù đang hát líu lo trước sân đền. Chiếc áo dài màu xanh lam bay nhẹ trong nắng hoà với nền trời trông cô thật thướt tha. Cô gái ơi, cô có phải là người quen của tôi mà đã lâu tôi không gặp! Ô không, tôi có gặp cô bao giờ đâu và dĩ nhiên tôi biết rõ là cô không phải là người sinh ra ở đây. Cô chỉ đơn giản là một du khách du Xuân chơi Tết ở vùng quê này.

Cuộc sống luôn đổi thay. Xã hội ngày càng kéo chúng ta ra xa khỏi tương tác giữ người với người. Thế nên dù cảnh vật thay đổi, dù thời gian chia xa xoá mờ ký ức thì chúng ta vẫn luôn muốn trở về nơi tình thân và tấm chân tình trở nên bất tử với thời gian và không gian. Ta sẽ luôn muốn trở về.

Đó có lẽ cũng là lý do chúng ta đi xa thật xa, lâu thật lâu, để tìm kiếm một điều gì đó đem về làm quà cho quê hương. Để đôi lúc giữ lúc đang lái xe trên xa lộ nhìn

tuyết rơi trắng xóa hai bên sườn đồi hay đang leo lên một đỉnh núi nhìn ngắm rừng thu đỏ vàng lá mênh mông bát ngát mà nghe gió thổi lồng lộng ở trong hồn khúc hát quê hương là chùm khế ngọt.

Đôi lúc tôi ghé qua một phi trường xa lạ nào đó bỗng hình ảnh đất nước thân yêu, ngôi trường, mái nhà, cây đa, góc phố, mùi của ổ bánh mì giòn thơm, tô bún nóng hổi bốc khói nghẹn ngào sống mũi cay cay mà hứa sẽ phải trở về vì đơn giản ta ra đi mang theo quê hương, ta ra đi mang theo nỗi nhớ để cố sống tử tế hơn. Ngày gặp lại chỉ mong làm sao mà mọi người vẫn còn thích ngồi với ta và thích thú chuyện trò, thay vì gượng ép phải tiếp ta cho phải lễ.

Này cô gái duyên dáng kia, cô từ đâu tới và cô là ai? Cô chắc hẳn từ một nơi xa nào đó. Cô không phải là người ở vùng miền này bởi lẽ dáng điệu của cô là dáng điệu của một du khách. Chỉ có những du khách mới muốn ghi lại cho mình những trải nghiệm bằng những bức ảnh mà thôi.

Tôi cũng rộn rã giống như cô, trân quý từng giờ từng phút quý báu để giữ lại những trải nghiệm cho riêng mình để rồi tìm níu giữ những khoảng khắc đáng nhớ ấy bằng cách luôn tay ghi lại những tấm hình.

Này cô gái kia ơi, tôi đã đặt ra cho cô nhiều câu hỏi rồi chính tự tôi phải trả lời. Tôi quả là một gã khùng để giật mình tôi hỏi tôi, còn tôi là ai và tôi từ đâu tới! Cô hãy tự nhiên tung tăng khoe dáng thướt

tha và tung bừng khám phá quê hương tôi với nụ cười rạng ngời đi nhé.

Hình như có ai đó đang chụp hình cô, chừng như cô đang chụp hình cho ngày vui của mình mà vô tình tôi bắt gặp. Tôi cũng là một du khách như cô nhưng tôi biết rõ nơi này hơn cô vì tôi sinh ra ở đây và lớn lên ở nơi này, chỉ có điều là tôi đã rời nó quá lâu và đi quá xa. Hôm nay tôi trở về.



Sáng hôm kia, tôi nghe hơi Xuân về theo ánh mặt trời hừng nắng, vàng óng ả cả một góc trời xa xa. Chim vui reo hót và những

nụ hoa đang e ấp có vẻ cũng đã bắt đầu chịu hé chào mùa mới. Này tôi ơi, có phải tôi đang lục trong ký ức mong tìm kiếm rừng hoa Mai vàng ở đâu xa lắm, tận nửa vòng trái đất nơi quê cha, đất tổ để làm tan đi những giọt Đông hầy còn vương vãi! Hôm nay khí trời thật đẹp, nắng vàng làm ấm lên những búp non nở vàng bé ti ti của cái cây đầu ngõ làm tôi cứ ngỡ những nụ Mai vàng chừng hé búp. Liệu Xuân đã về ở nơi xa xôi này, bà chúa Đông có lẽ cũng đang chuyển mình bàn giao đất trời hay Xuân trong tôi đã về.

Quê hương tôi ngày trở về là một buổi sớm sương mờ giăng mắc trên dòng sông. Những chiếc thuyền cùng phố xưa im lìm ngủ. Không có một tiếng động nào vang lên cả, một khung cảnh thanh

nhã làm chân tôi ngập ngừng. Tôi ôm chặt vào hồn để vỡ oà trong tiếng chuông chùa ngân vang.

Này cô gái xa lạ kia ơi, để tôi nói cho cô nghe vì sao tôi muốn tâm sự với cô nhiều đến thế cho dẫu tôi và cô chưa từng quen biết. Đối với cô đó là một sự khám phá ở một nơi mới, là một trải nghiệm để giữ nét tươi xuân và hạnh phúc đôi mươi của cô. Nhưng tôi muốn cô dùng trái tim chân thành để khám phá nơi này thì cô mới gọi là đã đến đây chơi. Cô có muốn nghe tôi kể về nơi này không? Nếu cô muốn thì hãy lại đây, ngồi xuống sân đền này và nghe tôi kể nhé. Tôi nghĩ đã đến đây chơi rồi, cái cô đem theo, món quà tôi muốn tặng cô là sự gìn giữ và nuôi dưỡng những khoảng khắc bình yên của tình yêu quê hương, có thể một ngày nào đó cô cũng sẽ đi xa. Tôi sẽ kể cho cô nghe, tôi đã phải rất xúc động khi những người bạn đã tạm dừng lại cuộc sống rất bận rộn những ngày cận Tết chỉ mong gặp lại những người bạn ở nơi xa lâu ngày không gặp như tôi trở về. Có bạn ôm tôi khóc rồi trong chốc lát phải nói lời tạm biệt. Ngày trở về có gì hạnh phúc hơn khi còn gặp lại những người thân thương của mình. Thật là buồn cười khi tôi lại chia sẻ tình yêu quê hương tôi cho cô nghe chỉ vì tôi muốn cô đến đây chơi bằng trái tim chân thành để khám phá nơi này. Thôi cô tiếp tục dạo chơi nhé. Chào cô. Tôi đi gặp những người bạn cũ của tôi đây.

Việc đi họp lớp cũ, gặp gỡ những người bạn cũ của những năm cấp ba có được duy trì và còn giữ được sự háo hức hay không tùy thuộc vào sự nhiệt tình của

những trái tim chân thành đang làm lãnh đạo lớp. Được gặp lại những người bạn đã lâu không gặp đó là điều mà ai cũng mong với điều kiện trong buổi họp lớp ấy ta có ít nhất một người bạn mà ta rất muốn gặp. Có điều là nếu bạn của bạn thật sự muốn gặp bạn thì bằng cách này hay cách khác họ cũng sẽ muốn gặp bạn, hay ít nhất là nhờ chuyển lời hỏi thăm hay chỉ là sự xuất hiện trong chốc lát.

Có lẽ mỗi người chúng ta đều có ý niệm cho những quyết định của mình mà. Nếu suy nghĩ thêm một chút thì ta sẽ biết được quyết định ta sẽ gặp ai đó và ngồi chơi với người đó trong bao lâu sẽ rõ hơn. Có thể đơn giản chỉ vì ta muốn gặp người đó vì thấy nhớ hay thiếu sự hiện diện của người đó trong cuộc sống của ta vào một trúng thời điểm mà ta thấy cần nó nhất.

Có lẽ ta nên đi thật xa và thật lâu mới thấy được sự thiếu vắng sẽ trở thành niềm khát khao muốn có được. Đôi lúc giữa thành phố New York, ta chợt nghe giọng nói Việt và ngay lập tức ta sẽ đón nhận nó thật nhanh rồi phán đoán xem người đó thuộc vùng miền nào. Chỉ cần nghe cái ngữ điệu và vài ba câu chuyện mà ta thấy nó thân quen, bỗng nhiên ta không kìm nén được niềm hạnh phúc được nghe tiếng nói thân thương ấy mang đến cho ta. Ta có thể lân la đứng gần lại lâu hơn hay bắt chuyện làm quen, cốt chỉ để đong đầy sự thiếu thốn tình quê của ta.

Ngày trở về trong không khí Tết Xuân, Tôi được chào đón bằng hương vị Tết

trong không gian hiện tại, đan chen vào đó hương vị của tâm tưởng Tết xưa.

Ngày 29 Tết, lớp tôi tập trung lại cùng nhau gói những đòn bánh tét, bánh tét thơm thật thơm, ngon thật ngon vì được gói, được nấu và được đem biếu bằng tấm chân tình. Tôi sẽ luôn nghĩ mãi về điều này bởi lẽ chỉ có thời gian cho nhau là món quà quý nhất dành cho nhau.

Tôi thấy mình đã lớn, cái Tết của một người lớn sẽ khác nhiều với cái Tết của trẻ con. Người lớn thường hay nuối tiếc cho những thứ đã mất đi hay lãng đãng chấp nhận sự đổi thay của cuộc sống rồi buông một vài câu băng quơ nhưng lại chẳng chịu quyết tâm khám phá tìm hiểu cho rõ ngọn ngành điều gì mang lại cho mình hạnh phúc. Người lớn có quá nhiều lo tính mà loay hoay mãi thời gian cứ theo mau như bóng câu qua cửa. Đó phải chăng là trái tim của người lớn mất đi sự dũng cảm cần có để kiên định cho ước muốn của mình và từ chối lắng nghe sự chân thành từ trái tim mình! Thế nên khi ta lớn hơn một chút ta thường ngồi kể chuyện với nhau tuổi thơ, thời đi học, quá khứ của nhưng gì chân thành nhất.

Đôi lúc cũng lạ lạ là tình bạn cũ, những người bạn chí cốt ngày xưa tự dưng biến mất khỏi cuộc đời ta! Có chăng chỉ còn văng vẳng bên tai vì thông tin của bạn để rồi tự nhiên nó cũng bay theo gió mà trôi đi. Thôi thì ta cũng sẽ trở về với hiện tại, những người bạn đang đồng hành với cuộc sống hiện tại của ta mới là quan trọng trên hết.

Hãy chân thành với hiện tại vì một ngày nào đó nếu đôi lúc tự nhiên tình bạn ấy

mất đi, không còn nữa, ta gọi là hết duyên nhưng tôi dám chắc rằng đâu đó trong sâu thẳm tiềm thức ta cũng sẽ gặp nhau qua những giấc mơ.

Khi đối đãi với nhau bằng trái tim chân thành thì có lẽ ta cũng sẽ dễ dàng chấp nhận ta và bạn chân thành như trời đất mà chẳng cần phân bua, chứng tỏ đúng hay sai khi nói ta về nguồn gốc của ta, ta là ai. Tất cả chỉ là cái tên ta đặt ra mà thôi, quan trọng vẫn là hạnh phúc của bạn.

Ta bước vào đời thì được coi như là đi học xa để lớn lên với hy vọng ta tìm được mục đích sống và giá trị cuộc sống của mình. Mãi bốn ba cho đến một ngày tự nhiên khoảng khắc nhắc lại cái lúc xưa chân thực làm ta mỉm cười và chợt nhận ra cái điều gì mà ta tìm kiếm ở đâu đó cũng thật gần. Chỉ cần bạn sống bằng trái tim dũng cảm và chân thành. Bạn tôi nói phải lắm. Chỉ cần bạn sống bằng trái tim dũng cảm và chân thành.

Tôi ngồi đây lưu lại những dòng chữ này khi chiều trôi theo những cánh chim đang ru mình trên những cột dây điện và những chiếc xe, ồ ạt chen nhau trở về nhà, thưa dần thì màn đêm phủ kín cả bầu trời. Những đêm tháng hai, ở nơi này, màu chủ đạo vẫn là màu nâu xám đen của những cành cây trụi lá hoà với màu khói lam của bầu trời hay màu trắng của tuyết. Tôi cuộn mình trong cái chăn ấm chìm sâu vào giấc mộng. Giấc mộng quê hương ơi, bạn hãy luôn sống bằng trái tim dũng cảm và chân thành.

Đoàn Quốc Bảo

Tháng hai năm 2023, Virginia



Chúng tôi nhận được tin buồn
Phu quân của cựu Giáo Sư Gia Long / biên khảo gia Phạm Thị Nhung:

Ông NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG
Cựu Giảng sư Đại Học Dược Khoa Sài Gòn và Paris

Sinh ngày 1 tháng 7 năm 1935 tại Hà Nội, Việt Nam
Qua đời ngày 22 tháng 1 năm 2023 tại Paris, Pháp Quốc
Tức mùng 1 tháng Giêng năm Quý Mão
Hưởng thọ 89 tuổi

*Nguyện cầu hương linh Ông Nguyễn Đại Dương sớm được
an nghỉ nơi miền vĩnh hằng.
Xin thành kính phân ưu cùng Bà Phạm Thị Nhung và toàn tang quyến.*

Ban Điều Hành /Biên Tập Cơ Sở Có Thơm và một số thân hữu :

*Phan Anh Dũng & Tâm Hào, Phan Khâm, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Trương Anh Thụy, Nguyễn Lân & Diễm Hoa, Tuệ Nga, Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn,
Phạm Gia Hưng, Ý Nguyên & Phạm Bá, Nguyễn Ngọc Hạnh, Nguyễn Văn Sâm,
Trần Quốc Bảo, ÔB Bùi Cửu Viên & Hồng Thúy, Diễm Châu Cát Đơn Sa, Tiểu Thu,
Đỗ Bình, Mây Thu Nguyễn, Nhật Phương, Lê Tông Mộng Hoa, GS Kim Oanh,
Hội Ái Hữu Gia Long Miền Đông Hoa Kỳ ...*



NHỚ VỀ HỌA SĨ THANH TRÍ

Mới đầu năm 2023 mà tôi nhận khá nhiều tin buồn, một số nghệ sĩ tài hoa của Việt Nam Cộng Hòa ở hải ngoại lần lượt ra đi: nhạc sĩ Ngọc Chánh Shotguns, nhiếp ảnh gia Thái Đắc Nhã rồi bây giờ tới họa sĩ Thanh Trí. Tuy biết chị Thanh Trí dạo sau này không được khỏe và ít email qua lại kể từ tháng 6 năm 2022 nhưng khi nhận được tin buồn - từ thi sĩ Tuệ Nga ngày 2 tháng 2 - thì tôi không khỏi bất ngờ và thương tiếc! Chị Thanh Trí qua đời ngày 29 tháng 1, 2023 - hưởng thọ 83 tuổi. Quanh vùng Sacramento nơi chị cư ngụ bị khá nhiều thiên tai, hết cháy rừng tới mưa bão lớn! Mỗi khi nghe tin thời tiết xấu, tôi lại nghĩ tới và cầu nguyện an bình đến những người tôi quý mến ở Sacramento: họa sĩ Thanh Trí, nhạc sĩ Lại Quốc Hùng, nhà văn Trần Kiêm Đoàn ...

Ngược dòng thời gian, được biết chị Thanh Trí và cố họa sĩ Đinh Cường - trong Ban Biên Tập của Cỏ Thơm - khá thân thiết vì cùng học ở Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật thuộc Viện Đại Học Huế và anh Đinh Cường có viết một bài ngắn về người bạn tài hoa: "... *Nguyễn Thị Thanh Trí, người nữ họa sĩ điệu ưu hạng khóa đầu tiên, người của một thời áo lụa vàng và tóc gió thổi bay...*". Tôi đã bắt đầu liên lạc với chị qua emails và thực hiện một trang về chị ở website Cỏ Thơm-SỐ 99

Thơm cũ khoảng năm 2012 thì phải. Chị cũng cho biết nhiều tranh/tài liệu về chị đã được người bạn Đặng Lê Khánh đem về website ở dưới. Chị đề nghị tôi nghiên cứu và đem về website Cỏ Thơm những gì cần từ website đó.

<http://www.art2all.net/tranh/thanhtri/thanhtri.html>

Tôi thích nét vẽ đặc biệt của chị, cũng như cảm phục sức sáng tạo, luôn say mê học hỏi và vẽ cả mấy trăm tác phẩm từ khi tốt nghiệp!

Sau khi biết chủ trương của Cothom Foundation, chị lại còn vui vẽ cho dùng tranh để làm bìa tạp chí (số 80, 85 và 93), đóng góp tranh/thơ cho các trang trong, thí dụ như số 96 và ủng hộ tài chính hàng năm nữa. Tôi cảm động khi chị gửi tặng tôi quyển sách "Thanh Trí, Tranh-Thơ", in ấn khổ to, giấy láng thật đẹp có ảnh đại gia đình hạnh phúc ấm cúng.

Tác phẩm của họa sĩ Thanh Trí phong phú với nhiều thể loại (chân dung, ký họa, phong cảnh, trừu tượng...) và nhiều chất liệu (sơn dầu, màu nước, vải bố, lụa, gỗ ...)

Qua các tài liệu về chị, tôi có chút suy nghĩ riêng: chị là người tình cảm, có TÂM và nhiều nghệ sĩ tính nhưng ít bộc

lộ! Có lẽ vì phong tục/nếp sống Việt Nam và từng ở trong giới mô phạm 24 năm nên chị không thể phóng khoáng, bay nhảy tự do như ý muốn - vì thế chị dùng thơ/hội họa để diễn đạt tâm tư chẳng?

Cảm ơn chân tình và những đóng góp quý báu của chị cho Cothom

Foundation. **Chúng tôi không bao giờ quên những kỷ niệm đẹp với chị.**

Cầu mong hương linh Phật tử Quảng Lạc Tuệ Nguyễn Thị Thanh Trí sớm được an nghỉ vĩnh cửu nơi đất Phật.

PHAN ANH DŨNG

(Rockville, Maryland USA – 7/2//2023)

XEM CHI TIẾT ĐẦY ĐỦ HƠN VỀ HỌA SĨ THANH TRÍ Ở WEBSITE CỎ THƠM

<https://cothommagazine.com/wp/tuong-niem-hoa-si-thanh-tri-1939-2023/>



Được tin buồn:

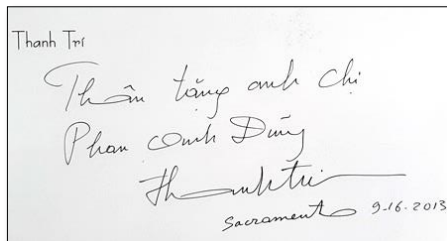
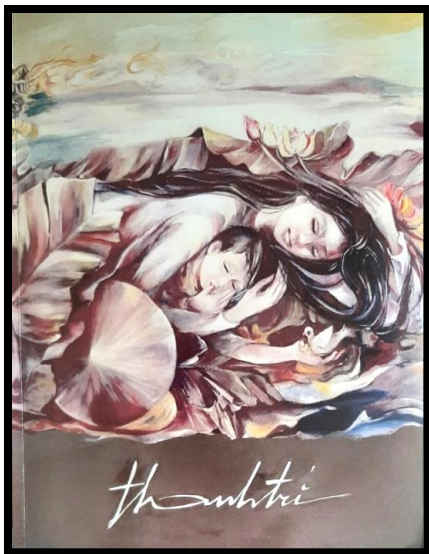
Họa sĩ **Thanh Trí**

Pháp danh: **Quảng Lạc Tuệ**

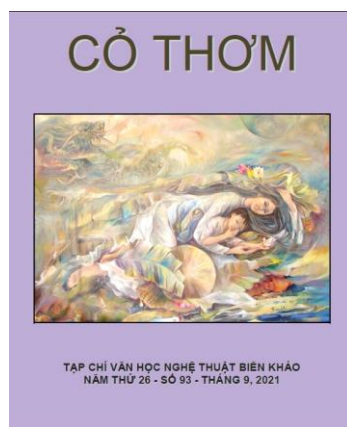
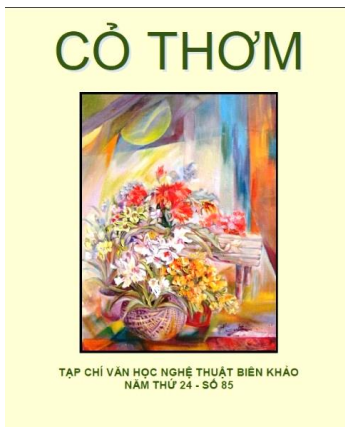
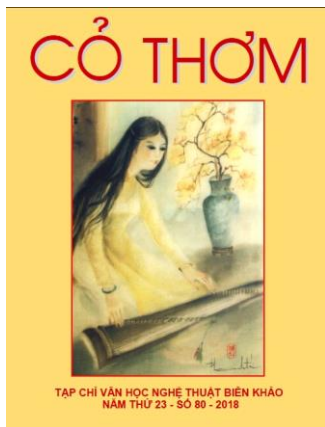
đã tạ thế ngày 29 tháng 1 năm 2023 tại Sacramento, California, hưởng thọ 83 tuổi.

Cothom Foundation thành kính chia buồn cùng anh Đoàn Tư Huyền, các con cháu và tang quyến.

Cầu nguyện hương linh Phật tử Quảng Lạc Tuệ Nguyễn Thị Thanh Trí sớm được an nghỉ vĩnh cửu nơi đất Phật.



Sách “Thanh Trí – Tranh Và Thơ”



TIỂU SỬ HỌA SĨ THANH TRÍ (Diễn Đàn Hoa Sĩ Việt Nam)

- Họa sĩ Thanh Trí, tên thật Nguyễn Thị Thanh Trí, sinh năm 1939 tại Quảng Trị, sống ở Huế, mất ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại Sacramento, California Hoa Kỳ.
- Tốt nghiệp ưu hạng khoá 1 năm 1961 trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ thuật Huế.
- Tốt nghiệp khoá Sư phạm hội họa quốc Gia Cao Đẳng Mỹ thuật Sài Gòn năm 1962.

- Hai mươi bốn năm dạy hội họa tại các trường: Nữ Trung Học Nha Trang, Hàn Thuyên Nha Trang, Nguyễn Du Sài Gòn, Văn Hiến Sài Gòn, và các lớp hội họa.
- Năm 1987 đến Hoa Kỳ. Định cư tại Sacramento, California, Hoa Kỳ.
- Thời gian đầu hành nghề họa sĩ tự do (freelance artist). Tiếp tục tu nghiệp về hội họa và tốt nghiệp Design Drafting năm 1993 tại Cosumnes River College, Sacramento.
- Thanh Trí là họa sĩ vẽ nhiều loại: Màu nước trên lụa, trên giấy; màu dầu trên bố canvas, gỗ. Tranh sơn mài.
- Đã tham dự trên 26 cuộc triển lãm chung và cá nhân tại Việt Nam và nhiều quốc gia.
- Đã được các giải thưởng: The League of Carmichael Artist: Sắc Lặng (Silence Color), Sắc Màu Thiên Nhiên (The Nature's Color); Sacramento Fine Art Center: Lão Già (Old Man); California Art League: Phản Chiếu (Reflection).
- Năm 2004, tác phẩm "Tranh và Thơ Thanh Trí" xuất bản và đăng ký tại Thư viện Quốc Gia Hoa Kỳ.

MƯA ÂM THẦM

Tượng Niệm Họa Sĩ Thanh Trí

**Gió Mùa Xuân! Sao giá băng lạnh ngắt!
Gió u hoài... Thương Tiếc!
Tiếc Người Về !!!**

**Người Về! Thanh Trí ơi.
Thế Là Chị Đã Về Trời!
Đời Xa Cõi Tạm. Chị Về,
Đôi Bờ Sinh, Tử! Cách Biệt Phân Ly!**

**Có biết bao điều mà thế nhân tìm hiểu ...
Đến rồi Đi! Duyên Nghiệp cõi nhân hoàn
Thế SỰ! mang mang ...
Dòng Đời! Như Huyễn!
Đâu có gì bất biến ...**

**Mưa vẫn âm thầm ... Mưa Rơi!
Bút nhòa Lệ! Lệ tràn ...
VĨNH BIỆT BẠN!
THANH TRÍ ƠI!
Một Đời, như Gió Thoảng, Mây trôi,
Một Đời, Như Chiêm Bao, Huyễn Ảnh!
Mưa Vẫn âm thầm ...
Trời hoang vu! Giá lạnh...
Thương Tiếc mãi Người Nhân Ái! Tài
Hoa!**

**Chị Xa rồi, Nhưng Chị còn mãi mãi ...,
Những Tuyệt Phẩm! Tinh Hoa! Mang Sắc
Màu Áo Diệu!
Sẽ Mãi Còn Trong Kho Tàng Văn Hóa Nghệ
Thuật Việt-Nam!
Lời Tiếc Thương! Xin Gửi Gió Ngàn ...
Thanh Trí ơi! Vô Vàn Thương Nhớ Chị!
Ai Mơ Cuộc Đời Thiệu Mỹ ...
Ta mãi Còn Thơ, Còn Nhau!
Hẹn nhau, mình lại gặp nhau
Liên Hoa Tái Ngộ!
Nhiệm Màu ... Xuân Hoa!**

**Giác trần một thoáng Mây qua,
Một Vì Sao! Vút Ngân Hà thênh thang ...
Nhiệm Huyền Ánh Sáng Từ Quang!
Trời Hoa Bát ngát!
Kính Vàng Dâng Hương**

Tuệ Nga

Tây Bắc Hoa Kỳ, 3 tháng 2 năm 2023

TÌM VỀ NGHỆ THUẬT

**** Thanh Trí ****

<http://www.art2all.net/tranh/thanhtri/timvenghethuat.html>



Thuở ấy tôi thường thích đạp xe lang thang bên bờ sông Bến Ngự để được đi ngang qua nhà ông Viễn Đệ. Nơi tôi hay thả hồn rong chơi, dưới những tàn

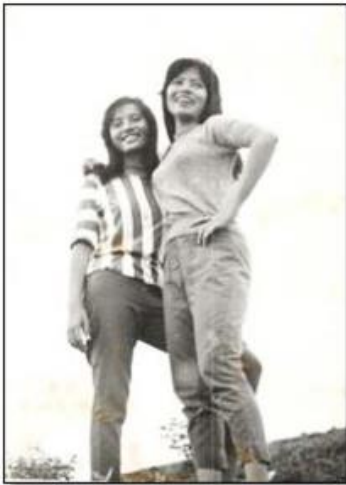
lá um tùm đầy hoa thơm cỏ lạ. Cảnh trí nơi đây thật kỳ bí, tạo nên nhiều huyền thoại cho chủ nhân ngôi nhà đồ sộ này. Ông thuộc giòng họ quý tộc, con vua cháu chúa.

Thật là lạ lùng, một hôm chưa đạp qua khỏi khu vườn, ánh mắt của tôi đã chạm phải một tấm bảng thật to, màu trắng mới toanh chưa đọng một giọt bụi, giọt sương, giọt thời gian nào. Tôi có cảm tưởng tôi là người đầu tiên dừng lại, ngẩng mặt chăm chú nhìn chiếc bảng, hay nói đúng hơn là chiêm ngưỡng mấy chữ viết trên đó. Rồi tự nhiên tôi cảm thấy quá xúc động. Lúc tôi nhắm đọc lại từng chữ để được thấy tên trường một lần nữa, **TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ THUẬT HUẾ**, thuộc **Viện Đại Học**, là chiếc bảng sờ sờ trên cổng của một dãy lầu hai tầng, có cây sanh cành rể mọc từ trên cao buông rơi xuống, trông thật ma quái trước mắt chứ không phải tôi nằm mơ. Tôi còn biết cây sanh này thuộc

vùng đất Viễn Đệ, nay bị tường vô ngăn cách, đã trở thành cái gốc dựng xe đạp của dãy nhà này. Mấy chữ CAO ĐẲNG MỸ THUẬT như có một mãnh lực thu hút. Tôi vội vàng dắt xe vào và dựng ở gốc cây, quên cả khoá lại, manh dạn bước vào văn phòng xin đơn để vào học (tính nhút nhát thường nhật như biến đâu mất). Ra khỏi văn phòng với tờ đơn cuộn lại, tôi đạp như bay về nhà để tin cho mẹ biết. Mẹ vốn đã biết rõ cô con gái út nhiều tật xấu già cười tươi khóc, chưa nói đã cười, khôn nhà dại chợ, sợ mọi thứ mọi loài, nhưng rất khéo tay, vẽ đẹp, khắc phấn cũng giỏi. Mẹ thường khen con gái có hoa tay, nay thích học Mỹ Thuật là đúng quá rồi. Mẹ để cho tôi nộp đơn xin học. Mẹ chỉ hỏi: “Học đến khi mô mới xong?”. Tôi đâu dám nói thời gian học, vì thời gian học quá dài, dài tới bốn năm. Sợ mẹ lo rồi suy đi nghĩ lại, biết đâu mẹ sẽ đổi ý, không cho nộp đơn thì nguy to. Tôi sẽ buồn và tuyệt vọng! Tôi chỉ dạ dạ và giả vờ cà lăm ...một... một... một... một... một... một... một... một... là xong mẹ nờ, thoáng thấy mẹ cười không biết mẹ có hiểu cái cà lăm của tôi là là là bốn không hí? Tôi đâu dối mẹ, tôi len lén lúi nhanh ra vườn để mẹ cho qua chuyện này.

Ngày nhập học thật là vui. Tôi gặp vài bạn cũ ở Đòng Khánh, và nhiều nam sinh ở các trường xa gần Huế hay các tỉnh khác đến. Cũng có một vài người

lớn tuổi cùng theo học chung. Lớp học thật đông, cuối năm lại phải qua một cuộc thi. Trong số đó chỉ trên mười người chúng tôi được chọn vào năm thứ nhất (khóa 1) của trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế mà thôi. Từ đó chúng tôi xem nhau như anh chị em, tình bằng hữu thật thấm thiết.



Niềm vui đến với tôi qua từng ngày, từng tháng năm. Qua từng môn học. Môn học

nào cũng mới lạ, Càng học càng đam mê vẽ vời. Càng đặt hết thời giờ tâm trí vào, tôi lại càng nhận thức được cái đẹp. Ví dụ như vào những buổi đi vẽ phong cảnh. Chúng tôi sống với thiên nhiên. hoà mình với cỏ cây mây nước. Tôi nhìn quanh, cái chi cũng đẹp, cũng lạ, cũng là một nhà nghệ thuật, nhà sáng tạo. Tôi lại càng yêu vạn vật, yêu muôn sắc, muôn thể của thiên nhiên...

Tôi một loài yêu thương nghệ thuật lại gặp được môi trường nghệ thuật để khôn lớn, để trưởng thành dưới sự đào tạo của các thầy. Tôi thường nghĩ thầy là người khai tâm, chỉ lối cho mình đi đúng trong những bước đầu tiên rất cần yếu và tạo cho mình một sự tự tin. Các thầy dạy lại xuất thân từ trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương tại Hà Nội, hay ở Đại học Bắc Kinh, hay từ các trường beaux-arts ở Pháp trở về dạy thì còn gì sung sướng và hãnh diện bằng. Cảm thấy mình quá may mắn, có thầy giỏi ắt hẳn tôi sẽ làm nên cái nghiệp của tôi như câu châm ngôn đã được nằm lòng.



Ngày hai buổi suốt bốn năm học hành, với tâm niệm thành hoạ sĩ. Với tâm hồn son trẻ, khoẻ mạnh, hồn nhiên, yêu đời. Tôi đã phác hoạ chân dung tôi giữa trời bao la và gởi vào hư không lời nói vô âm, như nói với chính mình: **“Rồi một mai tôi thành hoạ sĩ. Giá vẽ bút cọ với bảng màu. Lang thang khắp chốn trần gian. Tình nghệ sĩ như phấn hoa vàng gởi gió”**.



Ngày tốt nghiệp đã đến, mảnh bằng đã cầm trong tay. Hạnh phúc và sung sướng biết bao, vì nghĩ mộng đã thành. Nhưng than ôi, vừa cởi chiếc áo sinh viên Cao đẳng Mỹ Thuật lại phải đội ngay vào chiếc mũ mô phạm, vành rộng che lấp cả một góc trời tâm tưởng của tôi. Nhưng biết làm sao, số phận đã an bài. Tôi phải rời xa Huế vào Trường Cao Đẳng Mỹ thuật Sài Gòn học khoá Sư Phạm Hội Hoạ rồi vào Nha Trang để dạy.

Ngày đầu tiên đi dạy. Tôi buồn lắm không dậy nổi... Nhưng rồi cái chi đến sẽ đến, và tôi cũng làm tròn chức năng với cả tấm lòng chơn chất. Mặc dù trong tôi có bao cảm nghĩ chợt đến chợt đi, chợt vui chợt buồn. Nhìn hoa tường minh là hoa sớm nở chiều tàn. Nhìn chim bay giữa trời, mơ ước mình là loài dã thú. Có lúc vào lớp dạy học trò mà

tưởng mình là chim bị bắt nhốt vào lồng diễn tuồng cho đám trẻ ngồi xem. Ngày lại ngày bấy nhiêu điều phải nói phải làm.

Nhưng tôi đã làm với cả tâm ý vì nghệ thuật. Vì tình yêu nghệ thuật của tôi, nên muốn các em hiểu nhiều về môn hội hoạ mà các em đang học. Hay nói đúng hơn là học cách chơi, cách nhìn cảnh vật, góp nhặt, ghi chép đùa vui với màu sắc, đường nét cho thư giãn tâm trí của các em. Sau những môn học khác phải nặn óc, bút tai quá căng thẳng, học một môn

chơi bỏ ịch, chơi trong nghiêm túc và kỷ luật. Vốn là người có trách nhiệm, từ từ tôi cũng thích nghi với môi trường sống mới. Tôi thương yêu các khuôn mặt thơ ngây, những ánh mắt vui tươi, những nghịch ngợm nhưng không thiếu sự lễ độ. Đó là cái dễ thương của các em nữ sinh Nữ Trung Học Nha Trang, trường đầu đời tôi dạy. Và quý mến cái thân tình gần gũi của các bạn nhà giáo đồng nghiệp, bản tính hồn nhiên, lại trở về trong tôi tuy thuở ấy tôi rất bận rộn. Cái chất lãng tử trong hồn nghệ sĩ tuổi đôi mươi, hăm mấy ấy của tôi cũng đã ngủ yên lành trong nếp sống bình an hạnh phúc gia đình, trong học đường, ngoài xã hội, cùng lớp lớp học trò thân thương.

Vừa được mười ba năm thì vận nước ngã nghiêng, biến đổi sao đời!!!

Rời xa Nha Trang vào dạy Sài Gòn. Thành phố này là trung tâm Mỹ Thuật của miền Nam Việt Nam trước đây. Không khí nghệ thuật còn đầy ắp. Tôi lại có dịp hít thở. Có dịp cầm bút cọ bảng màu. Vừa đi dạy tại trường trung học Nguyễn Du, vừa cùng nhóm họa Sĩ Sài Gòn vẽ vờn để quên đi sự mất mát đời đời !!! (giai đoạn này đã để lại trong lòng tôi bao kỷ niệm khó quên, bao chuyện cười không hề môi, cũng lắm trận khóc không nước mắt, và đó cũng là những điều dạy tôi khôn lớn, chừng chạc hơn. Ngoài ra trong đoạn đời đầy khúc khuỷu này, tôi cũng đã gặp gỡ những bằng hữu tuổi bằng anh bằng chị chân tình đầy ắp, tri tâm trân quý một đời thương tưởng.

Nhằm tính lại sau gần 24 năm đi dạy, tôi mới trở lại với nghệ thuật... với gói hành trang cũ kỹ, nhòa màu tuổi trẻ nhưng không sao nhờ kinh nghiệm trường đời. Hành trang của tôi lại đầy ắp những cảm nhận, cảm quan và cả cảm xúc trực tiếp về những vai trò tôi đã mang: người mẹ, người cha (chồng tôi ở tù, tù cải tạo) vợ "nguy", thầy giáo, người lao động, nghệ sĩ, người vẽ tranh phong cảnh xuất khẩu, và mẫu guốc cho Ngoại Thương. Mỗi vai trò để lại bao kỷ niệm khó mà quên được (hay nói đúng hơn, ngày càng đậm nét vui buồn của một thời còn son trẻ, hoạt động không ngừng nghỉ ...) Thời gian này tôi đã sáng tác rất nhiều tranh: Tranh màu nước trên lụa, trên giấy; vẽ sơn dầu trên bố, trên gỗ; sơn mài; vẽ chân dung. Tôi đã sáng tác trong đam mê, trong sự khuyến khích của bạn, và giới thưởng lãm, du khách, các nhà sưu tập tranh nhiều nước về mua.

Cuộc sống của tôi lại đổi đời, một lần nữa tôi đã ra đi... Dù đời có đổi nhưng tôi vẫn không nguôi tìm về nghiệp dĩ, cái nghiệp mà lắm lúc bị cắt khúc nối đoạn. Qua mỗi đoạn, mỗi tuổi đời, mỗi chặng đường nghệ thuật, tôi có mỗi suy tư, mỗi cảm nhận khác nhau. Và tôi không quên tích lũy giữ gìn nó như một hành trang quý giá của mình.



THANH TRÍ

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI
“Việt-Nam và Công Cuộc Duy-Tân”
do Ngô Thị Quý Linh biên soạn

Người Việt hải ngoại chúng ta ngay lúc mới đặt chân trên miền đất mới đã cảm thấy nhu cầu tìm hiểu về căn cước của mình. Lần đầu mình đối diện với những dân tộc khác, những nền văn hoá khác, không còn thuộc nhóm đa số của dòng chính trên đất nước mình mà trở nên một thiểu số trong một đất nước mệnh mông và đa dạng như Hoa Kỳ, hay thậm chí trong một nước với dân số không lớn như Pháp, Úc, Anh, Đức.

Một trong những việc đầu tiên của người mới nhận ra địa vị "thiểu số" của mình là tìm hiểu về lịch sử, văn hoá của dân tộc của mình, ngay khi mà mình không còn tham gia trực tiếp trong dòng chảy của nó nữa, và oái oăm thêm, là ngay lúc mà trào sử học thế giới đang tháo gỡ, "deconstruct", những quan niệm cố hữu của chúng ta về quốc gia, dân tộc và văn hoá, trong khi trong nước lại đưa ra một "chuyện kể" (narrative) về lịch sử nước nhà hoàn toàn khác hay trái ngược với những gì chúng ta đã quen thuộc trước tháng 4 năm 1975.

Cho nên, người đọc sử Việt sẽ thấy mình may mắn tìm được tác giả Ngô Thị Quý Linh. Chị là một trong những cây viết nữ hiếm hoi về các đề tài lịch sử Việt Nam, viết khách quan, "nghiêm túc" theo lối nói hiện nay, và "nói có sách, mách

có chứng", với nhiều nguồn tham khảo từ sách báo tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh mà chị đã cố gắng thu thập từ các thư viện lớn ở Mỹ ngay từ ngày mới định cư. Trước cuốn "Việt-Nam và Công Cuộc Duy-tân", Quý Linh từng xuất bản "Lịch sử Việt Nam, từ thuộc Pháp đến độc lập 1858-1945" (2002). Ngoài ra chị còn là tác giả của "Sử Xanh Lưu Truyền" (1991), và "Lược Sử Triết Lý Giáo Dục Việt Nam" (1997).

Ngay trước khi đột ngột rời Việt Nam cùng với gia đình ngày 29 tháng 4 năm 1975, Quý Linh vẫn còn làm việc trong phòng cấp cứu tại Bệnh Viện Bình Dân với tư cách một sinh viên năm thứ hai tại Đại Học Y Khoa Sài Gòn. Có lẽ vì sự mất mát quê hương "không một lời từ biệt", bàng bạc trong các bài viết của chị (cũng như của phu quân, Bác sĩ Đỗ Hoàng Ý, một bác sĩ chuyên về giải phẫu mắt nhưng nặng lòng với sử học), là một tấm lòng tha thiết với quê cha đất tổ và biết ơn tiền nhân vẫn còn rất rõ nét dù đã mấy mươi năm tha hương.

Sự trân trọng đối với tiền nhân, tiền đồ của nước Việt biểu lộ mạnh mẽ qua cách trình bày cuốn sách. Hình bìa màu, trang nhã, với bức tranh mộc bản màu do con gái chị, Đỗ Quý Linh Đan, thể hiện đời sống miền bắc vào đầu thế kỷ

thứ hai mươi. Trang bìa báo hiệu những trang trong phong phú hình ảnh đen trắng cũng như màu từ nhiều nguồn gốc, các sách báo tiếng Pháp xưa, các trang báo tiếng Việt hơn nửa thế kỷ trước, tranh của họa sĩ người Mỹ Robert Boyle và Mac Gowen, chứng tỏ tác giả làm chủ một bộ sưu tập rất đáng nể về hình ảnh lịch sử Việt Nam.

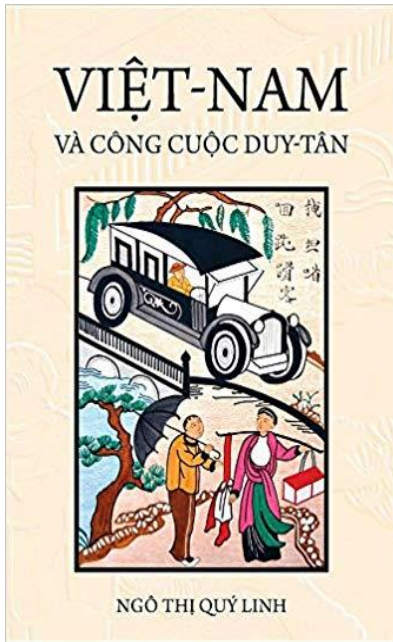
Nói về nội dung giữa hai trang bìa xinh xắn đó, đề tài "duy tân" ở đây được hiểu rộng rãi, bao gồm các khía cạnh văn hoá, xã hội trong công cuộc Âu hoá, tây phương hoá, canh tân hoá của Việt nam từ lúc bắt đầu Pháp thuộc cho đến năm 1945, hơn là chỉ giới hạn trong khía cạnh chính trị của những vận động như phong trào Duy Tân văn số (1906-1908) của Phan Chu Trinh, phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, hay các hoạt động liên hệ tới vua Duy Tân (như từ *westernization* và *modernization* mà tác giả dùng trong bài giới thiệu sách trên trang mạng Amazon).

Tác giả khéo léo dẫn dắt chúng ta vào bối cảnh của giữa thế kỷ thứ 19 lúc Tây phương tấn công vào các nước Á đông nhất là Việt Nam, tình trạng nước Tàu bị xâu xé, nước Nhật bắt buộc phải mở cửa trước nòng súng của chiến hạm Mỹ, kinh nghiệm đối phó của hai nước này, cũng là gương cho sĩ phu Việt Nam cố gắng noi theo; và sau đó những bài học từ văn minh, văn hoá Pháp; để đi đến những hướng đi mới cho "Duy Tân", "Âu

Hoá" và "Điều Hoà" cho một nước Việt Nam mới.

Trước Quý Linh, một số học giả người Mỹ đã nghiên cứu về các biến chuyển trong xã hội Việt Nam dẫn đến những cuộc thay đổi lịch sử năm 1945, khi thế chiến thứ hai chấm dứt, Đế Quốc Nhật sụp đổ và hai cuộc chiến Việt Pháp, Việt-Việt-Mỹ bắt đầu, kéo dài trong 30 năm. Ví dụ *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945* (1981) và *Vietnam 1945* (1995) của David G. Marr là những khảo cứu có tính cách kinh điển và khá đồ sộ. Tuy nhiên, đọc sách của Quý Linh vẫn thú hơn, vì văn lưu loát nhẹ nhàng; các trích dẫn trong nguyên văn tiếng Việt không phải qua bản dịch tiếng Anh; người đọc không thấy nặng nề với các chú thích nặng phần kinh điển; những hình minh hoạ hiếm và đẹp (tuy đôi khi, có lúc không ghi ngày xuất bản, thiếu phần dịch ra tiếng Việt các phụ đề hay đoạn trích dẫn tiếng Pháp). Quan trọng hơn hết, vì sách do một học giả người Việt, viết với trái tim Việt, và do đó hiểu tâm tư, nhu cầu tinh thần, tình cảm của người Việt lúc tìm về cội nguồn, và như tác giả viết trong bài kết "**nhìn lại công trình, cống hiến và hy sinh đã qua của sĩ phu duy tân và trí thức tân học trước năm 1945, chúng ta mang lòng cảm phục và nhớ ơn họ vô vàn.**"

Hồ Văn Hiến - Great Falls, Virginia
Ngày 16 tháng 2, năm 2019



VIỆT-NAM VÀ CÔNG CUỘC DUY-TÂN

Tác giả: NGÔ THỊ QUÝ LINH

Một nước Nhật Âu-hóa chiến thắng Trung-Hoa (1894) và Nga (1904-1905), việc bãi bỏ khoa cử nho-học ở Trung-Hoa (1905), tiến đến cuộc Cách-mạng Tân-Hội (1911) đã khiến cho cả Á-châu bị lôi cuốn mãnh liệt vào trong làn sóng Âu-hóa. Khoa cử nho-học ở Việt-Nam bị bãi bỏ với khoa thi cuối cùng năm 1918. Một thế hệ tân-học hoàn toàn Âu-hóa tốt nghiệp vào cuối thập niên 1920 và đầu thập niên 1930; những thế hệ tân-học kế tiếp thay phiên nhau đem đến những sự thay đổi cho xã hội Việt-Nam, từ phong tục, tập quán, tư tưởng cách sống, đến chế độ chính trị, học vấn, v.v...

Qua biên khảo này, chúng tôi cố gắng hình dung con đường duy-tân mà tiền nhân đã bắt đầu từ hơn một thế kỷ nay. Sách dày 230 trang, có nhiều tranh vẽ nghệ thuật, tranh khắc trên đá, tranh thêu, hình ảnh cổ vật, rất nhiều hình ảnh và tài liệu từ các sách báo xưa hơn 100 năm.

At the end of the nineteenth century, a wave of Westernization swept all of Asia into movements of reform: Japan defeated China in the war in 1894 and overcame the Russian fleet in 1904-1905; and China abolished the civil service examination system in 1905, followed by the Chinese Revolution of 1911. Vietnam in turn abolished the civil service examination system in 1918. A new generation of completely Westernized intellectuals graduated from the colonial school system at the end of the 1920s and into the early 1930s. This generation and the following have brought successive changes to Vietnamese society, influencing customs, thinking, way of life, education, literature, politics, and more. In this work of research, we attempt to understand the Road to Modernization that began more than a century ago.

Hình bìa và các tranh trong sách đều in màu. Khổ sách: 6 in. x 9 in. Phát hành trên Amazon. Cùng một tác giả: PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM (2021)

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO

(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

.....

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date):

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỔ THƠM, kể luôn cước phí media mail
PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost
Nội địa Hoa Kỳ (in USA): US \$ 40 – Ủng hộ: US \$ 50
Ngoài Hoa Kỳ: xin viết thư cho dathphan1@gmail.com

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

Trên Tạp Chí Cổ Thơm (7" x 8.5")

1/2 trang trong: US \$ 30

1 trang trong: US \$ 60

Trang trong bìa trước: US \$ 100

Trang trong bìa sau: US \$ 100

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION
105 WINDY KNOLL DR
ROCKVILLE, MD 20850
USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TẠM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

TẠP CHÍ CỔ THƠM ĐƯỢC IN TẠI:



**CT PRINTING
& GRAPHICS**

<http://ctprintingmd.com/>

10218 New Hampshire Ave, Silver Spring, MD 20903
phone: (301) 431-0025 /fax: (301) 431-0907